VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

dario fo, nobel văn chương 1997
ngu yên

nhận xét về câu thơ truyện kiều
tạ quốc tuấn
vài điều về thơ nôm nguyễn trãi
nguyễn đình-hoà
đọc the birth of vietnam
tạ chí đại trường

truyện
mai kim ngọc • vy • trần doãn nho
tâm thanh • ngụ thuyết • jorge luis borges

thơ
nguyễn xuân thiệp • lê nguyễn • ngu yên
khoa hữu • nghiêm xuân hồng • hoàng xuân sơn
luân hoán • nhu chi • phan minh khánh
cao thị nguyệt lãng • đặng thị quế phượng

SỐ 139 • THÁNG 11 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone & Fax: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 139 ● tháng 11, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYÊN	3	dario fo, người hề nobel
NGUYỄN XUÂN THIỆP	18	*con chim màu đỏ...*
TẠ QUỐC TUẤN	20	nhận xét về câu thơ truyện kiều
LÊ NGUYỄN	36	*sông núi*
NGUYÊN	37	*thời bình thản*
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	38	đọc muộn The Birth of Vietnam
KHOA HỮU	46	*gửi lệ khi ở kó*
HOÀNG XUÂN SƠN	47	*ngày hạn, mình như, cây kiểng*
NGUYỄN ĐÌNH HÒA	48	vài điều về thơ nôm nguyễn trãi
LUÂN HOÁN	52	*những cọng lục bát tháng 9*
MAI KIM NGỌC	54	phán xét
TRẦN MỘNG TÚ	80	*mưa đầu thu*
NHƯ CHI	81	*dường như là tuyệt vọng*
NGỰ THUYẾT	84	mai
PHAN MINH KHÁNH	99	*lời cổ thạch*
VY	100	nói với cha
NGHIÊM XUÂN HỒNG	108	*tàn thiên niên kỷ*
JORGE LUIS BORGES	109	phép lạ bí ẩn
NGUYỄN QUỐC TRỤ dịch		
CAO THỊ NGUYỆT LĂNG	115	*thuyền giấy*
TÂM THANH	116	mây
ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯỢNG	129	*thiên nga, trung niên*
TRẦN DOÃN NHO	130	khoảng trống bâng khuâng
NGUYỄN QUỐC TRỤ	140	tạp ghi
VĂN HỌC	152	trao đổi ý kiến
VĂN HỌC	156	thư tín
VĂN HỌC	158	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Thư tòa soạn

Văn Học

Hằng năm cứ đến tháng Mười, chúng ta lại có dịp chờ đợi Hàn Lâm Viện Thụy Điển công bố danh tính nhà văn được vinh dự lãnh giải Nobel Văn chương. Nói chung, đối với đa số bạn đọc, những tên tuổi được tuyên dương đều rất xa lạ, nhất là những nhà văn không ở trong khu vực văn hóa dân tộc Việt Nam từng tiếp cận. Dario Fo nằm trong trường hợp ấy. Văn Học phải nhờ nhà thơ Ngu Yên tra cứu sách vở tài liệu ở thư viện để viết một bài giới thiệu Dario Fo tương đối cặn kẽ hơn những bài báo thời sự. Vì bài viết cần đăng cho kịp thời sự về Giải Nobel Văn chương năm nay, tòa soạn phải gác lại hai bài nghiên cứu của Đoàn Xuân Kiên và Nguyễn văn Sâm. Xin cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc.

Phần thơ trên số này khá phong phú, với sáng tác của các nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp, Lê Nguyễn, Ngu Yên, Khoa Hữu, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Như Chi, Trần Mộng Tú, Phan Minh Khánh, Nghiêm Xuân Hồng, Cao thị Nguyệt Lãng, Đặng Thị Quế Phượng.

Phần truyện, Văn Học hân hạnh giới thiệu nhà văn Tâm Thanh ở Na Uy, lần đầu cộng tác với Văn Học với truyện ngắn *Mây*. Tháng Mười Hai, Văn Học sẽ giới thiệu một truyện ngắn khác của Tâm Thanh, để bạn đọc thấy vì sao Ban Biên tập vui mừng có một nhà văn như Tâm Thanh cộng tác. Ngoài các truyện ngắn của Ngự Thuyết, Trần Doãn Nho, Vy, Tâm Thanh, và truyện dịch của Jorge Luis Borges, đặc biệt còn có truyện mới *Phán Xét* của nhà văn Mai Kim Ngọc, trong Ban Chủ biên tạp chí.

Từ nay tới cuối năm, Văn Học sẽ phát hành hai số báo nữa: số 140 tháng 12.1997 phát hành đầu tháng 12; và số Xuân 1998 phát hành cuối tháng 12.1997.

Xin quí văn hữu gửi bài báo Tết về sớm để việc chuẩn bị số báo Xuân chu đáo hơn.❐

Dario Fo Người Hề Nobel

Ngu Yên

Trần gian là một sân khấu
Sân khấu là một trần gian để giải sầu
(Howard Dietz) (1)

Sau khi những người hề vĩ đại như Laurel và Hardy, Charlie Chaplin, Fernandel, Harold Lloyd ...vv... qua đời, hiện nay không có người hề nào đủ tài năng chọc cười cả thiên hạ, bất luận ngôn ngữ. Trần gian vốn là một sân khấu. Người ta có thể tuyển chọn nhiều tài tử thượng thặng, nhiều kịch sĩ trứ danh, nhiều ca sĩ dĩa vàng, nhiều chính trị gia lỗi lạc, nhiều triết gia bất tử, kể cả những tên cướp phi thường nhưng tìm một tên hề độc tiếu có tầm vóc quốc tế, không phải dễ. Cười là một nhu cầu cần thiết của nhân loại. Sự thiếu vắng những thiên tài làm cho kẻ khác bật cười, có phải là điều đáng thắc mắc trong những thập niên gần đây?

Có phải có một ý nghĩa nào mà Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã hai năm liên tiếp trao giải Nobel văn chương cho hai người có khả năng khôi hài? Nobel 96 cho thi sĩ Wislawa Szymborska, thơ của bà được ví như những nụ cười mỉa mai tế nhị. Trong khi Nobel 97 được trao cho kịch gia kiêm kịch sĩ Dario Fo, người được mệnh danh là tạo ra những trận cười sâu sắc và cay nghiệt. Có phải hành động này nhằm nhắc nhở chúng ta nên xét lại những quan niệm về nụ cười và công dụng sâu xa của nó? Cười là thái độ phản kháng hoặc chấp nhận những đối tượng bị châm biếm, mỉa mai?

Về tính chất khôi hài trong văn chương của ông Fo, Hàn Lâm Viện nhận xét: "*Lẫn lộn giữa tiếng cười và sự nghiêm trọng, ông đã mở mắt cho chúng ta thấy những lạm quyền và bất công trong xã hội...*" Hầu hết những tác phẩm lớn về hài hước đều có tính bi kịch. Sân khấu vốn là một trần gian thâu nhỏ. Nơi không phải dùng để diễn lại những tuồng kịch

giống như đời sống mà dùng để chia sẻ đời sống, mua vui hoặc giải sầu. Những người hề lớn đều là những người phản kháng lại những tệ đoan của thời đại, những quyền lực áp chế, những xã hội thiếu nhân quyền...như hề Charlot chống lại những tệ trạng của nền văn minh sau thời cách mạng cơ khí ở Âu châu. Dario Fo cũng không phải là ngoại lệ. Ông biến sân khấu thành nơi gây hấn với hữu phái trong chính trường ở Ý, châm chọc uy quyền của Giáo hội La Mã, chống bọn khủng bố, chống tài quyền của giới tài phiệt ....Ông vừa là kịch gia vừa là kịch sĩ. Sáng tác xong tự mình diễn tuồng, mang cái khôi hài từ trong lòng ra thẳng hành động, biến tư tưởng phản kháng thành những hành vi châm biếm cụ thể, do đó vũ khí nụ cười của ông còn nguyên cá tính, tấn công sắc sảo và chính xác. Ông lại tạo ra một số kỷ thuật riêng về ngôn ngữ, hành động diễn xuất cũng như kịch bản, khiến cho những lời nói hai nghĩa, những hoạt cảnh không lời, những diễn tả bất ngờ, những biểu tượng ẩn dụ rất đặc thù và có giá trị sáng tạo. Tờ New York Times nhận định: *"Qua sự tuyên nhận ông Fo, Hàn Lâm Viện Thụy Điển mở rộng biên giới của văn chương và tăng cường sự cấp thiết của sân khấu. Chính thức hóa nghệ thuật trình diễn, thừa nhận sự đóng góp của hài kịch và phần nào những châm biếm chính trị..."*. Cũng từ khía cạnh này, câu hỏi được đặt ra: giải thưởng Nobel nhằm trao cho kịch gia hay là kịch sĩ?

Nếu để trao cho một kịch gia, bên cạnh những tài năng lớn về kịch nghệ đã lãnh giải Nobel như Samuel Beckett và Luigi Pirandello, báo chí cho rằng ông Fo giống như một người đến từ hành tinh khác. Câu trả lời của ông cũng rất độc đáo. Ông nói, được đứng chung với những nhân vật trên, ông có một "*cảm giác không rõ ràng*". Chúng ta có thể tưởng tượng cái cảm giác ấy là một tình trạng lẫn lộn giữa hoài nghi và hãnh diện, cộng thêm ý muốn mỉa mai. (2)

Nếu để trao cho một kịch sĩ, báo chí ghi nhận, đây là lần đầu tiên giải Nobel Văn Chương được đến tay một diễn viên vừa là một tên hề.

Giám đốc hí viện nổi tiếng, ông Giorgio Strehler, nói về giải Nobel trao cho ông Fo, làm tăng thêm giá trị văn chương Ý quốc và nghệ thuật sân khấu.

Một vị giám đốc lão thành khác của Piccolo Teatro ở Milan góp phần: *"Với Dario Fo chúng ta hãnh diện là người Âu châu và là người của hí viện."*

Tin Nobel 97 được tờ báo L'Osservatore Romano của Tòa Thánh Vatican bình luận: *"Trao giải thưởng cho một tác giả có những tác phẩm cần được xét lại là một chuyện vượt ra ngoài trí tưởng tượng."*

Nhà phê bình văn chương ở Ý, Carlo Bo, lên tiếng: "*Chẳng ai có thể*

tin nổi. Điều này có nghĩa gì? Tất cả đều thay đổi, kể cả văn chương."

Chủ bút của tờ báo Rome Newspaper Il Messaggero, ông Marcello Veneziano, người thuộc hữu phái, cho rằng, người ta đã in lầm tên Dario Fo trúng giải Nobel. Ông nói: *"Tôi nghĩ hắn là một kịch sĩ lớn nhưng mỗi người phải được công nhận cho đúng giá trị riêng của họ."*

Tựu trung những dư luận chống đối nhằm công kích vào ba mặt khác nhau. Thứ nhất vì ông Fo là người tả phái, đã từng làm đảng viên Cộng Sản, ông theo sát châm chọc hữu phái và bênh vực cho giới thợ thuyền công nhân. Hàn Lâm Viện có thông điệp chính trị nào đối với Cộng Sản hay không? Thứ hai, ông Fo cũng thường xuyên động chạm đến Giáo hội Công giáo. Ông hay trực tiếp công kích toà thánh La Mã ở Rome, gián tiếp chế giễu Thượng Đế. Hàn Lâm Viện vô tình hay cố ý nhìn nhận "kẻ rối đạo" này? Thứ ba, nhiều nhân vật có tiếng tăm trong giới phê bình và văn giới quốc tế cho rằng có nhiều người khác như thi sĩ vị lai kiêm kịch gia Vladimir Mayakovsky, nhà văn William Trevor, nhà văn Umberto Eco.....xứng đáng hơn để lãnh giải Nobel năm nay. Liệu giải Nobel 97 có trao lầm người hay không? Tưởng cũng nên nhắc lại giải Nobel văn chương từ năm 1901 đã nhiều lần định trao cho nhà văn Leon Tolstoy nhưng bị phản đối mãnh liệt. Cho đến khi qua đời, 1910, nhà đại văn hào này vẫn chưa được Hàn Lâm Viện Nobel chính thức công nhận. Vậy thì ai lầm?

Trần Gian và Sân Khấu

1.

Cứ tưởng tượng mặt trời là đèn đỏ, mặt trăng là đèn xanh và quả đất là sân khấu. Từ con người đầu tiên xuất hiện, chúng ta như những diễn viên ngày đêm chăm chỉ thay nhau kéo ra diễn xuất, dù muốn hay không. Tất cả những vui buồn đau đớn máu lệ ấy xảy ra dù ngắn ngũi phù du vẫn vui buồn đau đớn máu lệ thật cho mỗi người trong vai trò của mình. Chồng tôi chết ở chiến trận Đồng Xoài. Bố tôi đi tù chôn mất xác ngoài Việt Bắc. Vợ tôi bị hải tặc hãm hiếp khi vượt biên. Những chuyện ấy, kịch sao? Ấy vậy mà là kịch. Kịch mà buồn khổ vô tả. Sống suốt một vai tuồng biết oán hận ai? Ai bày ra bạo quyền Cộng Sản? Ai chủ trương chuyện giết người? Ai viết kịch bản cho tôi, cho anh, cho em được khóc được cười được no được đói? Ai? Ai? Và tôi làm gì được với những kẻ ấy? Tôi chấp nhận, thần phục hay tôi chống đối?

Dario Fo chống đối.

"Hắn là người gây ra nhiều rắc rối và hãnh diện về việc ấy." Rick

Lyman, bình luận viên của New York Times.

Có được bao nhiêu người đủ sức làm rất rối gây nên chuyện đổi thay lớn? Và nếu có, những người này có lẽ cũng chỉ đóng cho trọn vai trò của họ đã được định sẵn. Hễ là hành động là thuộc về định mệnh. Lịch sử thuộc về định mệnh. Xã hội chính trị kinh tế thuộc về định mệnh. Thoát ra chăng là sự sống trong thế giới tưởng tượng. Chính ở nơi này, người nghệ sĩ thực hiện quyền sáng tạo của mình để xây dựng một thế giới tách lìa mạng lưới thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu. Trong thế giới này, mọi hành động đều hiện hữu nhưng không hiện thực nên không bị định mệnh điều khiển. Cũng là nơi duy nhất con người có thể chống lại số mạng.

Cũng ở nơi này, Dario Fo biến sân khấu trở thành những trần gian nhỏ. Ông tạo ra những nhân vật, những xã hội, những lịch sử của trần gian nhỏ để đả phá trần gian lớn. Nhân vật kịch nhỏ chống đối nhân vật kịch lớn. Lịch sử con người nhỏ xung đột với lịch sử nhân loại. Xã hội sân khấu nhỏ cách mạng xã hội sân khấu lớn. Vũ khí chính của ông là những vở kịch khôi hài và châm biếm.

Một trong những hài kịch nổi tiếng của ông, *Non Si Paga, Non Si Paga, Quyết Không Trả, Quyết Không Trả,* sáng tác năm 1974, nhằm chống lại chế độ tư bản. Trình diễn tại Hoa Kỳ năm 1980, được xem như là một thành công ngoại hạn.

Kịch bắt đầu bằng những người vợ giận dữ vì giá hàng nhu yếu phẩm lạm phát phi mã. Họ cãi nhau với quản lý về sự vô lý của giá cả vượt hẳn ngoài lương bổng rồi xô xát cướp lấy hàng trong tiệm. Về sau phong trào đưa đến các công nhân đình công. Họ chận đường xe lửa. Bãi thị. Thành phố Milan ngưng hoạt động. Nhưng chính trong vở kịch là câu chuyện xảy ra quanh gia đình một công nhân. Người vợ Antonia giựt cắp đồ ăn trong tiệm buôn. Trong lúc vội vã ngoài thịt thà đường muối bà lấy luôn cả thức ăn chim chó. Chồng bà là Giovanni, là một quân tử, giấy rách phải giữ lấy lề. Không khí kịch vừa châm biếm chua chát vừa khôi hài khá tế nhị. Sự việc diễn quanh những lố bịch của chính quyền, của cảnh sát, của người chồng lý tưởng và người vợ thực tế. Cuối cùng người vợ cũng thuyết phục được chồng.

(Sau khi Antonia đã giựt thức ăn và đồ dùng ở tiệm buôn về nhà. Gặp Giovanni) (3)

***Antonia**: .....hôm nay ở siêu thị, có mấy người đàn bà đã giựt đi hàng hóa với giá ăn cướp...phải không?*

***Giovanni**: Phải, nhưng khi họ về nhà, chồng họ giả bộ như không biết gì cả....có khi còn nói: "Em làm đúng lắm, ăn cắp là phải". Đáng lẽ*

họ phải lấy từng cái lon, từng cái bao hàng đập lên đầu người vợ. Bởi vì nếu vợ tui mà làm vậy, tui sẽ bắt nó ăn từng cái lon luôn cả cái khóa. Nhớ đừng bày đặt ma lanh đi ăn cắp. Nếu mà tui nghe được bà lấy trộm đồ hoặc giựt hàng giá thấp dù là một lon cá hộp, tui sẽ.....tui sẽ....

***Antonia**: Ông sẽ bắt tôi ăn cái lon với cái khoá chớ gì!*

***Giovanni**: Hơn thế nữa. Tui sẽ bỏ nhà ra đi. Tui sẽ xách gói đi biệt tích. Có lẽ tui sẽ giết bà rồi đi khai ly dị.*

***Antonia**: Nè, nếu ông còn nói luận điệu như vậy, ông có thể đi ngay bây giờ, không cần chờ ly dị. Sao ông dám ám chỉ tui, nè nghe đây, nếu mà tui không trả nổi đồ ăn với giá luật định, tôi thà để ông chết đói.*

***Giovanni**: Đúng, tui muốn bà làm như vậy. Nhắc đến chết đói, mình ăn chiều món gì vậy? Hôm nay ở tiệm ăn trưa thật là trò hề, làm mất luôn cả bữa ăn. Nào, chúng ta ăn món gì?*

***Antonia**: Món này. (Bà bỏ lên bàn hai lon thức ăn cho súc vật).*

***Giovanni**: Cái gì?*

***Antonia**: Ông đọc không được à? Thịt đặc biệt cho chó với mèo.*

***Giovanni**: Cái gì?*

***Antonia**: Ngon lắm đấy.*

***Giovanni**: Ngon cho chó chớ ngon với ai.*

***Antonia:** Có bấy nhiêu thôi. Vừa rẻ, " nhiều dinh dưỡng...nhiều pơ-rô-tê-in...hảo hạng!"...Thấy chưa viết rành rành ở đây.*

***Giovanni**: Bà chọc quê tui hả?*

***Antonia**: Ai mà muốn chọc quê ông. Nè, ông chẳng bao giờ đi chợ. Ông có biết giá dầu, thịt, thịt khô họ bán bao nhiêu không? mọi thứ mắc gấp đôi, hơn nữa, ông cũng không tìm ra món nào cả. Họ đầu cơ tích trữ để bán chợ đen. Còn tệ hơn là thời chiến tranh.*

***Giovanni**: Đừng thổi phồng. - Chiến tranh! Sao cũng được, tui chưa phải là chó..... tôi nhất định không ăn. Tui từ chối không ăn.*

***Antonia:** Không ăn tùy ông. Ông chưa phải là chó, đúng, ông không được định nghĩa là chó nhưng các chủ hãng không nhìn như vậy. Họ nghĩ chúng ta còn thấp hơn chó nữa.*

***Giovanni**: Được rồi, được rồi, Lấy cái đồ tào lao này đi chỗ khác. Bà cứ ăn nếu bà thích. Cho tôi ly sữa đủ rồi.*

***Antonia**: Xin lỗi, không có sữa.*

***Giovanni**: Bà nói sao? Không có sữa?*

***Antonia**: Ông không biết à? Sáng nay khi xe sữa đến, tin đồn họ tăng giá lên cao nữa. ...Sau đó, một số người bậy bạ, bọn vô trách nhiệm, kể cả bọn Cộng Sản nhảy lên xe, cướp sữa và phát cho các bà với giá rẽ một nửa. Chắc ông đâu muốn tui chạy xuống lầu giựt sữa với giá đó, phải*

không? Ăn cắp một nửa sữa! Ông có giựt không? Có uống không?

***Giovanni**: Không, Không, trong kiếp này không.*

***Antonia**: Hay lắm. Vậy khỏi uống sữa nghe.*

***Giovanni**: Nhưng có còn gì khác không?*

***Antonia**: Có, tui nấu cho ông miếng canh.*

***Giovanni**: Bằng thứ gì?*

***Antonia**: Hạt ăn cho chim kim tước.*

***Giovanni**: Hạt cho chim ăn?*

***Antonia**: ừ, ngon lắm. Tốt cho bệnh đái đường.*

***Giovanni**: Nhưng tui đâu bị đái đường.*

***Antonia**: Tui chẳng có cách nào. Hơn nữa, hạt chim bán rẻ nửa giá. Gạo hoàn toàn không có.*

***Giovanni**: Thôi, thôi, đủ rồi. trước bà muốn tui làm chó, làm mèo bây giờ lại muốn tui làm chim.*

***Antonia**: Vậy thì ngừng cái bụng đói đi. Michela, bà hàng xóm ở trước hành lang, nói bà vẫn nấu hạt chim mỗi ngày cho chồng ăn. Bà có thể là ngon lắm.*

***Giovanni**: Cho chồng bà ấy ăn. ừ, hèn gì tui thấy ông ấy mọc lông cánh.*

.....

Dario Fo công kích tất cả những thứ bạo quyền và lạm quyền từ lãnh vực chính trị xã hội qua đến tôn giáo. Ông lên tiếng cho Palestine, cho Chili, cho những tù nhân, cho bệnh Aid. Vợ ông đã từng bị bắt cóc. Ông đã từng bị chính quyền địa phương bỏ tù vì từ chối không cho cảnh sát vào chứng kiến trong khi tổng dợt một vở kịch. Người yêu chuộng ông kéo đến biểu tình đông đảo khiến cảnh sát phải thả ông ra. Ngoài danh tiếng kịch sĩ, ông còn là một "thần tượng" xã hội. Ông nổi tiếng có cá tính chính trị rất mạnh thường thuyết phục cả bằng hữu lẫn kẻ thù. Mới đây khi nhiều người tụ tập tại Milan để ủng hộ việc thống nhất đất nước trước tình trạng đòi tách rời của Bắc Ý, ông chỉ trích sự tâng bốc lá cờ Ý ba màu: đỏ, trắng và xanh. Ông nói, đã dùng để che giấu *"trộm cướp, quyền lợi riêng tư và máu người vô tội."* Ngày 25 tháng 03 vừa qua, ông và vợ ông cùng với một số đông người biểu tình ở thành Rome chống lại dự án đấu thầu Đại Hội Olympic năm 2004.

Quyền lực luôn luôn tạo ra sự tương tranh. Một lực mạnh và một lực yếu. Hầu như không có mấy lúc bảo hòa. Trong lịch sử có lẽ điểm bảo hòa có thể dẫn chứng là thời Khổng Tử cai trị nước Lỗ nhưng rồi cũng không tồn tại được bao lâu. Người nghệ sĩ có khuynh hướng đứng về phía yếu vì ở phía yếu họ mới phát huy được cá tính phản kháng. Ở thế thua sút, trí

tưởng tượng mới sáng tạo mạnh mẽ. Trong trường phái vị nhân sinh hoặc văn dĩ tải đạo, sáng tác là một mặc cảm của người thất thế, thường ẩn nấp dưới ý niệm hoặc bổn phận cải thiện xã hội và nhân sinh.

Dario sinh trưởng trong một gia đình công nhân. Cha ông làm nhân viên ngành hỏa xa. Ông sinh năm 1926. Lớn lên trong thế chiến thứ hai. Chứng kiến những tệ đoan của chế độ tư bản lúc đang bắt đầu bành trướng. Cha chú ông chính là những nạn nhân bị bóc lột. Trong khoảng thập niên 50, lúc này ông đã bắt đầu sự nghiệp kịch nghệ, ông thường hay xung đột với phe cực hữu đang nắm quyền cai trị nước Ý. Nhất là những điều luật khắt khe về kiểm duyệt phim ảnh, sân khấu và truyền thanh truyền hình, mục tiêu chống đối của ông trở nên rõ ràng: Tấn công những huyền thoại trong đời sống của dân Ý. Ví dụ như một thiếu nữ sắp thắng giải trong chương trình thi đố vui của đài truyền hình, bị loại trừ chỉ vì mặc một chiếc áo len bó sát người. Do đó ông gia nhập vào tả phái. Cuối thập niên 50, ông trở nên gần gũi với đảng Cộng Sản. Năm 1968 cộng tác mở hí viện Nuova Scena và đã trở thành đảng viên.

Về sau khi quyền lực của đảng Cộng Sản đã mạnh, ông trở thành nạn nhân của hệ thống, quyền lực bắt đầu bị xung đột và bị đảng Cộng Sản Ý chỉ trích. 1970 ông rời Cộng Sản và mở hí viện khác dưới tên La Comune. Ông tiếp tục sự nghiệp chính trị bằng sự trở lại vị trí thiên tả đối nghịch với phe thân hữu Dân Chủ Thiên Chúa Giáo trong chính trường Ý. Năm 1980 vì là thành viên của hội Soccorso Rosso, hội ủng hộ các tù nhân, ông bị từ chối không được vào Hoa Kỳ để trình diễn như đã dự định. Dưới thời Tổng Thống Regan, những dự luật về Visa được sửa đổi. Năm 1984, ông đến Hoa Kỳ lần đầu tiên với vở kịch *Morte Accidentale Di Un'Anarchico, Cái Chết Tai Nạn của Một Người Vô Chính Phủ*. Sự nghiệp văn chương và sự nghiệp chính trị của ông như hai bề mặt của một bàn tay. (4) *" Tôi luôn luôn thuộc thành phần vô sản...Tôi được sinh ra để sống chính trị."* Ông nói như thế với một phóng viên của tờ báo Anh quốc, The Guardian, trong năm vừa qua. (5)

Trong thực tế không mấy ai quan tâm đến lý lịch đảng viên Cộng Sản của ông. Lý do đơn giản vì chế độ Cộng Sản đã thuộc về quá khứ.

Đối với người Việt hải ngoại, Cộng Sản vẫn còn là niềm đau cụ thể. Đối với dân Đài Loan, Cộng sản có thể vẫn còn là nỗi ám ảnh triền miên. Nhưng đối với quốc tế, chế độ này chỉ còn là một bóng ma. Cộng Hoà Nga Sô là bộ não của đảng đã tan rã, đã bị thay thế bằng một não bộ khác thì một trái tim Trung Cộng thoi thóp được bao lâu. Các nhà bình luận quốc tế cho rằng sở dĩ Trung Cộng không dám thay đổi mạnh mẽ và cấp tốc vì vấn đề kinh tế. Họ không biết phải làm gì với một tỉ mấy cái bụng

đói và tỉ mấy cái miệng gào thét nếu được tự do. Huống chi những loại Cộng Sản mõi mòn như Việt Nam, Cu Ba, Bắc Hàn.., như những tứ chi thèm khát trăn trở theo nhịp tim Các Chú. Khi trao giải thưởng này cho Dario Fo, Hàn Lâm Viện muốn ngấm ngầm cho thấy họ không quan tâm đến chính trị. Hôm qua đã là dĩ vãng. Ảnh hưởng của chiến tranh lạnh đã là quá khứ. *" Những người dèm pha ông thường bỏ quên khía cạnh bồng bột của trí tuệ và mục đích luân lý của ông. Tận cùng trong thâm tâm, ông là một người muốn cách tân xã hội..".* New York Times nhận xét qua bài bình luận hôm thứ Sáu ngày 10 tháng 10 năm nay.

2.

Người ta có thể sẽ quên mau cái hồn ma Cộng Sản nhưng họ sẽ nhớ mãi tiếng kèn của thiên thần Gabriel. Nhất là khi tiếng kèn nhắc nhớ chuyện tử vong. Nói một cách khác người chống cộng có thể tha thứ cho Dario nhưng người Công giáo khó có thể dành cho ông một chút lòng bác ái.

Ngoài là chuyên viên phản kháng quyền lực thế gian, ông Fo còn là một "quân dữ" của toà thánh Vatican.

Năm 1969, khi những vở kịch liên bản (nhiều tuồng nối tiếp nhau) gọi là Mistero Buffo được trình diễn, tòa Vatican phản đối: *"Đây là chương trình phạm thượng nhất trong lịch sử truyền hình."..."xúc phạm đến tâm linh tín ngưỡng của dân tộc Ý."* Từ một cảnh trong kinh thánh, người mù nói người què đến gặp con Thiên Chúa để xin chữa lành tật nguyền, ông phóng tác:

Người Què: *Thật không đây? Dù anh có được phép lạ rồi anh cũng sẽ chết đói vì tất cả mọi người sẽ bảo anh: "Đi làm đi"...*

Người Mù: *Chà, nghĩ đến làm cũng đủ toát mồ hôi lạnh...*

Người Què: *Họ sẽ nói:" Đi làm đi, thằng vô tích sự. Người nào không đi làm sẽ bị bỏ tù..." Như vậy là anh đã mất đi đặc quyền thâu thuế Thập Phân mà chúng ta đang có như những vương tước như những chủ nhân ông. Họ dùng mánh khóe của luật pháp, chúng ta dùng lòng thương hại mà lấy tiền.*

Ở một vở khác, ông giả bộ một tên khủng bố rón rén đến gần vị Giáo Hoàng trong một buổi thuyết giảng ngoài tòa thánh. Đứng giữa những người làm việc, ông nói vào máy truyền tin bộ (walkie-talkie) cho một tay súng ám sát đang trốn lẫn lộn trong đám đông. *"Bắn người đang bận đồ trắng."* Ông la lên. Rồi một lát sau, ông tiếp:" *Đừng, đừng, đây là bà sơ".*

Tự do và giới hạn sự tự do là nguyên nhân tạo ra quyền lực tương tranh trong lịch sử, xã hội, có ngay trong đời sống vật chất và tâm linh của mỗi người. Tự do không phải là một chủ nghĩa, một lý thuyết mà là một thái độ sống. Tự do là trạng thái căn bản của sự sống. Những chủ nghĩa, phong trào, triết học và ngay cả tôn giáo là những quyền lực xuất hiện nhằm điều chỉnh cường độ tự do.

Nhìn chung lịch sử nhân loại, khi con người mới xuất hiện, là thời tự do man rợ. Vì tự do man rợ gia tăng thái quá, chủ nghĩa quân chủ xuất hiện để tổ chức lại trật tự. Khi chủ nghĩa này bắt đầu lạm quyền, con người phản kháng và đưa đến sự tự do dân chủ tư bản. Tự do này bành trướng quá trớn tạo ra lỗi lầm: chế độ thuộc địa. Thế giới đại chiến hai lần liên tiếp để giải quyết quyền lực của tự do dân chủ tư bản. Phát Xít và Cộng Sản là hai quyền lực xuất hiện để chuyển hướng sự tự do dân chủ tư bản đến tự do dân chủ nhân quyền. Hai quyền lực này đã lỗi thời, theo qui luật tự nhiên, tự do nhân quyền sẽ bành trướng cho đến lúc quá đáng tất sẽ có lực đối nghịch xảy ra và lịch sử sẽ sang một khúc quanh mới. Tự do của con người hôm nay là kết quả từ những kinh nghiệm bành trướng và bảo hòa. Mỗi một người khi cảm thấy sự tự do bị đe dọa, người ấy sẽ phản kháng, tiêu cực hoặc tích cực.

Tự do bao gồm hai loại: tâm thức và hành động. Tâm thức tự do là sức sống của người nghệ sĩ. Bất cứ là hệ lụy nào ràng buộc, chướng ngại tinh thần tự do này sẽ bị người nghệ sĩ phản đối. Những liên hệ giữa người với người, giữa người với xã hội, ngay cả giữa người với thiên nhiên cũng chỉ là những giới hạn của tự do hành động. Người có thể ở trong tù mà hưởng được tự do. Ngược lại, người ở ngoài lại là kẻ nô lệ. Tự do tâm thức chính là điều mà người nghệ sĩ ước mơ được hưởng tuyệt đối. Nhưng sự hiện diện của Thượng Đế làm cho tâm thức tự do bị quản thúc. Nếu một người chịu trao tự do của mình cho Thượng Đế quản trị, tức là có thể có tự do trong hành động nhưng tâm thức là nô lệ. Người ấy vâng theo thánh ý, chờ đến lúc chết để được phần thưởng. Kẻ không muốn trao, nhất định sẽ phản kháng. Phản kháng Thượng Đế dù muốn hay không cũng chỉ là tiêu cực vì sự vô hình hoặc vì quyền năng của Thượng Đế. Phản kháng dễ tích cực hơn đối với những người đại diện Thượng Đế ở trần gian này.

Giê Su đứng dậy và bắt đầu rót rượu cho mọi người: "Các ngươi hãy uống nhiều vào. Hãy vui vẻ. Hãy say sưa. Đừng để dành. Tận hưởng thú vui đi...." Chợt ông nhớ đến mẹ mình: *"Thánh thần ôi, Mẹ Madona ơi, con đã quên mẹ. Xin lỗi mẹ. Đây, đây còn một giọt rượu cho mẹ. Mẹ hãy*

uống đi..."

"Không, không, cảm ơn con nhưng mẹ không biết uống. Mẹ không quen dùng rượu. Đầu mẹ sẽ quay cuồng rồi mẹ sẽ nói điều bậy bạ..."

" Nhưng mà mẹ ơi, rượu không hại mẹ đâu. Rượu sẽ làm cho mẹ cảm thấy hạnh phúc. Rượu này không làm cho mẹ mệt. Rượu này ngon lắm, nguyên chất...Con tự làm lấy"....

(Comic Mystery. Dario Fo. Kể lại chuyện Wedding at Cana)

Một trong những sở trường của ông Fo là đem những chuyện xưa, ngụ ngôn, nhất là chuyện trong kinh thánh ra kể lại theo một hay nhiều ý nghĩa giễu cợt khác. Đa số mục tiêu châm biếm đều nhằm vào tòa thánh Vatican và Giáo Hoàng. Đôi lúc quá trớn thành ra lố bịch. Đôi lúc cay nghiệt quá thành ra ác độc. Đôi lúc công kích quá thành ra 'chống lạm quyền sao lại lạm quyền?'

(Một cảnh trong vở kịch Quyết Không Trả, Quyết Không Trả. Hai người bạn hàng xóm nói chuyện về một sự ngộ nhận)

***Luigi**: Anh muốn nói gì? Đức Giáo Hoàng có bầu?*

***Giovanni:** Không, không phải ổng....nghĩ lại không chừng ổng cũng thích như vậy.....Tôi đang nói về vợ anh.*

***Luigi:** Sao vợ tôi lại liên hệ với Giáo Hoàng?*

***Giovanni:** A, anh giả bộ không biết, phải không?*

***Luigi:** Không, tôi không biết. Điều gì đã xảy ra với Giáo Hoàng?*

***Giovanni:** A, thì ra vậy. Thay vì lo làm tình..... anh hãy để ý đến giấc mơ của vợ anh về đêm, khi Giáo Hoàng Eminence John Paul mặc áo choàng trắng đến và nói: "Hỡi người anh em của Giê Su, tôi đến để nói cho bà biết thuốc ngừa thai là lời nguyền rủa của Thiên Chúa.....hãy vì Chúa xin đừng uống thuốc này..."*

***Luigi:** Ừ, thực tế, Margherita, vợ tôi không uống thuốc.*

***Giovanni:** A, anh đã biết rồi. Ai nói với anh vậy?*

***Luigi:** Đâu cần ai nói với tôi. Bã không cần uống thuốc từ lúc bã không thể có con. Có gì trục trặc bên trong, nhớ không ra....*

Một trong những tác phẩm mới nhất của ông là *Đức Giáo Hoàng và Tên Phù Thủy, The Pope and the Witch*, viết về, trong một buổi hội nghị, Đức Giáo Hoàng lầm lẫn đám con trẻ tập trung ở công trường St. Peter với nhóm biểu tình đòi quyền phá thai. Tác phẩm này nhằm đả phá giới tăng lữ. Khi trình diễn ở San Francisco, 1992, vở kịch đã gây nhều phản ứng trong giới thường ngoạn.

Đã nói đến quyền lực tức phải có lạm quyền vì quyền lực không bao giờ ở yên một chỗ. Tập đoàn Công Giáo là một tập đoàn lớn, để cai quản tập đoàn này, Vatican không thể không có cường điệu trong khi sử dụng quyền hành. Giáo Hoàng, Hồng Y, Linh Mục cũng là người. Đã là người sao tránh khỏi lỗi phàm phu. Đức Giáo Hoàng John XXIII đã từng nói: *"Tôi chỉ là một Giáo Hoàng, tôi làm được gì?"*.(6) Ngược lại, kẻ chống đối cũng phải giữ cái tâm cho sáng, tức là tự trọng với tâm thức tự do. Ông Fo nói: *"Tôi dùng châm biếm để truyền đạt luân lý"* (7). Người viết giới thiệu Dario Fo trong tác phẩm *Người Đàn Bà Cô Độc và Các Vở Kịch Khác*, ông Gillian Hanna nhận định: *Ông Fo rất thành công trong mục tiêu biến sân khấu thành một động cơ lớn làm khán giả bật cười trước những chuyện éo le....nhưng trong tiếng cười còn giữ lại cặn bã của lòng giận giữ."*

Trao giải thưởng cho ông Fo, một lần nữa Hàn Lâm Viện Thụy Điển trả lại văn chương vị trí bên ngoài ảnh hưởng của quyền lực thế tục lẫn thần linh.

Sự Nghiệp Văn Chương

Tác giả của khoảng 70 vở kịch, với những kịch câm và hài hước ông Fo được xem là người hề "Giullare", là những tên hề thường lang thang giễu cợt trong thời Trung Cổ ở Ý. Một nhân vật trong kịch của ông nói rằng, hề Giullare là những người chuyên chọc cho vua cười. Bây giờ không còn vua nữa nên họ khôi hài với bằng hữu.

Ông thừa hưởng tài năng từ ông nội, là một người nổi tiếng về kể truyện ngụ ngôn. Sinh ra trong làng Sangiano ở Lombardy thuộc về Bắc Ý, nơi có truyền thống nổi tiếng về kể truyện. Đây là một ngôi làng có nhiều thợ thổi chai và làm ly cốc, người buôn kẻ bán qua lại, trong những giờ rảnh rỗi, ăn nhậu, họ kể nhiều truyện khác nhau, thường là chuyện vui đùa. Sự nghiệp châm biếm và khôi hài của cậu Dario bắt đầu từ đó. Ông nói: *"Tôi sống cạnh bên những đứa con của các người thợ thổi chai, làm cốc, những người đánh cá. Chuyện châm biếm họ kể thật sắc sảo về thói giả hình của giới trung lưu, về những thầy giáo, luật sư và các chính trị gia hai mặt. .."*

Ông theo học thiết kế sư ở Milan nhưng lại đam mê nghệ thuật sân khấu. Khởi nghiệp bằng những chương trình độc diễn qua đài phát thanh, được biết đến qua vai trò Poer Nano, *Thằng Nhỏ Khốn Khổ*.

Một lần nữa sự nghiệp của ông thêm hương vị và vững chắc khi ông làm đám cưới với Franca Rame năm 1954. Bà là một diễn viên có tài

trong nền kịch nghệ và sáng tác rất nhiều vở kịch cùng với ông. Bà sống cả đời dưới ánh đèn màu. Lần đầu tiên xuất hiện trên sân khấu bà chỉ là một đứa bé tám tháng. Sát cánh theo ông suốt 41 năm, chắc chắn bà xứng đáng được hưởng một nửa giải Nobel.

Ông viết và trình diễn rất nhiều vở kịch nhưng phải đợi đến tác phẩm Mistero Buffo, kịch liên bản độc diễn thì cả nước Ý mới biết đến tài năng của ông.

Trong tác phẩm Mistero Buffo, ông sáng tạo một loại ngôn ngữ nhạo báng, gọi là Grammelot, lời nói hai ý, sử dụng văn phạm và cách đọc lướt vần nhấn, khiến lời lẽ tuy nghe được nhưng không rõ nghĩa. Cộng thêm những cử động hoạt diễn câm làm cho ý nghĩa cuả toàn câu hiện ra. Khán giả xem thấy rất sống động và thú vị. Khán giả bị lôi cuốn theo dõi để tự giải câu truyện. Cách trình diễn rất đơn giản. Ông thường xuất hiện trong bộ đồ đen, áo thun cao cổ và chiếc microphone. Năm 1986, Mistero Buffo được trình diễn ở Hoa Kỳ tại sân khấu Joyce Theater, Chelsea.

Người ta thường so sánh kịch của ông với kịch châm biếm của Molière và Bertolt Brecht. Mặc dù ông thích thú hơn khi được so sánh với Mel Brooks, Sid Caesar và Monty Python. Năm 1981, ông đoạt giải Sonning Prize.

Kịch do ông sáng tác có một đặc điểm: sáng tác sống. Cách viết kịch của ông cho phép giám chế, đạo diễn, diễn viên được tự do diễn xuất, thay đổi những chi tiết tùy vào địa điểm, thời đại và nhu cầu của mỗi trường hợp. Do sự uyển chuyển này mà kịch ông sống động, không bị lặp lại, bộc lộ được những khía cạnh sắt bén khác nhau cuả mỗi diễn viên hay đạo diễn. Ngay ở Ý, tác phẩm *Cái Chết Tai Nạn của Một Người Vô Chính Phủ* có vài bản in khác nhau. Khắp thế giới vở kịch này khi diễn thường thay đổi. Chính Dario Fo khi trình bày, mỗi lần vẫn khác nhau. "*Cùng một chương trình không thể trình diễn giống nhau. Chuyện tiếu làm cười chiều này, mười hôm sau chưa chắc còn công dụng. Tôi theo dõi sự hoan hô mỗi đêm bằng cách thâu cassette và ghi chú những ứng biến mới làm khán giả cười và vỗ tay. Ví dụ như chương trình này thất bại khi trình diễn ở Bologna và Rome. Bạn biết tại sao không? Vì trình diễn theo nguyên bản. Bản này mới, vừa phát hành, hoàn toàn khác hẳn. Cảnh đầu tiên được Dario viết lại toàn bộ và rất nhiều chi tiết cũ bị cắt, nhiều chi tiết mới thêm vào. Sáng tác theo lối này, không bao giờ chấm dứt...*"

Franca Rame, phỏng vấn tác giả tại Milan, ngày 19.2 năm 1987.

Với đặc điểm này, ông Fo đã đưa kịch nghệ ra khỏi sở hữu tính và tính đóng khung bởi thời đại. Tác giả không còn hoàn toàn là chủ nhân duy nhất của tác phẩm. Trách nhiệm chia sẻ nghệ thuật trong một tác

phẩm được nhiều người đóng góp. Do đó sáng tác được phong phú và đa dạng hơn. Theo thời gian, kịch sẽ gạn lọc những cái hay ở lại những cái dở bỏ đi. Theo thời đại, nhịp tim mới sẽ mang những thay đổi mới vào tác phẩm. Nói cách khác là tác phẩm có thể luôn luôn hiện đại tùy vào kẻ nuôi nấng nó.

Ý niệm này cũng đưa kịch nghệ trở về đám đông như những tác phẩm dân gian ngày trước với tất cả những đặc tính: linh hoạt, theo sát quần chúng, phổ biến rộng rãi. Đó cũng là một điểm lạ trong sự nghiệp kịch nghệ của ông. Người ta thường thấy ông xuất hiện trình diễn ở những chốn công cộng như trong hội trường đấu banh, trong các gánh xiếc, ở các công viên. Ông không thích giam giữ diễn xuất giữa bốn vách tường của hí viện. Đem nghệ thuật vào giữa quần chúng, ông là kịch sĩ của giới bình dân.

Những tác phẩm tiêu biểu được người ta nhắc đến nhiều nhất là *Mistero Buffo* (Thần Bí Hài Kịch), *Non Si Paga, Non Si Paga* (Quyết Không Trả, Quyết Không Trả), *Morte Accidentale Di Un'Anarchico* (Cái Chết Tai Nạn của Một Người Vô Chính Phủ). Tác phẩm mới nhất là *Il Diavolo Con Le Zinne* (Ác Quỉ và Những Người Khờ).

Vở hài kịch nổi tiếng nhất của ông là *Cái Chết Tai Nạn của Một Người Vô Chính Phủ* được dịch ra nhiều thứ tiếng và lưu diễn nhiều nơi trên thế giới. Nội dung chống lại quyền hành của phái cực hữu. Đây là vở kịch châm biếm chính trị, dựa trên một chuyện thật xảy ra: Ngày 12 tháng 12 năm 1969, một trái bom nổ tại một ngân hàng Nông Nghiệp ở Milan. Giết 16 người và làm cả trăm người bị thương. Tình trạng bom nổ xảy ra nhiều lần. Cảnh sát bắt hai người tình nghi, Giuseppe là người chủ trương vô chính phủ và Pietro Valpreda, vũ công ballet. Valpreda bị tù 3 năm. Còn Pinelli tự tử, nhảy ra cửa sổ từ tầng lầu tư của sở cảnh sát trong khi đang bị chất vấn. 10 năm sau người ta tìm ra thủ phạm của những vụ đặt bom là ba đảng viên đảng Phát-Xít.

Ông Fo dựng lại vở kịch này bằng cách tạo ra một nhân vật chính rồ dại nhưng rất thông thái. Hắn giả làm ủy viên cố vấn của tòa án Thượng Thẩm vào ty cảnh sát để điều tra vụ án xảy ra tương tựa như vụ Pinelli tự tử nhảy qua cửa sổ. Hắn dùng những kỹ thuật lý luận kỳ cục làm cho trưởng ty cảnh sát và các nhân viên liên hệ đến vụ án nhận tội là đã giết người vô chính phủ. Suốt cả vở kịch, người rồ đã khiến cho cảnh sát, (đại diện cho công lý), tuyên bố những chuyện có thành không, những chuyện không thành có. Khiến cho bà phóng viên, (đại diện cho quần chúng), quay cuồng theo sự thật biến hóa khôn lường. Riêng hắn, tự nhận nhiều nhân vật, khi thì ủy viên, khi thì đại úy, khi thì hồng y, khiến sự tình trở

nên khôi hài và lộn xộn. Cuối cùng khi bị lộ tẩy là một người mắc bệnh tâm thần, hắn dùng cái bom nổ mang theo trong xách tay để thoát thân. Vở kịch chấm dứt bằng nhiều cách khác nhau. Riêng bản in của Richard Nelson, đã có hai cảnh kết luận. (8).

Giải Nobel văn chương mỗi năm bất luận là trao cho ai cũng đều bị chỉ trích ít nhiều. Năm nay cũng vậy, cho dù ông Fo không phải là người được nhiều kỳ vọng theo dự đoán nên sự chỉ trích có phần ồn ào hơn nhưng không phải là chuyện lạ. Cũng như năm 1994 khi nhà văn Nhật Bản Kenzaburo Oe được trúng tuyển đã gây xôn xao trong dư luận không kém. Họ cho rằng nhiều nhà văn nhà thơ Á Châu có tài năng hơn nhưng không được đề nghị vào danh sách lúc ban đầu.

Riêng năm nay, dư luận lại quay sang vấn đề lá phiếu của các thành viên trong Hàn Lâm Viện. Họ cho rằng ông Fo không được đa số phiếu ủng hộ. Trên qui tắc số thành viên gồm 18 người, số phiếu tối thiểu để thắng giải là 12, ông Fo được 13 phiếu.

Trong năm 1989, hai thành viên phản đối việc ông tổng thư ký của Hàn Lâm Viện, Sture Allen, không ra thông cáo bênh vực cho nhà văn Salman Rushdie khi bị người Hồi Giáo treo án tử lệnh. Cho đến nay hai thành viên này vẫn không cộng tác. Hai thành viên khác đã qua đời trong năm vừa qua, chỉ được thay thế bởi một người nhưng lại quá muộn để sử dụng quyền bỏ phiếu cho năm nay. Tính ra chỉ còn 14 thành viên thực sự làm việc.

Nhưng việc gì đến, sẽ đến. Sau khi đóng xong một màn truyền hình ở Rome, Dario Fo trên đường lái xe về Milan nơi vợ ông đang chờ bữa cơm chiều. Ông thấy có chiếc xe bám sát theo rồi vượt lên ngang hàng. Ông nhìn sang, họ mở cửa kính xống và đưa lên tấm giấy với hàng chữ: Dario, ông đã thắng giải Nobel.

Những người ủng hộ ông thì đang chờ đợi và tự hỏi, không biết Dario sẽ làm trò gì khi đọc diễn văn nhận trao giải ở Stockholm. Với trí óc đầy nhóc chuyện khôi hài, không biết ông sẽ nói gì hoặc ông sẽ trình diễn một màn Mistero Buffo mới. Không chừng là một màn kịch câm, như thế mới hợp với cá tính của ông.❐

CHÚ THÍCH

1. " The World is a stage, the stage is a world of entertainment." Howard Dietz. Weath 101. Roger & McWilliams. Prelude Press.
2. New York Times. Section E. Page 2. Colum 3. Date: 971015.

3. Dịch bản We Won't Pay! We Won't Pay. North American Version by R. G. Davis. Samuel French, Inc. 1984.
4. Franca Rame and Dario Fo. A Women Alone & Other Plays. Cox & Wyman Ltd. in Great Britain. 1991.
5. MSNBC News Service Stockholm, Sweden. Italian Wins Nobel Prize. http://www.msnbc.com/news/115979.asp
6. Weath 101. Roger & McWilliams. Prelude Press. Page 346.
7. Chicago Tribune, Friday, Oct. 10,97. Controversial Satirist a Nobel Winner.
8. Dario Fo and Franca Rame. David L. Hirst. St. Martin Press. 1989.

Con chim màu đỏ hót dưới trời mưa thưa

NGUYỄN XUÂN THIỆP

tháng chín. cơn mơ nào ở Oklahoma
thoảng mùi tử đinh hương
quanh trời sấm dội
con chim màu đỏ trở về
một mình. đứng hót trong mưa

mưa long lanh
từng giọt. rơi ngoài trí nhớ. rơi trên lá
trên những khóm lau thấp thoáng dưới trời
và con chim màu đỏ
đã về từ mùa hè xưa

này em
con chim màu đỏ
nó hót trong mưa
em có nghe

sấm vang trên những giới hạn của đời người.
ở đội bờ tịch lặng
và nắng sắp lui về sau đồng cỏ xa
bên láng giềng
người đàn ông da đen đốn cây maple ở bờ rào.
cưa thân cành làm củi
gọi ấm những ngọn lửa mùa đông
trong ngôi nhà gỗ

sấm dội. sấm dội
mùa thu đã tới rồi
và con chim màu đỏ
đứng hót dưới trời mưa thưa
tôi. áo rực tà dương. đi trong rừng Parkwoods
như đi qua đời sấm dội
như con chim màu đỏ vẫn hót
tôi làm thơ
cho bạn bè. cho những người cùng khổ
cho sấm dội. cho đố vỡ. cho mây xa
tôi làm thơ
và con chim màu đỏ
hót. một mình. dưới trời mưa thưa.

Nhận xét về câu thơ truyện Kiều "Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng."

Tạ-quốc-Tuấn

Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn-Du đã mở đầu câu chuyện về cuộc đời lưu lạc phong trần, gian truân, khổ ai của người tài hoa mệnh bạc Vương Thúy-kiều bằng hai câu:

Rằng năm Gia-tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng. (câu 9-10)

Tuy nhiên, trong một đoạn khác, Truyện Kiều lại nói đến cuộc chống đối triều đình nhà Minh (1368-1644) của Từ-Hải, một người không phải là phiến loạn tầm thường mà là kẻ đã gây điêu đứng lao đao cho triều-đình trong nhiều năm.

Lửa binh đâu đã ầm ầm một phương.
Ngất trời sát khí mơ màng,
Đầy sông kình ngạc, chật đường giáp binh. (câu 2250-2252)
.....
Đòi cơn gió quét mưa sa,
Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi nam. (câu 2443-2444)

Hơn nữa họ Từ còn đã dựng triều đình riêng, hùng cứ một phương, chia đôi giang sơn:

Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai văn vũ, rạch đôi sơn hà. (câu 2441-2442)
.....
Nghênh ngang một cõi biên thùy,
Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương.
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng cứ một phương hải tần. (câu 2447-2450)
.....

Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành. (câu 2463-2464)

Minh triều đã cho quân đi đánh dẹp nhiều lần và trong một năm đã thay tới ba người làm tổng đốc tỉnh Chiết-giang, nơi Từ-Hải hoành hành trong nhiều năm, mà cũng chẳng làm gì được. Mãi tới khi Hồ Tôn-hiến được cử làm Tổng đốc (người thứ tư), ông ta đã dùng mưu dụ Từ-Hải về hàng rồi mới giết được[1].

Đấy là chưa kể những tham nhũng, những hành động coi thường vương pháp của quan lại địa phương, tiêu biểu bằng vụ Vương Viên-ngoại cùng Vương-Quan, cha và em trai Thúy-kiều, đã bị bắt giữ cùng tra tấn dã man vì lời vu oan của một tên bán tơ và bao nhiêu tài sản trong nhà bị bọn công sai cướp lấy sạch sành sanh, làm cho Thúy-kiều phải bán mình để lấy tiền chuộc cha và em. Ngoài ra, còn có việc Hoạn-thư, con gái quan trủng tể (tức tể tướng), đã lạm dụng quyền cha cho người bắt Thúy-kiều mang về hành hạ chỉ vì Thúy-kiều dám làm vợ lẽ chồng Hoạn-thư là Thúc Kỳ-tâm.

Tới đây chúng ta phải hỏi có phải dưới thời Minh Gia-tĩnh tình hình Trung-quốc thực sự yên ổn, dân chúng được an hưởng thái bình, trong không có giặc giã nội loạn, ngoài không bị ngoại bang đe dọa không?

Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng ta cần hiểu rõ khung thời gian của câu chuyện cuộc đời Thúy-kiều.

Nguyễn-Du cho biết mọi sự đã xảy ra vào đời "Gia-tĩnh triều Minh." Gia-tĩnh là niên hiệu của vua Thế-tôn (1522-1567), vị vua thứ 11 của vương triều Minh, lên ngôi năm mới 15 tuổi tại kinh đô Bắc-kinh. Ngoài ra, Nguyễn-Du còn nói rõ hơn nữa là vào lúc đó Thúy-kiều "*Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê*" (câu 36), nghĩa là suýt soát 15 tuổi[2].

Mặt khác, theo nguyên tác Kim Vân Kiều Truyện của nhà văn Trung-hoa Thanh-tâm Tài-nhân, cuộc đời phong trần lưu lạc của Thúy-kiều xảy ra khi vì một sự vu oan, cha và em trai Thúy-kiều đã bị một bọn 18 tên công sai bắt giữ, tra tấn cực kỳ dã man. Muốn cứu cha và em thì phải có tiền hối lộ quan lại, mà lúc đó thì trong nhà lại không còn tiền bởi vì bọn công sai đã cướp hết tất cả tài sản rồi, nên Thúy-kiều không biết làm cách nào khác hơn là bán mình làm thiếp cho một tên giám-sinh (tức là sinh viên trường Quốc-tử-giám) họ Mã với một số tiền là 450 lạng bạc. Để làm bằng cứ cho việc này, Thúy-kiều đã lập tờ hôn thư vào ngày "*Gia-tĩnh thập nhất niên tứ nguyệt vọng nhật*" (ngày mười lăm tháng tư [âm lịch] năm Gia-tĩnh thứ mười một). Ngoài ra, để cho Mã Giám-sinh yên lòng trao tiền nên ông lại già Chung-Sự, người giúp đỡ gia đình Thúy-kiều trong cơn hoạn nạn này, cũng lập một tờ văn ước bảo đảm là tất cả những

điều cam kết của Thúy-kiều sẽ được thi hành. Tờ văn ước cũng đề ngày tháng giống tờ hôn thư. Theo cách tính niên hiệu (cũng như là tuổi) khi xưa của người Trung-hoa (và cả Việt-nam nữa) thì năm đầu tiên của một niên hiệu được coi là năm thứ nhất, bất kể ngày đặt niên hiệu đó ở vào đầu, giữa, hay cuối niên lịch. Vì vua Thế-tôn lên ngôi và đồng thời định niên hiệu Gia-tĩnh vào năm Nhâm-ngọ, tức là năm 1522 tính theo dương lịch, nên năm Gia-tĩnh thứ 11 là năm Nhâm-thân, tức năm 1532. Nói cách khác, cuộc đời lưu lạc phong trần của Thúy-kiều bắt đầu vào năm 1532. Xét về một phương diện khác, theo luật lệ nhà Minh, việc hôn thú của một người nữ, dù là làm vợ cả (thê) hay vợ bé (thiếp), chỉ có hiệu lực khi người đó ít nhất là 15 tuổi. Căn cứ vào câu "*Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê*" của Đoạn Trường Tân Thanh và câu "*Gia-tĩnh thập nhất niên tứ nguyệt vọng nhật*" của Kim Vân Kiều Truyện, chúng ta phải hiểu rằng khi lập hôn thư, Thúy-kiều đã 15 tuổi. Nếu năm lập hôn thư là năm Nhâm-thân 1532 thì Thúy-kiều phải sinh năm Mậu-dần, tức năm 1518, năm Chính-đức thứ 13 đời vua Minh Võ-tôn (1506-1522).

Đáng tiếc là chúng ta không rõ Thúy-kiều mất năm nào. Chúng ta chỉ biết rằng cuộc đời lưu lạc phong trần của Thúy-kiều kéo dài 24 năm (chứ không phải là 15 năm như nói trong Kim Vân Kiều Truyện hay Đoạn Trường Tân Thanh) và chấm dứt sau cái chết của Từ-Hải vào năm 1556, khi đó Thúy-kiều đã 39 tuổi. Vì lý do thiếu sót này nên khung thời gian để chúng ta nghiên cứu sẽ là năm 1518-1617 (giả thiết là Thúy-kiều sống lâu 100 tuổi) và đặc biệt là năm 1532-1556 (thời gian Thúy-kiều sống đời phong trần).

Trái với câu thơ "*Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng*," trong thời gian kể trên, tình hình Trung-quốc không yên ổn chút nào. Từ giữa thế kỷ thứ 15 nhà Minh bước dần vào con đường suy vong. Hầu hết các vua đều là những kẻ hôn quân, ươn hèn, chỉ ham lo ăn chơi trụy lạc, bỏ bê việc nước, phó mặc cho bọn hoạn quan thái giám tự do hoành hành thao túng. Trong khi đó triều đình thì hết sức hủ bại, tham nhũng, các phe phái tranh giành quyền lợi, tàn sát nhau dữ dội; còn dân chúng thì lầm than, đói khổ cùng cực, đến độ phải nổi lên hết đợt này đến lớp khác chống lại triều đình. Nơi biên thùy cũng ít khi được yên ổn, bắc luôn luôn bị Mông-cổ uy hiếp, đông bị hải tặc nụy khấu xâm nhập nội địa, đánh phá, cướp bóc liên miên hết năm này sang năm khác.

Nhà Minh trong thời Truyện Kiều có bốn mối họa chính là: nạn thái giám trong triều đình, nạn Mông-cổ xâm lăng ở phương bắc, nạn hải tặc nụy khấu ở phương đông, và các cuộc nổi dạy của nhân dân trong nước.

Trước khi đi vào đề chúng tôi xin thưa ngay là tuy bài này nhằm xét

tình hình Trung-quốc trong thời-gian 1518-1617, nhất là 1532-1556, nhưng nhiều khi vì cần phải hiểu rõ nguyên nhân tạo ra một tình trạng nào đó nên chúng tôi có lúc phải bắt đầu từ khi sáng lập nhà Minh (năm 1368). Hơn nữa, có tình trạng kéo dài sau khi Thúy-kiều được đoàn tụ với gia đình và lấy người yêu xưa là Kim-Trọng nên, nếu cần, chúng tôi cũng sẽ nói sơ qua đến tình trạng đó sau năm 1617.

I. Nạn Hoạn Quan Thái Giám Trong Triều.

Vì biết quá rõ hiểm họa hoạn quan thái giám của các vương triều trước nên Minh Thái-tổ (1368-1399) khi lên ngôi đã cho dựng một tấm bia ở ngoài cửa hoàng cung nghiêm cấm không cho thái giám tham dự các việc triều chính. Hơn nữa, nhà vua còn giới hạn quyền hành và cấp bậc của họ, nhất là chỉ cho tuyển chọn người mù chữ làm thái giám. Tuy nhiên, nhà vua lại không phế bỏ định chế này nên trong các đời vua con cháu các thái giám lại có dịp ngóc đầu lên và đã gây ra nhiều cuộc xung đột với các quan chức khác, giống hệt như ở các vương triều trước. Mặt khác, chính nhà vua còn trao nhiều trọng trách cho bọn thái giám. Nhà vua đã phái nhiều thái giám đi các tỉnh trong nước kiểm soát việc thuế má và đi sứ sang các nước vẫn triều cống.

Khi Thái-tổ băng hà, người con trai trưởng của nhà vua, Thái tử Chu-Tiêu, đã chết trước rồi, nên cháu đích tôn là Chu Duẫn-văn(3) được tôn lên làm vua, tức Huệ-đế (1399-1403). Trong khi đó người con thứ tư của Thái-tổ và chú ruột của Huệ-đế là Yên-vương Chu-Lệ đang cai trị ở Bắc-kinh không phục nên đã đem quân cướp ngôi của cháu. Trong việc này, bọn hoạn quan thái giám có công to vì đại đa số ủng hộ ông. Vì vậy khi lên ngôi vua Thành-tổ đã xóa bỏ lệ cấm thái giám của vua cha và còn trọng dụng bọn hoạn quan thái giám, sai đi sứ, cho tham dự các việc quân cơ. Hơn nữa, nhà vua còn cho lập Đông-xưởng trao cho các thái giám phụ trách (người đứng đầu có chức Đề-đốc) để làm tai mắt cho nhà vua, dò thám sự việc trong triều đình cũng như ngoài dân gian, nói là để đề phòng những kẻ làm phản hay có ý đồ bất chính có hại cho nhà vua, nhất là vì nhà vua đã cướp ngôi của cháu ruột nên không được lòng rất nhiều người.

Thái giám được trọng dụng nhất đời vua Thành-tổ là Trịnh-Hòa. Năm 1405 y được phái đi sứ nước ngoài. Sứ đoàn do y chỉ huy gồm một hải đội 63 chiếc thuyền, lớn nhỏ đủ cỡ, với 27.870 người gồm các tướng sĩ, binh lính, văn quan, thư ký, v.v., đem theo nhiều vàng bạc, tơ lụa. Sứ đoàn đã đến nhiều nước để biểu dương uy đức của nhà vua hoặc dùng

binh thị oai nước nào không phục. Từ năm 1405 đến 1433, qua ba triều vua Thành-tổ, Nhân-tôn (1425-1426) và Tuyên-tôn (1426-1436), Trịnh-Hoà đi sứ nước ngoài 7 lần, bắt được vua nước Palembang (chuyến đi thứ 1) và vua Tích-lan (chuyến đi thứ 3), trải qua 40 nước: 14 nước ở phía đông bán đảo Mã-lai, Đại-Việt (chuyến đi thứ 1), 6 nước ở Ấn-độ, 7 nước quanh Sumatra (nay thuộc Nam-dương), 5 nước Ả-rập, 3 nước ở châu Phi, v.v., nghĩa là phía đông nam đã đi tới Nam-dương, phía tây đến Hông-hải, phía tây nam đến đông ngạn châu Phi và phía nam đến đảo Madagascar.

Tình hình càng tệ mạt hơn nữa vào các đời vua sau, là những vua ươn hèn và hầu hết khi lên ngôi hãy còn nhỏ tuổi. Trong khi đó con số thái giám tăng lên rất nhanh, khoảng 20.000 người vào giữa thế kỷ thứ 16, đời vua Gia-tĩnh. Họ được phép học hành, được ban cho nhiều quyền cao chức trọng. Các thái giám còn được dùng làm bí thư hay thư ký cho nhà vua. Vì sớ của các quan tâu trình thường dài lê thê, quá nhiều chi tiết, nhiều ý kiến, nhiều nguyên tắc được nêu lên, khó mà nhà vua có thể nắm vững được, dù có hết sức chú tâm đọc, do đó các thái giám được phép đọc các sớ trước rồi khẩu trình lên nhà vua. Mặt khác, các vua thường chỉ phê duyệt vài sớ trình thôi, còn các sớ khác cho thái giám toàn quyền định đoạt. Vì vậy, bọn thái giám có thể một mặt bao vây các vua, mặt khác tha hồ tác yêu tác quái, lũng đoạn triều đình, vơ vét tiền bạc của cải tài sản của đủ mọi hạng người, không phân biệt là quan chức triều đình hoặc địa phương hay dân chúng. Ngoài ra, các vua lại được bọn thái giám xúi giục xây dựng nhiều cung điện mới, phí phạm của công, để họ có dịp ăn chặn, ăn cắp. Nhiều vị quan liêm chính không chịu nổi sự lũng đoạn của bọn thái giám chỉ còn nước từ quan. Chính việc vua Anh-tôn (1436-1465) bị quân Mông-cổ bắt làm tù binh (như chúng ta sẽ thấy trong một đoạn sau) cũng là do thái giám Vương-Chấn và đồng bọn xúi giục. Ngay cả khi vua Anh-tôn được quân Mông-cổ thả về nước, bọn hoạn quan thái giám lại đã tham dự việc phế vua Cảnh-đế (1450-1457)–người kế nghiệp khi vua Anh-tôn bị bắt làm tù binh–nên càng được trọng dụng hơn. Đời vua Hiến-tôn (1465-1488), nhà vua cho lập thêm Tây-xưởng và cũng trao cho các thái giám coi sóc, để dò xét việc ngoài, gây ra hà nhiễu, vu hại trăm họ. Có rất nhiều người bị bắt giữ, bị giết hay mất tích, khiến cho quan dân oán hận rất nhiều. Đấy là chưa kể việc hai xưởng vệ này cạnh tranh nhau rất dữ dội và giết hại người của nhau nên đã đem lại thêm nhiều rối loạn trong triều đình cũng như ngoài dân gian.

Trong đời vua Hiếu-tôn (1488-1506), uy thế của thái giám bị suy giảm đôi chút vì không được nhà vua tin dùng. Sang đời vua Võ-tôn

(1506-1522), bọn hoạn quan thái giám vì có công phò nhà vua lên ngôi nên lại được tin cậy trở lại. Họ một mặt được phép tự quyết định mọi việc triều chính, mặt khác lại cung cấp mọi thú vui cho nhà vua, khiến nhà vua không chút bận tâm đến việc triều chính chỉ lo hưởng lạc, bầy cho nhà vua làm nhiều điều phi pháp khác. Bọn thái giám này do Lưu-Cẩn cầm đầu và được sự ủng hộ của một nhóm nho sĩ và một số người trong giới trung lưu. Trong thời gian Lưu-Cẩn nắm quyền, y lũng đoạn việc nội chính và giết hại các hoạn quan thái giám thuộc các phe phái chống đối. Y còn được nhà vua cho phép ban hành các luật lệnh. Do đó việc làm đầu tiên của y là bãi chức hơn 300 đại thần cùng các nhân vật quan trọng trong các phe chống đối và bổ nhiệm thủ hạ hay thân tín vào thay thế. Ngoài ra y còn bắt buộc các tỉnh mỗi năm phải nộp cho y một số tiền rất lớn coi như là thuế đặc biệt. Chống lại phe của Lưu-Cẩn là phe họ Dương, trong đó có cả võ quan kiêm triết gia lừng danh Vương Dương-minh. Năm 1510 phe họ Dương vì mua chuộc được một thái giám khác trong cung nên biết rõ các kế hoạch của Lưu-Cẩn. Khi ở Tứ-xuyên có loạn, do sự khéo thu xếp của phe họ Dương mà Lưu-Cẩn không hề hay biết, viên thái giám này được cử chỉ huy một đạo quân đi dẹp loạn. Tuy nhiên, trước khi đi, quân của viên thái giám này lại tấn công phủ của Lưu-Cẩn, bắt được y và đồng bọn. Trong nhà y người ta tìm thấy 240.000 thỏi vàng, 57.800 đồng tiền vàng, 791.800 lượng bạc, 5 triệu thỏi bạc (mỗi thỏi nặng 5 lượng), 3 thúng đá quí, 2 chiếc áo giáp bằng vàng, 3.000 nhẫn vàng, v.v., tổng cộng giá trị hơn cả quốc khố trong một năm.

Khác với nhiều vua trước, vua Gia-tĩnh lên ngôi không nhờ sự trợ giúp của các thái giám. Vì thế mới đầu nhà vua còn kìm hãm được bọn chúng. Các triều thần đã nhân cơ hội này chấm dứt ảnh hưởng của các thái giám và đem xử tử những tên hung ác nhất. Trong khoảng 20 năm đầu, nhà vua đã chăm lo việc triều chính và sửa sang lễ nghi cung đình cho hợp với khuôn mẫu cổ-truyền đã bị các vua đầu tiên nhà Minh bãi bỏ hoặc không theo đúng. Tuy nhiên, vào lúc trung niên nhà vua lại đâm ra chán các hoạt động quốc gia nên đã ẩn mình trong Nội-thành và mê việc thần tiên, suốt ngày chỉ chăm lo tu luyện kim đơn hòng mong được thuốc trường sinh bất lão, nên đã sao lãng việc nước và hầu như không bao giờ có mặt trong những buổi hầu triều cả. Vì thế bọn hoạn quan thái giám lại có cơ hội tiếm quyền làm bậy. Hơn nữa, cả hai Đông-xưởng và Tây-xưởng chẳng những đều có quyền dò xét trong từ các quan ngoài đến thứ dân mà còn có quyền xét xử những người bị các thái giám tình nghi bắt giữ. Họ đã dùng các cực hình như lột da, đánh gãy xương sống và nhiều nhục hình khác đối với những người này. Một khi án đã được một trong

hai xưởng vệ này quyết định thì tam pháp (nghĩa là Hình bộ, Đại lý tự, và Đô sát viện) không được phép hỏi tới.

Lại nữa, theo nguyên tắc, thuế má hàng năm thu được phải nhập quốc khố để nhà vua toàn quyền sử dụng theo ý muốn. Trong khi đó, các quan lại, thái giám, cung nữ, chỉ được cấp lương bổng rất thấp, không đủ chi tiêu. Họ được lệnh phải sống thanh đạm. Tuy nhiên tới đầu thế kỷ thứ 16, các hoạn quan thái giám không chịu sống như vậy. Các thái giám trọng chức sống xa hoa hơn các triều thần, chiếm nhiều phủ đệ lớn trong Hoàng-thành và có cả một đạo quân phục dịch gồm những quản gia, thư ký, đầy tớ, v.v. Theo tập quán, các cung nữ sống chung với các thái giám như vợ chồng. Tuy không thể sinh con được nhưng họ đã nhận nuôi nhiều người, kể cả các thái giám hạ cấp, làm con nuôi, cháu nuôi. Để có thể nuôi ngần ấy người, các thái giám đã áp dụng chính sách tham nhũng, ăn hối lộ, không chút nương tay.

II. Nạn Mông-Cổ Xâm-Lăng ở Miền Bắc

Mông-cổ là kẻ thù truyền kiếp của Trung-quốc. Tuy Minh Thái-tổ đã diệt được nhà Nguyên và đánh đuổi người Mông-cổ ra khỏi trung nguyên, cùng đem quân đánh vào tận đất Mông-cổ, nhưng đó chỉ cốt để trả thù chứ không thể làm cho Mông-cổ sợ hãi. Vì thế Mông-cổ lúc nào cũng là mối đe dọa lớn lao nhất, khiến Trung-quốc không mấy khi được yên ổn. Mặt khác, vua Thành-tổ lại đã thay đổi chính sách, xúi giục các tù trưởng các bộ lạc không thuộc bộ tộc của Thành-cát tư-hãn nổi lên chống đối bộ tộc này.

Khi vua Nguyên Thuận-đế (1333-1368) bị Minh Thái-tổ đánh bại phải lui ra ngoài ải bắc, bộ hạ là Quỉ-lực-xích đã cướp ngôi, bỏ quốc hiệu Nguyên, gọi dân bộ tộc mình là Thát-đát, rồi tự xưng là Khả-hãn. Đáng kể nhất là bộ tộc Ngõa-thích ở tây bộ Mông-cổ. Dưới sự chỉ huy của tù trưởng Thoát-hoan, quân Ngõa-thích đã giết được Khả-hãn Thát-đát và chiếm lấy đất đai của Thát-đát. Mạc-bắc do đó được thống nhất. Vua Thành-tổ bèn phong cho Thoát-hoan làm Thuận-ninh-vương. Ngoài ra, nhà vua còn thân-chinh chỉ huy quân Minh đánh thẳng vào thảo nguyên thuộc bộ tộc của Thành-cát tư-hãn năm 1410-1411; do đó quyền bá chủ thảo nguyên đã được chuyển từ dòng họ của Thành-cát tư-hãn sang dòng họ của Thoát-hoan. Tuy nhiên, chính việc này sau đã gây nên nhiều tai họa cho nhà Minh vì Thoát-hoan đã làm phản, chống lại nhà Minh. Chỉ đến khi Thoát-hoan đại bại y mới hàng phục Minh-triều.

Đời vua Minh Anh-tôn, con Thoát-hoan là Giả-Tiêu đã nhiều lần

đem quân xâm lấn Trung-quốc. Năm 1449, mượn cớ đòi cưới một công chúa Minh không được, Giả-Tiêu đã cầm đầu một đạo quân xâm lấn trung nguyên, hạ được nhiều đồn, và đánh phá cướp bóc hai tỉnh Sơn-tây và Hà-bắc. Nhà Minh phải triều cống hàng năm. Trong một cuộc hành-quân do Anh-tôn ngự giá thân chinh và quyền chỉ huy trao cho thái giám Vương-Chấn, một người không hề có chút kinh nghiệm và kiến thức về quân sự, quân Mông-cổ vây đánh quân Minh ở Tuyên-hóa, giết nhiều tướng sĩ cùng các đại thần và thái giám, tới 100.000 người. Chính vua Anh-tôn cũng bị bắt sống. Quân Mông-cổ thừa thế xông tới tận bên ngoài tường thành Bắc-kinh. Tuy nhiên vì không chuẩn bị việc vây hãm Bắc-kinh nên sau vài tháng họ phải rút quân về. Dù vậy nhà vua còn bị giữ thêm mấy năm nữa, sau vì Giả-Tiêu cần giảng hòa với Minh triều nên mới thả nhà vua về.

Quân Mông-cổ vốn không có ý định giết vua Anh-tôn mà chỉ muốn đòi một số tiền chuộc. Trong khi đó, các phe phái trong triều đình không ai buồn lo cứu nhà vua cả vì phe họ Dư đã tôn em trai vua lên ngôi, tức Cảnh-đế, và còn bận tranh chấp với nhau. Sau Mông-cổ phải giảm số tiền chuộc nhà vua rất nhiều, với hy vọng là khi nhà vua được chuộc về rồi thì các nhóm họ Thi ủng hộ vua Anh-tôn, nhóm họ Dư ủng hộ vua Cảnh-đế, cộng thêm nhóm họ Dương ủng hộ con trai vua Anh-tôn, sẽ xung đột nhau để Mông-cổ được hưởng lợi. Về ý đồ này Mông-cổ đã thành công. Khi vua Anh-tôn về nước, mới đầu phe họ Dư chiếm phần ưu thắng nên vua Anh-tôn bị phế bỏ, phải giam mình trong cung cấm, còn Cảnh-đế vẫn tiếp tục trị vì. Đến năm 1456 Cảnh-đế ngã bệnh. Phe họ Dư muốn phò con trai Cảnh-đế lên làm vua, còn phe họ Dương vẫn ủng hộ con trai của Anh-tôn. Cuối cùng Anh-tôn vì được phe họ Thi nâng đỡ nên đã đoạt lại được ngôi vua. Từ đó trở đi, trong 40 năm, các phe phái tranh chấp dữ dội, khiến nhiều người bị bắt, bị giết, hay mất tích. Sang đến đời vua Hiến-tôn thì hậu duệ của Thành-cát tư-hãn là Đạt-diễn đại-hãn lại thống nhất được Mạc-nam và Mạc-bắc, rồi xưng là Đại-Nguyên Khả-hãn. Các con cháu của Đạt-diên chia ra làm nhiều bộ tộc, trong đó có bộ tộc của Yêm-đáp mạnh nhất. Yêm-đáp đem binh quấy phá nhà Minh, có khi kéo quân đến tận Bắc-kinh cướp phá, giết chóc.

Trong suốt đời hai vua Thế-tôn và Mục-tôn (1567-1573) Trung-quốc không mấy khi được yên. Từ năm 1529 đến năm 1570 quân của Yêm-đáp nhiều lần vượt qua Vạn-lý Trường-thành tấn công trung nguyên, đánh phá các tỉnh Sơn-tây và Hà-bắc, và tiến dần đến Bắc-kinh. Năm 1550, quân Mông-cổ đóng trại ở ngay ngoại ô thành Bắc-kinh, lửa của quân Mông-cổ đốt lên chiếu sáng cả ngoại ô. Vì vậy năm 1552 Minh-

triều phải cho xây một bức tường thành để phòng thủ Ngoại-thành Bắc-kinh, nơi dân cư đông đúc. Tường thành cao hơn 9 thước, rộng hơn 7 thước ở dưới chân và ngót 5 thước ở đỉnh, cứ cách 50 thước lại có một cột trụ vuông để chống đỡ tường thành, trên nóc có chòi canh. Ngoài ra, quân Mông-cổ còn kéo xuống đánh phá tới tận Tứ-xuyên và Sơn-tây. Vua Gia-tĩnh quá sợ hãi nên sẵn sàng làm bất cứ những gì Mông-cổ đòi hỏi và phải thiết lập các thị trường ở dọc biên giới để cho người Mông-cổ có thể buôn bán với người Trung-hoa. Các thị trường này do triều đình kiểm soát.

III. Nạn Hải Tặc Nụy Khấu Ở Miền Đông

Ngoài nạn Mông-cổ quấy nhiễu ở vùng biên giới Hoa-bắc ra, các tỉnh duyên hải đông bộ Trung-quốc Giang-tô, Chiết-giang và Phúc-kiến, và nhiều khi cả tỉnh nội địa An-huy nữa, trong thời nhà Minh không mấy khi được bình yên, nhất là trong đời vua Gia-tĩnh và đặc biệt là trong thập niên 1550. Các tỉnh này luôn luôn bị các bọn hải tặc Trung-hoa, đặc biệt là bọn hải tặc Nhật mà người Trung-hoa gọi là nụy khấu (bọn cướp lùn), quấy nhiễu đánh phá, cướp bóc liên miên. Từ nhiều thế-kỷ trước, người Nhật-bản vẫn tiếp xúc với các tỉnh miền duyên hải Trung-quốc và ngay từ cuối đời nhà Tống (960-1280) các Hoa thương lại hợp tác chặt chẽ với các thương gia Nhật-bản và các hải tặc Nhật-bản giả dạng thương gia. Trong thời gian vương triều ngoại tộc Nguyên cai trị Trung-quốc ở Nhật-bản triều đình đã bị chia đôi thành Nam triều và Bắc triều. Khi Nam triều bị Bắc triều thanh toán, một số người Nhật chạy ra biển nhập bọn với các hải tặc và sinh sống bằng việc cướp bóc. Chúng hoành hành dọc miền duyên hải từ Triều-tiên đến Trung-quốc. Rồi đến thời Minh sơ, những người Trung-hoa bị hay cảm thấy sẽ bị triều đình bách hại nên đã cấu kết với hải tặc Trung-hoa và nụy khấu Nhật và cướp bóc, đánh phá các tỉnh Sơn-đông, Giang-tô, Chiết-giang và Phúc-kiến. Tuy chín phần mười hải tặc là người Trung-hoa nhưng các tên chỉ huy và huấn luyện phần lớn lại là người Nhật-bản; hơn nữa các sào huyệt của bọn họ đều đặt ở bên Nhật-bản.

Vì vậy Minh Thái-tổ phải nhiều lần sai sứ sang Nhật yêu cầu Nhật-hoàng trấn áp bọn hải tặc nụy khấu, nhưng đều không có kết quả, khiến có lần nhà vua giận trào họng và đã viết cho Nhật-hoàng như sau: "*Bay, một tên đông di ngu xuẩn, sống ở nơi xa xôi ngoài khơi ... sao bay dám ngỗ ngược bất trung, dám để cho dân bay làm những việc xấu xa ghê tởm...*" Năm 1387 nhà vua cho đặt cơ quan phòng vệ ở các miền duyên

hải đông bộ và nam bộ Trung-quốc. Ngoài ra còn đặt Thị-bạc Ty bề ngoài là để thu thuế thuyền bè nhưng kỳ thực chính là để chế ngự bọn cướp biển.

Đời vua Minh Thành-tổ, có một quyền thần Nhật tên là Túc-lợi Nghĩa-mãn sai sứ giả sang triều cống nên được nhà vua phong cho làm Nhật-hoàng. Nghĩa-mãn đã hiệp sức với Minh triều để đánh nụy khấu nên Trung-quốc mới yên được một thời gian. Tuy nhiên sau khi Nghĩa-mãn chết thì bọn nụy khấu lại nổi dạy. Các biện pháp phòng thủ của triều đình tỏ ra rất ít hữu hiệu vì khó có thể đặt nhiều quân lính đồn trú toàn vùng duyên hải dài đến 23.400 cây số. Lại nữa, bọn hải tặc nụy khấu thường dùng những thuyền nhỏ chạy nhanh để vào tận trong các vịnh một cách dễ dàng, ít làm người ta chú ý. Mặt khác, quân triều đình mỗi khi tới thì chỉ tấn công hay tảo thanh các nơi nghi có hải tặc nụy khấu ẩn trú hay có dân che trở chúng, rồi lại cướp bóc tài sản của dân trước khi rút đi không kém gì lũ hải tặc nụy khấu. Kết quả là thay vì đi diệt trừ chúng quan binh lại dồn dân chúng đến chỗ theo hải tặc nụy khấu nhiều hơn.

Đấy là chưa kể những cuộc cướp bóc đánh phá của bọn hải tặc nụy khấu còn gây ra một khó-khăn khác cho triều đình. Từ lâu đã có một lực lượng quân sự lớn đồn trú ở dọc biên giới bắc bộ Trung-quốc chạy dài từ Mãn-châu ở phía đông sang tới Trung-Á ở phía tây. Việc tiếp tế quân lương từ Hoa-bắc không thực hiện được mấy vì lương thực sản xuất trong vùng này luôn luôn đã không đủ cho dân chúng dùng rồi đâu còn gì để cung cấp cho quân lính nữa. Vì thế quân lương phải tiếp tế từ Hoa-trung lên. Tuy nhiên vì các vận hà ở Hoa-trung luôn luôn cạn nước hay không có đủ nước để thuyền bè chạy được, cho nên ở các vận hà này luôn luôn có hàng trăm chiếc thuyền bị kẹt, không còn cách nào chuyển vận quân lương lên tiếp tế cho binh lính đồn trú ở biên thùy Hoa-bắc. Ngay cả vận hà nào có thể thông được thì quân lương vẫn còn phải chuyển vận bằng đường bộ tới biên giới nữa. Vì thế triều đình phải tổ chức một hải đội gồm các thuyền cực lớn để chở quân lương bằng đường biển từ Hoa-trung lên Liêu-đông và Mãn-châu. Biện pháp này lại vấp phải trở ngại là các thuyền quân lương luôn luôn bị hải tặc nụy khấu đánh cướp nên cuối cùng triều đình phải giải tán hải đội. Đấy là chưa kể việc bọn hải tặc nụy khấu đã đánh phá liên tiếp các thành phố nào có xưởng đóng thuyền bè, khiến cho việc thiết lập hải đội càng khó thực hiện.

Trong đời vua Gia-tĩnh, triều đình còn bãi bỏ Thị bạc Ty nên bọn hải tặc nụy khấu càng hoành hành dữ. Chúng được sự phụ giúp của những kẻ vô lại ở gần biển. Chúng lập căn cứ ở nhiều hải đảo, từ đó cướp bóc đánh phá 7 tỉnh duyên hải. Năm 1522, chúng tới cướp phá và đốt sạch các

thành phố ở hai bên bờ Dương-tử giang. Năm sau, chúng đốt phá phủ Ninh-ba. Năm 1554 tướng giặc biển là Từ-Hải đã cầm đầu hàng vạn hải tặc Trung-hoa và nụy khấu Nhật-bản cướp phá các phủ, huyện trong vùng hai sông Chiết-thủy (còn có tên là Chiết-giang, Tiệm-thủy, Tiệm-giang, Tiệm-giang-thủy, Khúc-giang hay Chi-giang) và Dương-tử (còn gọi là Trường-giang), tới tận kinh đô phụ Nam-kinh. Năm sau, chúng lại kéo tới bao vây Nam-kinh và cảng Triều-châu tỉnh Phúc-kiến mà triều đình chẳng biết giải quyết ra sao. Mùa xuân và hạ năm 1556, bọn Từ-Hải đã hoành hành suốt vùng các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang, Phúc-kiến, An-huy, bao vây nhiều thành thị, đốt phá các vùng quê, đánh bại và khủng bố quân triều đình trong nhiều trận giao tranh, tập kích, và chiếm được nhiều chiến lợi phẩm cùng là bắt giữ nhiều người. Tổng đốc Chiết-giang là Hồ Tôn-hiến đã phải dùng mưu chứ không dùng võ lực đối phó. Ông cấm dân ở trong nội địa không được liên lạc hay tiếp ứng bọn hải tặc nụy khấu. Ngoài ra, họ Hồ còn nhử nhiều tên thủ lãnh với những món quà hối lộ lớn cùng những hứa hẹn (dù chỉ là hứa hẹn xuông) nên đã dụ được Vương-Trực, kẻ đứng đầu tất cả bọn hải tặc nụy khấu và là hải tặc rất lừng danh đến nỗi được suy tôn là "nụy khấu vương", ra hàng, xúi các tên thủ lãnh khác, đặc biệt là Từ-Hải và Trần-Đông, chống đối chém giết lẫn nhau, để rồi sau đó đem quân vây đánh doanh trại của Từ-Hải. Xác họ Từ tự vẫn ở một dòng sông đã bị Hồ Tôn-hiến cho vớt lên chặt lấy thủ cấp. Trong trận này họ Hồ còn chặt thủ cấp hơn 1600 tên thủy khấu và trong một cuộc tảo thanh kế tiếp quân triều đình còn bắt sống được một đồng minh Nhật-bản của họ Từ là Shingoro. Tuy nhiên dù Từ-Hải đã chết, quân triều đình phải mất thêm mấy năm nữa mới đánh đuổi được bọn hải tặc nụy khấu ra khỏi Phúc-kiến (năm 1563). Phải đến cuối đời vua Gia-tĩnh, đồng thời cũng là cuối thời Truyện Kiều, Thích Kế-quang và Du Đại-du mới hoàn toàn dẹp tan được bọn hải tặc nụy khấu.

Các hành động của bọn nụy khấu Nhật đã đưa đến một kết quả tinh thần khác kéo dài cho tới hiện tại. Đó là việc người Trung-hoa tin rằng bất cứ người ngoại quốc nào đến Trung-quốc bằng tàu bè, qua biển hay đại dương, toàn là bọn quỉ, còn tới bằng đường bộ thì dù là người của các nước luôn luôn thù nghịch với Trung-quốc vẫn được coi là người của bang hay quốc. Vì thế sau này, từ cuối đời nhà Minh trở đi, khi các người Âu châu tới – hầu hết vừa là thương gia vừa là hải tặc, hoặc là thương gia có hành động hay thái độ không khác gì hải tặc – đều bị coi là quỉ cả. Chẳng hạn người Âu châu nói chung bị gọi là BẠCH QUỈ (quỉ trắng) hay DƯƠNG QUỈ (quỉ đến bằng đường biển, hoặc quỉ từ bên kia đại dương tới), người Anh bị gọi là HỒNG MAO QUỈ (quỉ tóc đỏ). Trái lại, người

Trung-hoa đã coi người Nga như là người của một bang hay quốc vùng thảo nguyên, giống như người Mông-cổ, Mãn-châu, v.v.

IV. Các Cuộc Nổi Loạn Của Dân Chúng

Khi mới lên ngôi hoàng đế, Minh Thái-tổ đã ban hành một số đạo luật nhằm tước đoạt nhiều ruộng đất và căn bản quyền hành của những người giàu có. Đất đai của họ được phân phối cho bần nông. Ngoài ra nhà vua còn ra lệnh tất cả đất đai đều phải đăng bạ, mục đích ngăn ngừa nhà giàu trốn thuế. Hơn nữa, những đất đai nào của họ trước kia được miễn thuế nay đều phải chịu thuế. Vì vậy nhiều người giàu có bắt buộc phải di tới Nam-kinh. Tuy kế hoạch tốt đẹp như vậy nhưng ngay từ những năm đầu nhà Minh cũng chỉ được thi hành nửa vời, hay không thi hành chút nào, nhất là ở Thượng-hải, nơi sinh sống của các điền chủ, địa chủ giàu có vốn đã tài trợ cho quân của Chu Nguyên-chương trong lúc còn đang đánh nhau với quân Mông-cổ.

Mặt khác, Minh Thái-tổ còn ban ruộng đất cho họ hàng, con cháu, bạn bè, và cả những người trước đây đã ủng hộ nhà vua. Số ruộng đất cấp cho họ rất lớn, có người được cấp một số ruộng đất đủ để nuôi 20.000 gia-đình nông dân. Nhà vua còn ra lệnh cho quốc khố trợ cấp cho mọi người trong hoàng tộc, nhiều khi số tiền trợ cấp còn lớn hơn số thuế thu được trong vùng có nhiệm vụ phải trợ cấp. Đây là một chi phí khổng lồ. Riêng ở kinh đô, số trợ cấp lên tới 8 triệu thạch thóc, nghĩa là hơn 160.000 tấn. Theo con số ước tính thì năm 1500 số thuế người dân phải nộp là 266 triệu thạch thóc, trong đó hơn 8 triệu thạch đã được dùng vào việc trợ cấp riêng ở Bắc-kinh không thôi. Số trợ cấp này chẳng những là một gánh nặng cho quốc gia mà còn gây ra vấn đề vận tải khó khăn nữa. Mặt khác, Tử-cấm Thành, một khu vực lớn ngót nửa dặm vuông, gồm nhiều cung điện và phủ đệ, nhà ở của thái giám, cung-nữ (khoảng 3.000 người), tất cả đều nguy nga, tráng lệ, với nhiều cột kèo sơn son thếp vàng. Chung quanh Tử-cấm Thành là Hoàng-thành, diện tích khoảng ba dặm vuông, bên trong chi chít các đường đi và hồ nhân tạo. Phí tổn xây cất, tu bổ, bảo trì các toà nhà này không thua gì phí tổn trợ cấp mọi người trong hoàng tộc. Đấy là chưa kể còn có các chi phí về lương thực, thuốc men, du hí, giải trí, nuôi ngựa, võ khí, v.v. Ngoài ra, từ giữa đời nhà Minh, đại đa số ruộng đất trong nước nằm trong tay vua quan, thái giám, hoàng thân quốc thích, phú hộ, điền chủ, địa chủ. Tất cả đều được miễn thuế. Còn dân chúng thì ngày một lầm than, nghèo đói. Chín mươi phần trăm nhân dân không có ruộng đất cày cấy trồng trọt.

Vả lại trong thời Minh sơ, sự thái bình thịnh vượng trong nước đã tạo nên một hậu quả khá tai hại: đó là dân số tăng rất nhanh, khiến cho số lương thực cung không đủ đáp ứng cho cầu. Theo thống kê, năm 1381 đời vua Minh Thái-tổ, dân số Trung-hoa là 59.873.305 người. Tới năm 1578 đời vua Thần-tôn (1573-1620), con số đó tăng lên là 63.599.541, tức là thêm 3.726.236 người trong 197 năm, trung bình mỗi năm tăng thêm 18.915 người. Trong khi đó, dân số năm 1290 đời Nguyên Thế-tổ (1260-1295) là 58.834.711 người. Nếu đem so sánh dân số hai năm 1290 và 1381, chúng ta thấy trong 91 năm giữa đời hai vua khai sáng nhà Nguyên và nhà Minh, dân số Trung-hoa tăng có 1.038.594 người hay trung bình mỗi năm thêm có 11.413 người thôi. Như vậy, tỉ lệ dân số đời Minh tăng nhanh hơn tỉ lệ dân số đời Nguyên, mỗi năm thêm 7502 người hay 1.66%.

Đấy là chưa kể việc các hoàng thân quốc thích và quyền thần ganh đua với hoạn quan thái giám trong việc xây dinh lập phủ đệ hết sức đồ sộ, khiến hao tổn quốc khố rất lớn không cách bù đắp. Điểm đáng nói là con số những người có máu hoàng tộc lại không phải là ít, hơn 60.000 người vào giữa thời nhà Minh. Như trên đã nói, mọi chi phí của họ đều do quốc khố đài thọ, tạo nên một gánh nặng khổng lồ cho quốc gia. Trong khi đó họ lại không chịu bất cứ một sự kiểm soát nào của bất cứ một cơ quan nào và cũng không tham dự các hoạt động hay giữ chức vụ nào trong triều đình để có thể biện minh những chi phí của họ, gia đình họ. Họ chỉ biết hoàn toàn hưởng lạc, sống đời phóng đãng, bất chấp luật lệ, phong tục, và gây ra rất nhiều tội ác kể không sao xiết.

Thêm vào đó, vì chiến tranh và giặc dã liên miên nên triều đình mỗi năm một gia tăng gấp bội thuế má. Một phần ba thuế thu được đem dùng vào các chi phí cho quân đội. Từ đời vua Gia-tĩnh trở đi, Trung-quốc là thiên đàng của những kẻ thu thuế. Nạn nhân chẳng những là các nông dân mà còn cả các thị dân nữa. Tài sản của họ luôn luôn bị thái giám, quan quyền, điền chủ, địa chủ, cường hào, ác bá nhòm ngó, bịa đặt nhiều chuyện vu cáo để có cớ cướp đoạt.

Nạn hối lộ, tham nhũng vì thế không sao tránh được. Đấy là chưa kể ăn hối lộ và cho hối lộ là một tật đã có mấy ngàn năm lịch sử và đã ăn sâu vào tim gan của người Trung-hoa để trở thành một bản tính tự nhiên, đến nỗi người ta cho rằng nếu không biết cho hối lộ và ăn hối lộ thì không phải là người Trung-hoa nữa. Nạn này đã được tiểu thuyết hóa trong Truyện Kiều. Như đã nói ở đoạn đầu bài này, vì lời vu oan của một tên bán tơ, cha và em trai của Vương Thúy-kiều đã bị bắt giữ, tra tấn dã man. Muốn cứu cha và em thì phải có tiền đút lót trên từ ông quan dưới xuống

đến bọn nha lại, mà của cải, tiền bạc, tài sản trong nhà họ Vương đã bị bọn công sai cướp sạch, nên cực chẳng đã Thúy-kiều đành phải bán mình, bề ngoài là lấy lẽ tên giám sinh họ Mã nhưng thực ra bị mua về để làm gái điếm cho một lầu xanh.

Đi đôi với nạn hối lộ, tham nhũng là tệ nạn mua quan bán tước. Tới năm 1469, toàn quốc có hơn 100.000 quan văn và hơn 80.000 quan võ. Những người này đã phải trải qua nhiều kỳ thi rất khó khăn và rất tốn kém. Theo Vương Thế-trinh (1526-1590), đậu tiến sĩ năm 1547 đời vua Gia-tĩnh, thì vào thời đó muốn đậu cử nhân phải tốn ít nhất là 600 lượng bạc. Vì thế việc thi cử chỉ dành cho con nhà giàu có, con ông cháu cha, con những gia đình có móc nối với triều đình và các quan địa phương thôi. Đến khi được làm quan, lẽ dĩ nhiên họ phải ăn hối lộ để gỡ lại những số tiền bỏ ra khi đi thi cũng như để có nhiều lo lót dâng cho cấp trên, có như vậy thì mới có thể giữ yên địa vị cũng như để được thăng quan tiến chức. Thí dụ trong vụ đối phó với bọn hải tặc nụy khấu do Từ-Hải cầm đầu, lần lượt trong vòng chưa đầy một năm ba vị Tổng-đốc Chiết-giang là Trương-Kinh, Châu-Doãn và Lý Thiên-sủng đã bị bãi chức khi mới tựu chức được một vài tháng (Châu-Doãn nhậm chức được đúng một tháng) và có hai người còn bị xử tử (đó là Trương-Kinh và Lý Thiên-sủng) không phải vì họ bất tài hay phạm lỗi trong việc diệt trừ bọn hải tặc nụy khấu mà chỉ vì không biết đút lót cho Thượng thư bộ Công là Triệu Văn-hoa, người được triều đình cử làm khâm sai thanh tra đặc biệt quân đội ở vùng Giang-nam năm 1555. Họ Triệu là một kẻ kiêu căng, ngạo mạn và tham lam quá độ. Sở dĩ họ Triệu được trao phó nhiều trọng trách vì y là thuộc hạ của Đại học sĩ Nghiêm-Tung, một tên lái buôn chính trị biết nịnh hót bợ đỡ và ham hối lộ đã được vua Gia-tĩnh trao phó cho tất cả mọi việc triều chính mà y tự do thao túng trong hai mươi năm (1542-1562) và con trai y Nghiêm Thế-phiên (còn đọc là "phiền") khét tiếng tham nhũng. Trong khi đó, Hồ Tôn-hiến trong hơn một năm đã được cử làm Tuần-phủ Chiết-giang (năm 1554) sau thăng lên Tổng-đốc (đầu năm 1556) bởi vì đã biết nịnh bợ và đút lót họ Triệu và qua họ Triệu tới cha con Nghiêm-Tung.

Còn về phần dân chúng, không mấy ai, dù là ở thành thị hay là thôn quê, được sống yên ổn. Họ sống trong lo sợ hết năm này sang năm khác. Tại nhiều nơi, nhất là ở các tỉnh miền tây bắc Trung-quốc, trong nhiều năm dân chúng bị chết đói đầy đường. Ngay chính binh lính cũng sống rất khổ sở, hai ba năm liền không được cấp phát lương bổng, bởi thế số người đào ngũ rất cao. Một thí dụ là năm 1392 tổng số quân sĩ của Minh triều là 1.198.442 người; đến thập niên 1440 con số đó tăng lên ngót

263%, 3.150.000 người; nhưng tới đời vua Gia-tĩnh, thế kỷ thứ 16, con số này chỉ còn lại một nửa. Một thí dụ khác là tại các địa phương quan binh (quân đội chính qui của triều đình) được tổ chức thành Vệ. Từ năm 1374 trở đi, theo nguyên tắc, mỗi Vệ có 5.600 quân, nhưng trên thực tế trong đời vua Gia-tĩnh tất cả mọi Vệ trong toàn quốc thiếu hụt ghê gớm. Vì thế, trong năm 1555, để đối phó với bọn hải tặc nụy khấu do Từ-Hải cầm đầu gồm ngót 2 vạn người, Hải-ninh Vệ trú đóng ở cảng Hải-ninh tỉnh Chiết-giang (bản doanh đặt ở huyện Hải-diêm) chỉ có 1.240 người thôi mà lại bị phân bố đi quá nhiều nơi nên không thể nào chống cự được.

Ngoài ra, vợ con dân cũng như lính rất dễ bị những bọn quan quyền, cường hào ác bá tìm cách cưỡng hiếp hay bắt làm tì thiếp, đầy tớ. Tệ nạn này đã được nêu ra trong Truyện Kiều qua việc Vương Thúy-kiều khi lấy lễ Thúc Kỳ-tâm đã bị vợ chính của họ Thúc là Hoạn-thư, cậy thế cha là trủng tể (tức tể tướng) đã lộng hành, sai gia nhân đi bắt cóc Thúy-kiều về làm con hầu để hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần ngay trước mặt chồng. Cuộc sống lầm than của dân chúng đã dồn lắm người đến chỗ phải tự tử, phải giết chết vợ con. Họ tự tử bằng cách thắt cổ, nhảy xuống sông hồ, uống thuốc độc, v.v. Họ tự tử ở những nơi công cộng và lắm khi ngay trước cửa nhà những kẻ làm cho họ phải lầm than.

Cũng có lắm gia đình đông con quá không thể nuôi được thì chỉ còn nước đem con gái sơ sinh dìm xuống nước cho đến chết hay đối với con lớn hơn thì đem bán làm gái điếm, làm nô lệ. Có thể nói là không có thời nào trong nước lại tràn đầy nô lệ như là trong đời nhà Minh. Những người nô lệ này không phải từ các nước khác chở tới hay là những người bị bắt trong các trận chiến tranh, giặc giã, mà lại chính là những người sinh sống ngay ở trong địa phương, thành thị, làng mạc của họ. Đối với con trai, nhiều khi họ không giết mà lại đem thiến đi để chúng có cơ hội được tuyển vào cung hầu hạ hoàng thất. Từ đời vua Gia-tĩnh trở đi, riêng con số người bán nam phục vụ trong hoàng cung này không thôi đã lên tới khoảng 20.000 rồi. Như vậy, tránh sao được mọi việc triều chính đều do các hoạn quan thái giám lũng đoạn như đã nói ở bên trên.

Như thế vẫn chưa hết. Các thợ thủ công, khoảng 300.000 người, cùng với gia đình của họ phải đăng ký với nhà nước để rồi nếu họ ở xa kinh thành thì cứ 3 năm lại phải về kinh đô phục vụ triều đình ba tháng, còn nếu ở gần thì mỗi tháng phải phục vụ 10 ngày. Họ không được trả công mà cũng không được phép đổi nghề. Do đó thợ thủ công nếu ở xa kinh đô phải mất rất nhiều thời giờ đi lại khi tới hạn kỳ phải về phục vụ triều đình. Ai may mắn lắm mới có thể chạy trốn trong lúc đi đường. Chỉ

từ năm 1505 trở đi họ mới được phép đóng thuế thay vì lên kinh thành phục vụ.

Hậu quả tất nhiên của các tình trạng này là nhân dân phải nổi dạy chống lại triều đình. Từ năm 1425 khi vua Minh Thành-tổ băng-hà đến năm 1644 khi vua cuối cùng nhà Minh là Trang-liệt-đế tức Sùng-trinh (1628-1644) phải tự tử sau khi bị Sấm-vương Lý Tự-thành đánh phá kinh thành và chiếm được hoàng cung, mở đường cho người Mãn-châu vào làm chủ trung nguyên, đã có rất nhiều cuộc nổi loạn lớn. Quan trọng nhất là vụ nổi loạn đời vua Võ-tôn đã nói ở bên trên. Vụ này xảy ra ở tỉnh Tứ-xuyên, sau lan sang tận đông bộ Trung-quốc. Cuộc nổi loạn này có sự tham gia của một số nho sĩ bất mãn với triều đình. Mới đầu chỉ là sự chống đối bọn cường hào ác bá địa phương, sau biến thành phong trào chống đối triều đình. Cuộc nổi loạn này kéo dài 2 năm (1510-1512) mới chấm dứt, không phải vì bị quân triều đình dẹp tan mà chỉ vì các tàu bè chuyên chở của phong trào bị bão đánh tan vỡ, họ không còn cách nào chuyên chở nữa.

Đáng kể còn có cuộc nổi loạn ở Giang-tây năm 1518. Từ khi vua Thành-tổ dời đô từ Nam-kinh về Bắc-kinh, các đại phú hộ ở Giang-tây bị thiệt hại rất nhiều. Họ trước kia sinh sống bằng việc cung cấp mọi thứ, nhất là ruộng đất và các sản phẩm điền địa, cho Nam-kinh. Đến khi Nam-kinh không còn được làm kinh đô của vương triều nữa (tuy vẫn được duy trì làm kinh đô phụ), các lợi tức thu hoạch được đã giảm rất nhanh và rất nhiều. Họ bèn thần phục một vị vương tử sống ở Nam-kinh để mong được che trở. Vị vương tử này sau nổi dạy chống lại triều đình và ủng hộ phe phú hộ Giang-tây. Cuộc phản loạn của vị vương tử này đã bị triết gia võ quan Vương Dương-minh đập tan. Mặt khác, Vương Dương-minh cũng dẹp tan được cuộc phản loạn của một số thương gia muối ở cực nam tỉnh Giang-tây, kế cận với tỉnh Quảng-đông. Từ thế-kỷ thứ 11 các thương gia buôn bán muối vẫn làm chủ vùng này. Họ nổi loạn sau khi đã bắt giây liên lạc với các thương gia ở Tân-an và cả với người ngoại quốc nữa.

Kết-Luận

Nói tóm lại, trong đời vua Minh Thế-tôn, niên hiệu Gia-tĩnh, tức thời Truyện Kiều, tình hình Trung-quốc không phải là hoàn toàn "Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng" như đại thi hào Nguyễn-Du đã mô tả. Rất nhiều biến cố đã xảy ra làm cho tình hình trong nước luôn luôn sôi động: trong thì hoạn quan thái giám và tham quan ô lại hoành hành bách hại nhân dân, cướp đoạt tài sản và cả vợ con quân dân; ngoài thì bị

Những đoản khúc rời
LÊ NGUYỄN

Xế bóng
Từ ta lạc nẻo phong trần
Bao xuân đông
được nhiêu lần thăng hoa?
Môi cười lệch - mắt lệ nhòa
Nỗi đau chất tụ đầy toa tầu chiều!

Xa người
Bên bờ cát lạnh giữa đêm
Nằm nghe sóng vỗ
buồn tênh cõi buồn
Em đi từ buổi hoàng hôn
Xa em
biển nhớ
bãi cồn hoang vu!

Mông-cổ ở miền bắc thường xuyên đe dọa, áp lực lúc nào cũng nặng nề, và hải tặc nụy khấu ở miền đông xâm nhập, đánh phá, cướp bóc liên miên. Nhân dân không mấy khi được sống yên ổn, không có đủ cơm ăn áo mặc, cho nên nhiều phen đã phải nổi loạn chống đối triều đình. ❐

CHÚ THÍCH

(1) Xem thêm Tạ-quốc-Tuấn, "Từ-Hải Có Chết Đứng Không?", Văn Học, số 125, th. 9/1996, tr. 22-29), về cái chết thực sự của Từ-Hải.

(2) Kê là cái trâm cài búi tóc của người Trung-hoa khi xưa. Sách Lễ-ký có câu "*nữ tử thập hữu ngũ niên nhi kê*" (con gái mười lăm tuổi thì cài trâm), cho là vào tuổi đó người con gái bắt đầu thành người lớn. Cũng vì vậy mới có tục lệ khi người con gái bắt đầu cài trâm thì cha mẹ có thể gả chồng cho rồi. Vì thế người Trung-hoa, cũng như Việt-nam, vẫn dùng cụm từ "*tuổi cập kê*" để chỉ tuổi 15 của người con gái và "*đến tuổi cập kê*" để chỉ là người con gái đến tuổi có thể lập gia đình.

(3) Không một từ điển Hoa ngữ nào chỉ cách đọc chữ viết bằng bộ HÒA ở bên trái và chữ VĂN ở bên phải. Chúng tôi đoán có lẽ đọc là VĂN. Có người cho rằng tên Huệ-đế là Chu Kiến-văn (chữ VĂN này viết như bộ VĂN).

thời bình thản

NGU YÊN

quá nhiều lúc màu đen là màu trắng
quá nhiều lần màu đỏ là màu vàng
chúng ta đang sống trong thời quen thuộc
mặt trăng mọc ban ngày
mặt trời mọc ban đêm

quá nhiều lúc thần linh là pho tượng
quá nhiều lần thú vật có linh hồn
chúng ta đang sống trong thời trí tuệ
dấu sắc dấu huyền khác nghĩa hiểu như nhau

quá nhiều lúc du tiền là hào kiệt
quá nhiều lần du silicon là giai nhân
chúng ta đang sống trong thời nhân danh sự thật
thiện dẹp trả tiền
định mệnh mua được không?

tôi nhìn xung quanh
xin hỏi
ai là tiểu nhân ?
ai là quân tử ?
ai là đàn ông ?
ai là đàn bà ?
ai là vợ mình ?
ai là chồng người ta ?
tôi chỉ thấy khắp nơi đang nhật thực
bóng tối đen trời
bóng tối ngấm đen tim
chúng ta đang sống trong một thời bình thản
quí vị an lành có sợ gì không ?

houston 29-09-97

Đọc muộn: *The Birth of Viet Nam* của Keith Weller Taylor

Tạ Chí Đại Trường

Trong hoàn cảnh cấm cửa chung và sự biếng nhác loay hoay của riêng mình trước kia ở Việt Nam, chúng tôi chỉ nghe về ông Keith W. Taylor trong dịp ông đến Sài Gòn để tham dự cuộc hội thảo "Tìm hiểu lịch sử Việt Nam" bắt đầu ngày 7.1.1991 và được tờ *Tuổi Trẻ* phỏng vấn, nhân đó chúng tôi mới nảy ra ý ngông là viết thêm lời đề tặng nơi một bài đã hoàn thành bởi vì ông tuyên bố đang nghiên cứu một thời đại tương tự. Còn quyển *The Birth of Viet Nam* xuất bản năm 1984 thì hình như chúng tôi đã đọc một bài (hay một đoạn?) điểm sách trong tờ *Nghiên cứu Lịch sử* nhân dịp ra Hà Nội cuối năm 1992 lục tìm mua các tạp chí nghiên cứu ở Trung ương không thấy xuất hiện ở Sài Gòn, có lẽ vì khủng hoảng đổi mới, ấn bản có hạn, cước phí gia tăng...

Bây giờ cầm trong tay quyển sách mượn tình cờ, thấy nơi trang bìa 4 có lời khen tặng trích từ các tạp chí chuyên ngành danh tiếng, trong đó có lời của các nhân vật Việt Nam mà một người là bảo trợ trên danh nghĩa tiểu luận Cao học của chúng tôi năm 1964 ở Sài Gòn, chúng tôi biết nói gì hơn trong lúc sống ở một nơi đầy dẫy sách vở thông tin với các phương tiện tối tân mà mình thì chộp được thứ gì hay thứ đó - lại viết bằng cái thứ "chữ" mình cũng chưa nắm vững, thông suốt?

Vả lại, trong tiến trình trau luyện kiến thức, tác giả cũng cho thấy mong muốn hoàn thiện hơn: tác giả cho biết tập sách đã in là sửa đổi từ luận án Ph.D. năm 1976 và theo như chúng tôi biết, chỉ mấy năm sau, tác giả đã trở về với Haudricourt nhận rằng phải đọc "vua cái" hơn là "bố cái" như người ta thường nghĩ về tôn hiệu Phùng Hưng, và tác giả đã thuận theo trong sách. Và lẽ tất nhiên chúng tôi không biết gì hơn nữa.

Nhưng đọc muộn và đứng ngoài lề học giới nghiêm túc một chút

cũng có lợi: đọc muộn là đọc *lệch*, cái lệch về thời gian khỏa lấp được cái lệch về kiến thức, thông tin. Gồm chung thì nhận định sẽ có thêm một chút dấu ấn của cảm giác, thay một phần cho cái rị mọ tờ a, tờ b của hàng hàng lớp lớp cố thủ trong cổ thư, tân thư.

Chiến tranh Việt Nam vốn đã tốn nhiều giấy mực, lời qua tiếng lại, mắng chửi đấm đá - chuyện đầy đọa cắt cổ mổ bụng bắn giết là thường rồi, không nói đến nữa. Nhưng do vấn đề Việt Nam nổi bật trong chiến tranh hiện đại đã nảy sinh những nghiên cứu sâu sắc hơn về nguồn gốc, về lịch sử, văn hóa Việt Nam, bao gồm nhiều giới, nhiều quốc gia chứ không như trước 1945 chỉ tập trung ở trường Viễn Đông Bác Cổ và một số học giả trong sự ưa thích riêng biệt. Thời gian sống và phục vụ ở Việt Nam hẳn đã làm cho người cựu chiến binh Keith W. Taylor từ sự lôi cuốn chung của tình thế mà đưa mình vào việc tìm hiểu lịch sử, cội nguồn của dân tộc, đất nước mình có một phần đời gian truân nơi đó.

Nhưng nghiên cứu cổ sử Việt Nam dựa trên văn bản quả thực cũng không vượt ra ngoài một số tài liệu đã khai thác ngay từ lúc khởi đầu, gần như không thể thêm gì hơn, nếu không chịu nhìn theo một hướng khác, điều mà chúng tôi đã cố gắng thử thách trong hoàn cảnh eo hẹp của đất nước và bản thân. Nhìn chung tình hình khai thác sử liệu về Việt Nam với những vướng mắc chính trị, ý thức hệ, sử gia Nguyễn Thế Anh cho thấy việc ông O.W. Wolters áp dụng cơ cấu luận có thể mở ra con đường mới cho việc nghiên cứu sử học ở Việt Nam. Con đường đó nếu chưa được có nhiều người theo thì cũng là một cảnh giác đối với sự trì trệ của thói quen thành hình.

Ông Taylor đã dựa vào các bài viết của những nhà nghiên cứu của Việt Nam để có thêm dồi dào tài liệu. Điều này cũng thật hợp lí, tránh được sự sai lầm của kẻ đứng ngoài mà một thái độ khoa học độc tôn tưởng có thể bù đắp được. Người tại chỗ, tuy với những nguồn thông tin méo mó, mờ nhạt qua thời gian vẫn có ưu thế là chỉ ra được một địa điểm cụ thể, một chi tiết nào đó của thời xa xưa, và quan trọng hơn nữa, là một tâm tình bản xứ để khai thác các tài liệu sâu sắc hơn. Cái sai sót của họ thì cũng như những sai sót bình thường khác, có điều khi chuyển qua những nhà nghiên cứu khác, nếu chúng vẫn còn đấy thì đó là lỗi của người sau.

Nước Việt Nam vẫy vùng thoát vòng ngoại thuộc bắt đầu từ 1945 có một thành phần tự nhận là chính thống đi theo một chế độ tập trung gắt gao nên trong ý thức truy cứu chân tướng dân tộc đã để nở rộ những viện, ban, ngành nghiên cứu nhân văn (họ gọi là khoa học xã hội) và đem lại những kết quả khá hấp dẫn. Nhưng nhược điểm cũng từ đấy mà ra. Quan niệm chính trị gắt gao dắt dẫn nghiên cứu khiến người ta phải nghi ngờ

những kết luận và có khi phải nghi ngờ cả đến những phát hiện được trình bày. Sự cô lập của phần phía Bắc (và cả nước sau 1945) do tình trạng chiến tranh phối hợp với sự tự chọn chủ nghĩa trói buộc đường hướng phát triển khiến cho kiến thức của nhà nghiên cứu thu hẹp trong khung cảnh đất nước, khu vực chủ nghĩa và được biện minh an ủi bằng tinh thần dân tộc. Có một (chủ nghĩa) *narcicism* trong các nghiên cứu nhân văn của học giả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) bao trùm che lấp một vài kiến giải khác lạ loé ra rồi chợt tắt vì không đúng đường lối. Chiến thắng liên tiếp với các cường quốc đã góp phần tạo dựng ý thức tự tôn ấy, và bất hạnh thay, cũng ảnh hưởng đến những nhà nghiên cứu ngoại quốc, tuy những người này ở vị thế đủ để không phải chịu sự chèn ép như của các học giả nội địa. Đây là một thứ *narcicism* không phải trầm tư mà huênh hoang bộc lộ còn kéo dài đến nay, nhất là trong văn chương chính thống thời đổi mới mà sự vướng vít trì níu nặng nề của quá khứ khoa đại cũ vẫn hiện diện để khỏa lấp sự vật vờ trong hiện tại, khỏa lấp những xấu xa của chế độ được bịt kín nay tiết lộ - tuy chỉ là những trường hợp để lâu cứt trâu hóa bùn. Cả một nền giáo dục sử học trong nước có dáng dấp giáo dục sử của Pháp trước Thế chiến I, tuy nơi này không tràn ngập một chủ thuyết chính trị như là chân lí sử học. Cũng nên nói cho chính xác hơn, là nếu gạt bỏ cái áo chính trị kia thì tinh thần tự tôn dân tộc ấy cũng tràn đầy trên sách vở Miền Nam và trong tâm trí những trí thức, nhà chính trị nơi này - giả định đối với những người có chú ý đến lịch sử.

Ở đây không có sự trói buộc bịt mắt ngựa của một đảng phái chính trị vững chắc nên tương đối đã có sự nở rộ của các triết thuyết thời thượng du nhập, có sự hồi tưởng khai thác một số tín lí phương Đông cũ theo đà phát triển các tôn giáo như một con bài chống Cộng có cơ sở địa phương, dân tộc, duy văn hóa. Từ nền tảng khởi phát đó người ta đi đến chỗ phủ nhận tinh thần khoa học (vì các bằng cớ vật chất hiện thực quá yếu so với mức độ thế giới được thấy) trong sự đề cao nền văn hóa Việt (Lê văn Siêu). Người ta mập mờ dựa vào "huyền sử" để chiếm đoạt các thành quả văn hóa Trung Hoa đổ về cho dân Việt - một thứ dân Việt (Nam) chưa được chính danh, cũng mập mờ, huyền sử không kém (Kim Định). Rồi khi phong trào di tản sau 1975 đưa các học giả đồng chí hay đồ đệ của "Trường phái Việt Nho" đó tiếp xúc với thế giới to rộng thì nền văn hiến Việt của những người này không chỉ lấn lướt Trung Hoa mà còn muốn chiếm đoạt cả thế giới trong một mớ ngôn từ uyên áo quá đà tới mức muốn nói gì thì nói, lần này có các giảng đường đại học, ngôn ngữ ngoại quốc, các hội nghị quốc tế đẩy mạnh thêm uy thế. Có điều ta không biết

sự khoa đại ấy có thực sự bày tỏ với người ngoài như đã xuất hiện trong ngôn ngữ dân tộc cho người di tản hay không?(1)

Tất nhiên tác giả *The Birth of Viet Nam* không sợ Đảng bắt đi cải tạo hay bị Ủy ban Khoa học Xã hội Nhà nước dìm bài không cho phổ biến, nhưng cả một sự tràn ngập sách vở và cao trào ủng hộ Miền Bắc như đã thấy khiến ông cũng bị ảnh hưởng.

Các học giả VNDCCH cố sức chứng minh có một sự liên tục từ Quốc tổ Hùng vương đến dân tộc Đại Việt sau thời Bắc thuộc. Để phản bác cái "cảm giác" rất hợp lí là Bắc thuộc trải qua cả hơn nghìn năm hẳn phải có sự thay đổi, họ tìm cách đắp nền móng cho ông tổ Hùng vốn chỉ xuất hiện sơ sài trên vài dòng chữ, bằng cách đào bới đất đai để sắp xếp cả một sự liên tục văn hóa từ Phùng Nguyên qua Đồng Đậu, Gò Mun rồi Đông Sơn gần hai thiên niên kỉ - không nói ra nhưng cũng ngầm chứng minh nền văn hiến 4000 năm là có cơ sở, tuy ai cũng hiểu "văn hiến" không phải chỉ mấy mảnh gốm lớn nhỏ, vài cục xỉ đồng là đủ làm đại biểu. Nhưng đó là các tài liệu đến thời kì ông Taylor trình luận án đánh dấu ở Việt Nam trên đất nước thống nhất bằng cuộc tranh luận quanh sọ cổ Châu Can (1976) chứng tỏ quyền uy chính trị lấn lướt khả năng học vấn. Vài năm sau, một nhà nhân loại học nói đến "những nét Á đã xâm nhập vào Việt Nam trong thời đại đồng-sắt" nhưng cũng phải ghép với "thời đại Hùng vương" không dám xê dịch rõ ràng đến thời Bắc thuộc.

Đem ghép văn hóa Đông sơn (và trước đó) với thời Hùng vương thật cũng có nhiều lấn cấn. Ngay đến lối giải thích chữ Hùng là từ chữ Lạc lầm lẫn mà ra cũng không đợi tới ông H. Maspero đi vào chi tiết mà ít ra ở Việt Nam cũng đã bắt đầu từ Ngô Sĩ Liên. Để chứng minh chữ Hùng có căn cứ trên một truyền thống địa phương riêng biệt với hệ thống Lạc, ông Taylor đã theo một giải thích ngữ học của ông Trần Quốc Vượng nhưng không kịp biết rằng đến năm 1992 một học giả khác đã bài bác cách giải thích kia. Người ngoài ngành chỉ có thể bằng vào luận cứ của chuyên gia, và trong trường hợp này các luận cứ ngữ học bài bác lại mang tính chất chi tiết chuyên môn vững vàng hơn của ông Trần Quốc Vượng. Còn mối liên hệ của "thời đại Hùng vương" và văn minh Đông sơn vốn chỉ căn cứ trên sự tương đồng về thời gian của giả định từ lịch sử thành văn và các giải đoán khảo cổ học mà thôi. Nhưng các hiện vật khảo cổ học được phát hiện lại chỉ dồi dào , có trình độ kĩ thuật cao (các trống đồng, búa đồng) trên những vùng đồng bằng xa với trung tâm quyền lực tập trung được coi là của vua Hùng, trái hẳn với sự thường tình phải có như kinh đô An Dương của nhà Thương Ân vậy.

Cho nên hình như cũng theo khuynh hướng thời đại mà ông Taylor

không nhắc đến các nhà nghiên cứu ở Miền Nam, trừ việc dẫn các bản dịch sách xưa. Tất nhiên cũng có lí do là thời ông xét đến nằm ở khu vực Việt cổ nên việc chú ý đến các nhà nghiên cứu ở Miền Bắc là đương nhiên và cần thiết. Nhưng ở vào đề tài của ông sao không nhắc tới *Việt Nam thời khai sinh* của Nguyễn Phương, giáo sư Đại học Huế? Cũng nên nói đến công việc đào tạo dở dang về sử học của các trường đại học Miền Nam. Theo suy nghĩ bình thường của người thời bấy giờ, ai học Văn khoa đều là để làm văn sĩ (theo mộng ước) hay thầy giáo (theo thực tế). Mà quả thực các bộ môn sử học và ngành liên hệ hình như cũng chỉ được phát triển theo đà bung ra của Đại học chứ chưa đủ điều kiện đẩy đưa ý thức và nâng cao tầm mức nghiên cứu. Tuy có một trường Đại học Sư phạm đào tạo giáo sư sử địa, nhưng giờ sử địa ở trung học là giờ ai cũng dạy được, và tuy từ nhóm sinh viên này phát xuất ra *Tập san Sử Địa*, chuyên ngành độc nhất ở Miền Nam, nhưng người viết gốc sinh viên tốt nghiệp rõ là rất ít oi.

Tất nhiên với thời gian thì cũng có thể hi vọng "lượng biến thành phẩm" nhưng thời gian không đứng về phía một chế độ chông chênh trong lúc khuynh hướng tả phái tràn ngập khắp thế giới. Trong tình hình đó thì người dạy các thầy cô dạy sử có khả năng không nhiềucũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Ông Nguyễn Phương thật quê kệch vật vờ trong *Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn* (Hậu Lê, Nguyễn bành trướng chứ không phải Tây Sơn!) và tự phụ bướng bỉnh trong *Việt Nam thời khai sinh*, nhưng lí thuyết của ông cho rằng dân VN vốn là gốc Hán thành hình trên châu thổ sông Hồng giống như người Anh trên đất Hoa Kì, Canada hay Úc, lí thuyết đó là đối cực của thuyết cho rằng dân Việt của vua Hùng đã liên tục trường tồn sau hơn cả nghìn năm Bắc thuộc. Một luận cứ như thế sao không được chú ý tới dù là chỉ để nhắc sơ qua trong chú thích hay hiện diện trong thư mục?

Ông Taylor tất nhiên không ép mình trong tinh thần dân tộc quá khích của các học giả Miền Bắc nhưng hẳn thiện cảm về một nước Việt Nam trong hiện tại đã giúp ông tuy lấy phần lớn tài liệu của Trung Quốc nhưng chứng minh được vẫn còn có một tập đoàn bản xứ hiện diện qua các giai đoạn chìm nổi ngoại trị để cuối cùng giành lấy quyền tự chủ. Luận cứ có vẻ thuyết phục nhất của ông (nhất là đối với người thời nay) là khai thác các con số thống kê nằm trong Bắc sử để chứng minh ở đây có cả đông đảo dân chúng bản xứ mà các đợt di dân Trung Hoa không làm sao tràn ngập được.

Song sự thành công ấy hình như cũng chưa được dứt khoát. Có những khoảng trống lịch sử được lấp đầy bằng các giải thích luận đoán

quá bạo, điều ấy thật ra cũng bình thường nếu ta chưa thấy ra rằng còn có thể có luận cứ khác theo một cách nhìn sự kiện lịch sử và tài liệu sâu sắc hơn.

Ít nhiều gì sự chấm dứt giai đoạn thuộc trị ở Đình Bộ Lĩnh, một người có vẻ bản xứ - vì không chứng minh được ông có phần máu Hán tộc nào không - khiến ta dễ nghĩ đến quan niệm cho rằng dân của vua Hùng vẫn mang đặc tính riêng để chống cường quyền ngoại trị qua hàng nghìn năm và rốt cuộc đã thành công! Dòng thời gian vốn là liên tục nên tuy vì đề tài ràng buộc nhưng những việc về sau vẫn vướng víu giai đoạn trước nên có thể giúp lí luận soi sáng thời đã qua trước nó.

Thật là khó khăn nhưng ta có thể nhìn như thế nào về đám dân đã giúp Đinh Bộ Lĩnh thành công, cho sử quan xưa đặt vào vai trò mở đầu một thời đại lịch sử? Rõ ràng Lí Bí không phải là "người Việt đầu tiên" (Nguyễn Phương) như chúng tôi đã bác bỏ thoáng qua trong một bài viết năm 1964 và bị ông Giáo sư Đại học Huế miệt thị chê trách vì mình chỉ là anh lính "độc giả" (NP) vô danh tiểu tốt lúc bấy giờ. Tất nhiên thường thì người gốc phương Bắc được ghi lại nhiều nên rất dễ nhận ra, nhưng người bản xứ thấp kém chuyển đổi theo khuynh hướng hướng thượng như ta thường thấy ở mọi nơi chốn , mọi thời đại thì sao? Bao nhiêu người vốn không phải họ Nguyễn nhưng hiện nay mang họ Nguyễn chỉ vì Việt Nam gần đây nhất có một triều đại mang họ đó? Nguyễn Tây sơn là một chứng cớ, Nguyễn của người Chàm Kinh cựu là một chứng cớ khác trong vô vàn trường hợp như thế. Cả đến họ Nguyễn-làm-vua cũng cố kéo tổ tiên mình lên đến ông Nguyễn Bặc xa xưa để đám con cháu lẫn lộn trong thân dân cũng bắt chước cách ghép gia phả như thế. Ấy thế mà dấu vết bản xứ cũng còn rất nhiều trong các trang sách của các triều đại Trung Quốc cai trị trên đất Việt cổ. Cả đến gần cuối Bắc thuộc - nghĩa là trải qua thời gian quá đủ để sự đồng hóa trở thành hiển nhiên - ta vẫn thấy có trường hợp Phạm Đình Chi, Đỗ Anh Sách mà ông Taylor có nhắc tới (nhưng hình như không lưu ý đến phong tục bản xứ ghép với các nhân vật trên), và chúng tôi đã lấy cả người và phong tục làm chứng dẫn khi viết về đất Việt ở thế kỉ thứ X. Tuy nhiên khi muốn lấy những chứng cứ ấy để công khai hoặc ngầm ý cho rằng dân trên đất Việt cổ của thế kỉ X chẳng hạn là có sự liên tục vững vàng chủng tộc của thời Hùng Lạc thì lại sa vào một sự quá khích khác. Sự so sánh nào cũng là khập khễnh vì tác động giữa các tập đoàn, thể chế chính trị xã hội không đâu giống đâu qua thời gian, nhưng có thể mường tượng dân Việt vào thời độc lập gần giống với các nước châu Mĩ có những nền văn minh bản xứ cao (Aztec, Incas) hơn tình trạng ở các nước Hoa Kì, Canada, Úc, Brazil...bây giờ.

Trên bậc cao quyền bính, sau thời kì các thủ lãnh bản xứ nắm quyền thì lại thuộc về người gốc Hán rất gần và cũng khá xa (Lí, Trần, Hồ). Ông Taylor đã thấy vấn đề khi ngược về thời kì tiền Bắc thuộc đã sửa đổi thuyết của Aurousseau và giải thích chữ Âu bên trong tên nước Âu Lạc. Mãi đến thế kỉ XV mới có một vương quyền thực sự địa phương với các ông lang đạo ở Lam Sơn còn nhớ nguồn gốc du canh du cư. Con đường từ Hoa Lư đến Thăng Long là chỉ dấu đảo lộn quyền bính từ thế X qua đến thế kỉ XI. Nhưng cũng chính tính chất độc lập, sự bám rễ vào địa phương đã khiến các tông tộc cầm quyền phải thay đổi chính mình. Và ở đây nối lên sự đồng điệu của chúng ta với tác giả, tuy rằng ta đi theo con đường khác để điều chỉnh lập luận của ông.

Trở lại vấn đề giải đoán tài liệu. Một đặc tính của sử học là tính chất riêng biệt thể hiện nơi những con người có danh tính cụ thể, những sự kiện có thời điểm xác định, cho nên lịch sử Bắc thuộc đương nhiên được ghi chép phần rất lớn về các quan lại ở trung ương, các người gốc Hán cai trị một đám dân ươn bướng ưa nổi loạn nhưng mù mờ danh tính. Muốn quân bình để bù đắp sự thiếu sót, nhiều sử gia đã lấy ngay các tài liệu địa phương, của sử Việt mà có khi Bắc sử không nói tới. Ông Taylor đã để cả một chương về Triệu Quang Phục chẳng hạn và nhắc đến ông này ở nhiều nơi khác hoặc để đối ứng với các nhân vật Bắc sử hoặc để ủng hộ vị thế của các nhân vật địa phương khác. Tiếc thay, Triệu Quang Phục không phải là nhân vật lịch sử. Cũng như Lí Ông Trọng, Cao Lỗ, Thánh Gióng, Lí Phục Man, Trương Hống, Trương Hát...

Thường các sử gia có nhận định là các tài liệu để lại, nếu có thêm thắt về sau, ít ra cũng có phần cốt lõi là đúng, cho nên đối với các nhân vật trên, người ta vẫn coi tính lịch sử của họ là không thể hay khó bác bỏ. Đúng là tính chất lịch sử của họ không thể bác bỏ nhưng không phải là ở tự thân con người họ mà là ở cách nhìn, quan niệm về hình tượng họ của các tầng lớp người nối tiếp qua thời gian để tạo nên lịch sử. Và do thế ta có thể nói đến các tầng lớp văn hóa trong các truyện tích chồng chất qua các đời. Lỗi không ở Lí Tế Xuyên và những người tiếp nối. Cái đề sách *Việt Điện u linh tập* (VĐULT) đã nói rõ ràng. Phân biệt phần u linh và phần trần thế, định rõ tương quan giữa hai phần ấy là việc của người đọc sách. *VĐULT* viết về các nhân vật nói trên sớm nhất là năm 1329 nghĩa là cách xa sự kiện khởi đầu đến hàng chục thế kỉ nên phải coi là đã để lại dấu ấn văn hóa nhiều đời thu gọn trong một vài trang giấy. Chúng tôi đã dùng quan niệm archéoculture để thấy ví dụ ông Cao Lỗ của đời Lí về trước được nhìn với hình dạng cụ thể của hòn đá (hay đống đá), "sù sì cao lớn", "sù sì thô kệch" rồi qua đến đời Trần nho hóa cao cấp hơn, người ta

mới che cái bề ngoài xấu xí cụ thể ấy bằng các từ chỉ đức tính của Thần - mà chưa làm mất được dáng vẻ cụ thể cũ. Rồi qua thế kỉ sau, tuy là cùng một triều đại, nhưng lúc bấy giờ nho sĩ đã chen vào các chức vụ cao của ttriều đình, có lúc chiếm địa vị "hành khiển" (tể tướng) của hoàng tộc, đi vào văn miếu thì danh hiệu tôn xưng mới mất hẳn dấu vết cũ, còn lại cái tên giống ở các sắc thần đời sau phong cho các vị "hộ quốc tí dân". Cũng như từ một chú thích của *Toàn thư*, ta thấy chuyện ông quan đời (Hậu) Lê sơ không cho bà Dương hậu ngồi chung với hai ông Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành chứng tỏ có sự khác biệt về quan niệm gia đình ở hai thế kỉ XIV và XV. Việc tách rời các lớp đất văn hóa trong thần tích khiến ta khỏi đánh trụm thần tích một cách đơn giản và bởi cách tìm *cốt lõi*, ta đã làm nghèo nàn tài liệu hơn, thay vì khi nhận ra được diễn biến lịch sử trong thần tích ta đã làm giàu tài liệu hơn.

Tuy nhiên một khi để các vị thần mất đi tính chất xác thân con người, trở lại ngai thần, không phải tài liệu đã mất tác dụng chứng minh tính cách bản xứ của Thần, không phải chúng đã đánh mất vai trò khai sinh nước Việt. Trái lại là khác. Chúng tôi đã từng nói đến tình trạng con người thường xuyên sống giữa "giả, ảo" và "thật, thực" nhưng tất cả đã trở thành "thật, thực" để hướng dẫn các hành động có khi rất quan trọng trong đời, và do đó làm nên lịch sử. Khỏi phải cãi cọ chém giết nhau vì vô thần hay hữu thần nữa! Các quan cai trị phương Bắc và thân tộc đồng loại họ đến thuộc địa phương Nam không phải chỉ thấy hình bóng những người dân bản xứ mà còn cả cuộc sống tinh thần của những người ấy nữa. Gần gũi thì dễ bị lôi cuốn nhập chung vào cuộc sống "thực" của những người dân ấy. Kênh kiệu xa lạ thì ít ra cũng có lúc e dè, e sợ. E dè như ông quan vùng Bạch Hạc nằm mộng thấy cả thổ địa Hán lẫn ông thần đá trong vùng. E sợ thì nảy ra câu chuyện ông Tiết độ sứ kiêm thầy địa Cao Biền bị thần Long Độ đuổi. Cho nên khi các ông thần đá, thần sông của Việt cổ hiện diện với quyền lực siêu nhiên với tên người (nghĩa là có xác thân) đi vào lịch sử thì càng tăng sức mạnh đương cự, đồng hóa của dân bản xứ đối với kẻ xa lạ đến cai trị, ngụ cư. Ý nghĩa vai trò lịch sử của Triệu Quang Phục và những "người" tương tự trong thời Bắc thuộc có thể hiểu một cách tích cực như thế. Đó là ta chưa nói đến tính chất bản địa đương nhiên phải chuyển biến trong tiếp xúc với các yếu tố xâm nhập bằng hòa bình hay cưỡng bức.

Phải nói đến tính chất *động* của quan niệm về bản địa, không phải chỉ vì quá khứ thời khai sinh mà còn vì tương lai của sử học Việt nữa. Cái *động* của đối tượng khảo sát được thành hình bởi cái động của đầu óc sử gia. Sau khi để ông Triệu Quang Phục làm nhiệm vụ lịch sử rồi thì hãy gửi

Gửi Lệ khi về K6
KHOA HŨU

Nhà một gian, số thầy tu
Chiếu manh nước lã cơm tù khổ sai
Ta còn chân dất áo gai
Tóc râu rừng rú dường dài chung thân
Ta còn mặt cúi tay bưng
Cái dau tan hợp nỗi mừng bèo mây
Ta còn oan giải oán bày
Tàn đi mấy lớp cỏ này lại lên
Về dây hình dại bóng điên
Ngồi canh thiên địa gác phiên luân hồi.

ông ta về chỗ của Bà Jeanne d'Arc - nếu hai người ấy lấy nhau được thì càng tốt trong cái Thượng giới Hi lạp lẫn lộn thần, nửa thần nửa người ấy. Và điều này thì tất nhiên để nói với người trong nước, người Việt. Nếu chỉ vì sự trì trệ xã hội mà còn phải giữ cái quan niệm về bài học lịch sử, về các thời hoàng kim học được của Trung Hoa để tự an ủi, để lấy đà đương cự với thế lực bên ngoài (mà không thấy sự trì níu cả nước vào lạc hậu của quan niệm ấy) thì cũng nên dành một chỗ cho sử gia làm việc, giống như Tư Mã Thiên có bị thiến cũng còn làm Thái sử. Sử gia ngày nay không được như nhân vật lí tưởng của chuyện "Triệu Thuẫn giết vua" thời Xuân Thu Chiến Quốc thì cũng gắng có chút can đảm như ông sử quan không cho ông vua Lê Thánh Tôn đầy uy vũ được xem những gì mình đã ghi. Cái bắt đầu đó của tương quan chính trị và chuyên môn hình như chưa bắt đầu trong nước ngày nay - và cả chưa có người để đặt vấn đề nữa. Cứ để chuyện nước loạn có ông Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt (ì ạch) mà bay, cầm roi sắt cứng cáp mà gãy rồi gượng nhổ gốc tre đánh giặc, cứ để chuyện đại loại như thế đầy trong đầu óc, sử gia loay hoay tìm biện minh thì mãi mãi anh ta vẫn cứ viết như anh phóng viên ca tụng người bộ đội giành cột cờ ở Trường Sa năm 1988 mà không thấy mặt thê thảm đau đớn của chiến tích bại vong có nguyên nhân từ trên tột đỉnh quyền bính. Còn để gông cùm "truyền thống" và tính lãnh đạo của Đảng biến cái sợ thành tự giác như thế thì sử Việt vẫn còn để người ngoài viết như một trò chơi kiến thức, chẳng góp phần chút nào với văn hiến Việt Nam hiện đại cả.❐

thơ Hoàng Xuân Sơn

(tặng Đỗ Quý Toàn)

Ngày hạn
Trời ngâm, tẩm
nắng
quên mưa
khô đồng lòng thuận
gió mùa
uyên xanh
cây ngả ngớn bóng
dè cành
nút ôi da thịt
buổi oanh yến
kề
nóng cào
suốt, mượt
oan mê
nhắm mắt ghì suối bỏng
dầm dề
tuôn.

mình như
Mình như chim gõ kiến
dục hoài một thân cây
thó mùn tâm gỗ nát
cầm cố óc gươm lầy

cây kiểng
Anh làm thơ như viên ngoại chơi kiểng
cắt tỉa công phu
cuối cùng thơ những cong
lùn tịt.

Vài điều về thơ nôm Nguyễn Trãi

Nguyễn Đình-Hoà

Cụ Ức-trai Nguyễn Trãi [1380-1442] đã từng làm 105 bài thơ chữ Hán (mà Nguyễn Thị Mỹ-Huyền, Tiến-sĩ Y-học, Chuyên-khoa Tâm-thần-học, đã phiên-dịch sang tiếng Anh làm luận-án tiến-sĩ văn-khoa tại Viện Đại-học Harvard, nhưng chưa xong hẳn để bảo-vệ lấy học-vị đó). Ngoài ra, nhà thi-hào kiệt-xuất của dân-tộc ta còn để lại 254 bài thơ nôm, là phần chót trong Ức-trai Di-tập. Lúc trước, ai cũng tưởng tập thơ quốc-âm đó bị mất: bộ sách *Ức-trai Tập* [Saigon: Phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hoá, 1971] gồm hai tập, do Hoàng Khôi phiên-dịch và chú-thích, chỉ có sáu quyển trên, tức văn-thơ bằng chữ Hán (kèm nguyên-tác) mà thôi.

Thật ra, về 254 bài thơ nôm trong *Quốc-âm Thi-tập* kia (tức quyển thứ 7 trong toàn-bộ thơ-văn đồ-sộ mà Nguyễn Trãi để lại cho hậu-thế) thì giữa thập-niên 1950 người ta đã phát-hiện được bản chữ nôm khắc in năm 1868, khiến cho chúng ta có được công-trình khai phá của hai học-giả Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Điềm, phiên-âm ra quốc-ngữ và chú-giải [Hanoi: Văn Sử Địa, 1956]. Cuốn sách giá-trị đó, tuy không kèm theo nguyên-tác bằng chữ nôm, nhưng đã giúp nhiều người viết bài khảo-cứu bàn về từng bài thơ, từng câu thơ, hoặc từng từ, từng chữ...để rồi dẫn đến cuốn *Nguyễn Trãi Toàn-tập* [Hanoi: Khoa-học Xã-hội, 1976]. Sách này, do Viện Sử-học chủ-trương, gồm có bản phiên mới của học-giả Đào Duy Anh (vốn hoàn-tất từ năm 1969) in ở trang 393-476, cùng bản dịch các văn-bản chữ Hán - như "Lam-sơn thực-lục", "Bình-Ngô đại-cáo", "Quân-trung từ-mệnh-tập", "Phú núi Chí-linh", Dư-địa chí", "Thơ chữ Hán", v.v. do các vị khác như Trần Văn Giáp, Phan Duy Tiếp, Văn Tân, v.v. phiên-dịch và chú-giải tường-tận.

Trước và sau hai bản quốc-ngữ nói trên, đã có nhiều bài viết thảo-luận về thoại quốc-ngữ nói chung, và về cách đọc chữ nôm này, chữ nôm

nọ, nói riêng: chúng tôi đã tường-thuật bằng loạt bài "Kiểm-điểm những công-trình nghiên-cứu chữ nôm", đăng báo *Văn-học* tại Nam California, và bài dài "Graphemic Borrowings from Chinese: The Case of chữ nôm, Vietnam's Demotic Script", đăng trên *Bulletin of the Institute of History and Philology, Academy Sinica* (Tập-san của Phân-viện Nghiên-cứu Lịch-sử và Ngữ-ngôn, thuộc Viện Hàn-lâm Trung-Hoa, Đài-bắc), Tập 61, số 2 (tháng sáu 1990), tr. 383-432.

Chỉ riêng một trường-hợp hai chữ "song viết" mà cũng nhiều cách giải-thích về ngữ-ý cũng như về tự-dạng {chúng tôi lược-trình trong bài viết "The case of 'song viết' in archaic Vietnamese", *The Vietnam Forum* (Đại-học Yale), số 6, Mùa Hạ & mùa Thu 1985, tr. 58-72}.

Bản dịch *Quốc-âm Thi-tập* sang tiếng Pháp của học-giả Paul Schneider (có tên Việt là Xuân-Phúc) thì được xuất bản tại Nice vào năm 1987, mười ba năm sau khi bản dịch tập thơ Bạch-vân-am của Nguyễn Bỉnh-Khiêm được xuất-bản tại Saigon. Công-trình phiên-dịch và chú-thích mới này rất nghiêm-túc, nhan đề là *Nguyễn Trãi et son recueil de poèmes en langue nationale* [Paris: Centre National de la Recherche Scientifique, 1987]. Trong lời tựa, Giáo-sư Pierre-Richard Féray, Giám-đốc Trung-tâm "Centre d'Etudes st de Recherches de l'Asie Orientale Contemporaine" thuộc Viện Đại-học Nice, cho biết đó là một công-trình hợp-tác giữa trung-tâm CERAC của Pháp và Viện Nghiên-cứu Hán-Nôm ở Việt-nam. Tập sách của Schneider đáng quí là, sau 573 trang gồm bản dịch và những lời chú-thích, còn có in đủ 254 bài thơ nôm, theo bản Phúc-khê 1868, được chụp lại ở trang i-lxxv - so với sách của Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Điềm, hay của Đào Duy Anh, chỉ có phần phiên-âm sang chữ quốc-ngữ, chứ không cung-cấp nguyên-tác bằng chữ nôm.

Ngay từ giữa thập-kỉ 1970, ta đã thấy ra lò một tuyển-tập về "Một Nghìn Năm Thơ Việt-Nam" do Giáo-sư Nguyễn Ngọc-Bích dịch sang tiếng Anh (*A Thousand Years of Vietnamese Poetry*, Nhà Xuất-bản Alfred A. Knopf, 1975), trong đó sáu bài thơ của Nguyễn Trãi được giới-thiệu.

Rồi trong hai tuyển-tập về thơ Việt-nam (*The Heritage of Vietnamese Poetry*, Nhà Xuất-bản Đại-học Yale, 1979, và *An Anthology of Vietnamese Poems*, Nhà Xuất-bản Đại-học Yale, 1996), Giáo-sư Hùynh Sanh-Thông đã cung-cấp bản dịch tiếng Anh của mấy chục bài thơ Nguyễn Trãi, riêng trong tuyển-tập trên có 79 bài.

Có được nguyên-bản chữ nôm cùng mấy bản phiên-âm ra quốc-ngữ và phiên-dịch ra Pháp-ngữ, Anh-ngữ, những nhà nôm-học tha hồ có dịp thảo-luận về thoại này, thoại kia.

Tỉ như bài số 1 "Vô đề" theo lối thủ-vĩ-ngâm, Nguyễn Trãi bắt đầu và

kết bằng câu *Góc thành nam lều một căn*. Chữ cuối này 間, Hán-Việt đọc *gian*. Trần Văn Giáp & Phạm Trọng Điềm (1956) phiên là *gian*, rồi Đào Duy Anh (1976) cũng phiên là *gian*. Đúng ra, nôm phải đọc là *căn*, để vần với chữ cuối câu 2 (*No nước uống, thiếu cơm ăn*), câu 4 (*Bà ngựa gầy, thiếu kẻ chăn*) và câu 6 (*Nhà quen xú-xứa, ngại nuôi vằn*).

Schneider có thiên-hướng đọc phụ-âm đầu th- (như trong *thú-thứa*, bài 1, *thâm*, bài 5, 21, 119, 248) thay vì *xú-xứa* nghĩa là "xuề-xoà, giản-dị", *xâm* nghĩa là "xâm-lấn" [theo Bùi Văn Nguyên, *Ức-trai Di-tập, Bổ-sung phần văn-chương*, Nxb Khoa-học Xã-hội & Nxb Mũi Cà-mau, 1994].

Học-giả Xuân-Phúc Schneider đã gia-công nghiên-cứu ngữ-học lịch-sử của tiếng Việt qua nhiều tài-liệu cổ-văn, thành ra rất có lí khi đề-nghị dùng những chữ cổ như *đìa* (viết "trì" 池), *luống* (viết "lảnh" 畛), v.v. Cụ cũng dẫn các từ-điển tiếng Việt có ghi chữ nôm bên cạnh mỗi mục từ hoặc mỗi thí-dụ minh-hoạ. Chẳng hạn, từ-điển Việt-Bồ-La của Alexandre de Rhodes (1651) ghi *khách-thứa* , rồi từ-điển Việt-Latinh của Pigneau de Béhaine, tức Đức Cha Bá-đa-lộc (1772, bản viết tay), ghi *khách thứa* - âm tiết sau viết bằng chữ *thứ* 次 và dịch nghĩa là *hospes*. Như vậy, *khách-thứa* đã theo luật đồng-hoá mà cho *khách-khứa*.

Một vấn-đề khác: Cụ Đào Duy Anh trước hay suy-đoán rằng nhiều chữ nôm bị sao chép lộn. Chẳng hạn, trong bài 18 (= Ngôn chí số 17), có câu (*Địch*) *lều ta dưỡng tính ta*, hay bài 27 có câu (*Địch*) *thanh phong lều một gian*, hay bài 162 có câu *Yên lạc một lều dầu địch*, chữ *địch* 迪 viết rõ ràng mà cụ Đào lại bảo chính là chữ *thú* 趣 bị viết lộn [*Nguyễn Trãi Toàn-tập*, trang 715]. Mãi năm 1993, Giáo-sư Nguyễn Ngọc-Bích đã dứt-khoát nói rằng từ đó - là một động từ - phải đọc là *rịt*, với nghĩa "cột (lều), dựng (lều)" [xem bài "Trường-hợp chữ "rịt" (phát âm theo miền nam) và cách viết nôm của nó" trong *Tuyển-tập ngôn-ngữ văn-tự Việt-nam để tưởng-niệm Linh-mục Lê Văn-Lý, Essays on Vietnamese Language and Writing in Memory of Reverend Lê Văn Lý = Dòng Việt* số 1, Guest editors Nguyễn Đình-Hoà & Nguyễn Khắc-Kham, tr. 101-116].

Riêng trường-hợp hai chữ "song viết" 双曰 , trong và ngoài nước có nhiều ý-kiến cho rằng đó là những từ *thong thả, nô bộc, sớm tối, song kiết, song biết, suông nhạt, rông vát, công việc*, v.v. Hôm 27 tháng 5 năm 11981, trong cuộc phỏng vấn tại tư-thất của Thầy ở Paris, Giáo-sư Hoàng Xuân-Hãn có nói với tôi rằng *song* chính là *xong* với nghĩa "achevé", "vraiment", "tout à fait", "rất", "thật", còn *viết* nghĩa là "rằng", và cả hai chữ nghĩa là "thật là". Giáo-sư Hoàng còn dạy tôi rằng đời Lê, người ta còn nói *làm song* với nghĩa là "rất tốt". Năm 1985, chúng tôi cho rằng giải-thuyết *sàng vạt* của Giáo-sư Lê Hữu Mục đáng được chấp nhận ("a

plausible one": bài đã dẫn từ *The Vietnam Forum* số 6, tr. 69-70).

Tuy nhiên về sau chúng tôi được Giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham chỉ-giáo rằng đó chính là hai chữ *song nhật* 雙日 nghĩa là "ngày chẵn, ngày các quan được nghỉ, không phải vào chầu vua nên được nhàn nhã thư thả". Căn-cứ vào tài liệu xưa nói đến cảnh "chuyết triều", "phóng triều', tức cảnh đi ở ẩn, Giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham đã khiến tôi xác-tín giải-thuyết ấy, được minh-hiển trong cả tám câu thơ nôm Nguyễn Trãi có hai chữ kia xuất-hiện. Cụ rành Hoà-văn và đã căn-cứ vào một tập từ-điển cổ của Nhật-bản nhan đề *Cố-sự Thục-ngữ Đại-tự-điển* (Koji Juku Daijiten), do Bảo-văn-quán xuất-bản tại Tokyo năm Đại-chính thứ 2 (tức 1913). Từ-điển này có mục "song nhật" ở trang 571 và "chích nhật" ở trang 881. Mục từ "song nhật" được định nghĩa là 'ngẫu nhật tức ngày chẵn, như 2, 4, 6, 8, 10', còn mục từ "chích nhật" được định nghĩa là 'cơ nhật' tức ngày lẻ, như 1, 3, 5, 7, 9', và có dẫn xuất-xứ là sách *Ngọc-khổn Thanh-thoại*.

Giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham cho tôi biết là Cụ đã có ý trình-bày vấn-đề "song viết" để cho đăng vào tập-san *Vietnam Culture Journal* của Nguyễn Quỳnh. Nhưng sau đó tập-san ấy bị đình-bản nên Cụ thôi không công-bố chuyện đó ở đâu, nhất là khi thấy "ông Nguyễn Quảng-Tuân đã viết về cùng vấn đề". Tóm lại Cụ Nguyễn Khắc-Kham chưa kịp công-bố thoại-thuyết của Cụ, thì ttrong nước Giáo-sư Nguyễn Quảng-Tuân tham-khảo *Đường-thư, Từ-hải, Từ-nguyên* (những sách không xưa bằng *Cố-sự Thục-ngữ*) viết bài xác nhận lập luận đó. ["Song nhật" chứ không phải "song viết", *Nghiên-cứu Hán-Nôm*, số 2-1985, tr. 60-67], cũng như Giáo-sư Bùi Văn Nguyên chủ-trương [sách đã dẫn năm 1994]. Như vậy, chúng ta có thể tin được rằng hai chữ nôm "bí ẩn" kia, chính là do người sao-tả lại đã viết sai: song nhật 雙日 (nghĩa là "ngày chẵn") - đối với 隻日 chích nhật (nghĩa là"ngày lẻ") - viết thành 𠦂曰 song viết, có thế thôi!

Trên đây, trong khuôn-khổ một bài báo ngắn, chúng tôi đã nói qua về một số điểm liên-hệ đến việc giải-mã chữ nôm trong tập thơ quốc-âm của Ức-trai Tiên-sinh. Hi vọng những bạn trẻ lưu-ý đến việc bảo-lưu di-sản văn-hoá Việt-nam đã được đôi chút hứng-thú khi theo dõi một vấn-đề ngữ-học lịch-sử liên-quan tới tiếng nói và chữ viết của người Việt chúng ta.❐

Những cọng lục bát tháng 9

LUÂN HOÁN

Xế bóng

tôi ngồi ngắm cái lưng tôi
chong trên đường nắng, hình như đã còng
co tay, vét một vốc lòng
vãi quanh, tạ ngọn gió vòng vo bay
bàng hoàng ngó lại gót giày
mới loanh quanh, đã trời mây mịt mù
tôi ngồi ngó sững tôi, như
gốc da thời ấu thơ mù khói hương.

Bỏ cuộc

tưởng rằng khỏi bệnh nghiện thơ
hóa ra ngôn ngữ nhởn nhơ trong lòng

buồn, tôi rón rén đi nằm
vui, tôi ngồi xếp bằng trông trần nhà
nhịn thèm, không trải thơ ra

vậy mà dại quá, vậy mà bữa nay
sợi mưa cù rũ suốt ngày
hồn dùn lên những ngón tay dỏ rần

chữ là hạt máu phân thân
chia xa nguồn cội, mong gần thế gian?

xuôi vai lạng quạng bò càn.

Độc thân

có ai đang ghé thăm tôi
hành lang vắng, chạm hơi người, nao nao
chập chờn rời vũng chiêm bao
trong tôi hờm sẵn câu chào, bâng khuâng
lắng lòng, đụng, giọt bụi ngân
nghe thăm thẳm cõi phơi thân phận chờ
một mình, chưa ngấm bơ vơ
thoảng hương người, máu hư vô tuần hoàn.

Phơi trăng

em ngồi dỗn bóng dưới trăng
góc sân gió dấy lá chen nhau cười
sao-trời làm dáng, đổi ngôi
mây tình tú khựng nhịp trôi, nghiêng mình
có người lấp ló làm thinh
hạt thơ trong máu cung nghinh nẩy mầm

tôi thì không, tôi chắc không
chẳng qua một phút bềnh bồng đến nay
vầng trăng tháng tháng thơ ngây
đã hoang vu từ phút giây khai tình

phơi trăng, chẳng dẫm bóng mình
vấp hương sương dọng bóng hình dỗn trăng.

Phán Xét

Mai Kim Ngọc

1

"Chào ân nhân."

Tôi ngẩng lên thấy ông tòa H. tươi cười nhìn tôi. Ông khổ người mảnh và cao, nhìn lên từ thế ngồi của tôi lại càng cao hơn. Tôi biết ông không chủ tâm mà nụ cười ông tuy dụng ý thân thiết nhưng vẫn giữ đúng mức, gần như đã được đo lường để thích hợp với khung cảnh.

Và khung cảnh là phòng xử của tòa án hành chánh liên bang tại vùng vịnh San Francisco, từng thứ tám một cao ốc mới, cửa kính rộng nhìn ra biển, tường lát gỗ đánh vẹc-ni, bàn ghế đóng bằng danh mộc, tiện nghi nhưng nghiêm túc. Tuy không có vành móng ngựa như tòa hình, bục xử cuối phòng cũng đồ sộ, đặt cao hơn những bàn ghế khác. Bên trái chiếc ghế bành lớn dành cho phán quan là lá cờ Mỹ rộng chừng nửa tấm mền, trụ cờ cao 3 mã Anh, đầy đủ uy nghi pháp quyền với con ó vàng trên gắn trên đỉnh.

"Ân nhân!, tôi nghĩ trong đầu. Tôi vẫn chưa quen mỗi khi bị ông tòa H. gọi như vậy. Nguyên do là trong một phiên tòa cách đây ba tháng, ông vừa mới thẩm vấn đương sự chưa đầy năm phút thì ôm ngực ngã từ trên bục xuống thảm. Tôi chạy tới, mới đầu khá lúng túng. Tuy có học tất cả những căn bản của cấp cứu, nhưng chuyên ngành sang bệnh tâm thần đã bảy năm nay, tôi không có cơ hội áp dụng phương cách hồi sinh nhân tạo cho người bị bệnh tim cấp tính. Nhưng đùn việc cho ai bây giờ, trong phòng xử chỉ có tôi là bác sĩ. Tôi đỡ ông nằm ngay ngắn lại, nới lỏng cà-vạt ông ra, khám qua thấy tim ông đã ngưng đập. Ông còn thở, nhưng mắt đục đần. Tôi giật phăng chiếc áo thụng đen của ông ra, dang tay đấm mạnh vào ngực ông. Tôi vừa bắt đầu những động tác cấp cứu thì ông ú ớ rên. Nắn cổ ông thấy mạch tuy không đều nhưng đã trở lại, tôi hoàn hồn.

Lát sau xe hồng thập tự tới, nhân viên cứu thương tiếp thu bệnh nhân và chở ông đi bệnh viện...

Ba tuần sau cuộc mổ tim sáu tiếng, ông bình phục và trở lại tòa làm việc. Ông cảm ơn tôi, kể rằng các bác sĩ mổ tim cho ông hay là sự can thiệp kịp thời của tôi là yếu tố quyết định cho sự phục hồi nhanh chóng và toàn vẹn của ông. Quả đấm thôi sơn vào ngực ông, tuy làm rạn hai chiếc xương sườn, đã thúc dục trái tim đã ngưng của ông đập lại và giữ bộ não nguyên vẹn cho đến khi giải phẫu.

Tôi không kiêu căng về việc tôi làm. Công việc ấy, bất cứ ai, dù một cô y tá, một anh hướng đạo, thậm chí một bác y công, sau vài giờ huấn luyện về cấp cứu cũng làm nổi. Nhưng đúng thời, đúng lúc, nó đem lại cho tôi một người bệnh biết ơn. Liên hệ của ông tòa H. với tôi từ đấy đằm thắm hẳn lên. Tất nhiên ông không suồng sã. Tòa H. không bao giờ suồng sã với ai. Nhưng sự giao thiệp của ông với tôi không còn là sự giao thiệp đúng mức và giá lạnh ông dành cho luật sư, hay những viên chức khác tại tòa.

Ông rổn rảng nói:

"Hai trường hợp hôm nay đều hữu ích cho bác sĩ cả. Họ bị cúp cấp dưỡng vì nghiện ngập, chắc bác sĩ chưa có dịp xử lý trường hợp này bao giờ. Mà chắc bác sĩ cũng chưa biết vụ quốc hội cuối năm ngoái thông qua đạo luật là bắt đầu tháng giêng năm nay nhà nước sẽ ngưng cấp dưỡng vì lý do bệnh tật, nếu bệnh tật do rượu chè thuốc sái gây ra. Dân nghiện bỗng dưng mất trợ cấp, vội vã dùng trăm phương nghìn kế để xin xét lại hồ sơ... Tôi tin là bác sĩ sẽ có dịp học tập thêm rất nhiều về tâm địa con người trong cảnh nghiện ngập qua hai trường hợp này..."

"Vậy sao?" tôi trả lời cho có trả lời. Tôi thoáng khó chịu, lại thấy sự việc khôi hài. Một ông tòa già, suýt chết về bệnh tim, lại sắp về vườn, mà thản nhiên chỉ dậy một bác sĩ chuyên bệnh tâm thần là tôi về chuyện nhân tâm. Sự thân mật với ông, mặc dầu tiện lợi nhiều mặt cho công việc và nghề nghiệp, quả là có cái phiền. Là thân rồi, ông tòa H. không giấu ý kiến ông có về tôi. Ông phục tôi, cho rằng tay nghề của tôi đã cứu mạng ông, nhưng vẫn đinh ninh là tôi non nớt về kinh nghiệm sống, nhất là với cái xã hội tối tăm của đám dân ghiền muốn lợi dụng quỹ an sinh, gây thiệt hại cho những người cần trợ cấp một cách chính đáng vì ly do tàn phế cơ thể hay tâm thần. Tôi ba mươi ba tuổi rồi, mà ông vẫn đối đãi với tôi như một đứa em út mới tốt nghiệp trung học.

Tôi mong sau câu chuyện nắng mưa, ông sẽ trở về văn phòng ông và để tôi yên. Nhưng ông không có ý định trở lại văn phòng. Ông hỏi tôi:

"Mà sao hôm nay bác sĩ đến sớm thế?"

"À, sáng nay tự nhiên xa lộ ít kẹt xe, hóa ra tôi lợi được mươi phút. Tuy nhiên ngồi đọc hồ sơ cũng không phí thì giờ."

Rồi ghi nhận nhận phòng xử chỉ có ông và tôi, tôi hỏi lại:

"Nhưng ông Tòa cũng đến sớm."

"Hôm nay nhà tôi có hẹn với bác sĩ gia đình, tôi chở con đi học. Tôi tới văn phòng từ 8 giờ kia. Thấy có người trong phòng xử, bước sang coi, hóa ra là bác sĩ."

"Cháu học lớp mấy rồi, ông Tòa?"

"Lớp 4, chương trình Gate, dành cho những trẻ em có khả năng đặc biệt."

Nụ cười kiêu hãnh của người cha bây giờ hoàn toàn hồn nhiên, gần như trái ngược với chiếc áo thụng đen lộ chiếc cổ cồn trắng tinh thắt cà-vạt xanh đậm có sọc nhỏ, nhã đến nghiêm nghị. Tôi bỗng ghi nhận mái tóc bạc phơ của ông. Không biết ngành tư pháp mấy tuổi thì về hưu, nhưng ông tòa H. chắc phải trên 65.

"Để tôi lấy ảnh thằng Vincent cho bác sĩ xem."

Ảnh thằng Vincent thật ra là ảnh một gia đình ba người, có bố, có mẹ, và có cậu con trai nhỏ. Cả ba mặc quần ngắn, áo dệt ngắn tay, và đi giày vải. Ảnh chụp trên chiếc thuyền buồm lớn đầy đủ phao, cầu tầu và lá buồm trắng. Xa xa đằng sau là ba hòn đảo Catalina... Đây là lần đầu tiên tôi thấy vợ con ông tòa. Ông có tiếng là giữ đời sống riêng tư cách biệt với công việc, ít khi mời mọc tiệc tùng bạn đồng sự.

"Marie bơi giỏi lắm. Nhà tôi trước khi là cán sự xã hội có hồi đã là huấn luyện viên bơi lội..."

Nghe ông tòa khoe, tôi nhìn Marie kỹ hơn. Người đàn bà trẻ quá chắc chỉ trên ba mươi chút đỉnh, và đẹp nữa. Một vẻ đẹp của người mẫu. Chỉ khác với người mẫu là khuôn mặt bà rất có hồn, có cá tính, lại đa cảm, với đôi mắt to làm cái miệng tươi không cười mà vẫn như cười. Chắc là vợ hai. Tôi nghĩ đến gia cảnh không ổn định của gia đình Mỹ ở Cali. Xem ra chuyện ly dị, chuyện thay vợ đổi chồng, đầy đủ với cha ghẻ mẹ ghẻ, con vợ trước con vợ sau, không từ cả giới phán quan...

"Tôi mới lập gia đình trở lại khoảng mười năm nay, vợ đầu tôi mất hai mươi lăm năm rồi, vì bệnh ung thư nhũ hoa," ông tòa lại nói.

Tôi giật mình, vì nét phân bua dù thoáng qua của ông làm tôi nghi ông đã đọc được sự phán xét ngầm trong đầu tôi. Xem ra mấy thập niên ngồi tòa, ông đã cao tay nghề trong việc đọc ý nghĩ người ta, từ luật sư, can phạm, cho đến bác sĩ giảo nghiệm. Ông tòa kéo ghế ngồi xuống bên tôi. Ông tâm sự:

"Bệnh gì mà tệ hại và đau đớn quá. Hơn hai mươi năm rồi, nghĩ lại

những cơn đau của nhà tôi mà còn thấy xót xa. Thành thử, tôi phải luôn luôn cảnh giác Marie là hàng năm nhớ khám bác sĩ về vụ này... Mà bác sĩ à, bệnh ung thư nhũ hoa bây giờ không còn độc hại như xưa phải không?"

Cái uy nghiêm của ông vừa bị sứt mẻ trong tôi vì chuyện vợ nọ con kia đã hoàn toàn phục hồi. Không, ông tòa không phải là thứ trăng hoa. Vợ chết cả mười lăm năm rồi ông mới tục huyền. Hơn nữa ông còn là một người chồng đầy đủ bổn phận, mất người vợ đầu cho bệnh ung thư nhũ hoa, ông quyết che chở cho vợ sau khỏi chứng bệnh hiểm nghèo này. Một người đàn ông hoàn toàn nghiêm túc, ngay trong chuyện tục huyền cũng nghiêm túc, bao giờ cũng thẳng tắp như cây roi của tư pháp...

Câu chuyện hàn huyên bị gián đoạn khi mõ tòa trịnh trọng bước vào báo cáo là đương sự và luật sư của y đã tới. Ông ra lệnh cho bên nguyên nhập tòa, đồng thời đứng dậy lên ngồi trên bục xử. Mọi người lục tục ngồi vào những ghế chỉ định.

Phòng xử im phăng phắc, nghi lễ tư pháp bắt đầu, và tôi biết từ giây phút này cho đến mãn phiên tòa, mọi người sẽ một điều thưa hai điều gửi, và gọi ông bằng danh hiệu hoa mỹ là *Your Honor*. Tước vị có lẽ tương đương với *Ngài* hay *Quan lớn* của ngôn ngữ pháp đình Việt Nam ngày xưa thời phong kiến. Tôi nghĩ có lẽ *Quan lớn* thì mới đúng với không khí trang nghiêm của tòa án Mỹ và phong thái ông tòa H..

Tòa hành chánh không có phạm nhân, chỉ có đương sự trong vai bên nguyên khiếu nại biện pháp hành chánh của cơ quan chính phủ. Anh ta là một người đàn ông khoảng 50, da trắng, tên T. Anh ta bất mãn vì sở an sinh đã cắt số tiền cấp dưỡng hàng tháng của anh từ đầu năm dương lịch, vì lẽ phần lớn sự bất lực của anh là do rượu gây ra. Phiên tòa hôm nay là để xét lại trong hồ sơ y tế xem có bệnh gì nặng nhưng không liên hệ đến rượu để cấp dưỡng tiếp, và với tư cách bác sĩ giảo nghiệm tôi có bổn phận giúp tòa làm quyết định này.

Anh T. và luật sư của anh chọn bệnh đau cột sống và bàn tọa để làm lý do xin tiếp tục trợ cấp. Như được tập luyện trước, anh T. sau năm phút thẩm vấn kêu đau lưng và đau bàn tọa, xin được uống nước. Uống xong ly nước luật sư rót cho, T. xin phép nằm xuống thảm để bớt đau.

Mặt lạnh như tiền, ông tòa chấp thuận. Vẫn ngồi trên bục cao, ông tiếp tục cuộc thẩm vấn, mặc dầu tôi chắc từ trên bục, ông chỉ còn thấy phần thân thể đương sự từ thắt lưng trở xuống, phần còn lại của đương sự đã bị mặt bàn che lấp đi. Từ dưới thảm, anh T. vừa rên ư ử, vừa trả lời vọng lên. Anh rên to, tuy vẫn một mực bẩm quan lớn, thưa quan lớn.

Hoàn cảnh có thể trở thành khôi hài. Nhưng ông tòa H. bình thản quay sang hỏi tôi là rên có bớt đau không? Tôi trình bày rằng người đau hay rên, nhưng không sách thuốc nào ghi là rên thì bớt đau. Ông gật đầu và từ tốn phán rằng bệnh nhân có thể uống thêm thuốc chống đau, nhưng khẳng định phải ngưng rên. Tôi ngạc nhiên là anh T. vâng lời tức thì. Lát sau, anh khai đã bớt đau và xin ngồi lại ghế, nghiêm túc và lễ phép cộng tác với cuộc thẩm vấn.

Khi đến lần tôi trình bày hồ sơ bệnh lý, tôi muốn giúp anh. Thật là khó khăn, vì ngoài bệnh rượu, tôi không tìm ra được một bệnh gì quan trọng. Chuyện đau cột sống và bàn tọa không được chứng minh bằng những trắc nghiệm cần thiết.

Nhưng tôi xúc động về toàn thể cuộc sống của anh. Trong hồ sơ bệnh tâm thần của anh, anh khai là cha anh bỏ vợ con đi biệt tăm từ khi anh sáu tuổi. Dượng anh làm thợ xe tại một ga-ra gần xa lộ liên tỉnh. Ông ta có tật đồng tính luyến ái, hãm hiếp anh hồi anh tám tuổi, lại đánh đập anh... Ông ta rượu chè thuốc sái, có tiền án về tội ăn trộm xe hơi, đôi lần làm ngân phiếu giả, ăn cắp lốp xe bình điện của ga-ra đem đi bán, vân vân... Mẹ anh bị ông ta bạc đãi, đánh đập, nhưng nhất định đeo theo người đàn ông vô lại... Lần cuối cùng ông ta vô tù, bà làm điếm để nuôi con... Có thể bà làm điếm từ trước... nhưng hôm bắt được quả tang vợ đang đi khách, ông ta đánh vợ xảy thai hai tháng... Bà ra khỏi cơn nguy cấp thời, nhưng ngày hôm sau y tá và bác sĩ bắt đầu điều tra về những thương tích trên mình bà và báo với nhân viên công lực. Khi cảnh sát đến nhà bắt nghi can, họ thấy xe hồng thập tự đã đỗ sẵn từ trước, sắp sửa chở xác nghi can vào bệnh viện. Dượng T. đã vào phòng ngủ tự tử bằng khẩu súng lậu mua từ bao giờ và mua làm gì chẳng ai biết. Mẹ T. ở bệnh viện về, tiếp tục làm điếm, tiếp tục bị kiểm tục bắt, sau cùng bị bệnh lao và qua đời trong nhà thương thí. Cuộc đời T. từ đó là những di chuyển từ cha mẹ nuôi này đến cha mẹ nuôi khác, từ trại mồ côi này đến trại mồ côi khác... đến năm mười tám tuổi, T. học được nghề sửa xe như bố dượng ngày xưa. Và như bố dượng, anh đụng độ với pháp luật. Vài bịch cần sa không biết tại sao lại nằm trong thùng xe của anh, vài chuyện hiểu lầm như khi nhân viên tiệm Target khám túi áo rộng của anh lại thấy chiếc máy ảnh chưa trả tiền không biết ai bỏ vào... Anh nghiện rượu từ năm 15 tuổi. Và nhờ những suy nhược thần kinh và thân xác do rượu gây ra, anh đã được quỹ an sinh cấp dưỡng bảy năm nay... Anh hy vọng chứng đau cột sống và bàn tọa mới khai sẽ giúp anh được tiếp tục trợ cấp. Anh tuyên bố cai rượu đã được ba tháng. Đến đây, mồ hôi anh đổ hột trên trán, và phòng xử nồng nặc mùi bia sau 20 phút thuyết trình của anh.

Tôi không ngờ có những người phải sống khổ, sống thấp đến thế. Cái khổ của những bệnh nhân tâm thần thuộc thành phần tiểu tư sản tôi đã trị liệu tại khu hành nghề tư của ban giảng huấn từ trước đến giờ, so với anh thật chẳng thấm vào đâu. Tôi tìm cách cứu anh:

"Thưa tòa, nếu chiếu theo hồ sơ thì tất cả bệnh tình của đương sự là do rượu mà ra. Nhưng trước cả bệnh rượu là một nguyên do không liên hệ đến rượu, mà tạo ra nhu cầu uống rượu của đương sự..."

Ông tòa lắng nghe, nhướng cặp lông mày. Tôi làm bộ tự tín, dõng dạc nói tiếp:

"Kính thưa tòa, đương sự từ thủa thơ ấu đã thua thiệt quá nhiều. Y đã không được sự nâng đỡ dìu dắt tối thiểu, nói chi đến sự khoan dung của cha mẹ, nên chi sự nghiện rượu..."

Ông tòa H. ngắt lời tôi:

"Xin lỗi, tôi muốn nhắc bác sĩ là tòa không phiền bác sĩ làm luật sư hay cán sự xã hội, mà cũng không mong bác sĩ cho ý kiến về hoàn cảnh cá nhân hay gia đình của đương sự. Tòa chỉ yêu cầu bác sĩ cho tòa hay là đương sự có căn bệnh thể xác hay tâm thần nào phù hợp với điều kiện sách để được tiếp tục hưởng trợ cấp không."

Bị ne vào đường rầy của y pháp, tôi chỉ còn nước tiếp tục và hoàn tất bản phúc trình bất lợi cho đương sự.

"Cảm ơn bác sĩ," ông tòa nói khi tôi hết lời. Rồi ông thông qua những thủ tục thường lệ để đúc kết phiên xử. Sau khi phát biểu lòng thương cảm quy ước, ông tuyên bố không có khoản nào trong bộ luật mới cho phép ông phán quyết thuận lợi cho đương sự. Thông báo chính thức về phán quyết của ông sẽ được gửi cho đương sự trong vòng 30 ngày. Nhát búa gỗ ông đánh xuống mặt bàn như dấu chấm hết không lay chuyển được của một bản án khắc nghiệt, tuy lịch sự và dân chủ.

Người đàn ông ngồi cuối bàn, hai bàn tay đỡ chiếc đầu bờm xờm có lẽ cả tháng chưa gội, hai vai so lên khi nghe quyết định của ông tòa. Thế ngồi tuy bình thường hơn thế nằm dưới gầm bàn lúc nãy khi anh kêu đau lưng, nhưng sự suy sụp của anh không còn là một màn kịch để ăn vòi xã hội, mà trung thật như cái tương lai mịt mù với nghiện ngập đói khát. Cái mạng lưới an sinh của xã hội này đã để lọt anh, và anh đang rơi vào hố thẳm.

2

Vụ thứ hai vào phút chót bị bãi bỏ. Luật sư cho hay thân chủ của ông ta hôm nay sao uống thuốc chống đau mà không thấy hiệu nghiệm nên xin tòa hoãn đến phiên khác. Khi người luật sư đi rồi, ông tòa hỏi tôi:

"Bác sĩ có biết *thuốc không hiệu nghiệm* nghĩa là gì không?"

Tôi nhìn ông chờ đợi. Ông cắt nghĩa, ngôn từ tư pháp của ông đúng mức nhưng vẫn không che nổi sự khinh miệt dành cho đám dân ghiền:

"Là hôm qua quá chén, hôm nay chưa dã rượu nên không dám ra tòa."

Cắt nghĩa xong, ông trở về văn phòng bên kia hành lang. Quá trễ để làm việc gì khác tôi ngồi lại lấy cuốn tiểu thuyết ra đọc, đợi giờ ăn trưa. Tôi đọc chưa được mươi trang thì cánh cửa phòng xịch mở. Tôi quay lại thấy ông tòa H. bước vào. Một tay ông cầm bình cà-phê, thứ bình thủy tinh tròn đai sắt chính phủ cung cấp cho công sở liên bang, tay kia mấy chiếc ly bằng bọt nhựa trắng chồng lên nhau.

"Bác sĩ uống chút cà-phê nhé?" ông mời tôi.

Rõ ràng là ông lại muốn nói chuyện với tôi. Tôi hơi ngần ngại. Tôi tiếc rẻ nghĩ đến cuốn tiểu thuyết nổi danh, mà mươi trang mở đầu vừa đọc xong hứa hẹn nhiều hấp dẫn. Tuy nhiên tôi không có cách gì khác là gấp sách lại để tiếp ông.

Ông nói:

"Tôi muốn nói chuyện với bác sĩ, vì trong phiên tòa vừa qua tôi đã cắt ngang khi bác sĩ đề cập đến hoàn cảnh gia đình và xã hội của đương sự."

Té ra ông bận tâm vì đã ngắt lời tôi một cách khá phũ phàng. Nhưng ngăn nắp trong tư duy, ông không cho sự bận tâm ấy quan trọng đến chỗ phải ngỏ lời xin lỗi, dù là xin lỗi xã giao. Ông xếp nó vào đúng chỗ của nó, chung một ngăn kéo với những khoản cần nói lại đôi lời, thế thôi. Đỡ cốc cà-phê từ tay ông, tôi xã giao theo đà:

"Câu chuyện có gì đâu, ông Tòa. Mà quả thật tôi cũng có lạc đề, vì để cảm tính ảnh hưởng nên đã định lái câu chuyện sang diện nhân tâm và hoàn cảnh... Nếu ở địa vị ông Tòa, chắc tôi cũng ngắt lời bác sĩ giảo nghiệm như ông Tòa đã ngắt lời tôi vậy."

Ông nửa đùa nửa thật bảo ông thích những người thông minh, vì nếu họ lạc đề là lạc đề có chủ đích, và khi thấy chủ đích khó thành công thì họ lại biết sớm nhận là mình lạc đề. Rồi nghiêm trang, ông bảo lạc đề hay không lạc đề không phải chuyện chính ông muốn bàn với tôi.

Lý do thật sự ông muốn nói chuyện với tôi, là ông thấy tôi có xu hướng chống chế cho đương sự. Ông tức cười là Marie vợ ông cũng có xu hướng đó. Ông tò mò là tại sao đám dân ghiền lại có khả năng quyến rũ

những người bình thường của xã hội bình thường.

Tôi thoáng ngạc nhiên, vì tôi không nghĩ là ông đem chuyện tòa kể cho vợ nghe. Không biết bà tòa đã tiếp xúc với dân ghiền trong trường hợp nào để có dịp tỏ lòng thương hại đối với họ. Nhưng ông đã nói tiếp:

"Bác sĩ tuy trẻ hơn tôi, nhưng tất nhiên là hành nghề cũng đã lâu rồi. Và bác sĩ biết đấy, nghề y cũng vậy thôi, phải giữ khoảng cách, phải lùi lại một bước mà hành nghề. Phản ứng một cách phủ tạng với vấn đề của thân chủ thì làm sao mà hành nghề lâu dài được. "

Tôi đối đáp:

"Nghề y thật ra bản chất khác nghề tòa án. Bệnh nhân có bệnh thì mình chữa, có đau thì mình ráng giảm đau cho họ... Nhưng ở tòa, chúng ta không chữa bệnh, mà phán xét là cái đau có đáng đồng tiền trợ cấp của chính phủ không."

"Có lẽ phải ít lâu nữa tôi mới quen với cách làm việc ở đây, là phán xét mà không nhìn đến con người toàn diện của bệnh nhân, cũng như hoàn cảnh gia đình và xã hội của họ."

Ông đáp lại cụt ngủn:

"Tôi phán xét theo bộ luật của tòa, mà tôi nghĩ bác sĩ cũng nên làm như vậy."

Tôi thấy không có gì phải bàn thêm. Câu chuyện của tôi với ông tự nhiên căng thẳng một cách chẳng đâu vào đâu, và từ nay tôi sẽ tránh những cuộc cãi lý vô bổ như vậy.

Tôi lại nghĩ đến cuốn tiểu thuyết vừa gấp lại, và hy vọng thấy tôi không còn mặn chuyện nữa, ông sẽ cáo từ để trở về văn phòng của ông. Nhưng ông không chịu đi. Như chữa cho cái cụt ngủn lại hơi sẵng của ông lúc nãy, ông nở nụ cười hiền lành, và đổi đề tài:

"Đương sự trong vụ xử vừa rồi làm bác sĩ xúc động đến vậy sao?"

Không còn hứng nói chuyện, tôi triết lý chung chung:

"Xúc động thì không đúng. Có lẽ tôi thắc mắc là bị ông tòa cắt trợ cấp rồi, con người đã xuống tận đất đen như đương sự sẽ ăn đâu, ngủ đâu?"

Ông tòa như sẵn câu trả lời:

"Họ ngủ bờ ngủ bụi, ngủ dưới gầm cầu xa lộ. Không, tôi nói sai, tôi nói chưa đúng hẳn. Mới đầu họ ngủ trong xe, tối tối đậu trong một bãi xe công cộng nào đấy. Cho đến khi bán nốt xe đi để mua rượu uống..."

Rồi ông lẩm nhẩm:

"Chiếc xe Corvette hai chục ngàn đồng, bán đi chưa được một phần

tư giá, bất cần cha mẹ phải vất vả bao nhiêu mới mua cho con được món đồ chơi đắt tiền ấy..."

Những chi tiết này quá chính xác để nói về dân nghiện chung chung, mà thật ra như liên hệ đến một bợm nghiện có chỉ định rõ ràng. Tôi toan hỏi ông đang nói đến ai, nhưng ông đã trở lại cái ý vừa bỏ dở dang:

"Còn ăn ấy ư? Bác sĩ đoán đi, họ ăn bằng gì nào?"

"Bằng tiền ăn xin," tôi trả lời, để thoáng tức cười trong bụng vì thấy mình rụt rè như một thí sinh vào vấn đáp.

"Không phải. Họ ăn xin, đông ý. Nhưng tiền xin được, họ mua rượu. Còn ăn, họ ăn bằng những đồ moi ra trong thùng rác. Những thực phẩm hư thối siêu thị vứt đi, hay ngay cả những món khách hàng ăn thừa bỏ mứa, vài miếng khoai chiên, góc cái bánh *hamburger* trẻ con nhai dở lè ra...

"Còn uống ấy ư? Họ uống rượu. À, bác sĩ muốn hỏi chuyện uống nước. Dễ lắm, họ uống bằng những vòi nước trong mấy nhà xí công cộng..."

Tôi nghĩ tất nhiên là ông sinh đẻ tại đây, ông phải biết xã hội này hơn tôi. Tuy nhiên nhớ lại phiên tòa vừa qua, tôi cãi:

"Chung chung có lẽ ông tòa đúng... Nhưng trở lại trường hợp riêng của đương sự phiên tòa vừa rồi. Tuổi thơ y như vậy, cha mẹ y vô trách nhiệm như vậy, hoàn cảnh y như vậy, sự thất bại của y không hẳn hoàn toàn do y gây nên..."

"Thành thử?"

"Thành thử, quốc hội khi làm luật nên chi tiết hơn, cặn kẽ hơn, thay vì cắt ngang xương trợ cấp của người ta chỉ vì bệnh rượu hay bệnh ghiền. Phải có chỗ cho những hoàn cảnh đáng giảm khinh..."

Ông tòa nhìn tôi, lại với cái nhìn dành cho một người không từng trải mà lại ưa bàn về sự đời. Ôn tồn gần như độ lượng, ông bảo:

"Bác sĩ có biết là nếu được tiền trợ cấp, đương sự sẽ tiêu vào việc gì không? Để tôi cho bác sĩ hay. Anh ta sẽ để tiền ấy uống rượu, còn lục thùng rác thì vẫn lục, ăn xin thì vẫn ăn xin... Vấn đề là bác sĩ nói chuyện nghiện ngập như nói từ ngoài nói vào, với sự đa cảm của người ngoài cuộc. Và như người ngoài cuộc, bác sĩ tin những lời dối trá của dân nghiện. Sự thật là phần đông các bợm ghiền đều đã được luật sư cố vấn cho đầy đủ bài bản. Mà không cần luật sư dậy, một khi sự nghiệp bình sinh là ăn bám xã hội, người ta sẽ phát triển rất nhanh những tài vặt ấy.

"Vài tháng nữa, hai ba chục vụ nữa, bác sĩ sẽ thấy câu chuyện của y hôm nay giống hệt câu chuyện điển hình của dân nghiện hút khi ngửa tay xin tiền trợ cấp. Cũng bị cha mẹ đánh đập, cưỡng dâm, cũng một thủa thơ ấu thua thiệt... Lỗi bao giờ cũng ở người khác... Đám nhân loại đặc biệt

này không phải là không láu cá đâu nhé. Bác sĩ muốn nghe chuyện gì, họ kể cho bác sĩ nghe chuyện ấy... Và họ bấm mặt bác sĩ để biết bác sĩ thích loại chuyện nào để họ kể cho mà nghe... Họ bán thân xác, bán con cái, bán cha, bán mẹ, bán cả Chúa để có tiền nghiện... "

Giọng hằn học nơi ông làm tôi khó chịu. Tôi buột miệng:

"Ông tòa như có một ác cảm phủ tạng với bệnh nghiện rượu. Tôi sợ như vậy không công bằng, nhất là ở tư thế phải phán xét người khác như ông tòa."

Ông tòa sững người, ngồi thẳng lại, tay dơ lên như muốn đập bàn. Tất nhiên là ông tự kiềm chế được và ngưng lại kịp thời, nhưng để lộ sự nóng giận dù trong vài giây cũng quá bất thường nơi ông. Tôi cũng tiếc là đã quá lời với con người khả kính.

Bất ngờ, ông hoàn toàn thay đổi thái độ. Mệt mỏi, ông trầm giọng xuống bảo tôi:

"Đúng, tôi có kinh nghiệm bản thân, hay phủ tạng như lời bác sĩ, với chuyện nghiện ngập. Mà không chỉ nghiện rượu mà thôi, tôi thù tất cả mọi thứ nghiện ngập trên đời này... Tôi có kinh nghiệm quá gần với nghiện ngập. Con trai đầu của tôi là một bợm ghiền."

Đôi mắt xanh như sắt nguội nhìn tôi không chớp. Tôi chịu mắt ông, nhưng không biết phải nói gì với lời tâm sự bất ngờ. Ông nhún vai, nói tiếp:

"Đến nước này thì tôi phải kể chuyện nó cho bác sĩ nghe. Con trai tôi nó uống từ khi đi học, đến khi ra trường thì nghiện thật. Nó giấu mọi người, sinh hoạt bình thường được vài năm, nhưng sau cùng thì mất việc. Ban đầu tôi cố gắng giúp nó, trả nợ đậy đầu này đầu kia cho nó, giúp nó cái xe, xin cho nó việc này việc nọ... nhưng rồi sau cùng cũng phải bó tay.

"Nó đã làm tất cả những chuyện tồi bại tôi đã kể về người nghiện cho bác sĩ nghe. Ngủ đường, ngủ chợ, lục thùng rác kiếm đồ ăn, thậm chí đã làm cả đĩ đực trên Tacoma. Nó đặt điều nói xấu cha mẹ, khi lấy lý do bệnh tâm thần đi xin tiền trợ cấp tại một tiểu bang bên miền Đông. Bác sĩ có thể tưởng tượng là nó khai với tòa là tôi vì công danh sự nghiệp đã lơ là nó... Thậm chí và dơ bẩn nhất, nó khai đã bị cả tôi và mẹ ruột nó ép dâm khi nó mới mười một tuổi."

Ông bóp trán như lời thú nhận làm cho ông đau đớn. Rồi ông nói tiếp:

"Nó đã khước từ những bổn phận tối thiểu của con người. Nó đã trút bỏ chút liêm sỉ cuối cùng... Con tôi đã có hồi từ giã loài người để gia nhập cảnh sống của giống súc sinh."

"Bây giờ anh ấy bao nhiêu tuổi?"

"Ba mươi bảy."

Nói xong, ông tòa ngồi yên, còn tôi như bị sốc bởi sự thú nhận bất ngờ của ông về sự thất bại trong đời sống gia đình. Sau cùng tôi nói:

"Tôi chia buồn với ông tòa."

Thấy ông lặng yên, tôi ngẩng lên nhìn ông. Ông như không nghe tôi nói. Không biết ông đã quá mệt sau câu chuyện đau lòng, hay ông xấu hổ đã ủy mị tâm sự riêng tư với người ngoài. Nhưng trông ông thư giãn như người vừa trút được bầu tâm sự. Yên lặng bao trùm lấy chúng tôi. Tôi đứng dậy cáo từ, nói dối là phải trở về phòng mạch vì có hẹn với bệnh nhân.

3

Một hôm khác chúng tôi gặp nhau trong *cafeteria* của pháp đình. Tôi hỏi thăm xã giao ông tòa H. về chuyện gia đình, không ngờ ông nghiêm túc đem việc nhà ra kể. Tất nhiên ông quá lịch lãm để hiểu những thăm hỏi xã giao không cần mà cũng không chờ sự trả lời dài dòng, và tôi khó chịu thấy mình đã bị xử dụng như một bình hứng cho ông trút bầu tâm sự.

Tôi nghĩ ông chọn tôi thay vì người khác cho chức năng này, có lẽ tại ông cảm thấy không cần giấu diếm gì với người đã chứng kiến ông nằm hấp hối sóng soài dưới đất, đã thấy cả bộ ngực xương trần trụi của ông không còn được che bởi chiếc áo thụng đen uy quyền của phán quan...

Ông sung sướng khoe cậu út không những học giỏi lại có khiếu về thể thao, được tuyển vào đội tennis của trường. Ông cho hay Marie vẫn bình thường, vẫn thương người, vẫn được xếp, đồng nghiệp, và thân chủ ở sở xã hội quý mến. Tôi hỏi sang chuyện cậu cả, ông bảo:

"Thật ra câu chuyện không đen tối lắm. Hôm trước, mải nói về sự sa đọa do rượu gây ra, tôi không kịp cho bác sĩ hay là thằng con tôi thật ra đã cai được mấy năm nay."

"Vậy sao?"

"Đúng vậy. Hai năm trước, tôi đã quyết định dùng biện pháp mạnh với nó. Tôi nhất định không cho nó thêm một đồng, nếu nó không sửa đổi. Nó chịu thua, xin ghi tên vào bệnh viện chuyên môn để cai rượu. Một năm sau và 20 ngàn đồng phí tổn lấy từ tiền dành giụm của tôi ra, nó đã trở thành bình thường. Cho đến bây giờ, nó không uống một giọt bia, một giọt vang, nó chỉ uống toàn cà-phê và nước ngọt. Đã gần năm nay nó kiếm được việc làm đốc công cho một hãng sản xuất ống cống bên San

Jose.

"Bác sĩ đừng vội khen tôi, trong việc này công của Marie rất nhiều. Bác sĩ biết đấy, nhà tôi nguyên là cán sự xã hội, sở trường trong việc cố vấn kẻ nghiện. Marie đã giúp tôi nhiều trong việc phục hồi thằng con trai đầu của tôi. Nó ra người rồi, một phần không nhỏ là công của Marie..."

"Nó bắt đầu biết lo cho bản thân, lo cho bạn gái cũng vừa cai sì-ke. Mấy tháng trước chúng nó muốn lấy nhau, nhưng Marie khuyên tôi nên cản. Marie xem tướng cô gái, thấy không có khả năng làm người vợ tốt, cuộc hôn nhân nếu thành tựu cũng không bền nổi mà chỉ đem lại khổ sở cho con tôi... Mới đầu tôi cho là đàn bà thường ít rộng lượng với đàn bà, nhưng tôi phải công nhận Marie tinh lắm, thấy những cái mà có khi tôi không thấy. Vả lại, con tôi mới phục hồi, như người chết đuối vừa được vớt, sức đâu mà vớt nổi người khác."

Ăn tới món tráng miệng, ông tòa hỏi tôi:

"Tôi muốn nhờ bác sĩ cố vấn tôi về một chuyện riêng."

"Ông tòa mà cũng cần người khác cố vấn nữa sao?"

"Bác sĩ đừng riễu tôi. Quả thật là tôi cần tài chuyên môn của bác sĩ. Thằng con tôi xin dọn về nhà ở, bác sĩ nghĩ sao?"

Tôi nghĩ ông đã chiến thắng hoàn toàn. Con trai ông bây giờ đã cai rượu cai thuốc, không những nghe ông trong chuyện yêu đương mà còn xin về ở với ông. Sự đầu hàng đã vô điều kiện, thật là một chuyện hiếm hoi. Tôi lại thoáng nghĩ, không biết tìm lại được đời sống gọi là bình thường, anh ta có tìm lại được bản ngã không hay trở thành con bún trong tay ông. Không biết nói gì, tôi bàn chung chung:

"Đó là triệu chứng tốt."

"Tôi biết, nhưng tôi muốn nói những người như nó có nguy hiểm cho người bình thường không?"

Tôi nghĩ đến bà Marie vợ sau của ông, nhưng như đoán được ý tôi, ông tòa vội vã nói tiếp:

"Thằng út của tôi mới chín tuổi, không biết nó sẽ phản ứng làm sao. Hai anh em nó sẽ thân mật, tôi không muốn thằng út phải đối đầu với cuộc sống tất nhiên còn nhiều bất thường của anh nó."

"Cậu út có biết liên hệ anh em với cậu cả không?"

"Biết chứ, nhưng chấp nhận giải thích của tôi là anh nó đang trị một bệnh truyền nhiễm có thể lây sang trẻ con, nên chưa tiện dọn về nhà. Kể ra thì cũng đúng."

"Tôi đồng ý với ông tòa. Nhưng nếu anh con cả đã hoàn toàn phục hồi thì anh em đoàn tụ là chuyện cũng hay," tôi trả lời nước đôi.

Như không để ý, ông nói:

"Nhà tôi cũng nghĩ như bác sĩ, muốn cho nó về. Marie nghĩ chuyện quá khứ phải tha thứ thôi, tha thứ hoàn toàn, cho kẻ đã hồi tâm một cơ hội làm lại cuộc đời... Thật ra, qua những buổi *counseling*, Marie biết con tôi, và có cơ sở khi xét đoán về nó."

Tôi đợi nghe tiếp, nhưng ông ngưng nói để khuấy thêm đường vào tách cà-phê, nét mặt tư lự. Sau cùng, ngần ngại ông bảo tôi:

"Như tôi đã nói, Marie có điểm giống bác sĩ, rộng lượng với những người thất cơ lỡ vận. Kể thì tốt, tính rộng lượng nơi người nữ cũng là điều nên. Nhưng ở địa vị bác sĩ và tôi, thì rộng lượng có khi bị họ lừa."

Ông mở ví cho tôi xem một tấm ảnh. Khác với tấm ảnh ông cho tôi xem hôm trước, tấm ảnh này chụp trước cửa một tiệm *steak* bình dân. Ông tòa đứng giữa, Marie một bên, người đàn ông trẻ một bên.

Tôi ngắm con chiên ghẻ, ngạc nhiên thấy anh ta không ghê tởm như tôi đã tưởng tượng qua những câu chuyện của ông tòa. Anh ta cao và mảnh khảnh như bố, quần *jean* chật bó lấy hai ống chân dài, áo sơ-mi ca-rô bằng dạ mỏng loại thợ thuyền thường mặc, tay sắn cao lộ những bắp thịt thon chắc.

Khuôn mặt anh ta xương xương, vừng trán rộng có mớn tóc rơi ngang, đẹp như khuôn mặt ông tòa, nhưng trẻ hơn. Cũng đôi mắt xanh biếc, cũng cái mũi cao mảnh, nhưng cái thần của người con khác cái thần của người cha. Nơi anh vắng cái tự tại của bố, mà hiển hiện một nỗi buồn thâm sâu. Thật ra nỗi buồn ấy còn buồn hơn cả buồn, mà là cái bơ vơ vô cùng bất an của người đã có lần xuống tận địa ngục rồi trở về, tựa hồ như cái bầu trời nội tâm thoáng thấy qua đôi mắt anh vẫn còn nặng những đám mây đen sót lại từ những sa đọa trải qua chưa lâu...

Chỉ có cái lạ là gương mặt anh ta không tạo ra sự khinh bỉ... Gương mặt ấy có cái yếu hèn của nó, nhưng đồng thời lại có cái xúc tích của những người đã đau những cái đau lớn, nhục những cái nhục lớn, và hấp dẫn và đậm đà như một cuốn truyện vĩ đại về nhân sinh... xúc tích và hấp dẫn và đậm đà đến chỗ làm gương mặt oai nghiêm và quắc thước của cha anh trở nên nhạt nhẽo, đơn điệu.

Tôi lại nhìn chân dung ông tòa chụp cạnh vợ con. Ông vẫn thẳng như cây roi, mắt nhìn ống kính, tay quàng sang con trai. Trên vai người đàn ông trẻ, bàn tay ông tòa tự tại như đang đặt trên lưng con ngựa bất kham mà ông đã trị cho thuần thục. Bàn tay thoải mái, mà trông nặng như cái cùm ngàn cân...

Tôi nhớ cũng bàn tay này thỉnh thoảng đã vỗ vai tôi, nhớ cái thân ái

mà nặng nề khó chịu, khi ông ráo riết thuyết phục tôi phải lấy nhãn quan của ông mà nhìn một chuyện gì. Ấy là chỉ mới sơ giao qua liên hệ quan tòa và bác sĩ giảo nghiệm, hay bệnh nhân biết ơn và thầy thuốc. Liên hệ gia đình với ông chắc không phải dễ dàng gì...

Mắt tôi lại bị kéo về khuôn mặt người đàn ông trẻ, người con trai sa đọa ông đã vớt lên từ thế giới của súc sinh để mang lại xã hội loài người. Tôi giật mình ghi nhận chân dung của thất bại có thể thu hút đến mức ấy. Tôi ngắm sang bà Marie. Người đàn bà trẻ đẹp đầy nhựa sống đang nhìn con chồng, kẻ nghiện hút bệ rạc mà bà đã giúp cho phục hồi lại nhân cách. Trong con mắt đen láy, tôi thấy có niềm sung sướng của người đang ngắm tác phẩm của mình. Tôi liên tưởng đến những bệnh nhân của chính tôi, những trường hợp trị liệu thành công, và nghe lại trong lòng niềm vui thanh thoát với công việc hoàn tất.

Rồi tôi giật mình. Trên mặt Marie còn có một cái gì khó tả, một cái gì không chỉ định chính xác được, nhưng vẫn rành rành đó, chứng tỏ rằng cái ma lực có sức hút nam châm tôi cảm thấy nơi người đàn ông bệ rạc, Marie cũng cảm thấy. Có lẽ nó nằm trong cái thương hại đến xót xa ướt át Marie dành cho con chồng. Có lẽ nó nằm trong sự dịu hiền của khuôn mặt trong sáng và trẻ đẹp và dễ tin, dễ tin đến chỗ cần che chở...

Tôi trốn không nghĩ tiếp những điều sắp nghĩ, mà nghĩ sang những chuyện tích cực về những người hàng ngày sinh hoạt sát gần tội lỗi mà không bị tội lỗi lây sang. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Tôi muốn tin là bà Marie kinh nghiệm nghề nghiệp cao, biết giữ khoảng cách với công việc, với thân chủ, biết lùi lại một bước mà hành nghề, như chồng bà vẫn khuyên tôi.

"Thế là bác sĩ đã biết tất cả gia đình tôi," ông tòa hồn nhiên nói.

Tôi chợt thấy ông tòa vô tình mà nói đúng. Chưa thực sự gặp họ mà tôi cảm thấy không những tôi biết mặt họ, mà còn biết rất nhiều về con người họ... về những yếu đuối của người này hay tốt lành của người kia... về những thấp hèn hay can trường của họ... Về cảnh sống cô đơn, về nhu cầu dựa vào người khác hay cho người khác dựa, trước những cái đau lớn của cuộc sống... Họ hiển hiện trong trí tôi như những con người bằng xương bằng thịt tôi đã nhiều dịp tiếp xúc... hơn nữa đã có dịp phân tâm như một bệnh nhân tại phòng mạch tôi...

Điều kỳ lạ, tôi biết họ còn hơn biết ông tòa H.. Trừ sự thiếu khoan dung của ông với nghiện ngập, trừ sự nghiệp lẫy lừng của ông trước khi lui về làm thẩm phán hành chánh dưỡng già, tôi không biết gì về ông cả. Tôi không thể phê bình ông chuyện gì, cách xử lý trong công việc hay ngoài đời của ông đều mực thước kiểu mẫu, đúng theo hình ảnh mà xã

hội chờ ở ông. Và tôi chỉ thấy mẫu mực ấy mà không thấy con người. Tôi không hình dung được ông sướng làm sao, đau làm sao... thậm chí tôi không chắc ông có biết sướng biết đau không nữa, vì tựa hồ như ông định nghĩa cái sướng là cái đúng, cái đau là cái sai, và ngược lại, và cuộc sống của ông thu gọn lại trong hai chữ sai đúng. Tôi tưởng tượng nếu là tiểu thuyết gia tôi có thể hư cấu ra nhân vật ông mà không cần thực sự quan sát một vị quan tòa nào.

"Bác sĩ nghĩ gì?" ông hỏi tôi.

Làm bộ thản nhiên, tôi nhận xét hú họa về bối cảnh tấm ảnh:

"Tiệm này là tiệm Sizzler."

"Thằng con tôi sau những năm thử thách, nó chỉ thích những chỗ bình dân..." ông tòa nói. Ông cắt nghĩa tại sao ông không đãi con trai ở một tiệm sang hơn, như tiệm Chez Adèle trong khuôn viên hội du thuyền của những người thượng trung lưu hay trưởng giả của ông. Lần đầu kể từ ngày tôi biết ông, ông đã không đoán được tôi đang nghĩ gì.

Tôi trả lại tấm ảnh cho ông, nói cho có nói:

"Tôi mừng cho ông Tòa. Ông đã thành công cứu được anh ấy."

Nhưng ông tòa không quên mục đích ban đầu của ông:

"Bác sĩ khuyên tôi thế nào, có cho về nhà không?"

Thấy tôi ngơ ngác, ông cắt nghĩa:

"Thằng con đầu tôi ấy."

"Tôi nghĩ cũng tùy..." tôi trả lời ba phải.

Rồi tôi nhớ lại cái ma lực của tội lỗi sa đọa tôi cảm thấy khi ngắm chân dung người con trai. Tôi cũng nhớ lại gương mặt trong sáng và đầy từ tâm của bà mẹ kế. Tôi khẳng định:

"Tôi nghĩ là không."

Nói xong, tôi biết mình hồ đồ. Ý kiến của tôi không có cơ sở. Bốn nhân vật trong gia đình này tôi chỉ gặp có một, là ông tòa. Ai có thể làm hại ai, ai săn sóc ai, ai đáng che chở, mà che chở vì cái gì, tôi hoàn toàn tưởng tượng ra theo linh tính. Vậy mà ông tòa rất sung sướng với lời bàn của tôi. Ông nói:

"Bác sĩ quả là giỏi. Thật ra tôi cũng đã quyết định như vậy. Dù sao cũng cảm ơn bác sĩ đã góp ý."

4

Bốn tháng sau tôi lại có dịp làm việc chung với ông tòa H.. Như kỳ trước, tôi tới sớm khoảng 15 phút. Ông tòa thấy tôi tới, cũng ra phòng xử

nói chuyện. Đã từ lâu, tôi không còn trốn ông nữa, hay khó chịu thấy ông dùng tôi làm đối tượng để trút bầu tâm sự, hay thuyết pháp về nhu cầu phải dùng những phương án mạnh khi giúp kẻ yếu đuối. Thậm chí có lúc nghĩ đến ông, tôi còn nghe chút cảm tình trong lòng.

Thật ra bây giờ tôi đã thích nghe chuyện ông, vì tôi cũng bận tâm đến con trai ông và Marie. Tôi hỏi thăm về bà tòa, được biết bà không có gì thay đổi, vẫn đem lại hạnh phúc cho ông, vẫn thương người, vẫn đắc lực giúp cho con trai chồng phục hồi... Tôi hỏi đến con chiên ghẻ, ông bảo anh ta vẫn ở bên San Jose, chưa được ông cho về đoàn tụ. Giúp người nghiện khó lắm, không phải một lần là xong. Thành thử ông rất mừng là thằng con trai cả của ông tiếp tục tiến bộ. Nó đã phục hồi được sự thất bại tạm thời vì con bạn gái cũ của nó bỏ nó, sau khi thấy chuyện hôn nhân không đi đến đâu.

Ông tòa còn cho hay ông biết con trai đã có bạn gái mới mặc dầu nó còn giấu ông. Anh chàng xem ra tươi lắm. Hình như có cả ghen tuông gì nữa. Tuy chưa gặp mặt, ông nghĩ người đàn bà mới xuất hiện trong đời con ông xem ra khá, có thể cũng có phẩm chất, mặc dầu hoàn cảnh của anh ta khó gặp được một người như vậy.

Ông bảo, khi yêu một người đàn bà có phẩm chất thì một phần nào phẩm chất ấy cũng lây sang người đàn ông. Công bình mà nói, con ông xem ra có phẩm chất hơn trước kia. Nó tự tin hơn, và cũng ra người hơn. Nó làm những cố gắng đặc biệt, tựa hồ không những cho bản thân, mà còn để xứng đáng với người đàn bà nó yêu.

Tôi hỏi:

"Ông tòa bao giờ cho anh ấy dọn về?"

"Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện đó. Nhưng kỳ này đến lượt Marie thấy không ổn. Nhà tôi khẳng định phản đối."

Tôi an tâm thở ra. Tôi không lo cho thằng con út của ông, nhưng Marie quá trong sáng, quá hiền lành để đối phó với con chiên ghẻ này trong cảnh gần gũi dưới cùng một mái nhà. Marie đã làm một chuyện hợp lý.

Tôi tán đồng:

"Như thế là phải. Phải từ từ thôi, ông Tòa. Không đi đâu mà vội, an ninh là trước nhất. Nhưng mọi chuyện tốt lành và thuận lợi quá, ông Tòa phải ăn mừng thôi."

Tôi hụt hẫng khi thấy ông tòa không vui theo câu nói phấn khởi của tôi. Chuyện vui mà sắc diện ông không vui, lại gần như tư lự. Tôi cụt hứng, trách thầm là con người như ông chỉ thật sự vui khi nắm được hoàn toàn vấn đề và kiểm soát được mọi hành động của người thân. Phải

chăng ông cho rằng con trai ông chưa chính thức đem bạn gái về trình diện ông, sự phục tùng của nó chưa thật trọn vẹn.

Tò mò về người đàn bà chưa lộ diện, người đàn bà mà phẩm chất đã lây sang con chiên ghẻ, tôi buột miệng:

"Sao ông Tòa không tìm gặp người bạn gái mới của anh ấy?"

"Tôi không thể hạ mình để làm chuyện rình mò."

Tôi khựng lại vì câu trả lời quá đáng. Kể ra thì tôi đã đề nghị chuyện vô lý, tòa H. không đi tìm gặp người ta như vậy. Nhưng tôi không bảo ông phải rình mò. Có lẽ ông lỡ miệng, dùng chữ không chuẩn. Nhưng ông tòa H. mà dùng chữ không chuẩn là chuyện bất ngờ.

Rồi tôi thấy mình lẩn thẩn, quan trọng hóa những chi tiết không đâu vào đâu, cũng lẩn thẩn như lúc nãy tôi đã tưởng tượng ra nét tư lự trên mặt ông. Thật là vớ vẩn, tôi tự cười thầm. Có lẽ chính tôi đã để tôi quá gần với những nhân vật trong gia đình ông, nên không còn khoảng cách cần thiết để nhìn sự việc cho đúng...

Câu chuyện của tôi với ông toà chấm dứt vì người mõ tòa gõ cửa bước vào, trình là bên nguyên đã sẵn sàng ngoài hành lang. Thái độ kính cẩn cũng như bộ đồng phục thẳng nếp của anh ta đã đánh thức dậy bầu không khí hành chánh thường lệ của pháp đình. Khi ông tòa ra lệnh cho mời bên nguyên vào, ông hoàn toàn trở lại thành ông tòa H. tôi vẫn biết, đúng mức, oai phong, và bao giờ cũng làm chủ được tình thế. Và như thường lệ ông bảo tôi:

"Vụ này cũng ly kỳ lắm, sẽ đem lại cho bác sĩ thêm nhiều kinh nghiệm về một hoàn cảnh lầm than mới của nhân sinh mà chắc bác sĩ chưa được biết."

Đương sự lần này là một người đàn bà 35 tuổi, sinh trưởng tại một tỉnh nhỏ gần Chicago, mới dời về San Francisco ba năm. Hoàn cảnh gia đình thị rối như mớ bòng bong. Thị có tất cả sáu con, thụ thai với những người đàn ông khác nhau. Hai đứa con đầu đã trưởng thành, hiện không biết sống tại đâu. Đứa thứ ba và thứ tư theo cha dọn về Texas, lâu lắm không có tin, kể như đã thất lạc. Đứa thứ năm lên mười, xung khắc với mẹ và hiện đang ở Buffalo với bà ngoại và ông chồng sau cùng của bà.

Renée là gái út mà thị đang tranh chấp với sở xã hội. Renée con một thủy thủ Pháp tên Marcel, còn họ thì thị không biết. Marcel hiện đang ở tù tại Marseille sau khi bị tạm giam tại khám đường liên bang New York vì tội buôn lậu ma túy. Thị rất yêu Marcel, và Renée rất giống bố nên được thị thương nhất trong các con từ trước đến giờ.

Lý do thị bị cách ly với con là vì nhân viên sở xã hội do láng giềng thị chỉ điểm đã bắt quả tang bạn trai của thị, một người Mỹ trắng 46 tuổi, có tiền án về tội hiếp dâm trẻ thơ, đang lạm dụng bé Renée. Y có con trai 18 tuổi, cũng bị bắt chung với bố khi đồng lõa lạm dụng em bé Renée. Hai cha con vô lại đang chơi trò bác sĩ sản khoa với em bé.

Bố con người đàn ông bị biện lý tống giam, và bé Renée được đưa vào trại mồ côi tạm giữ. Thị không trực tiếp có mặt lúc em bé bị lạm dụng, nên vô can về phương diện hình. Tuy nhiên, không còn được giữ Renée, thị mất trợ cấp nuôi con đã hai tháng nay và sắp bị chủ phố trục xuất ra khỏi khu chung cư. Thị cũng xin trợ cấp xã hội cho bản thân trên tiêu chuẩn bệnh gan nhưng bị khước từ vì tòa trước phán rằng bệnh gan của thị là do ghiền rượu mà ra, nên không đúng điều kiện sách.

Sau những câu thủ tục thường lệ, ông tòa H. bắt đầu thẩm vấn:

"Sao người bạn trai đã có tiền án về ép dâm nhi đồng mà bà còn nhờ y giữ con gái?"

"Bẩm ông Tòa, con đâu có ngờ. Con đã dọa anh ấy là anh ấy đụng đến con con là con sẽ giết chết."

Ông Tòa:

"Chuyện hai bố con ông ta đang lạm dụng bé Renée không phải xảy ra lần đầu. Chắc bà đã mục kích họ trong những dịp khác cũng làm như vậy với bé, đúng không?"

"Dạ con có mục đích họ chơi với cháu như vậy."

Ông Tòa:

"Bà muốn nói mục kích... Vậy sao bà không giết họ như bà đã dọa?"

"Con nào có biết như vậy là lạm dụng con nít. Con tưởng..."

Ông tòa:

"Bà tưởng sao?"

"Là phải làm thật tình đến nơi đến chốn như người lớn làm với người lớn, mới kể là có tội... Con tưởng chơi đùa như vậy, bố mẹ bình thường ai cũng làm. Bạn trai của mẹ con ngày xưa cũng chơi đùa với con như vậy."

Tòa im phăng phắc, chỉ có tiếng cô chuyên viên lao động mới ra trường cựa mình sột soạt trong ghế da, bứt rứt, bất an. Tôi nhìn ông tòa, không thấy cảm xúc gì, chỉ thấy khuôn mặt lạnh lùng của tư pháp. Ông hỏi tiếp:

"Nếu được đoàn tụ với bé Renée, bà sẽ chăm lo việc giáo dục cho bé như thế nào?"

Giây lâu, không có trả lời, tôi quay lại đương sự, chỉ thấy đôi mắt thất học ngơ ngác nhìn vị phán quan.

Ông tòa giải thích:

"Tôi muốn hỏi bà dậy con như thế nào để cho bé biết chuyện phải trái ở đời?"

"Dạ... Bẩm quan, nếu nó làm chuyện trái, con bảo 'Không, không, không, không được...'" người đàn bà vừa nói bà vừa dơ bàn tay ra day day trên không, như dọa bạt tai đứa trẻ hư.

Ông tòa:

"Trong khi dậy con như vậy, có bao giờ bà đánh bé Renée không?"

"Không, không đời nào," người đàn bà lắp bắp. "Bẩm tòa con dư biết đánh trẻ là phạm pháp. Không, khi cháu hư quá thì con chỉ nhét chiếc khăn nhỏ vào miệng cháu. Quá lắm con mới phải nhốt cháu vào buồng tắm..."

"Có khi nào bà quên không cho cháu ra không?"

"Không đời nào."

Ông tòa lật mấy trang hồ sơ ra chăm chú đọc, rồi hỏi:

"Bà chắc không? Bà nên nhớ là bà đang ở tòa, và nói dối tòa là tội hình sự."

Người đàn bà suy nghĩ một lúc rồi lý nhí:

"Dạ có một lần..."

"Lần nào?"

"Lần con bị lính ập đến bắt về tội mãi dâm... Con bị giải đi, không kịp mở cửa cho cháu ra... cho đến ngày hôm sau..."

"Thế cháu nhịn đói nhịn khát suốt thời gian ấy?"

"Dạ đói thì có đói, khát thì không."

"Nước ở đâu mà uống?"

"Dạ... Dạ, nước trong cầu... Dạ, bẩm tòa không phải lỗi tại con. Mấy người lính chỉ lo lăn tay và lấy cung, không cho con kịp nói về cháu..."

Im lặng giây lâu, ông tòa hỏi tiếp:

"Còn bà dậy cháu làm chuyện phải, chuyện đúng như thế nào?"

"Bẩm quan lớn, mỗi khi cháu ngoan cháu giỏi, con thưởng cháu. Con cho cháu ăn bổng bột ngào đường. Con hôn cháu, con ôm cháu. Bẩm tòa, cháu khôn lắm, mỗi khi được mẹ thưởng như vậy cháu mừng lắm... Thường thường những hôm như vậy, cháu không chịu buông con ra, đòi ôm mẹ suốt đêm mà ngủ..."

Mặt người đàn bà sáng lên với nụ cười hạnh phúc. Đôi mắt chị bây giờ là đôi mắt của một người mẹ bình thường, và tình mẫu tử hiện ra, xuyên qua chiếc mặt nạ xấu xa của của dốt nát, trụy lạc, lầm than... Tôi cảm thấy như tìm lại được liên hệ với một đồng loại tưởng đã hoàn toàn mất cho thế giới của súc sinh mà ông tòa thường nói tới.

Tôi thoải mái nhìn ra cửa sổ rộng bên hông phòng xử. Ngoài khơi,

chiếc du thuyền căng buồm trắng lượn qua, mặt biển lăn tăn sóng và chói chang mặt trời. Tôi nghĩ đến cái du thuyền của ông tòa trong tấm ảnh hai vợ chồng chụp với thằng út. Hai ông bà chắc dậy cho con về thuyền buồm hay câu cá, và tất nhiên là kèm bài vở cho nó học. Khi con ngoan, chắc Marie cũng ôm con vào lòng để hôn thưởng nó... Té ra có mẫu số chung giữa hai người mẹ của hai cảnh sống khác nhau, và bất giác một niềm vui gần như chẳng đâu vào đâu xâm chiếm tôi.

Có lẽ tôi đã để cái vui hiện ra mặt, nên ông tòa ngưng lại một giây nhìn tôi. Vẫn cái nhìn quan sát bình tĩnh, với tự tôn thường lệ của người nhiều kinh nghiệm sống đối với kẻ ngây thơ non dại. Khi ông quay lại đương sự tiếp tục cuộc thẩm vấn, tôi có linh tính ông sẽ hỏi những câu có công dụng 'mở mắt' cho tôi. Quả như rằng, ông hỏi thị:

"Khi bé Renée ôm bà ngủ suốt đêm, thì bạn trai của bà ngủ đâu?"

"Anh ấy ngủ bên kia giường, bé Renée nằm giữa."

Rồi như tưởng đọc được ý ông tòa, thị nói tiếp:

"Căn chung cư của con chỉ có một phòng ngủ, thành ra chật. Nhưng anh ấy không phiền hà gì. Anh ấy cũng thương cháu lắm. Những lần cháu ngoan, có khi anh ấy cũng ôm cháu ngủ suốt đêm."

"Bà muốn nói anh ấy là ông bạn trai mà sở xã hội vừa chỉ điểm cho cảnh sát bắt ấy à?"

Thị bối rối, ú ớ, rồi lặng yên.

Ông tòa nhắc:

"Bà chưa trả lời tòa."

Thị nhìn ông tòa với cái nhìn trách móc của người vừa bị mắc bẫy. Thị lí nhí trong miệng:

"Dạ đúng."

Ông tòa ngưng hỏi, và nhường đương sự cho tôi thẩm vấn. Với chuyên môn của tôi về tâm lý học, bổn phận tôi là đo lường khả năng làm mẹ của người đàn bà, sau khi bà khai đã cảnh tỉnh về lỗi lầm đã qua. Tất nhiên là không ai ép tôi phải hỏi thế nào, nhưng nếu muốn giúp, tôi phải trực diện những lỗi lầm của đương sự và hỏi những câu liên quan đến những sự kiện bất lợi mà cảnh sát cũng như cán sự xã hội đã ghi trong hồ sơ.

Tôi mở đầu cuộc thẩm vấn:

"Nếu được đoàn tụ, ai sẽ giúp bà chăm lo cho bé Renée? Bà chắc có bạn thân hàng xóm để nhờ họ coi cháu mỗi khi bà phải ra ngoài làm việc?"

Câu hỏi thiện cảm của tôi làm người đàn bà thoải mái hơn:

"Dạ có... Có một chị hàng xóm rất thân. Chị ấy với tôi như chị em ruột. Khi cần chị ấy vẫn sang trông cháu giùm tôi."

Tôi hỏi tiếp:

"Bà ấy tên là gì? Tôi liên lạc được không? Lý do tôi muốn liên lạc là vì sự cộng tác của bà ta quan trọng cho cuộc sống bình thường của bé Renée, và tôi cần phải biết dữ kiện này để cố vấn cho tòa..."

"Dạ khó lắm không được đâu..."

"Tại sao?"

"Hiện giờ chị ấy đang bị... à đang tạm thời ở nhà tù của quận..."

"Bà ấy tội gì?"

"Tội tiếp khách tại căn hộ của chị ấy... Chị ấy nhận tiền của đàn ông khi tiếp họ, có khi lại phải mặc cả trước nữa. Cảnh sát chìm giả vờ là khách, chị bị bắt quả tang."

Tôi mở cho người đàn bà một lối ra:

"Vậy bà đã có giải pháp khác để có người trông cháu?"

Như người chết đuối nắm được cọc, người đàn bà khốn khổ vội vã khoe:

"Dạ sẽ có, vị hôn phu của tôi sẽ dọn tới ở chung. Anh ấy sẽ giúp tôi."

"Như vậy thì tốt. Nhưng bà đã biết, chuyện dụ dỗ vị thành niên rất là nguy hiểm. Chúng ta phải bảo vệ trẻ em. Tôi hy vọng kinh nghiệm vừa qua đã dậy cho bà phải cẩn thận. Tôi hy vọng bà đã học kỹ bài học ấy."

"Bác sĩ dậy đúng, bài học này tôi không bao giờ quên. Vị hôn phu của tôi chưa bao giờ bị phạm tội dụ dỗ nị thành... à nị thành liên."

"Bà muốn nói dụ dỗ vị thành niên... Tốt lắm. Nếu tòa cho mẹ con bà đoàn tụ, bà sẽ được huấn luyện một khóa về đề phòng lạm dụng dục tình trẻ em. Nhưng bao giờ ông ấy sẽ dọn tới được?"

"Thưa bác sĩ đúng ba tháng hai ngày nữa."

Câu trả lời chính xác của người đàn bà vô học chưa từng nghĩ gãy gọn chuyện gì, làm tôi ngạc nhiên. Vả lại, không nhẽ thị cũng đợi có hôn thú đã rồi mới cho vị hôn phu dọn tới.

Tôi hỏi:

"Sao không dọn vào ngay được bây giờ?"

"Hiện giờ chưa được đâu..." chị ta lúng túng.

"Bà làm ơn cho biết tại sao?"

Chị đắn đo rồi sau cùng nói một hơi:

"Anh ấy chưa được tha. Tội nghiệp lắm, bác sĩ ơi. Anh ấy cũng ở trong khu chung cư, săn sóc tôi từ ngày bạn trai tôi bị bắt và bé Renée bị đưa vào trại mồ côi. Thật ra anh ấy còn săn sóc mẹ con tôi trước khi bạn trai tôi bị bắt. Tôi muốn nói anh ấy giúp tôi những hôm bạn trai tôi không

ngủ lại...

"Thật là rủi quá, bác sĩ ạ... Hôm ăn hỏi, chẳng có gì đãi bạn, anh ấy chạy đi kiếm ít cần sa, chẳng may bị cảnh sát bắt. Có ba điếu thôi mà họ cũng làm lớn chuyện. Chỉ vì anh ấy lỡ có tiền án..."

Thật là tuyệt vọng, tôi thấy có hỏi thêm cũng vô ích. Càng hỏi thì càng phanh phui thêm những xấu xa của người đàn bà đáng thương này. Cả tương lai lẫn quá khứ, chị ta không có khả năng làm mẹ. Tôi quay lại trình với tòa là đã thẩm vấn xong.

Bây giờ thì chỉ còn đợi ông tòa phán quyết. Mặt ông không giận, không vui, mà không cả khinh bỉ nữa. Ông như nữ thần công lý, cầm cân mà mắt nhắm, phán xét đã có chiếc cân trong tay, không cần đến cảm tính. Xem ra, không cần đến cả tình người. Chỉ khi mất ông gặp mất tôi, ông mới thoáng lộ vẻ ranh mãnh, tựa hồ như người đàn bà đã chứng minh giùm ông là sự khoan hồng không phải là giải pháp cho những người như thị.

Tôi biết ông sẽ phán quyết như thế nào. Và tôi đoán đúng. Ông phán rằng ông tiếp tục cách ly bé Renée với mẹ. Ông sẽ cách ly hai mẹ con, như ông đã cách ly con trai đầu của ông với con trai út của ông, cho đến mọi chuyện thật an toàn không còn một cơ nguy nào phương hại đến trẻ thơ. Ông sẽ bắt người đàn bà kiêng rượu, kiêng thuốc, và đi làm. Kiêng ngang xương, cho đến khi hết nghiện, rồi ông sẽ giúp. Ông sẽ giúp bằng biện pháp mạnh, như ông đã giúp con trai đầu của ông.

Tôi nghĩ ông không ác, nhưng cũng như hệ thống an sinh ông đang phục vụ, sự giúp đỡ của ông chỉ những người bình thường mới hưởng được. Chỉ có điều nếu đã bình thường, người ta ít khi xảy chân vào đây. Nhưng lại nghĩ đến việc ông đã thành công với con trai ông, tôi phải công nhận là có thể ông đúng.

Ông hỏi đương sự:

"Bà có điều gì muốn khai thêm trước khi mãn tòa không?"

"Bẩm không."

Ông gấp hồ sơ, nâng chiếc búa gỗ lên. Nhưng tay búa dừng lại trong không, ông hỏi câu cuối:

"Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Bà có ý định thay đổi lối sống, lối giao tế không?"

Người đàn bà ngơ ngác, lẩm nhẩm:

"Chuyện giao tế thì con không biết."

Ông đổi lối lập ngôn:

"Tôi muốn hỏi là tại sao bà không kiếm người bình thường tử tế mà giao du. Bè bạn như vậy, tòa không thể nào không cách ly mẹ con bà."

"Con lạy ông Tòa, ông đừng tách ly mẹ con con..."

Ông tòa cắt ngang:

"Bà chưa trả lời câu tôi hỏi, là tại sao bà cứ luẩn quẩn với đám phạm nhân? Đàn ông cũng như đàn bà, bè bạn bà toàn là đám thành tích bất hảo. Không trộm cắp thì mãi dâm hay nghiện ngập, phần nhiều là tệ lậu hai ba đẳng một lúc."

Người đàn bà co mình, cúi gằm mặt xuống vì xấu hổ. Sau cùng ngước lên ông tòa cái mặt già trước tuổi, trác táng, xám xịt và chan hòa nước mắt, thị nói:

"Từ ngày dượng con bị cảnh sát đến nhà còng tay dẫn đi vì tội hiếp con, trẻ con cũng như người lớn không ai chơi với con cũng như với mẹ con. Lớn lên con mới hiểu... Gia đình mà có chuyện như gia đình mẹ con, không ai muốn lại gần... Ngày xưa con bỏ ngang tiểu học, cũng vì cô giáo và bạn học coi con như thú vật..."

Thị đưa tay áo lên chùi nước mắt. Rồi thị nói tiếp:

"Người bình thường ai cũng coi con như thú vật... Chỉ những bạn con, những bạn thật của con mà con đã khai với tòa và bác sĩ đây, chỉ có họ mới đối đãi với con như một con người."

Ông tòa gõ búa xuống bàn. Lần này thì ông bãi tòa thật. Tôi lại nhìn ông. Ông chịu mất tôi một giây rồi quay đi. Lần đầu tiên tôi thấy nét bất an trong đôi mắt xanh lạnh như thép nguội của ông. Lần đầu tiên tôi cảm thấy ông ghi nhận là mặc dầu nhát búa bãi tòa của ông, phiên tòa chưa thật sự chấm dứt. Câu nói ngây dại của người đàn bà thất học đã làm sứt mẻ mảnh giáp pháp lý của ông.

Tôi nghĩ đến thằng con hư đã phục hồi của ông, với sự chấp nhận mới chỉ nửa vời ông dành cho nó. Câu trả lời của người đàn bà thất học khốn khổ sa đọa trác táng vô tình nêu lên sự đạo đức giả của những người gọi là bình thường đang xét xử thị. Ta trách họ sao ở mãi trong tối tăm địa ngục, giao du liên kết toàn với những trộm cắp đĩ điếm, trong khi chính bản thân ta hắt hủi xa lánh họ.

Ông tòa đã khước từ con trai ông một đời sống giao tế bình thường, khước từ liên hệ anh em ruột thịt với em trai út của nó... Và không cứ ông tòa, bản thân tôi cũng không khá gì hơn. Tôi chẳng đã khuyên ông khoan cho thằng con đoàn tụ, chỉ có khác là ngoài thằng con út của ông, tôi còn muốn che chở cho người đàn bà tên Marie khỏi cái mà tôi gọi là ma lực của con chiên ghẻ.

5

Bẵng đi mấy tháng chuyển sang làm những vụ khủng hoảng thần kinh của đám cựu chiến binh đi đánh vịnh Ba Tư về, tôi không có dịp làm việc chung với ông. Vào dịp cuối năm, tôi nhận được tấm thiệp chúc mừng Giáng Sinh và Năm Mới, với mấy hàng viết tay '*cảm ơn ân nhân*'. Khác với năm ngoái, ông viết ngắn ngủi có bốn chữ. Nhưng tôi tin tưởng ông vẫn bình an, và nếu gặp nhau, ông sẽ sẵn sàng cãi lý hay giáo dục tôi về chuyện nhân sinh. Hơn nữa, ông sẽ hăng say thuyết phục tôi chính sách từ bi bằng biện pháp mạnh của ông.

Mãi tới cuối xuân tôi mới gặp lại ông trong hành lang pháp đường. Ông bảo tôi cuối tháng ông sẽ về hưu. Ông già đi quá nhanh, chút nữa tôi không nhận ra ông. Lần trước, cơn đau tim cấp tính đã không bẻ gãy được gì nơi ông. Chỉ vài tuần sau là ông bình phục và ngồi lại bục xử, tráng kiện như chưa bao giờ bị mổ tim. Vậy mà bây giờ ông ra như thế này. Chuyện gì đã xảy ra cho ông, tôi thắc mắc mà không dám hỏi.

Chúng tôi nói chưa hết câu chuyện mưa nắng vô thưởng vô phạt thì đã tới ngang văn phòng ông. Ông dừng lại chìa tay ra cho tôi bắt. Ông cầm tay tôi khá lâu như muốn mời tôi vào nói chuyện. Rồi bất thần ông đổi ý, buông tay tôi và giã từ, "Từ biệt ân nhân nhé..." Như thường lệ, ông lại trêu tôi, và cười tinh ranh khi thấy tôi lúng túng với hai chữ ân nhân. Nhưng khác thường lệ, nụ cười ông sớm tắt.

Khi cánh cửa đồ sộ của văn phòng ông đóng lại, hình ảnh cuối cùng tôi ghi nhận không phải là đôi vai mới xệ xuống của ông, hay cái lưng mới còng, mà là đôi mắt xanh trước kia lạnh như thép nguội của ông. Đôi mắt ấy đã mất tinh anh, đã trở thành đôi mắt tắt lửa của một ông già sắp sửa về hưu.

Ra bãi đậu xe, không khí trong lành ngoài trời làm tôi nghe bớt ngột ngạt. Tôi nghĩ đến đôi mắt của ông tôi mới thấy lại lần này, và ghi nhận tôi đã lầm. Những ông già về hưu không có đôi mắt ấy. Cái buồn trong mắt ông buồn đến rợn người. Không những buồn, mà còn toát ra một cái gì mất phương hướng, một cái gì đổ vỡ đến vô phương cứu chữa.

Bất hạnh nào đã tới với ông, một con người mà chứng nan y nhồi máu cơ tim không làm sứt mẻ nổi, ngã sống soài từ trên bục xuống sàn tòa án để rồi chỉ ba tuần sau khi mổ tim đã trở lại phán xét... một con người đủ nghị lực để mặc dầu tình phụ tử tất có, chỉ giúp con theo chiều hướng của nghị lực, của khổ hạnh, không khoan nhượng như cây roi không những của pháp lý mà còn của đạo lý. Muốn hạ gục con người này, sự bất hạnh

chắc phải ghê gớm lắm, ghê gớm đến mức siêu hình. Rồi tôi cho là mình tưởng tượng. Thể xác hay tâm thần nào chẳng có ngày bị thời gian phá hủy, và không phải sự suy tàn nào cũng phải đầy đủ khúc mắc hay gay cấn...

Tôi quên bẵng ông tòa H. cho đến một hôm ăn trưa tại *cafeteria* của pháp đình, tôi tình cờ ngồi chung một bàn với bà già da đen thư ký riêng của ông những ngày ông còn tại chức.

"Chuyện gì xảy đến cho xếp cũ của tôi ấy ư? Bác sĩ không biết sao?" bà thư ký hỏi lại, khi tôi hỏi thăm về người bạn già. Rồi bà cho tôi hay một hôm hai ông bà tòa H. và cậu con út đi chơi tầu buồm vắng nhà, người con đầu của ông đã cạy cổng biệt thự chui vào nhà xe treo cổ chết. Cậu út nhờ ghé lại trường để tập bóng chày với bạn nên không thấy cảnh hãi hùng ấy.

"Thật ra thì chẳng ai đáng trách," bà thư ký già nói. Theo bà, ông tòa H. đã hết lòng với con, đã giúp nó cai rượu và ma túy. Ông đã bỏ ra bao nhiêu công của để đem nó trở lại xã hội loài người. Vợ trước chết cả mười lăm năm ông mới tục huyền, chẳng qua là để rảnh tay lo cho con.

Đáng trách chăng là người con trai. Vịt gà trong nông trại, một trăm con thì cũng có dăm ba con có tật, không đủ khả năng để sống. Tuy nhiên, đã muốn chết mà còn dụng tâm làm hại người thân thì đúng là loại súc sinh.

Rõ ràng bà thư ký không được ông tòa cho hay hết chuyện nhà, nhất là chuyện người con trai cả. Bà không biết những cố gắng phi thường của con người bất hạnh này để giã từ thế giới của loài súc sinh mà trở lại cuộc sống. Tôi thấy vô cùng ân hận. Anh không được về đoàn tụ với thằng em út và dì cũng như bố ruột, một phần là lỗi tại tôi. Tôi chẳng đã khuyên ông tòa theo chiều hướng khắc nghiệt ấy sao.

Như người điếm thất học nói trước tòa hôm nào, khi bị đối đãi như con vật thì con người sẽ cư xử như con vật. Tôi đã phần nào trách nhiệm trong việc ông tòa khước từ anh cảnh sống bình thường của một gia đình ngăn nắp, đạo đức và sung túc. Lời khuyên vô trách nhiệm của tôi cho ông tòa đã tổn hại đến nhân mạng. Biết đâu sống giữa những người thân yêu, anh chẳng đã vượt qua được cái thử thách cuối cùng của đời anh và đã không rơi vào sự tuyệt vọng tối hậu của múi dây thòng lọng. Rồi tôi thấy cái mỉa mai lẫn thảm thương của câu chuyện. Bị ông tòa và tôi ngăn cản khi sống, anh đã tìm về được mái ấm gia đình bằng cái chết...

"Bác sĩ ạ, tội nghiệp nhất là bà tòa," bà thư ký già kể tiếp.

"Sự thể làm sao?" tôi giật mình hỏi lại. Và tôi được bà thư ký già cho

biết thêm về nỗi bất hạnh của ông tòa H. Sự thể là khi mở nhà xe thấy xác con chồng chết lủng lẳng cuối dây thòng lọng, bà sợ quá hét lên một tiếng, rồi nằm vật xuống rên la thảm thiết. Bà cứ nằm như vậy, miệng lảm nhảm cho đến khi xe cứu thương tới chở đi.

"Bác sĩ à, bệnh tâm thần, à chuyên môn của bác sĩ đấy, quả thật là kỳ lạ," bà thư ký da đen bình luận. "Khi tỉnh thì có duyên và khôn ngoan lịch lãm thế... Mà khi điên lên thì chẳng còn gì ra đầu ra đuôi... Bác sĩ biết không, Marie từ khi thấy thằng con chồng chết lè lưỡi mặt sưng như cái thúng, cứ lẩm bẩm một mình *'Thế là hết, hết thật rồi...'* Cứ thế mà lảm nhảm suốt mấy ngày liền.

"Thế có điên không, chết chẳng hết thì còn sao nữa... Thật là lẩn thẩn... Mấy tuần sau bà ngồi yên bất động, không nói không rằng, trân trân nhìn ra cửa sổ bệnh viện. Người thân, kể cả ông tòa, tới thăm đều bị bà chửi mắng đuổi ra. Rồi bà xé quần xé áo, hung dữ đến độ phải chuyển sang nhà thương điên."

Bà thư ký già kết luận:

"Bây giờ thì không còn liên hệ gì với ngoại giới, sống đấy mà như cái xác không hồn. Tội nghiệp, hôm nọ tôi vào thăm thì tương đối ổn định, nghĩa là không cần phải trói tay chân... Nhưng Marie không còn là Marie nữa. Chưa đầy nửa năm mà béo gấp đôi trước, tóc bạc phơ bệt lại từng đám, da chảy xuống như bị, đồ ăn bê bết xuống áo cũng không buồn thay... Marie nhận ra tôi mà cũng không nhận ra tôi. Cứ cầm hai tay tôi như muốn căn dặn điều gì quan trọng mà chẳng dặn gì, chỉ nói đi nói lại một câu là, "*Kim ơi, thế là hết, hết thật rồi...*", rồi ứa nước mắt ra.

"Xem ra Marie sẽ ở lại vĩnh viễn trong viện tâm thần... Điên thế, không biết bao giờ mới trở lại được với xã hội loài người."

Tôi ghi nhận ngôn ngữ của xếp cũ đã lây sang bà thư ký rất nhiều. Riêng câu *'trở lại xã hội loài người'* làm tôi nhớ lại những câu chuyện trước kia với ông tòa H.. Tôi cũng nhớ lại cái triết lý của ông trong chức năng phán quan, là muốn giúp ai, ta không những tốt mà còn phải mạnh nữa. Cay đắng, tôi nghĩ biện pháp mạnh nào có thể cứu ông ra khỏi cái sa mạc của tuyệt vọng tôi thoáng thấy hôm đã lâu trong đôi mắt ông, đôi mắt thường ngày xanh và lạnh như thép nguội.

Tôi chạnh nhớ đến gương mặt con trai ông trong tấm ảnh chụp chung với ông và Marie trước tiệm Sizzler, gương mặt yếu hèn nhưng xúc tích vì dấu vết của những cái đau lớn anh đã đau, những cái nhục lớn anh đã nhục, và hấp dẫn như cả một cuốn truyện rất hay rất thật về nhân sinh... đến sức quyến rũ như nam châm tỏa ra từ ma lực của sa đọa và tội lỗi hiện thân nơi anh. Tôi lại nghĩ đến ông tòa, và những cuộc cãi lý giữa ông và

Mưa đầu thu
TRẦN MỘNG TÚ

Những chiếc áo mong manh như nắng
Đã xếp vào đáy tủ thật sâu
Mùa hè nghỉ hoặc không còn nữa
Áo thu tung những sợi len mầu

Sáng nay cơn mưa vồn vã tới
Mặt đất khô ràn rụa bình minh
Em mở cửa đón hơi gió lạnh
Quơ tay ôm hạnh phúc cho tình

Bàn chân cong dẫm nghe thời tiết
Thời tiết nhỏ từng giọt vơi đầy
Lòng người mang mang như lòng đất
Mùa thu thơm trên cọng cỏ gầy

Chiếc cổng gỗ bên vườn đã mở
Em đứng nghe mưa - chắc suốt ngày
Có cô sóc nhỏ vừa ghé tới
Cô gọi tên anh sáng hôm nay.

tôi. Phải công nhận ông hiểu tâm bệnh lý của những phần tử thất bại cặn bã của loài người, của *thế giới súc sinh* như ông thường nói. Tất nhiên ông không được huấn luyện về ngành tâm bệnh, nhưng rõ ràng là ông hiểu họ hơn tôi.

Nhưng cũng rõ ràng là ông không hiểu được tâm lý của những người bình thường như tôi, như bản thân ông, và phần nào như Marie, người đàn bà tốt bụng, xinh đẹp, và nhậy cảm thật ra tôi chưa gặp mặt mà bỗng dưng muốn che chở. Lòng tôi se lại khi nghĩ đến cuộc sống của bà bên ông chồng liêm khiết và đức độ đến chỗ không có gì có thể chê trách, nhưng cũng không có gì có thể yêu thương. Và tôi nghĩ đến lời ông khuyên tôi, mà chắc cũng đã khuyên Marie, là nghề nào cũng vậy, cần nhất là phải giữ khoảng cách với thân chủ, phải lùi lại một bước mà xử lý... Bước lùi an toàn ấy, Marie chắc đã không làm...❐

Dường như là tuyệt vọng

NHU CHI

Có giấc mơ về những con đường
Con đường dốc chạy xuống
Con đường nào cũng chạy xuống
Đầy dinh nhọn

Tôi quay lại
Cố công quay lại

Nhưng đường nào cũng đầy dinh nhọn
Những giấc mơ
quẫn quại những con đường

Những đêm dài nghe tiếng lá khua
Nghe gió rít
Nghe mơ hồ sự sống
Sự sống tôi mơ hồ như giấc mộng
Những con đường
những ám ảnh khôn nguôi

Những đêm dài
nghe tiếng thời gian trôi
Tiếng trăng đi
tiếng sao rơi im lặng
Tiếng mặt trời
êm ả lên ngôi

Đêm nào cũng trôi đi
Giấc mộng nào cũng trôi đi
Giọt sương
Rồi cũng khô đi

Thế giới mê man
Như hồn tôi ngây dại
Ngọn đèn soi cho bóng ngã đen
Ôm viết trong tay
Chữ nằm trên giấy
Nghe lòng mình chảy như mực xanh

Đêm ơi đêm ơi
Sao đêm càng khuya khoắt
Đêm ngoài kia hay đêm nơi đây
Đêm hiu hiu đêm lặng ngắt
Trong đầu mình bay những đám mây

Bay về đâu những đám mây khuya
Gió thổi muôn phương tìm đâu thấy hướng
Qua mất rồi nẻo xưa
Bay hoài trong mơ tưởng
Qua mất rồi ngày hoan lạc
Đêm vô cùng đêm tối chung quanh

Mây ơi mây ơi
Có khi nào xin gió
Ngừng đưa ta vào cơn bão lạ

Mây ơi mây ơi
Đến khi nào biết được
Mình là mây
trong vô hạn trời xanh

Đời như nắng và tôi như cỏ dại
Nên cố van trời hãy nắng như xuân
Đời có khi như mưa trong hạn
Nên cỏ hèn mang nặng những thâm ân

Đời như sông và tôi như bèo giạt
Ước mong đời xuôi chảy mãi không thôi
Hãy chảy mãi dù lòng tôi tan nát
Giữa thác nguồn tuôn đổ khôn nguôi

Nhưng tôi là người đi trong cuộc đời sa mạc
Kiếm tìm gì nơi cát đá khô khan
ốc đảo ơi! Hiện chi trong ảo giác
Trước mặt người con nắng vẫn chan chan

Dịu dàng rơi những giọt đêm
Rơi trên cây cỏ cho mềm hoang vu
Rơi trên những đỉnh sa mù
Cho chân hụt giữa phù du cõi đời
Dịu dàng rơi ngọt ngào rơi
Cho bờ mi ướt muôn lời xót xa
Giọt dài giọt ngắn đêm sa
Nặng đôi cánh nhỏ đường xa muôn trùng
Đêm rơi chừng mãi không cùng

Môi đã khô tự bao giờ thế
Và con tim đã chậm lại khi nào
Đôi con mắt sao nhìn lên ngạo nghễ
Nhìn cuộc đời như một giấc chiêm bao

Một giấc chiêm bao mà như có thật
Nên môi khô mà mắt ướt lạ lùng
Và trái tim cứ lạc loài sai nhịp
Bởi tưởng muôn người tim cùng nhịp đập chung

Hơn bốn mươi năm chưa bao giờ hiểu
Phải làm sao? Tôi phải sống làm sao?
Khoảng còn lại bao nhiêu năm nữa?
Rất lạnh lùng - năm tháng cứ theo nhau.

Mai

Ngụ Thuyết

Thế là đã liên tiếp hơn một tuần qua trời nắng quá cỡ và nóng muốn điên cả người. Nhưng buổi sáng vẫn lành lạnh, tối nay mình đi làm về cũng sẽ lạnh, có lẽ còn lạnh hơn nữa, thế mà mình quên mang theo áo len, không khéo bị cảm. Mùa hè sắp hết, Thịnh bảo. Thịnh vẫn đêm đêm theo dõi dự báo thời tiết, nào là mấy hôm nữa nhiệt độ sẽ giảm dần, nào là sẽ có cơn mưa rào sáng nay báo trước mùa thu tới. Quả thật cơn mưa nhỏ rơi rớt lúc nào mình không hay, mặt đường loang loáng ướt, nước mưa còn đọng lại mấy giọt trên đám lá chanh ngay bên hông nhà. Mưa lúc mình còn nằm trên giường thao thức chờ đồng hồ reo lên chăng, rồi tiếng đồng hồ reo át tiếng mưa chăng, và khi đồng hồ hết reo thì mưa cũng vừa dứt? Cho nên mình chẳng hay biết gì cả? Lại có thể như vậy sao? Buồn cười thật!

Thịnh bảo đúng năm ngày nữa là mùa thu, theo dự báo. Không, em không thích những thứ dự báo đó đâu. Em ghét mấy cô nàng, mấy anh chàng báo cáo thời tiết trên T. V. Miệng nói nhanh hơn nước chảy, tay chỉ chỏ, mắt không thèm nhìn kỹ, liếc liếc vào những bản đồ của tiểu bang này, tiểu bang nọ, đám mây này trườn qua vùng Oregon, đám mây kia bò lại miền Nevada, chờn vờn như vệt khói thuốc lá, rồi gió thổi với tốc độ mấy chục miles một giờ, đang đổ về đông, về đông đông bắc, về tây... Làm như muốn cướp quyền của tạo hóa. Bản đồ trên T. V. thì nhỏ hơn cả khung cửa sổ, một tiểu bang nhỏ bằng cái bàn tay là cùng, cũng học đòi thay thế trời đất bao la. Lại còn tò mò dòm ngó con mắt bão Helen sắp lần tới vùng vịnh Mễ Tây Cơ, con mắt bão Susan sắp quét lên bờ biển Malibu, đem mưa gió đi hoành hành miền nam Ca-li. Đã hết đâu, vệ tinh sẽ theo chân sát nút cơn bão biển Nora sắp tàn phá nhiều tiểu bang miền Trung Tây, cơn cuồng phong Diana sắp đem mưa dầm và lụt lội đến

Florida. Rồi mùa này hết, mùa khác đến , là vì thế này, là vì thế kia... Anh thích những thứ thông tin như thế lắm, nhưng em xin chào thua. Cần gì phải chỉ trỏ trên bản đồ, cần gì những giảng giải lằng nhằng... nhiệt độ, rồi khí quyển, rồi áp suất nơi cao nơi thấp, rồi độ ẩm, rồi phong vũ biểu...

Hãy để yên cho trời đất xoay vần. Hãy để yên cho mùa thu tới, mùa thu đi. Hãy để yên cho lá đổi màu, cho lá lìa cành, cho gió heo may trở về mang lá rụng rải lên trên những lối đi quen, những vỉa hè xưa, những góc phố cũ, những sân trường tuổi nhỏ. Hồi đó, một hôm trước ngày tựu trường năm cuối cùng, trời vẫn âm u như trong suốt tuần qua, em ngồi bần thần bên cửa sổ suốt buổi sáng. Nghĩ đến chuyện thi cử sắp tới không cho phép em có đủ thì giờ để gặp anh, nghĩ đến những ngày vui vừa rồi giữa hai đứa mình qua mau, em muốn khóc. Em nhớ anh quá. Và em chờ, không phải chờ anh, anh đã đáp máy bay đi học xa hơn hai tuần rồi, em chờ một chút nắng, một chút mưa. Em tâm nguyện rằng nếu có mưa có nắng hôm nay sau hơn một tuần trời đất ủ dột thì chắc chắn giấc mơ của em sẽ thành sự thật. Em mong có những cơn nắng hiu hiu mùa thu họp nhau lại trải dài từ nơi anh đang sống đến nhà em để mang về cho em những cánh chim nhạn như cánh thư, em mong có những cơn mưa nho nhỏ bay thật xa nối liền khung cửa sổ này đến nhà anh để mang giùm cho em lời nhắn. Và em làm thơ, không phải để khoe với anh, mà để đọc một mình những lúc nhớ anh:

"...Nắng có về cho em hỏi thăm

.....

Mưa có về cho em nhắn thêm...

....."

Thế mà lạ chưa, buổi xế trưa một cơn nắng nhỏ hiện lên thắp sáng cả bầu trời và xế chiều mưa thu lất phất bay. Em tạ ơn trời đất, thế nào em cũng có anh.

Này Thịnh, em muốn được hưởng cái ngạc nhiên, cái bồn chồn khi đứng trước quang cảnh trời đất giao mùa. Như ngày nào. Như ngày em bắt đầu yêu em. Hồi đó, vâng hồi đó sao mà lòng mình vấn vương nhiều thứ quá. Yêu cỏ cây, yêu dòng sông, yêu đồi núi, yêu mưa, yêu nắng, yêu mùa thu và nhất là yêu anh. Bây giờ tình yêu của em đối với anh có giảm đi không? Có chia sẻ bớt một nửa cho hai đứa bé không? Nhưng tại sao lại chia bớt? Các con đã có phần riêng của các con, anh vẫn có phần của anh nguyên vẹn, mỗi phần mỗi khác.

Mình đã bỏ hai chuyến xe buýt sao Thịnh vẫn chưa thấy tới. Hai ngọn đèn pha rọi sáng trưng đằng kia dúng là xe buýt của mình rồi. Thôi,

em phải lên chuyến này, không, trễ mất.

Còn quá sớm. Đèn đường chưa tắt. Xe cộ lác đác. Một thiếu phụ còn trẻ đang ngồi một mình trên chiếc ghế băng của trạm chờ xe buýt vội đứng dậy chuẩn bị lên xe.

Căn nhà có hai phòng ngủ, đồ dạc sơ sài, toàn là những thứ đồ đã dùng rồi được mua lại, hoặc được bạn bè cho không, hoặc do vài cơ quan thiện nguyện cấp phát. Một đứa bé gái trên hai tuổi đang nói bập bẹ với cụ già gần 70 tuổi. Cụ trông còn khỏe mạnh, sáng suốt vừa làm xong bữa cơm tối đã vội lấy ra từ trong cái xách tay nhỏ hai cái hộp nhựa dùng đựng thức ăn trưa mà người đàn ông vừa mang về. Cụ vừa rửa và lau khô hai cái hộp nhựa, vừa nói với đứa bé bố Thịnh của cháu về rồi, bố Thịnh về rồi, vừa nhìn con trai mình một cách âu yếm và bắt đầu câu chuyện:

–Con Mai hôm nay sao chưa thấy về hả con? Mấy giờ rồi?

–Hôm nay nhà con làm thêm O. T. Gần 7 giờ rồi. 8 giờ hơn vợ con về.

Nói xong người đàn ông nheo mắt nhìn đứa bé, búng tay nghe tách một tiếng dòn dã, đứa bé khấu khỉnh chạy lại sà vào lòng bố mồm gọi mẹ đâu mẹ đâu. Người đàn ông gầy gò, cặp mắt mệt mỏi, ẩm đứa bé lên hôn vào trán, rồi nói thì thầm những gì vào tai bé khiến bé cười ngặt nghẽo từng hồi.

–Vi, Vi, tới bà nào. Để bố thay aó quần nào. Giỏi, cháu của bà ngoan lắm.

Rồi xoay qua người đãn ông:

–Con ăn cơm kẽo đói... hay con muốn chờ Mai nó về?

–Tùy mẹ. Nhưng con không đói.

Bà cụ lại chăm chú nhìn con ái ngại:

–Mẹ thấy độ rày con ốm đi nhiều. Người ta qua Mỹ ai cũng lên cân mà con thì mỗi ngày một rạc người ra. Hay con có điều gì lo lắng?

Thịnh tránh cái nhìn của bà cụ, lẩm bẩm trả lời:

–Có gì đâu, mẹ. Chẳng qua con đi cả ngày mệt. Đi lung tung suốt ngày, chán thiệt!

–Uả. Đi làm ở hãng sao lại nói đi lung tung, hả con?

–Dạ, dạ. Thì cũng có lúc công việc bắt mình phải chạy vòng vòng.

–À, à. Mẹ hiểu. Tiện thể hôm nay không có vợ con ở nhà... Cháu của bà đâu nào, đi với bà qua phòng bên kia... ình một cái nghe. Rồi bố mở T. V. cho xem " Bảy Chú Lùn "

Đứa bé phụng phịu mẹ đâu mẹ đâu, không phải không phải, coi công chúa nữa, bà cụ tiếp ừ thì có công chúa Bạch Tuyết nữa, rồi hai bà cháu qua phòng bên cạnh. Thịnh bước theo, ẳm bé vào chiếc giường nhỏ xíu, chạy qua nhà bếp mở tủ lạnh lấy bầu sữa đã pha sẵn mang lại cho bé, mở T. V. , rồi ngồi xuống sàn nhà cạnh chiếc giường cùng xem phim hoạt họa với bé. Chỉ vài phút sau có tiếng cụ gọi từ phòng khách. Người đàn ông uể oải đứng dậy bước ra.

–Như hồi nảy mẹ đã nói với con, sẵn không có vợ con ở nhà, mẹ muốn bàn riêng vói con vài chuyện. Con không nên lo lắng thái quá. Hai vợ chồng làm việc suốt ngày chắc cũng đủ trả tiền nhà... là cái chính. Còn chuyện thức ăn, áo quần thì qua lao thế nào cũng xong. –Mỹ ăn mặc có tốn kém bao nhiêu đâu. Ráng để dành tiền mua một chiếc xe là xong. Cho nên, cho nên con đừng cho vợ con làm ở tiệm bánh mì vào hai ngày thứ bảy, chủ nhật nữa. Có nhiều điều bất tiện lắm . Mẹ nói như thế có đúng không con?

–Con chưa hiểu rõ ý mẹ.

–Mẹ muốn nói là... hồi bên nhà chỉ một mình con làm việc cũng dư sức nuôi cả nhà. Qua bên này, nhờ trời phật phù hộ, và nói cho đúng ra do ở con nữa, mẹ biết khả năng của con mà, con kiếm việc làm không khó. Tìm việc là có việc ngay, con đặc biệt hơn người khác là ở chỗ đó đó. Con đã làm việc suốt ngày rồi, để cho con Mai nó làm phụ phụ chút đỉnh là đủ. Đằng này nó cũng làm suốt ngày như con, cuối tuần còn làm thêm. Trước kia Mai nó có từng đi làm đâu, nay qua sống bên này lại phải đi làm bảy ngày trong một tuần. Thật tội nghiệp nó quá. Con đã biết rồi chứ, mẹ thương nó như con ruột.

Thịnh ngập ngừng:

–Nhưng mà... thật ra bọn con đang cần tiền để mua một chiếc xe... càng sớm càng tốt. Ở Mỹ không có xe là như người què. Xe cũ độ vài ngàn bạc là được rồi. Cho nên phải làm thêm. Với lại bọn con cũng muốn đem bé Phương về ở với mình.

–Mẹ cũng đã định như thế. Xem nào. Năm nay cháu Phương được 11 tuổi, sắp lên trung học. Mẹ cũng nhớ nó quá huống hồ hai con. Nhưng mẹ không biết tính làm sao đây. Cháu Phương ở với cô chú của nó từ tấm bé, được thương yêu, cưng chiều đủ điều. Từ 75 đến bây giờ là mấy năm rồi? Tám năm hả con? Nay đòi nó về đây, cô của nó chắc là buồn lắm.

–Đành vậy, nhưng không thể làm khác được, thưa mẹ. Cho nên phải xoay xở tìm cách kiếm thêm tiền cho cả nhà.

Nói xong, Thịnh đứng dậy đi qua phòng bên cạnh xem bé đã ngủ chưa. Bà cụ thở dài. Cụ lui cui đến lò bếp bắt thêm ấm nước. Pha trà xong,

rót đầy hai tách, cụ lại gọi khẽ con trai trở ra nói chuyện tiếp:

–Con này, câu chuyện của mẹ đang còn dài. Chuyện này cũng quan trọng. Con ra đây ráng ngồi lâu lâu để mẹ nói cho hết.

Thịnh trở lại cái bàn ăn ngồi xuống ghế cau mày nhìn đăm đăm vào cánh cửa đang hé mở. Bà cụ lấy một tách nước trà đưa cho con trai, lấy một tách cho mình để ngay trước mặt, rồi nói chậm rãi từng lời một:

–Mẹ muốn nói điều này, mẹ nói nhưng mà con đừng la mẹ, đừng bảo mẹ quái quỷ. Mẹ thấy ngài ngại trong lòng suốt mấy tháng nay. Cho nên cuối cùng... thứ bảy tuần trước mẹ bảo con là mẹ đi thăm bác Tấn ở vùng mình, con có nhớ không, nhưng thật ra mẹ đi kiếm xe buýt đi tìm cái tiệm bánh mì nó bán...

Người đàn ông quay ngoắc người nhìn bà cụ. Cụ hơi lúng túng một chút, rồi tiếp tục câu chuyện:

–Nó cho đúng địa chỉ, chỉ đúng chỗ, mẹ tìm không khó. Mẹ đứng xa nhìn trộm Mai nó làm việc trong tiệm bánh mì.

–Vậy mẹ thấy ra làm sao? Vợ con bán bánh mì hay còn làm gì khác?

–Làm đủ thứ chuyện. Lúc thì nó cầm dao răng cưa xẻ bánh mì sắp thành từng hàng rồi lấy đũa gắp thịt, gắp đồ chua bỏ vào, rồi gói lại, rồi cột. Lúc thì phụ cô thu ngân tính sổ, nhận tiền, thối tiền, tính tiền. Lúc thì chạy qua quầy đồ ngọt chặt đá, múc nước đá cho vào bị, rồi múc chè vào chén nhựa, rồi gói xôi vào lá chuối bọc ni-lông bên ngoài. Lại có lúc bỏ cả mọi công việc chạy đến điện thoại trả lời... trả lời người ta đặt hàng, có lẽ. Không một phút hở tay. Mai nó làm lia lịa, nhịp nhàng, lại yểu điệu nữa, miệng luôn luôn cười tươi. Hình như nó thích công việc làm đó lắm không chừng.

Thịnh thở phào một tiếng, tiếp lời:

–Như vậy cũng tốt chớ có sao đâu, mẹ.

–Nhưng mẹ còn có ý nghĩ khác... Con có bao giờ đọc Tự Lực Văn Đoàn không?

–Uả, mẹ lại bắt qua chuyện khác nữa?

–Không phải. Con cứ trả lời câu hỏi của mẹ cái đã.

–Có, thưa mẹ. Con đọc những đoạn trích dẫn, môn giảng văn đó mà, hồi còn ở trung học. Hồi năm đệ tam hay đệ nhị gì đó thì phải. Học những đoạn trích dẫn trong các tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng, và Hoàng... Hoàng gì gì đó.

-... Hoàng Đạo. Chỉ có vậy thôi à? Lứa tuổi mẹ thì khác. Sách Tự Lực Văn Đoàn là sách gối đầu giường của mẹ. Nhất là sách của Khái Hưng. Nay nhớ lại mẹ vẫn còn thấy xúc động. Có dịp con kiếm cho mẹ đọc lại đi. Nghe nói ở vùng này có nhiều sách tiếng mình, mới cũ đủ loại, không

thiếu một thứ gì. Hồi mới qua ở bên con Vân mấy tháng, cảnh lạ người lạ, vợ chồng nó đi làm việc suốt ngày, mẹ ở nhà một mình. Không có việc gì làm, không biết đi đâu, không có ai chuyện trò, không có con gà con vịt con chó con mèo làm bầu bạn. Mở mắt ra chỉ thấy tuyết và tuyết. Đâu đâu cũng đều là tuyết, cây cối, nhà cửa, đường sá, vườn tược, núi non đều bị tuyết phủ trắng xóa một màu. Vài tuần đầu còn thấy lạ lạ, thích thích, về sau chán ngấy, sợ nó luôn. Có khi mẹ có ý nghĩ thật kỳ cục, chắc mẹ sắp chết ở vùng đó, tuyết trắng để tang cho mẹ. Nếu lúc đó mà có sách của Khái Hưng để đọc thì đỡ biết mấy, để cho mẹ đỡ nhớ quê nhà, chòm xóm, chợ búa, chùa chiền. Mẹ cứ nói dông dài, chắc con chưa biết được ý của mẹ. Mẹ muốn nói như thế này... Vợ con làm mẹ nhớ tới cô Mai trong văn chương. Cô Mai xinh đẹp, nết na. Sau chuyện tình đau khổ, cô gánh một gánh quà đến ngồi bán trước cổng trường, một bên quang thúng đựng giò, chả, bánh dầy, xôi, bên kia nồi cháo đậu. Trong cuốn Nửa Chừng Xuân đó con.

Thịnh có vẻ quan tâm đến câu chuyện, tay chống cằm, đầu gục gặc, nheo mắt nhìn mẹ một cách vui thích, và nói:

–Hôm nay mẹ văn nghệ quá. Mẹ nói thêm nhiều nhiều đi, con rất muốn nghe.

Bà cụ nhìn con sung sướng, cười ròn rã:

–Không, không phải vậy. Con muốn chọc mẹ hả? Không văn nghệ, chẳng văn gừng gì ráo trọi. Mẹ chỉ muốn nói như thế này, thời của mẹ khác. Đàn bà con gái thời đó biết cách giữ gìn. Nghĩa là, nghĩa là dù cho các cậu học trò không ai bảo ai mà cũng đến trường sớm hơn, trường Bưởi thì phải, rồi họp nhau từng tốp hí hửng bàn tán, cười đùa, ngắm nghía cô hàng xinh đẹp. Nghĩa là dù cho gánh hàng rong bán đắt hơn tôm tươi, nhưng cô Mai nết na, đằm thắm vẫn ý tứ, giữ gìn, nghĩa là không bị ai quyến rũ bậy bạ. Con gái thời mẹ là vậy đó. Thời này mẹ sợ mọi chuyện đều đã thay đổi.

Thịnh bật cười:

–A, con hiểu rồi. Mẹ muốn làm đồ đệ của cái ông Tào Tháo đa nghi?

–Khoan! Để mẹ nói tiếp. Mai của con nó cũng vậy, mẹ không nghi ngờ gì nó cả. Mẹ biết nó đẹp, lại có duyên nữa. Thế nhưng người ta nối đuôi nhau thành hàng dài kiên nhẫn đứng chờ, có người nhìn nó như muốn, muốn ăn tươi nuốt sống. Lại có mấy cậu người Mỹ, người Mễ, râu ria xồm xoàm, tóc dài hơn tóc đàn bà, đeo bông tai, ở đâu không biết vác xác tới nhập cuộc, chỉ chỏ, trầm trồ. Mẹ sợ.

Thịnh vui vẻ nhìn mẹ:

–Mẹ ghen bóng ghen gió giùm cho con chứ gì? Cám ơn mẹ.

Bà cụ buồn bã nhìn con trai mình:

–Con đừng nói vậy. Không chừng con không hiểu vợ con bằng mẹ. Nó sống với mẹ còn lâu hơn ở với con nhiều. Không phải vậy sao? Trước kia con đi dạy suốt ngày, rồi nay đi chấm thi ở tỉnh này, mai tỉnh nọ, rồi động viên đi lính, giới nghiêm, cấm trại. Rồi đi tù cải tạo. Ở nhà chỉ còn mẹ với nó quấn quýt bên nhau, nhất là vào thời gian nó chưa có con Phương. Nghĩ lại mẹ thấy thương nó quá. Mẹ biết tính nó, nó làm gì cũng say mê, nó si. Từ ngày lấy con, nó xa bạn xa bè, bạn trai cũng như bạn gái. Nó chỉ biết có con. Con đi xa chấm thi, ở nhà nó rũ xuống như chiếc lá héo. Nghe tin máy bay rớt ở đâu đâu, ở Công-Gô, Ma-Rốc gì gì đó, là nó như người mất hồn, đứng ngồi không yên, đợi thơ con từng giờ, từng phút. Rồi con đi lính, nó ở nhà khuya nào cũng lén tới bàn thờ Phật thắp nhang rì rầm khấn vái cả tiếng đồng hồ. Nó cứ tưởng mẹ không hay biết gì. Hồi được tin con thuyên chuyển từ đơn vị tác chiến về Trung Tâm Huấn Luyện Đồng Tâm, con biết không, nó khóc như cha chết mẹ chết không bằng. Khóc để tạ ơn trời phật đã phù hộ, hỏi nó nó nói như thế đó, con nghe có lọt lỗ tai không? Chắc con còn nhớ, mùa hè năm 72 thì phải, mùa hè đỏ lửa đó mà, tình hình căng thẳng, con bị cấm trại một trăm phần trăm, Mai nó đang mang bầu bé Phương, vậy mà nó cứ vác cái bụng to thề lê mò xuống Mỹ Tho thăm con nhiều lần. Mẹ bảo người ta không cho vào trại thăm đâu. Với lại thời buổi chiến tranh, đường sá đi lại khó khăn, lỡ có bề nào. Nó nói được, không sao, rồi nó cứ bương bương đi, mà nó đi đâu cũng trót lọt, thế mới lạ chớ... Hai mẹ con ở nhà có việc gì làm đâu ngoài hai bữa cơm, cho nên nó cứ đòi đi thăm con hoài. Mẹ cản không nổi. Còn hồi con đi học tập cải tạo thì khỏi nói, nó lại càng...

Thịnh cau mày ngắt lời:

–Con có biết... Nhưng... trước khác bây giờ khác. Vả lại...

Bà cụ tỏ vẻ sốt ruột:

–Con để mẹ nói cho hết ý. Mẹ thích cái gì đăm đăm. Thương nhau lắm, cắn nhau đau. Tính nó si mê. Ở ngoài tiệm bánh mì đó có nhiều đứa ưa nó lắm. Nhìn qua mẹ biết ngay. Người ta bảo con ruồi bay qua còn biết con ruồi đực con ruồi cái, huống là. Nhiều người qua đây đã lâu, có nhà cửa sự nghiệp đàng hoàng mà bị vợ chê, vợ bỏ, vợ chết, hoặc chán vợ, nay thấy nó đâm mê mẩn. Rồi lại có người vợ đầm vợ điếc đang sống với nhau hạnh phúc bỗng dở chứng nhớ cội nhớ nguồn đâm ra khoái đàn bà con gái tỵ nạn bên mình mới qua. Cứ thế là... nhà cửa tan hoang. Những loại người như thế ở đây thiếu gì. Lỡ có người nào lọt vô con mắt của vợ con. Đi đêm có ngày gặp ma. Ở cái xứ đầy cạm bẫy này chuyện gì cũng có thể xảy ra. Vả lại, con đã đi làm suốt ngày, Mai cũng đi làm suốt ngày. Tiện

tận thêm một chút nữa là đủ. Kêu bé Phương về mẹ nghĩ cũng đủ. Sống cho thoải mái một chút đi con. Cuối tuần vợ chồng con cái và mẹ nữa sum họp là tốt, là hạnh phúc. Khi nào có xe, cả nhà chở nhau đi tha hồ. Đi đâu hả con? Nghe nói đi qua phía trái nửa tiếng là thấy biển, quẹo phía mặt vài tiếng là gặp núi cao, đi thẳng tới không lâu đã vô được thành phố lớn nhất lớn nhì của nước Mỹ, đi lui cũng chỉ vài ba tiếng là tới Mễ. Cái xứ này lạ quá. Nhưng để khi nào có xe hẳn hay. Bây giờ mẹ không muốn đi đâu cả. Mẹ chỉ muốn cuối tuần vợ con ở nhà với chồng với con với mẹ. Chạy đua làm chi cho lắm, có ngày đứt gân máu.

Gần 9 giờ tối mai về . Dáng người cao cao, mặc chiếc áo sơ mi trắng chấm bông màu nâu bỏ ra ngoài cái quần *jean* xanh nhạt, nước da ngăm ngăm mặn mà, đôi mắt đen lay láy nổi bật lên trên khhôn mặt trái soan cân đối, chiếc mũi xinh xinh, cái miệng tươi, mái tóc dài được kết lại gọn gàng đằng sau ót bằng hai cái kẹp nhựa rẻ tiền. Cánh cửa đang hé mở chờ đợi, Mai bước nhanh vào nhà mang theo luồng gió gây gây lạnh và nụ cười mệt nhọc. Thịnh đứng ngay dậy, con mắt lóe lên tia sáng mừng rỡ kín đáo, chìa tay ra cầm lấy cái giỏ nhỏ mà Mai vừa trao rồi mang đến để lên trên nóc của cái tủ lạnh cũ kỹ trong khi bà cụ loay hoay pha thêm một ly nước trà nóng mang đến cho Mai, mắt nhìn âu yếm:

–Con mệt lắm không? Uống ly trà đi cho ấm bụng. Hôm nay con về trễ quá, mẹ trông con lắm .

–Dạ. Con phải làm thêm hai tiếng. Lẽ ra 8 giờ hơn là đã về tới nhà, nhưng chiếc xe buýt 57 thay vì 15 phút có một chuyến thì buổi tối phải chờ hơn nửa tiếng mới có xe. Trời, biết mẹ trông, con sốt ruột quá. Vi đâu, nó ngủ rồi hả anh?

Thịnh nheo mắt nhìn Mai, gật đầu. Mai nhanh nhẹn phụ bà cụ múc đồ ăn, dọn bữa cơm lên bàn. Bỗng Mai reo lên một tiếng mừng rỡ:

–Ô! Lại có món rau dền luộc chấm với nước tôm kho đánh. Ngon quá. Con biết mẹ biết con thích món ăn này. Cám ơn mẹ . Còn...

Thịnh vui vẻ cướp lời:

–Sao em có nhiều " biết " đến thế. Về phần anh, anh lại không biết em biết mẹ biết em thích cái món ăn đó.

Bà cụ chau mày suy nghĩ, lẩm bẩm:

–Biết? Biết? À, à... đúng rồi.

Bà cụ cười xòa, Mai và Thịnh cười theo. Cụ nhận xét:

–Con thấy chưa, có con về là vui nhà vui cửa. Vậy mà con đi làm mút mùa suốt cả tuần lễ. Ăn cơm đi kẻo nguội, chốc nữa mẹ nói chuyện này

cho mà nghe.

Mai cúi đầu nhìn xuống đất, mắt chớp chớp giấu cảm động, miệng lí nhí:

–Nhưng... Nhưng lần sau con có về trễ, mẹ và anh đừng chờ. Hãng con đang có nhiều việc, chắc con sẽ được tiếp tục làm giờ O. T. suốt tháng này, mỗi ngày thêm được hai giờ. Lẽ ra còn phải làm thêm ngày thứ bảy nhưng con xin được miễn để có thì giờ làm ở tiệm bánh mì.

–Mẹ thấy mệt quá, con chịu sao nổi!

Thịnh thở dài. Mai kín đáo nhìn Thịnh dịu dàng nói:

–Dạ cũng có mệt chút ít nhưng kiếm được thêm tiền. Mẹ ơi, con hư lắm! Có thêm tiền là con hết mệt ngay. Mẹ với anh nhé, con về trễ thì đừng chờ. Nguội lạnh mất ngon.

Bà cụ đon đả nối lời con dâu:

–Chờ ăn với con cho vui. Con biết không, không có con ở nhà cùng ăn, anh con nuốt vội nuốt vàng cho xong bữa, không nói năng một tiếng nào. Mà này, phải chi có đọt bầu, bông bí, trái bí mới tượng to bằng đầu múi đũa, thêm một ít rau tập tàng, để mẹ luộc lên rồi chấm với nước tôm kho đánh mới đúng điệu. Này con, bây giờ có chuyện này mẹ nói cho con nghe. Hôi nảy, lúc đang ngồi chờ con về, mẹ và anh con có nói chuyện với nhau nhiều lắm. Cũng có nói tới công việc làm của con. Thấy con cực quá, mẹ không muốn con làm thêm vào ngày thứ bảy và chủ nhật nữa. Mỗi tuần ít nhất cũng phải nghỉ ngơi vài ngày cho lại sức. Nhất là độ này con làm thêm nhiều giờ phụ trội. Mẹ nói mà đúng thì con phải nghe lời mẹ.

Hai vợ chồng nhìn nhau. Bà cụ nói tiếp:

–Kìa, hai con ăn đi chớ. Sao lại ngồi sửng sờ như thế. Mình qua đây trễ tràng, không làm giàu nổi đâu. Đừng ham. Ráng cho đủ sống là tốt rồi, để nuôi hai đứa nhỏ nên người. Sau này sẽ trông cậy vào chúng nó đó. Con chiều ý mẹ nghe con. Thứ bảy này đi làm một ngày cuối, rồi xin nghỉ luôn, nghe Mai!

Thịnh trả lời ngập ngừng:

–Mẹ để tụi con tính . Nhưng mà mẹ nói cũng có lý, phải không em. Nghĩa là... Nhưng mà phải thông báo chỗ làm ít nhất trước một tháng. Luật ở Mỹ là như vậy đó. Mình nghỉ ngang xương, lần sau khó xin đi làm chỗ khác. Một tháng nữa... ờ, lúc đó có thể anh sẽ đi làm...

Bà cụ sốt ruột ngắt lời:

–Con nói sai rồi. Mai nó nghỉ làm thứ bảy chủ nhật, con lại nhảy vào làm bù, thì cũng như không. Hai con độ này tính toán chi mà lạ thế, tao thiệt không thể hiểu nổi tụi mày. Mà này, ăn uống đi chớ. Đồ ăn sắp

nguội lạnh cả rồi. Kỳ thật, trời không mấy lạnh mà hễ để hở ra một cái là tô phở, tô hủ tiếu, tô bún bò lạnh ngắt ngay. Đồ ăn ở nhà mình cũng thế. Tại sao vậy con? Bên mình đâu có vậy.

Thịnh cầm chén cơm lên rồi đặt chén xuống bàn, nhìn Mai:

–Khó nghĩ quá! Em tính sao đây?

Bà cụ giận dỗi:

–Nói thế chứ xứ này là xứ tự do, xứ của thanh niên tuổi trẻ, mẹ còn xơ múi gì đâu. Các con cứ định liệu lấy mọi việc. Mẹ bất biết. Mẹ chẳng có quyền gì cả, mẹ biết thế từ lâu. Vậy mà mẹ cứ tưởng... Thôi được rồi, mẹ chiều ý hai con. Mai này!

–Dạ.

–Anh con bảo phải cho họ biết trước một tháng mới được nghỉ, thì... thì thứ bảy này con nhớ nói với họ đi. Làm thêm đúng một tháng nữa rồi nghỉ cũng được.

–Dạ.

Cái không khí nhẹ nhàng vui tươi lúc bắt đầu bữa cơm không còn nữa. Bà cụ ăn vội cho qua bữa, Thịnh uể oải gắp món ăn lộ vẻ bực bội, chỉ có Mai còn giữ được nét êm ái, dịu dàng. Có tiếng ọ ẹ của đứa bé ở phòng bên cạnh. Mai buông đũa đứng ngay dậy nhưng bà cụ làm giấu bảo Mai ngồi xuống, rồi cụ vừa đi vừa nói:

–Ngoan nào, ngoan nào. Bà đã ăn xong. Bà vào ngay ấp cho mày ngủ cho bố mẹ mày tha hồ bàn bạc.

–Mẹ nói thế nhưng hiện giờ mình có thể nào làm khác được. Anh nghĩ sao?

Thịnh cau có:

–Anh đã hết khả năng suy nghĩ từ lâu rồi. Em đừng hỏi anh câu đó.

–Anh đừng nói thế. Em giận anh đó.

Thịnh có vẻ ngượng nói giả lả:

–Ủa, anh nói cái gì vậy? Độ này anh thường buột miệng nói những lời anh không muốn nói một chút nào. Em đừng để bụng. Để anh nói chuyện này cho em nghe coi có hay hơn không. Anh biết đánh cờ tướng rồi.

Mai mở to mắt nhìn chồng:

–Thiệt vậy hả? Anh của em ghê gớm thế hả? Cờ tướng? Tưởng gì... chứ cờ tướng thì, thì tất cả các "bạn tù " của anh đều rành. Trong tù dạy nhau mà. Nhưng còn cuốn sách tiếng Anh em nói với anh, anh đã đọc xong chưa?

Thịnh nói khỏa lấp:

–Em nói như thế là võ đoán. Sao lại tất cả mọi người đều có thể đánh cờ tướng được. Phải có ngoại lệ chứ. Anh là một ngoại lệ. Những năm trong tù, anh quyết tâm học một nghề để sau này trở về với em anh sẽ mang ra thi thố, mang ra làm cần câu cơm nuôi em, nuôi con. Ghê gớm chưa. Còn riêng anh thì đã có trời nuôi. Khi ở trong tù anh tính rằng cái nghề cũ của anh không ai cho đem ra xài nữa. Cho nên bất cứ lúc nào có dịp là anh đi học lóm, đi thực tập. Chớ có thì giờ rảnh đâu mà cờ tướng, hoặc đô-mi-nô, hoặc "vui chơi tắm giặt nghe đài."

Mai mỉm cười hỏi:

–Anh nói cái gì vậy? Vui chơi đi tắm...

–À "vui chơi tắm giặt nghe đài". Anh nói cho luôn miệng đó mà. Đó là ba cái thú của cai tù, chứ bọn tù như anh thì sức mấy. Đúng ra hai chớ không phải ba, nghĩa là tắm giặt và nghe đài là hai thú vui chơi. Thật ra bọn tù tụi anh cũng được tắm giặt tuy có rất ít thì giờ và nước rất khan hiếm. Còn nghe ra-đi-ô thì tuyệt nhiên bọn anh không bao giờ dám nghĩ đến.

–À ra thế.

–Anh nói ngang đâu rồi ?

–Học nghề.

–Lãnh bao nhiêu đường tán, thuốc lá anh đều mang ra đầu tư vào việc học lóm. Thế mà sau hơn năm năm tù anh cũng chưa rành nghề.

–Cái nghề gì ghê vậy? Sao anh chưa bao giờ nói cho em biết?

–Nói ra thêm ngượng, thêm thẹn, thì anh dại gì nói. Hở mồm hở miệng gì gì đó thì mắc cở chết đi được. Cái câu đó ra sao, em nói cho anh nghe nhiều lần mà anh vẫn cứ quên như thường.

Mai cười tươi như hoa, bao nhiêu nét mệt nhọc trên khuôn mặt xinh đẹp đó đều tan biến. Mai nhìn Thịnh tình tứ:

–À, à , cái câu trong Kiều hả. Anh cũng bắt đầu thích Kiều hả? Như thế này:

Hở môi ra cũng thẹn thùng
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai.
Cậy em em có chịu lời...

Nhưng anh cứ nói loanh quanh hoài. Cái nghề đó là nghề gì?

–Nghề hớt tóc. Anh tập hớt tóc bằng kéo và lược, không có tông-đơ. Năn nỉ ỉ ôi để tụi nó đưa đầu cho anh hớt.

Mai lại cười, tiếng cười trong vắt:

-Anh đừng nói bậy. Hớt tóc chớ ai lại hớt đầu. Bộ anh muốn làm đao phủ?

–Ừ thì hớt tóc. Năn nỉ mấy cũng không xong. Cuối cùng anh phải trả giá. Lúc thì trả nửa tán đường, lúc thì một điếu thuốc lá. Nên nhớ trong tù thèm đường thèm thuốc lá hơn là thèm cả...cả em nữa. Ồ, ồ, đừng vội xụ mặt như thế, anh chưa nói hết mà. Suốt mấy năm ở trong tù anh nhớ em vô cùng nhưng không bao giờ cái ý nghĩ thèm thuồng đến với anh. Tại sao? Anh cũng không biết. Có lẽ chuyện đó hoàn toàn nằm ngoài tầm tay nên nó tự động triệt tiêu, hay vì lo âu, vì phiền muộn, vì ăn uống quá thiếu thốn, vì đủ thứ chuyện hầm bà lằng khác, cho nên nó, nó đó mà, đố em nó làm sao ?

–Hoang! Vô duyên ! Sao nữa ? Cái chuyện hớt tóc đó !

–Anh luyện tập khá nhiều, vậy mà anh cũng không bao giờ hớt được một cái đầu, cái tóc, nào ra hồn. Tay anh vụng lắm. Thường hay làm hư đầu tụi nó, có khi sau khi được anh hành nghề cái đầu của khách hàng trông như bị chó táp. Gặp tên nào hắc ám, nó đòi bắt thường. Thiệt là thất họng. Em biết làm thế nào mà thường không?

–Thì làm tóc giả dán lên cho khéo.

–Tóc giả kiếm đâu cho ra vậy?

Mai nhoẻn miệng cười, trả lời:

–Lấy tóc dư của người này ráp vào đầu người nọ, cái kiểu "Lấy râu cha nọ đặt cằm mẹ kia" đó mà. Hoặc túng lắm thì chìa đầu mình ra cho người ta trả thù.

Thịnh bật cười:

–Nghĩa là bảo nó cắt cái đầu tóc của mình cho thật xấu, để cả hai cùng xấu? Như thế nó được cái lợi gì?

–Vậy thì ì ra là cùng?

–Đâu có đơn giản như vậy. Thế này nhé, nếu còn đường hay thuốc lá thì đem ra nộp, gọi là phạt đền sáu mét. Lỡ hết, đi xách nước cho nó tắm, đi đào hà thủ ô "ngàn năm" cho nó tẩm bổ, hoặc tệ nhất là cũng phải đấm bóp mạnh mạnh tay cho nó gãy hết xương sống nó đi.

–Cũng vui hả anh. Nhưng cái chuyện cờ tướng, không phải, cái chuyện đọc cuốn sách tiếng Anh đến đâu rồi? Em có cảm tưởng nảy giờ anh đưa em đi vòng vo tam quốc.

–Em giống như bà giáo già quá. Nói thiệt anh đọc tiếng Anh không vô nổi. Em là dân văn khoa, khác. Mỗi lần anh giở sách ra, hai con mắt của anh từ từ đóng lại. Cái tiếng Anh thật kỳ cục, biết bao giờ...

Mai nhìn Thịnh đầy thương yêu và khích lệ:

–Cố gắng thêm nữa đi anh. Mình đang ở nước Mỹ mà. Có thể mình sẽ ở luôn tại xứ này không chừng. Phải biết tiếng của họ chứ.

–Được. Anh cố gắng.

Mai hài lòng, nở một nụ cười thật tươi:

–Bây giờ em báo anh tin vui này nhé, kể từ ngày mai em làm giờ mới. 8 giờ sáng bắt đầu ca. Anh em mình cùng ra bến xe buýt một lần.

Một tháng sau. Buổi sáng sớm trời khá lạnh, mây trắng bàng bạc khắp nơi, cây cối hai bên đường xơ xác, lá rụng chưa kịp quét nằm lác đác trên mặt nhựa đen, gió thổi, lá chạy dài khua xào xạc. Sáu giờ rưỡi tại một trạm chờ xe buýt, một người đàn ông và một người đàn bà mỗi người khoác một chiếc áo len mỏng dài tay màu nâu cùng kiểu ngồi cuối chiếc ghế băng chờ xe. Người dàn ông trông phờ phạc, người đàn bà thoáng nét lo âu. Bên cạnh mỗi người là một cái bị nhỏ đựng thức ăn trưa chứa trong cái hộp tròn bằng nhựa, một chai nước lạnh dùng để uống suốt ngày. Hai người ngồi sát bên nhau thì thầm.

–Này anh, mẹ còn tinh lắm. Sáng nay khi anh đang đánh răng, em đang bới cơm vào hộp, mẹ đến bên em hỏi nhỏ, "Ngày mai thứ bảy con làm ngày cuối phải không con?" Chắc là mẹ có ghi lại câu chuyện hôm nọ vào một cuốn sổ nào đó không chừng.

–Chắc vậy.

–Mình tính làm sao hả anh?

–Anh chưa biết tính ra làm sao cả. Nhưng em biết tại sao mẹ muốn em nghỉ việc tại tiệm bánh mì không?

–Anh quên rồi à, mẹ sợ em mệt. Với lại mẹ muốn cuối tuần cả gia đình đoàn tụ.

–Đúng, nhưng chỉ đúng một phần. Em biết không, cái lý do chánh là mẹ sợ người khác đoạt em khỏi tay anh. Anh buồn cười quá nhưng anh cố nhịn cười khi mẹ nói nào là em đẹp, nào là em cười duyên, cho nên người ta nối đuôi nhau đến để ngưỡng mộ em, có cả dân Mỹ, dân Mễ gia nhập vào đám người ngây dại, vân vân và vân vân.

Người đàn bà sửng sốt trả lời lập cập:

–Quỷ thần ơi! Mẹ ra tiệm em hồi nào em không biết. Mẹ nói thế nhưng sự thật có phải vậy không hả anh? Ở vùng Little Saigon thì tiệm bánh mì nào chẳng đông khách. Nhưng anh, anh mới là... Anh nghĩ thế nào? Điều quan trọng là anh nghĩ như thế nào về chuyện đó?

Người đàn ông tỏ vẻ xúc động:

–Anh nghĩ như thế nào bộ em không biết hay sao còn hỏi vờ. Mai, em đã biết anh yêu em lắm và anh cũng biết em ghét anh lắm.

Người đàn bà nở một nụ cười sung sướng, mắt nhìn xa lặng lẽ. Người đàn ông âu yếm nhìn vợ và nói bằng một giọng bùi ngùi:

–Vâng, anh đồng ý với em là mẹ còn khỏe mạnh và tinh anh lắm. Đó là điều an ủi lớn cho anh và cả cho em. Mẹ tính toán rất hay, quyết đoán cũng giỏi, kể cả việc mẹ đồng ý ngay với mình là nên đem bé Phương về đây càng sớm càng tốt. Nhưng mẹ vẫn còn tính sót một nước. Mẹ cho rằng anh là tất cả, rằng anh luôn luôn có chiếc đũa thần trong tay. Mẹ đặt nhiều kỳ vọng nơi anh quá. Thế mới khổ cho anh... và cả cho em. Bây giờ anh nhất định không đi đâu nữa. Anh về gặp mẹ ngay.

–Anh! Anh! Đừng làm thế ! Đừng làm mẹ khổ. Mình mới qua đây chưa đầy một năm, kiếm chưa ra việc làm là chuyện thường. Đàn bà như em kiếm việc làm lặt vặt dễ hơn nhiều. Gia đình nào cũng thế thôi, đâu phải chỉ riêng gia đình mình. Chưa nơi nào nhận thì anh chịu khó đi xe buýt đến các thư viện tìm sách đọc cho đỡ buồn. Rồi buổi chiều đến trạm chờ bên kia đường để hai anh em mình cùng về như từ trước tới nay. Mẹ không thể nào nghi ngờ điều gì. Mẹ già yếu rồi, đừng để mẹ thất vọng. Có rảnh thì anh chịu khó học tiếng Anh đi anh. Dần dần nó vô. Đừng đi đánh cờ tướng mất hết cả thì giờ quý báu.

Người đàn ông cười chua chát:

–Thì giờ của anh quý lắm hả? Ai bảo em thế? Hơn bảy tám tháng nay anh không biết làm gì cho hết ngày. Ngoài những hôm đứng chờ dài cổ trước cổng các công ty, anh đi lung tung nhiều nơi chứ không phải chỉ vào thư viện như anh đã hứa với em. Thư viện chán ngắt, sách vở khô queo, bàn ghế lạnh lẽo. Anh ngấy.

–Anh thiệt! Em giận anh rồi đó. Anh đi lung tung nghĩa là làm sao? Có cô nào hả? Sa quán sẩy cầu hả anh?

Người đàn ông cười khẩy:

–Em mong anh làm như thế chắc? Anh đi coi người ta đánh cờ tướng trước các tiệm ăn, tiệm cà phê, tiệm làm móng tay, làm tóc. Coi mê mệt có khi quên cả ăn trưa. Hai ba giờ chiều móc cơm ra ngồi dưới cầu thang ăn rồi coi tiếp hoặc ngồi ngủ chờ chiều đón xe buýt về cho kịp với em. Nhưng coi hoài lại cũng ngấy, bụng dạ bồn chồn.

Người đàn bà nhìn chồng ngẩn ngơ tiếp lời giọng rầu rầu:

–Anh! Sao anh không nói cho em biết.

–Biết để làm gì? Em đã nhọc nhằn nhiều, gánh thêm những thứ bực bội làm chi. Cho nên anh... anh lại đi nơi khác. Đi bộ. Đi nhiều nơi lắm. Anh thuộc lòng tất cả các con đường của nhiều thành phố quanh vùng. Rồi anh nảy ra cái ý đi xe buýt tới những nơi xa, tới các trạm cuối của tất cả các tuyến đường. Cũng chỉ tốn một vé. Buổi trưa lấy cơm em bới cho anh từ sáng ra ăn, lúc thì ăn ngoài bãi biển, lúc thì ăn trên dốc núi dốc đồi. Nước biển bên này lạnh tê cả chân, đồi núi vắng teo, lạ lùng, nhà cửa

bưng bít . Bây giờ thì anh không còn biết đi đâu nữa. Thôi, hôm nay em lên xe đi làm một mình. Anh đi về.

–Anh! Đừng về. Đừng làm mẹ buồn tội nghiệp. Mẹ thương và nể anh lắm. Mẹ cũng thương em nữa. Hay anh hãy tới sở em , đi quanh quẩn chờ em, đến trưa cùng đem cơm ra ăn chung rồi mình tính tiếp. Em có linh tính tháng sau thế nào anh cũng có việc.

–Không được đâu em.

–Được mà. Tối nay về nhà anh nói khéo với mẹ để em làm cuối tuần thêm một tháng nữa. Chắc chắn mẹ nghe lời anh.

Người đàn ông bối rối:

–Anh không thích sống cái kiểu này nữa. Mẹ cũng cần phải biết thêm một chút sự thật về anh . Nếu sống ở đây không nổi, mình đi tiểu bang khác. Để anh về nghe em.

Chiếc xe buýt từ cuối đường chạy trờ tới đậu sát lề cạnh trạm chờ. Mấy người đàn bà Mễ dắt díu bốn năm đứa con tuổi suýt soát nhau lần lượt bước lên xe. Hai vợ chồng đứng dậy rời khỏi chiếc ghế băng. Người đàn bà nhìn người đàn ông van lơn. Người tài xế da đen hất hàm hỏi. Người đàn ông nắm cánh tay của vợ nâng nhẹ lên rồi cùng nhau bước lên xe.❐

phân ưu

Được tin buồn

Giáo sư Trương Ân

Nguyên Hiệu trưởng trường Trung học Cường Để Qui nhơn
Nguyên Thanh tra Trung học Bộ Giáo dục VNCH

Đã thất lộc ngày 6 tháng 10 năm 1997 tại Besancon, Pháp quốc,
hưởng dương 61 tuổi.
Xin thành thật chia buồn cùng Chị Ngô thị Hoa và các cháu, và thành kính cầu nguyện cho linh hồn Anh Trương Ân được sớm về nước Chúa.

Ông Bà Trương Toàn, Ông Bà Nguyễn Hoàng Sanh, Ông Bà Võ Doãn Nhẫn,
Ông Bà Nguyễn Thanh Tùng, Ông Bà Trần Quang Minh,
Ông Bà Trần Ngọc Thái, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng,
Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Phan Bá Trác,
Ông Bà Huỳnh Hữu Dụng, Bà Lê Hữu Tuyển, Ông Lê văn Tùng.

Lời cổ thạch

PHAN MINH KHÁNH

ta nhìn chân núi đỏ
rừng khô trên dốc cao
hạ tàn thung lũng cũ
ngày chở mộng qua đèo

lá trời in vách núi
bụi mù che lối quen
vết xe mòn đất vỡ
ta nhớ người dã quên

chim bỏ dòng sông trắng
cành cây buồn đá xưa
trên cát hồng rất vắng
lời ca chọt đổ mưa

mây vàng tên tuổi cũ
tay đốt khói chiều xanh
đá dựng trời thu khóc
còn ta giữa trăm năm

mưa đất trích

Đêm nghe mưa suốt đất trời
Đổ vườn hoa hạnh tơi bời nẻo quê
Mái nghèo gió tạt phên che
Trong mùa lá rụng người về giường không
Đưa tay nối sợi tóc bồng
Mưa ngoài bến lạ ướt lòng chiêm bao
Đường mai ngựa ruổi sông cầu
Còn mơ quên chút buổi đầu thơ ngây

Nói Với Cha

Vy

Thầy ơi, Sáng nay, con đi dự lễ đưa dâu cô con gái lớn của một người bạn thân. Trời mới vừa đầu hè mà sao oi bức lạ thường. Bên này, không có tiếng ve kêu inh ỏi trên những con đường cây xanh che mát như ở Sài gòn, chỉ có đàn ong vàng đang cần cù bay từ cánh hoa này sang cánh hoa khác siêng năng hút mật. Tiếng đập cánh vo ve phát ra làm con nhớ lại tháng ngày hè thơ dại, len lỏi phá phách trong những vườn cây rậm rạp, khi về đến nhà đã thấy mẹ mua sẵn từ những người Chàm, đi hái măng trong rừng, từng tảng mật ong vàng màu hổ phách còn nguyên cả ổ ong con, để dành làm nước cam cho con uống mỗi tối học bài thi. Lòng con chùng hẳn xuống. Chưa bao giờ con lo lắng được mấy đứa cháu ngoại của thầy bằng một phần của sự chăm sóc dậy dỗ mà thầy mẹ đã dành cho con ngày xưa.

Hôm nay, ngày quan trọng của con gái bạn, nên cô con ngỗ nghịch của thầy đứng đắn hẳn lên. Con mặc chiếc áo dài gấm xanh hồ thủy điểm bông chữ phúc lam bạc, đeo vào người xâu chuỗi và đôi hoa tai bằng ngọc trai của mẹ để lại ngày xưa. Quần trắng, tóc thả dài. Nhìn vào gương soi, cũng đàng hoàng ra vẻ lắm. Nhưng, tìm hoài không ra đôi giầy nào màu trắng cho đủ bộ. Thầy biết mà, tủ quần áo của con từ thời còn con gái, trừ những bộ đồng phục bắt buộc ở Couvent Des Oiseaux, cho đến lúc lấy chồng, làm mẹ, toàn là những thứ màu thật sẫm, thật đen. Vậy mà sau cùng con cũng tìm được một đôi màu trắng cao gót, rất xinh và rất vừa vặn với chân cứ y như là cô Tấm thử giầy. Đến mức, khi đến buổi tiệc, con trình làng đôi giày mượn với các chị bạn, ai cũng khen hợp với con.

Xin thầy đoán đi, xin thầy đoán thử xem, con lấy ra đâu được?

Không phải đâu, cái thời ngông nghênh coi tiền như cỏ, hở ra chạy đi tiệm mua đồ mới của con đã mất từ lâu. Vả lại, trễ rồi, Nguy cứ hối một

bên, con có mọc cánh cũng không chạy ra tiệm được nữa.

Xin thầy đoán tiếp đi. Thầy không biết chứ gì?

Nếu là Tý thì con đâu cần phải đố. Năm nay Tý hai mươi tuổi rồi, mẹ có mang kẻ giày của Tý thì cũng đâu có gì lạ. Giày Ốc Tiêu đó! Con biết ngay là thầy sẽ ngạc nhiên mà. Cái con nhỏ mười ba tuổi, đứa cháu Ốc Tiêu ngày nào, lúc ông ngoại đưa ra phi trường, mới vừa được sáu tháng còn nằm trong tay mẹ u ơ, giờ đã lớn phổng phao cứ đòi cao hơn mẹ, tập tành lôi quần *jeans* và áo *pull* của mẹ ra mặc vào những ngày cuối tuần, để chứng tỏ cho ba biết, nó đã cao lớn bằng mẹ rồi. Chị Diệu lắc đầu, kêu con của mi cứ như dây bầu dây bí, khỏe mạnh, tươi hơn hớn, vươn lên tựa như thay da đổi thịt mỗi ngày. Khi con mang vào chân đôi giày của Ốc Tiêu, nhìn các cháu đang xúm lại coi mắt ra tuồng người lớn, chững chạc phê bình cho mẹ lần cuối trước khi con bước chân ra cửa, con nhớ lại và thông cảm xiết bao với ánh mắt thương yêu thầy mẹ đặt vào con trong buổi trưa mùa hạ của hai mươi tám năm về trước, khi con vừa mười bảy tuổi. Hôm đó, theo các bạn thuê đò qua bên kia sông để đi chơi vườn lựu và măng cầu, con làm dáng lấy của mẹ cái áo bà ba màu cặn rượu và cái quần đen để mặc. Thầy cũng đã nhìn con, quay lại nói với mẹ:

"Con cái đi học xa nhà, thoắt nhiên, lớn lên lúc nào mình không nhìn thấy!"

Lúc đó, mẹ nằng nặc bắt con dừng lại, mặc các bạn đứng trước cửa nhà thuốc tây của mình ngóng vào nóng lòng chờ đợi và kệ cho con ngúng nguẩy giận hờn, chụp cho được tấm hình thầy, con và mẹ. Tháng năm qua, bao nhiêu dời đổi, bao nhiêu thất lạc mất mát, không thể nào tìm thấy được mấy tấm hình đó nữa. Nhưng tận chốn riêng tư ở con, không hiểu tại sao muôn đời, ba bức ảnh đó hằn sâu như đã được đóng khung treo cứng vĩnh viễn một nơi riêng biệt trong trí nhớ. Một tấm, con ngồi chung chiếc ghế cao với mẹ nơi quầy thu tiền, hai tay mẹ ôm vòng lấy con, còn con thu hẳn người lại, môi dưới hơi bĩu ra hờn dỗi, đôi đầu chân mày cau cau. Lần đầu tiên hình in ra, mẹ lắc đầu cười nói, cái con thiệt là cứng cổ, để phóng to ra treo trong phòng khách chừng nó lớn lên có gia đình, bắt chồng nó phải chuộc lại. Cái thứ nhì, con đứng kế bên thầy, nghiêng đầu nhõng nhẽo, miệng đã hơi cười cười vì mẹ đang đứng bên ngoài chọc con. Tấm cuối cùng, con đứng giữa thầy và mẹ, tay thầy choàng qua vai con, mẹ một bên tay trái ôm sau lưng con, tay mặt mẹ nắm cánh tay phải của con. Dường như lúc đó con đang chân trước chân sau sẵn sàng phóng chạy theo lũ bạn trai gái đang đứng chờ. Sau đó ba tháng, giữa mùa thu vừa xong lễ trông trăng rằm tháng tám, mẹ mất. Con chưa có cơ hội được chụp thêm tấm hình mới nào có cả thầy lẫn mẹ. Hôm nay, nhớ

lại hình ảnh đó, con cứ bâng khuâng, không biết đến khi Ốc Tiêu mười sáu và Tí Nhè mười bốn chúng nó có còn cơ hội để chụp hình chung với con không? Hay lại phải cứ đóng khung một tấm hình nào đó suốt đời trong óc, như mẹ của các cháu bây giờ?!

Nhà bạn con hơi xa. Đường đi đẹp, không khí trong sáng, lên dốc xuống đồi và hai bên đường những cây thông mảnh khảnh vươn cao, thấp thoáng những căn nhà ngói đỏ nằm chênh vênh trên sườn đồi, xa nhau một khoảng sân cỏ rộng, tương tự như khoảng đường quành lúc mới bắt đầu vào thị trấn Đà Lạt. Vợ chồng con đi chung xe với anh chị Minh. Thầy biết mà, Ngụy đâu có bao giờ lái đường xa. Lúc chúng con đến nơi, bạn bè đã đông đủ. Nhà anh chị Lê Thọ khác hẳn. Anh đã bỏ ra hai tuần nghỉ phép, ở nhà lo việc trăm năm cho cô con gái yêu. Phía trước, anh khéo canh để những bụi lan bướm đủ màu, những chậu hồng và những khóm cúc đồng tiền vừa đúng độ đơm hoa. Những cánh hoa màu sắc tươi mát, hài hoà kiêu hãnh vươn cao. Màu hồng cánh sen điểm vào những cánh hoa màu trắng, màu phấn hồng và vàng cam cùng với nhụy hoa vàng nâu, cành lá mảnh khảnh đong đưa. Nắng trưa đan giọi chen lẫn cành lá tạo thành những chấm nắng lung linh, tinh nghịch rượt đuổi nhau trên bãi cỏ vừa cắt xanh ngắt như màu mạ. Và mùi cỏ, mùi hương hoa, mùi nắng trưa hè ngây ngất làm sao! Trời không một gợn mây, xanh cao trong vắt. Con thèm biết mấy được nằm lăn dài bình an trên bãi cỏ, nhắm mắt lại hít cho căng đầy lồng ngực mùi nồng ấm của đất, nghe từng tiếng chim hót để hồn đi lang thang như những ngày thơ dại.

Bạn Ngụy là người rất cẩn trọng trong lễ giáo. Anh chị lo liệu mọi thứ thật vuông tròn, đâu vào đấy. Trong khi chờ nhà trai đến để xin rước dâu, chúng con tụ tập trong bếp để phụ một tay với chị Lê Thọ. Các ông kéo nhau ra sau vườn bàn chuyện văn chương, chính trị, bạn bè. Thầy biết không, bọn đàn bà con gái tụi con, gặp riêng nhau thì cũng phá phách nghịch ngợm giỡn hớt như chưa từng lớn, từng già bao giờ. Con yêu tất cả bạn quanh con. Những chăm lo, san sẻ còn hơn là ruột thịt. Minh đã chia với con từng giọt nước mắt ngắn dài, là nâng vực đỡ đần cho con trong khi khốn khổ, là chỗ tựa nương vững vàng tin cậy của con trong lúc mềm lòng chao đảo, là người cùng cười với con dù đôi khi con tai quái chọc vào những điều riêng tư của chị. Chị Diệu dạy cho con nụ cười và rộng lượng trong đời sống, chị cho con thấy lòng thương yêu rộng rãi của chị chẳng những dành cho gia đình mà còn cho cả bạn bè thân sơ quanh chị. Nhà chị, mỗi cuối tuần thường là nơi bạn bè tìm đến,

là chỗ tiếng cười không bao giờ ngớt, là chốn người ta biết rõ thế nào là sự quan trọng và cần thiết của tình bạn. Chị Lê Thọ, mẫn cảm ngọt ngào chìu theo mọi ý muốn của chồng, đã chau mày xót xa cho những cơn bệnh ngặt của con. Chị Ngọc đẹp, hiền, giọng nói từ tốn độ lượng đã cho con hưởng được chăm sóc của người chị lớn. Một góc trong ngăn tim con là Giang, tóc búi cao, gương mặt có nét như một cô người mẫu, mắt liếc dài có đuôi và giọng Bắc trong trẻo dịu dàng của chị nói về "các đức ông chồng" với vẻ biếm nhẽ dí dỏm, nhưng con đọc được trong đó bao yêu đương đằm thắm. Diệp, tiếng đàn tranh, nhỏ nhẹ dịu dàng Huế thật là Huế, ánh mắt long lanh tin yêu đời sống, và vợ chồng Huy đôn hậu, chân thật, với những cuối tuần gặp gỡ như một phần tử thân quen không thể thiếu trong gia đình. Con tự hỏi đời sống của chúng con sẽ vô vị và chán nản đến chừng nào, nếu một trong những ngày sắp đến quanh con không còn bạn bè, không còn những thăm hỏi thân tình, những lo lắng phát xuất từ trong trái tim nồng nàn chân thật. Sáng nay, buổi sáng chan hoà vào niềm vui của bạn mà như của chính mình, con mới thấy rõ là con yêu họ và cần hết tất cả mọi người. Cùng một lúc, con nhớ tới thầy. Cô đơn, tóc bạc trắng, hắt hiu một bóng bên kia trời. Tim con rung nhẹ tiếng kêu, Thầy ơi!

Buổi lễ cáo gia tiên bắt đầu, khi nhà trai đến, cùng với đầy đủ lễ vật như một đám cưới truyền thống xa xưa ở quê nhà. Chị Lê Thọ, mảnh khảnh thanh khiết như một cành lan, đằm thắm và trang trọng trong chiếc áo dài gấm xanh dương dệt hoa tứ qúi mai lan cúc trúc kim nhũ vàng, dắt cô con gái qúi ra giao vào tay chú rể. Cô dâu, ngày thường vốn đã là một thiếu nữ xinh xắn, hôm nay lộng lẫy và tươi đẹp biết bao trong trang phục cổ truyền với khăn vành dây và áo khoác ngoài. Cô đứng cạnh bên chú rể, giữa gia đình chồng và bố mẹ. Hạnh phúc ngời sáng trên gương mặt hồng hào khỏe mạnh và tươi đẹp của cô, khiến con liên tưởng đến đoá hải đường rực rỡ đẫm sương trong buổi sáng mai trong khu vườn sau nhà, con vẫn thường lặng người chiêm ngưỡng hằng ngày. Cặp nến vu quy đỏ cẩn long phụng ánh vàng được đốt lên, lung linh cháy, mùi hương trầm tỏa ra trong căn phòng khách trang nghiêm nhưng thân mật và ấm cúng, khuôn mặt những người đứng quanh như cũng rạng sáng lây cái hạnh phúc tràn ngập của gia đình.

Sau khi nhận ly rượu tạ ơn sinh dưỡng của đôi vợ chồng mới, anh Lê Thọ nói đôi lời cám ơn bạn bè, và gởi đến con gái mình những lời dạy dỗ chúc mừng của người cha. Khi dặn dò con bổn phận đối với chồng và gia

đình, anh Lê Thọ bỗng dưng nghẹn ngào rưng rưng nước mắt. Và cuối cùng là tiếng nức nở. Bầu không khí lắng hẳn xuống. Đã có những cặp mắt bắt đầu hoe đỏ, đã có những giọt nước mắt chân thành cùng rơi theo nước mắt của người cha. Thầy ơi! Con từng thấy giọt lệ cô dâu chú rể trong ngày cưới khi nói lời ngợi ca công lao nuôi dưỡng dạy dỗ của mẹ cha. Cách đây đâu có bao lâu, giọt lệ vui mừng của chị Diệu cũng đã lăn trên đôi má trong ngày cưới của Titi, đứa con gái cưng của anh chị. Nhưng đây là lần đầu tiên con thấy nước mắt của người cha. Chị Lê Thọ cúi đầu cắn môi, lặng lẽ đưa tay tìm tay anh, âm thầm gánh chung với chồng từng vui buồn lớn nhỏ. Chị Minh đã thay bao nhiêu là khăn giấy, và quanh con, các cô gái người bản xứ bạn học của cô dâu, những cô gái tóc vàng hoe yêu đời, nông nổi, nồng nhiệt lúc bước chân vô nhà còn quấy phá nhau cười nói xôn xao cũng đang chớp mắt. Con bước nhẹ chân ra ngoài sân trước, ngẩng cao mặt nhìn lên trời xanh trong, nước mắt chảy ngược vào tim.

Trời hôm nay thật tuyệt diệu cho cho đôi vợ chồng trẻ. Không gian chừng rộng lớn hơn, mọi vật chung quanh như vừa chuyển mình đổi mới. Trong nhà vẫn vẳng ra giọng nói tình cảm của anh Lê Thọ. Cái người đàn ông thành công, mực thước, sâu sắc nhưng rất hoạt bát trong giao tế như anh mà cũng không giấu được sự yếu mềm của mình khi nhìn thấy đứa con gái khôn lớn đang bước vào ngưỡng cửa đầu tiên của đời sống. Cô gái chắc hẳn vẫn đang tươi cười nắm chặt tay người yêu, đứng cạnh nhau hạnh phúc trước đời sống chung đang trải dài trước mặt. Có tiếng chim rất lạ hót khẽ đâu đó nơi tàng cây du xanh ở góc sân. Con cúi xuống nhìn con đường trải sỏi trắng sạch bong dưới chân, khẽ nhắm mắt lại. Con như thấy được nụ cười xinh tươi tin tưởng của cô dâu, và thầy ơi, trong một nháy mắt con cũng thấy lại được trước mắt của mình hình ảnh của cô gái nhỏ ngây thơ hai mươi mấy năm về trước. Cô gái ấy, mảnh khảnh trong chiếc áo dài nhung đỏ thắm, cũng vấn khăn vành dây nhung vàng, kiềng trên cổ, đôi xuyến vàng mang ở vòng tay, và cũng cười rất tươi lúc hân hoan đưa ngón tay áp út ra cho chồng đeo nhẫn cưới. Nhưng, kế bên không có được người cha nhìn cô để rơi những giọt nước mắt hân hoan thấy con đã lớn khôn và có phần buồn tủi vì con bắt đầu vuột ra khỏi sự thương yêu lo lắng của mình, bước vào một cuộc sống xa lạ cho đến suốt đời, mặc dầu lòng của cha cô yêu và lo cho cô chắc chắn không thua gì người cha đang đứng trong kia. Cạnh cô không có người mẹ âu yếm và lo lắng như chị Lê Thọ đang nhìn cô con gái qúi cùng bạn bè thân thiết của

mẹ cha đứng vòng quanh ban tặng lời chúc phúc cho cô như đám cưới đang diễn ra hôm nay. Lúc đó, cũng là buổi trưa như bây giờ, trước mặt cô là bàn thờ gia tiên và bàn thờ nhỏ của mẹ kế bên. Tấm ảnh của mẹ, mắt nhìn cô đăm đăm, trong ánh nhìn buồn bã đó cô như thấy có long lanh ngấn nước. Chung quanh cô là các bà má già với chị em của cô, gia đình và bạn bè thân của anh, cùng đám bạn gái. Nhưng lúc đó cô không cần gì hết. Tấm lòng trong sáng của cô đã dành hết cho anh. Mọi thương yêu của cô trân trọng gởi vào người mà cô ngây ngô tin tưởng rằng tình yêu say đắm chân thành của cô, là sức mạnh ràng buộc hai người suốt đời. Sau ngày đó, do người làm kể lại, cô mới biết trong lúc cô cười tươi như vậy thì trong căn nhà rộng lớn hình chữ T miền Trung xa xăm, cha của cô giao hết mọi việc cho họ, kéo chiếc ghế bành ngồi kế bên trong góc tối cạnh bàn thờ mẹ cô, sau khi đã thắp hương. Ông, tóc bạc trắng phau, lưng còng hẳn xuống, ngồi đó bất động cho đến khuya, nước mắt chảy dài lặng lẽ.

Thầy ơi! Những giọt lệ anh Lê Thọ khóc trong ngày đưa con anh chị về nhà chồng có sự thông cảm và chung góp của bạn bè. Nước mắt đó chảy ra công khai trước sự chứng kiến của mọi người, là tấm lòng thương con vô bờ bến của người cha có pha lẫn hãnh diện, sung sướng và hạnh phúc. Anh khóc, vì tận trong tim anh, cô dâu kia là cái mầm sống anh chị tạo nên, chăm bẳm từ lúc chập chững tập đi tập nói, theo dõi từng lớp học, chính mắt trông thấy cô bước đi những bước chân vững chắc trưởng thành; giờ đây tách ra khỏi vòng tay cha mẹ để tự sống đời sống của chính cô. Anh khóc, vì biết chắc anh chị đã hành xử vuông tròn trách nhiệm cha mẹ, thấy rõ con đường con chọn để đi –có sự góp ý và chấp thuận của anh chị– đưa cô đến một tương lai tốt đẹp khởi dẫn cho đời sống lứa đôi hạnh phúc. Nước mắt rơi xuống từ lòng người cha hết dạ thương con của anh cũng được lau khô bằng nụ hôn tràn đầy yêu kính biết ơn của con gái, bằng bàn tay thương yêu chăm sóc của chị, cùng với môi cười và ánh mắt của bè bạn chung quanh.

Cũng là giòng lệ rơi từ trái tim tràn ngập yêu thương nhưng sao những giọt nước mắt chảy ra của người cha hơn hai mươi năm về trước, không có một chút hãnh diện và mừng vui mà đầy những xót xa, lo lắng và buồn phiền. Lúc đó, căn nhà rộng lớn chắc lạnh lẽo, đơn độc và buồn chán lắm. Các con của ông cùng thân thuộc đã kéo nhau đi về bên họ ngoại từ tuần trước để chuẩn bị cho đám cưới của đứa con ông bà thương yêu nhất nhà nhưng cũng ương bướng làm ông khổ tâm nhiều nhất. Đứa con lì lợm đạp đổ đi thành vách chở che của gia đình, ngang chướng bứt đi một cách tàn nhẫn vòng tay bảo bọc của ông, dấn vào một cõi mà ông nghĩ chờ đợi nó toàn những bất trắc, tối đen và khổ đau. Ôi! những giọt

nước mắt lặng lẽ, cất giấu, đơn độc của người cha đã bị lãng quên trong trái tim hời hợt, nông cạn và bạc bẽo của đứa con gái nhỏ. Những giòng lệ xót chua cay đắng lẽ ra phải được lau khô từ lòng biết ơn và hối hận cùng với ủi an thông cảm thì lại chảy ra nặng nề giấu diếm tự nó bốc hơi tan biến, bên cạnh bàn thờ người vợ, người mẹ và sự hờ hững vô tình của đứa con. Bao nhiêu năm qua, cô gái đã lớn khôn, đã thành một bà mẹ. Trong đời sống của chị, chị đã từng bao phen khóc cười tuyệt vọng, hạnh phúc với các con của mình, giờ chị mới cảm được nỗi đớn đau thắt ruột của người cha, trong cái ngày ông ngồi khóc trong bóng tối vì cảm thấy bất lực, nhìn con gái yêu bước vào con đường chông gai với tất cả sự hớn hở và cuồng nhiệt mà ông phải bó tay.

Và lúc này, nhìn những giọt nước mắt hạnh phúc của anh Lê Thọ và nghe giọng nói tràn đầy thương yêu trong những gởi gấm dặn dò người cha dành cho con gái, con biết trong tối thẳm của đời sống, cô gái nhỏ năm nào đã thấy rõ được nỗi đau trong cái bóng cô đơn thui thủi của người cha già năm xưa và đầu lưỡi của cô lúc này đang cảm nhận được cái vị mặn đắng của những giọt nước mắt ông ngày đó. Thầy ơi, con tin câu nói "đau như dao cắt ruột" là lời diễn tả rất chính xác nỗi hối hận khổ sở đang dằn vặt cô gái ấy hiện giờ. Thầy biết không, có nhiều đêm – người ta có biết bao đêm trắng trong đời không thể nào dỗ cho mình được giấc ngủ lành– con đã thấy người đàn bà đó ngồi một mình cô quạnh trong bóng tối, nói chuyện với phần người ngây thơ năm nào ẩn náu trong chị, đang bước ra nhìn lại chính mình.

"Có thật không, điều mà em hằng tin tưởng, vượt bỏ tất cả để chạy theo suốt thời gian dài tuổi trẻ. Cái điều mà em gọi là tình yêu và hạnh phúc, có thật không? Em đã gặp, đã nắm bắt được nó chưa?"

"Em không biết. Em tưởng đó là điều có thật. Khoảng thời gian đó em ngây thơ hồn hậu quá. Em tin rằng em đã, đang nắm nó trong tay và nó sẽ ở mãi với em. Nhưng hình như cái em giữ trong tay là hư ảo và suốt đời em, từ ấy đến giờ em như chạy đuổi sức hụt hơi trong vùng sương mù để tìm bắt một cái bóng không có thật đang lè lưỡi ngạo báng em."

"Nhưng ít ra, em cũng phải khám phá được đầu gì cũng phải có một điều rất thật!"

"Em có thấy! Đó là tình yêu thương và những giọt nước mắt chảy ra từ tấm lòng thuần hậu của những người cha, người mẹ dành cho con dù là đứa con ngoan hay đứa hoang đàng!..."

Trong kia, đã có tiếng vỗ tay chúc mừng, tiếng cười đùa hạnh phúc, con phải vào với các bạn thôi. Con chỉ muốn nói cho thầy biết, người đàn bà có trái tim bạc bẽo hiện giờ đang nhớ cha của chị không tả được. Chị

chỉ ước ao được gặp lại cha, nắm bàn tay đã trổ đồi mồi của ông nói với ông lời xin lỗi, để rơi những giọt nước mắt nóng trên cánh tay gầy của ông và cho ông biết một điều mà hình như từ thời ấu thơ cho đến khi khôn lớn chưa bao giờ chị tỏ cùng ông là chị yêu và nhớ ông vô cùng. Chỉ sợ lúc ấy người con gái bướng bỉnh kia, tim tràn ngập tình cảm nồng nàn, nhưng lại đứng xa ra, nhìn cha, cong một bên chân mày và nhăn nhăn đầu mũi cười ngượng ngập, thay cho lời nói thương yêu chân thành dành riêng cho cha mà cô vẫn cứ giữ kín vì sợ là mình đang hát cải lương!

Thầy thương yêu của con. Thầy nghĩ thời gian có chịu dừng để chờ cho cô ấy kịp về thăm cha và chảy những giọt nước mắt thật thà mà cô cố từng che giấu bao nhiêu năm không vậy?!

Thầy ơi, có muộn lắm chưa cho một nụ hôn xin lỗi ngọt ngào và tấm lòng thương kính chân thành của cô trao cho ông?!

Thầy chưa nói cho con câu trả lời, nhưng dường như con, và cả trái tim bạc bẽo của cô gái nhỏ đang nghe giọng nói quen thuộc của người cha: "Sao con gái tôi muôn đời vẫn cứ dại dột và khờ khạo. Nước mắt bao giờ cũng chảy xuôi, có khi nào lại chảy ngược? Con quên cha, chứ cha nào mà lại bỏ con!..."

Thầy ơi, có phải cha của cô gái nhỏ vẫn hằng ngồi chờ để nghe được giọng nói, tiếng cười của cô ấy và trong khoảng đời còn lại này ít oi này, với ông, cô vẫn là một con công xinh đẹp kiêu hãnh và ngu ngốc nhất của ông không?

Con ước ao gì, bây giờ, người cha có thể nghe được tiếng thì thầm trong lòng cô gái nhỏ:

"Thầy ơi! Con thương và nhớ thầy biết bao!"

Thầy kính yêu. Cha của cô đã nghe được rồi phải không thầy?... ❐

đã phát hành khắp nơi

tàn phai

thơ Nguyễn Hải Hà

dày 84 trang, trình bày đẹp, giá 8 Mỹ kim

Liên lạc: **Văn Nghệ**
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Tàn thiên niên kỷ

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Trời đất xoay tròn giữa trống không
Thiên niên một tuổi có già không?
Già di thục đó hay hý lộng
Rõn cợt con người kiếp sắc không

Trời đất xoay hoài bến ở đâu
Bàn tay Sáng Tạo có hay không?
Nếu lỡ tạo ra, nên giữ mãi
Còn lụy già suy, Sáng Tạo lầm!...

Loài người một kiếp dài mấy khắc
Như đám côn trùng bám mảng rêu
Mảng rêu chìm nổi như rêu biển
Biển cả rạt rào tụa bể dâu

Lòng người-khởi-sóng-triền-miên-lệch
Mảng rêu xanh ngắt thật hay không
Con người túy lúy vui ngắn ngủi
Chỉ thấy liên tu hệ lụy thôi

Còn ba năm nữa tròn một kỷ
Tròn khuyết chi chi cũng thế thôi
Đố ai biết được vòng nhân quả
Đạo lý vận hành của bèo trôi

Bút nghiên dao kiếm đều sai lạc
Vua chúa nghênh ngang...được lại thua
Chỉ có giữ Tâm không động đậy
May ra liễu được chuyện phù sinh...

Phép lạ bí ẩn

Jorge Luis Borges

Nguyễn Quốc Trụ dịch

Và Thượng đế làm anh ta chết đi suốt một trăm năm, và rồi
Người cho sống lại và nói: "Mi ở đây bao lâu rồi?"
"Một ngày, hay một phần của ngày," anh ta trả lời.
-The Koran,II 261

Lời người dịch: *Vào một buổi sáng tháng Tư, có một người, khi nhìn những đoàn quân tiến vào thành phố, đã vui mừng thốt lên, như vậy là ta sẽ chẳng bao giờ phải viết nữa. Trước đó có một người, thay vì đếm những giờ phút cuối cùng của đời mình, mơ Đức Phật trở lại với thế gian này. Đọc Borges, tôi bỗng nhớ đến họ. Và xin tặng (bản chuyển ngữ) cho những ai đã từng được Thượng Đế ban cho một phép lạ bí ẩn, như nhân vật trong truyện ngắn sau đây...*

Đêm 14 tháng Ba, 1939, trong căn phòng ở Zelternergasse, Prague, Jaromir Hladík mơ một trận đấu cờ dai dẳng. Anh là tác giả *Những kẻ thù*, một bi kịch chưa hoàn tất, *Phản bác Vĩnh cửu*, và một nghiên cứu những nguồn gốc Do thái không trực tiếp của Jacob Boehme. Đối thủ không phải hai cá nhân, mà là hai gia đình nổi tiếng. Cuộc đấu đã bắt đầu từ bao thế kỷ trước. Không ai còn nhớ giải thưởng trị giá bao nhiêu, nhưng nghe nói lớn kinh khủng, và có lẽ vô cùng. Quân cờ, bàn cờ được bố trí ở trong một cái tháp bí mật. Jaromir (trong giấc mơ) là đứa con đầu lòng của một trong hai gia đình tranh đua. Giờ giấc cho nước cờ tới đã được đóng cứng trên mọi mặt đồng hồ, và không thể trì hoãn. Người mơ thấy mình chạy dài trên cát, dưới mưa, và không còn nhớ được những quân cờ cũng như luật chơi. Tới đó, anh tỉnh dậy. Ngưng luôn, tiếng ầm

ầm của mưa và tiếng đồng hồ khủng khiếp. Một tiếng động nhịp nhàng, tách bạch với những tiếng người ra lệnh, từ Zelternergasse vang lên. Rạng đông, những binh đoàn thiết giáp tiên phong của Đệ Tam Reich đang tiến vào thành phố Prague.

Vào ngày 19, nhà cầm quyền nhận được lời tố cáo Jaromir Hladík; buổi chiều cùng ngày, anh bị bắt. Anh được đưa tới một doanh trại mầu trắng và được khử trùng, ở phía bờ đối diện Moldau. Anh không thể biện bạch, dù chỉ một trong những lời cáo buộc của Gestapo: họ mẹ anh là Jaroslavski, máu anh là Do thái, nghiên cứu của anh về Boehme nặng chất Do thái, chữ ký của anh, trong thống kê chót, cổ võ sự chống đối *Anschluss*. Vào năm 1928, anh đã dịch *Sepher Yezirah* cho một nhà xuất bản của Hermann Barsdorf; nhằm mục đích thương mại, bản danh mục thái quá của cơ sở này càng cường điệu thêm tiếng tăm của người dịch. Danh mục ở trong tay điều tra viên Julius Rothe, một trong những viên chức quyết định số phận Hladík. Trừ những kẻ ở trong môi trường chuyên môn riêng biệt, có viên chức nào mà không cả tin; chỉ cần hai hoặc ba tĩnh từ kiểu Gothic là đủ thuyết phục Julius Rothe về tầm quan trọng của Hladík, và ông ta ra lệnh tử hình, *pour encourager les autres*, để khuyến khích những người khác. Cuộc hành quyết được ấn định vào ngày 29 tháng Ba, vào lúc 9 giờ sáng. Sự chậm trễ (độc giả sẽ nhận ra tầm quan trọng của nó sau đây) một phần là do nhà cầm quyền mong muốn tiến trình hành động không có tính cá nhân, và thật từ từ, như cây cỏ.

Hết cả hồn vía, đó là phản ứng đầu tiên của Hladík. Anh biết mình chắc chắn không khiếp sợ, bởi cái giá treo cổ, đoạn đầu đài, hay một con dao, nhưng bị xử bắn do một đội hành quyết là điều anh không thể chịu nổi. Thật vô ích, khi anh cố tự thuyết phục chính mình, chết, chỉ riêng chuyện đó thôi, là một hành động đáng sợ, nhằm nhò chi ba trường hợp lẻ tẻ. Anh tưởng tượng đến mệt nhoài, hết chết cách này tới cách khác. Cứ như thế anh tham dự hoài hoài, tiến trình cái chết của anh, từ rạng đông không ngủ tới loạt đạn huyền bí. Trước ngày chết ấn định bởi Julius Rothe, anh đã chết hàng trăm lần, tại những sân bắn mà hình dáng, góc cạnh của chúng thách đố luôn cả môn hình học; bị bắn gục bởi hết đám lính này tới đám lính khác, con số người tham dự cũng thay đổi, kẻ này lúc bắn gần, kẻ khác lúc bắn xa. Anh đối diện những cuộc hành quyết tưởng tượng, khiếp đảm thực sự (và có lẽ, can đảm thực tình). Cảnh tượng này mỗi lần kéo dài chừng vài giây đồng hồ. Khi vòng tròn khép kín, Jaromir lại thấy mình trở lui hoài hoài với buổi đêm run rẩy, của cái chết ban mai. Rồi anh suy ngẫm ra một điều, thực tại vốn không trùng hợp với những dự đoán của con người về nó. Với luận lý riêng, anh suy ra rằng, dự

đoán một tình huống, là ngăn chặn cho nó đừng xảy ra. Tin tưởng nơi huyền thuật yếu ớt, anh làm phép: *như vậy chúng sẽ không xảy ra*, những tình huống tối tăm độc địa. Lẽ dĩ nhiên, cuối cùng anh cũng đành phải lo sợ, những hoàn cảnh thê lương này mang tính tiên tri. Trong đêm tối thương tâm, anh cố nắm chút thời gian trơn tuột. Anh hiểu rằng, thời gian, tự nó cũng chúi về buổi mai 29. Anh lớn tiếng suy luận: *Lúc này, ta hiện đang ở trong đêm 22. Trong khi đêm còn dài (còn 6 đêm sẽ tới), ta bất khả xâm phạm, tuyệt đối an toàn, bất tử.* Giấc ngủ đêm như những giếng tối sâu mà anh tự mình có thể trồi lên. Có những khoảnh khắc, anh nôn nóng loạt đạn dứt khoát, tốt cũng vậy, mà xấu cũng xong, nó sẽ giải thoát anh khỏi nỗi thôi thúc vô ích của bao điều tưởng tượng. Vào ngày 28, khi ánh dương quang cuối cùng chấp chới trên song sổ cao, ý nghĩ về vở bi kịch *Những kẻ thù* bứt anh khỏi những âu lo tuyệt vọng.

Hladík đã quá 40. Ngoại trừ một số ít bạn bè, và rất nhiều thói quen, ba bốn điều viết lách là cuộc đời anh. Như tất cả các nhà văn, anh đo lường sự thành tựu của kẻ khác bằng những gì họ đã hoàn tất, yêu cầu họ đo lường anh bằng những điều anh nghiên cứu, hoạch định. Tất cả những cuốn sách anh xuất bản, đã để lại nơi anh một mớ tình cảm hỗn độn, về nỗi niềm ăn năn, thống hối. Những nghiên cứu về tác phẩm của Boehme, Ibn Ezra, và Fludd cơ bản chỉ là sản phẩm mang tính ứng dụng vậy vậy; dịch bản *Sepher Yezirah*, sản phẩm của sự cẩu thả, mệt mỏi, đoán mò. *Phản bác Vĩnh cửu*, theo anh, ít khuyết điểm hơn: tập đầu là những quan niệm của con người về vĩnh cửu, từ Hiện Hữu bất di bất dịch của Parmenides tới Quá Khứ có thể sửa đổi được của Hinton. Tập thứ nhì, (cùng với Francis Bradley), phủ nhận điều, tất cả những sự kiện trong vũ trụ cấu thành một chuỗi thời gian, bằng cách lập luận rằng, con số kinh nghiệm khả hữu của con người thì không vô cùng, và chỉ một lần "lập lại" đủ chứng minh, thời gian là một ảo tưởng... Bất hạnh thay, những luận cứ chứng minh ảo tưởng này, thì cũng ảo tưởng như rứa. Hladík có thói quen vượt qua chúng theo kiểu bối rối, nhuốm chút dè bỉu. Anh cũng đã viết một chuỗi thơ Biểu Hiện; và nhà thơ chưng hửng, chúng có trong thi tập xuất bản vào năm 1924, và thi tập nào xuất hiện sau đó cũng đều thừa hưởng chúng. Trong nỗi nôn nóng cứu rỗi chính mình, thoát ra khỏi quá khứ mập mờ, và não nề, tất cả đều trông mong vào vở bi kịch thơ, *Những kẻ thù*. (Hladík coi trọng thể kịch thơ, bởi vì nó làm cho khán giả không quên phi thực tại, vốn là một điều kiện cần thiết của nghệ thuật.)

Tác phẩm tôn trọng tính đồng nhất của bi kịch (thời gian, nơi chốn, hành động). Nó mở ra tại Hradcany, trong một thư viện của Nam tước

Roemerstadt, vào một trong những buổi chiều cuối cùng của thế kỷ 19. Trong cảnh một, hồi một, một người lạ tới thăm Roemerstadt. (Đồng hồ gõ 7 tiếng, sự thôi thúc của những tia mặt trời khi lặn, rực rỡ trên những ô cửa kính, không gian có tiếng nhạc Hungary quen thuộc, tha thiết.) Cuộc thăm viếng kéo theo những cuộc thăm viếng khác; Roemerstadt không quen biết những người tới làm phiền ông, nhưng ông lại có cảm giác khó chịu là ông đã nhìn thấy họ, trước đó: có lẽ trong một giấc mơ. Tất cả đều xun xoe, bợ đỡ, nhưng thật hiển nhiên - trước tiên là đối với khán giả vở bi kịch, và sau đó, đối với chính Nam tước - họ là những kẻ thù bí mật, thề huỷ hoại ông. Roemerstadt tỏ ra cơ trí hơn, hoặc đã thoát khỏi những âm mưu lằng nhằng của họ. Trong cuộc đối thoại, người yêu của ông, Julia de Weidenau, được nhắc tới, và một tay Jaroslav Kubin nào đó, có thời đã từng cầu hôn cô. Kubin bây giờ đã mất trí, và nghĩ anh ta là Roemerstadt... Nguy hiểm trùng trùng. Roemerstadt, vào cuối hồi hai, đã bắt buộc phải giết một trong những kẻ âm mưu. Hồi ba và là cuối cùng, bắt đầu. Những sự phi lý cứ thế tăng thêm: diễn viên, có vẻ như đã đóng xong vai, lại xuất hiện; người đàn ông bị Roemerstadt giết, trở lại, một lát thôi. Người nào đó ghi nhận, thời gian trong ngày không tiến triển: đồng hồ gõ 7 tiếng, mặt trời hướng tây hắt lên những ô cửa sổ cao, nhạc Hungary tha thiết trong không khí. Xướng ngôn viên thứ nhất của vở kịch tái xuất hiện và nhắc lại những từ anh ta đã nói trong cảnh một, hồi một. Roemerstadt nói chuyện với anh ta, chẳng một chút kinh ngạc. Khán giả nhận ra rằng, Roemerstadt là anh chàng Jaroslav Kubin khốn khổ. Vở bi kịch chưa từng xảy ra: chỉ là vòng mê sảng Kubin hoài huỷ sống đi sống lại.

Hladík chẳng bao giờ tự hỏi chính mình, vở bi hài kịch của những lầm lẫn như vậy, là vô lý, hay đáng yêu; có dụng tâm, hay chỉ là tuỳ tiện. Anh trực giác ra rằng, một âm mưu như vậy là phát minh thích hợp nhất để che giấu những khiếm khuyết, và để biểu tỏ những điểm mạnh của anh, và nó còn cho anh khả năng cứu rỗi, (một cách biểu tượng) ý nghĩa căn bản cuộc đời anh. Anh đã hoàn tất hồi nhất và một cảnh hay là hai, của hồi ba. Tính vần luật của tác phẩm cho phép anh liên tục suy nghĩ về nó, chỉnh lại khổ thơ mà không cần bản thảo ở trước mặt. Anh nghĩ tới hai hồi còn phải làm, và cái chết cận kề. Trong bóng đêm, anh khẩn cầu Thượng Đế. *Nếu, một cách nào đó, con hiện hữu, nếu con không phải là một trong những lập lại của Người, và sự lầm lạc; con hiện hữu như là tác giả của Những kẻ thù. Để hoàn tất vở bi kịch này, nó có thể sử dụng để biện minh con, biện minh Người, con cần một năm nữa. Xin hãy cho con năm đó. Người mà tất cả những thế kỷ, tất cả thời gian đều thuộc về*

Người. Đó là đêm cuối cùng, hãi hùng hơn tất cả, nhưng chỉ mười phút sau, giấc ngủ như biển đen sâu thẳm đã nhận chìm anh.

Gần rạng đông, anh mơ thấy tự giấu mình, ở một trong những gian, tại Thư viện Clementine. Một người thủ thư đeo kính đen hỏi anh: *Anh kiếm gì?* Hladík trả lời: *Thượng Đế*. Người Thủ Thư bảo anh: *Thượng Đế ở một trong những con chữ, của một trong những trang, của một trong 400,000 bộ, của Clementine. Cha tôi, và những người cha của những người cha của tôi, đã tìm kiếm con chữ này. Tôi trở nên mù cũng chỉ vì tìm nó*. Ông gỡ cặp kính, và Hladík nhìn thấy mắt của ông đã chết. Một độc giả bước vào, mang trả cuốn atlas. *Cuốn atlas này vô dụng*, ông ta nói, và đưa nó cho Hladík, anh mở ra theo ngẫu nhiên. Trong một thoáng bàng hoàng, anh nhìn thấy bản đồ xứ Ấn độ. Đột nhiên hết sức tự tin về mình, anh chạm vào một trong những con chữ nhỏ bé nhất. Một giọng như có ở khắp nơi, nói: *Thời gian cho tác phẩm của mi đã được chấp thuận*. Hladík giật mình thức giấc.

Anh nhớ ra rằng, những giấc mơ của con người thuộc về Thượng Đế, và Maimonides đã viết, những từ trong giấc mơ thì linh hiển, khi chúng được nói ra một cách rành rẽ, rõ ràng, bởi một người mà không ai nhìn thấy. Anh mặc quần áo. Hai người lính vào sà lim và ra lệnh cho anh đi theo họ.

Từ bên trong cửa, Hladík đã mường tượng mê cung với những lối đi, những cầu thang, và những dãy nhà nối với nhau. Thực tại tồi tệ hơn: họ đi xuống một sân trong, bằng cầu thang sắt hẹp chỉ một người đi lọt. Một vài người lính - mặc đồng phục, khuy áo mở banh - đang xem xét một chiếc xe gắn máy, và bàn cãi về nó. Viên đội nhìn đồng hồ của ông ta: 8 giờ 44. Họ phải đợi tới 9 giờ. Hladík thấy mình chẳng đáng chi, hơn là đáng thương hại; anh ngồi trên đống gỗ. Anh nhận ra ánh mắt những người lính tránh né anh. Để cho việc chờ đợi dễ dàng hơn, viên đội mời anh một điếu thuốc. Hladík không hút thuốc. Anh nhận chỉ vì lịch sự, hoặc vì tủi nhục. Trong khi châm thuốc, anh thấy tay mình run run. Trời có mây. Những người lính xì xầm nói chuyện, như thể anh đã chết. Một cách vô ích, anh cố nhớ một người đàn bà, và qua người này, Julia de Weidenau là một biểu tượng...

Đội hành quyết được tập hợp, và mọi chú ý hướng về họ. Hladík đứng dựa vào tường doanh trại, đợi loạt đạn. Một người nào đó tỏ ý lo ngại, bức tường sẽ dính máu. Kẻ bị kết án được lệnh bước tới phía trước vài bước. Thật phi lý, Hladík nhớ lại những sắp xếp sơ khởi của một người thợ chụp hình. Một giọt mưa nặng nề rớt, trên thái dương Hladík, rồi lăn dần xuống má. Viên đội hô mệnh lệnh cuối cùng.

Vũ trụ vật chất dừng lại.

Súng chĩa vào Hladík, nhưng những người được lệnh bóp cò đều bất động. Cánh tay viên đội trở thành thiên thu, trong cử động chưa kịp hoàn tất. Trên phiến đá lát sân, một con ong để bóng im của nó. Gió ngưng, như trong một bức tranh. Hladík cố kêu một tiếng, một từ, cố nhấc tay. Anh nhận ra mình liệt cứng. Không một âm thanh thoát ra từ thế giới đứng dừng.

Anh nghĩ: *Ta đang ở địa ngục. Ta đã chết.*

Anh nghĩ: *Ta điên rồi.*

Anh nghĩ: *Thời gian ngưng.*

Rồi anh suy nghĩ, trong trường hợp như vậy, ý nghĩ của anh, cũng phải tới một điểm ngừng. Anh nóng lòng xét nghiệm khả năng này: anh nhắc lại (mà không mấp máy môi) Bài Thơ bí ẩn thứ Tư của Virgil. Anh tưởng tượng những người lính đằng xa cùng chia xẻ với anh nỗi nôn nóng; anh mong được liên lạc với họ. Anh sững sờ khi thấy mình không một chút mệt mỏi, không choáng váng vì sự bất động hoài huỷ. Sau một thời gian dài, không biết là bao lâu, anh rơi vào giấc ngủ. Khi tỉnh dậy, anh nhận ra thế giới vẫn bất động, tê cóng. Giọt mưa vẫn đọng trên má anh; bóng con ong vẫn dừng trên mặt phiến đá; khói từ điếu thuốc anh ném bỏ vẫn chưa tan. Một "ngày" khác đã qua, trước khi anh hiểu được.

Anh đã xin Thượng Đế cho anh một năm để hoàn thành tác phẩm: Quyền năng vô hạn của Người đã bảo đảm điều này. Vì anh, Thượng Đế đã hoàn thành một phép lạ bí ẩn: Sự thắng thế, dẫn đầu của đối thủ Đức sẽ giết anh, ở một giờ giấc nhất định, nhưng trong tư tưởng của anh, một năm đã qua đi, giữa lệnh bắn của viên đội, và cuộc hành quyết. Hoang mang, anh đi tới ngỡ ngàng; từ ngỡ ngàng tới cam phận, từ cam phận tới lòng tri ân bất ngờ.

Anh đâu có tài liệu chi, ngoài hồi ức của riêng mình. Đám dong chơi tài tử, vốn đã quên những chương đoạn mơ hồ, phù phiếm, họ không thể tưởng tượng, anh đã từng có được một sự nghiêm thủ hạnh phúc, khi làm chủ từng khổ thơ thêm vô đó. Anh không làm, cho hậu thế, ngay cả cho Thượng Đế, cũng không, những thưởng ngoạn văn chương cũng chỉ là vô danh đối với anh. Hết sức tỉ mỉ, không cử động, hết sức bí mật, anh dệt đúng thời gian, mê cung vô hình, kiêu hãnh của anh. Anh làm đi làm lại hai lần, hồi thứ ba. Anh bỏ đi những biểu tượngAnh bỏ đi những biểu tượng quá lộ liễu: tiếng đập của thời gian, của âm nhạc. Chẳng có gì thúc hối anh. Anh bỏ bớt, anh cô đọng, anh khuếch đại. Có chỗ, anh trở lại nguyên bản. Anh thấy mình trở nên trìu mến cái sân, doanh trại, một trong những mặt tiền của nó, trước mặt anh, đã sửa đổi quan niệm của anh

Thuyền giấy
CAO THỊ NGUYỆT LÃNG

Bên một góc trời chìm xuống biển
Nắng hôn mê theo giấc muộn màng
Có cánh buồm trôi thật bình yên
Bờ xa lắm dợi chi đòng nước cạn

Chàng lặng lẽ trên bờ cát
Trùng dương gờn gợn trong mắt trong
Mong manh thuyền giấy thả trên sóng
Chở dam mê vào mênh mông

Chàng còn lặng lẽ trên bờ cát
Mùa hạ vàng trôi tuột tay thô
Bầy còng gió ngược xuôi tất tả
Ngọn triều lên xuống với hư vô

Áp tai vỏ ốc chàng nghe rõ
Rì rầm lời biển gọi yêu thương
Ánh chiều còn sót trong hương muối
Lấp lánh như vòm sao quê hương

về tính tình của Roemerstadt. Anh khám phá ra rằng, những tạp âm nặng nề đã làm Flaubert bực mình rất nhiều, chỉ là những mê tín thị giác, sự yếu đuối và giới hạn của chữ viết, không phải chữ có âm thanh, trầm bổng... Anh kết thúc bi kịch của anh. Anh chỉ còn bận tâm với mỗi một câu. Anh đã kiếm thấy nó. Giọt mưa lăn trên má anh. Anh bắt đầu một tiếng kêu man rợ, xoay mặt qua một bên. Ba bề, bốn phía, một luồng hơi đẩy anh té xuống.

Jaromir Hladík chết vào ngày 29 tháng Ba, lúc 9:02 sáng.

(Theo bản Anh ngữ của Anthony Kerrigan và Harriet de Onis)

Mây

Tâm Thanh

Bà chủ nhà ảnh Quang Ký, thờ ơ thảy xấp ảnh lên mặt quầy trước mặt ông khách, có vẻ một ông khách quen, nhưng không rõ có thân không. Một thiếu phụ xinh đẹp đứng lấp ló sau mành theo dõi bằng ánh mắt ái ngại. Người khách -khó đoán được tuổi tác, có dáng một nhà nhiếp ảnh tài tử, vai đeo máy ảnh, áo ký giả nhiều túi, đầu đội mũ dạ ngấn mồ hôi- đưa từng tấm ảnh lên coi rất chăm chú, ánh mắt và những nếp nhăn trên mặt dao động theo từng tấm ảnh. Coi ảnh xong, vẻ hài lòng, khách nhét xấp ảnh vào túi áo, gõ gõ ngón tay trên mặt kính để kéo sự chú ý của bà chủ, nói:

- Chị cho khất nhá. Lần sau giả luôn thể.

Nói xong, không chờ sự chấp thuận của bà chủ, khách ngả mũ, xiêu vẹo đi ra. Bà Quang Ký bận tiếp một người khách khác. Nhà nhiếp ảnh tài tử vừa sắp bước ra khỏi cửa, thiếu phụ vén rèm, gọi:

- Chú! Chú chưa lấy phim mới.

Nhà nhiếp ảnh tài tử quay lại, gật gù:

- Ừ nhỉ, xuýt nữa lại quên.

Ông xiêu vẹo quay một vòng trở lại, cầm cái gói nhỏ do người thiếu phụ đặt trên mặt tủ kính, cất mũ một lần nữa, rồi lại xiêu vẹo đánh một vòng, đi ra.

Ông ra vườn Bách Thảo, chọn một cái ghế dài, miệng lẩm bẩm:

- Chó khôn quyện ba vòng mới nằm.

Nhưng ông chỉ quyện một vòng, cũng một điệu bộ như trong tiệm ảnh, trước khi ngồi xuống chỗ quen thuộc, cái chỗ có một thanh gỗ gẫy, và hai dấu chân lõm dưới đất, lại giở xấp ảnh ra coi. Mỗi tấm ông coi cả giờ đồng hồ, ông đưa ảnh lên cao như để so với đối tượng là những đám mây, hoặc cái gì đó sau đám mây, hun hút trong bầu trời xanh ... Ông lẩm bẩm:

- Tốt! Giống lắm! Giống lắm!

Khi một đám mây đổi dạng trên trời, ông lấy một tấm ảnh khác ra so, và gật gù:

- Người mẹ cho con bú. Giống lắm! Đố thằng nào cãi được?

Đứng gió, nhưng trên trời cao, các đám mây trắng pha xám xanh từ từ xô đẩy vờn cợm, thay hình đổi dạng.

- Con cóc. Cũng giống lắm! Đố thằng nào chê được. Cóc phải giống cóc. Đố thằng nào cãi được?

Thấy thằng bé bán lạc rang thơ thẩn đi ngang, ông gọi:

- Bán cho một trăm.

- Không bán một trăm. Mua năm trăm đi!

Thằng bé ế hàng, ngồi xuống đầu bên kia ghế dài, đầu gió, hy vọng mùi thơm của lạc rang làm ông khách đổi ý chăng. Nhưng ông đã quên lạc rang, quên thằng bé. Tiếp tục lấy ảnh ngắm và so với các đám mây, lẩm bẩm:

- Hai người đang làm tình. Lồ lộ. Đố thằng nào che đậy được?

Thằng bé khoảng 13-14 tuổi, tò mò, nhích lại gần:

- Đâu nào?

Ông nhiếp ảnh chìa tấm ảnh cho thằng bé. Nó vừa liếc qua đã giẫy nẩy:

- Chỉ nói phét! Có mỗi tờ giấy đen ngòm mà nói phịa.

Ông cười hềnh hệch đắc ý:

- Biết mà! Đầu óc mày cũng như đầu óc chúng nó, chỉ thấy đêm đen ngòm, không thấy bên dưới màn đêm là những cuộc tình.

Ông tiếp:

- Năm trăm lạc rang, mau, ông chỉ cho coi cái không đem ngòm!

Thằng bé xúc mấy hột đậu phọng vào cái bù đài bằng giấy báo, đưa cho khách. Ông vừa nhai đậu phọng, vừa chỉ lên trời:

- Mày nhìn thẳng từ cành phượng vỹ lên. Đó, giữa cành phượng vỹ có nhiều hoa nhất đó. Đám mây xám ở dưới là người đàn ông cuồn cuộn bắp thịt, đang rướn đầu lên. Bên trên là đám mây trắng - người đàn bà đang chống tay quỳ gối, mặt ngước lên trong ánh sáng rực rỡ, ngập khoái lạc. Đám mây dưới lưng người đàn ông là lụa vàng, có lẽ xiêm y của người đàn bà vừa trút bỏ.

Thằng bé khoái tỉ, rên:

- Ừ nhỉ, đẹp quá! Giống quá!

Ông nhiếp ảnh bẻ lại:

- Giống cái gì?

- Chuyện, thì giống làm tình.

- Mày thấy người ta làm tình bao giờ chưa?

- Có rình, nhưng chưa bao giờ thấy.

- Thế mà cũng giám hươu là giống với khác?

Thằng bé không ngờ ông khách đang say sưa trỏ hình mây cho nó, lại thình lình "giở chứng" bắt bẻ vô lý, nó cụt hứng:

- Thì tôi thấy cái mà ông hươu ra trên trời.

- Tao mà hươu thế đếch nào được. Vả lại, mày nhìn lên trời coi. Hình làm tình đâu?

Thằng bé nhìn lên trời, đám mây đã tản mạn.

Huyến trân trọng lau chùi cái máy ảnh "Vôlăngđe", đánh xi-ra cả hộp da và quai đeo. Lòng chàng khấp khởi mừng vì tổ chức vừa gọi chàng về phục vụ tại Trung ương. Chàng không thể ngờ được sự nghiệp mình lên như vậy.

Nhưng trước khi vào ATK (an toàn khu), Huyến phải thu xếp một việc -một lời hứa.

Số là cô bé con bà Quang Ký tên Thoa, bị mặc cảm xấu. Nó đứng trước gương cả ngày xoi mói từng mụn trứng cá, từng cái lông măng trên mép và than xấu. Bà mẹ thương hại đứa con một, ôn tồn kiên nhẫn nói cho nó biết "Con là đứa con gái bình thường, nếu không nói là xinh xắn, và nhất là duyên dáng. Con gái, cái duyên mới là cái đẹp kín, đẹp bền". Bảo mãi nó vẫn không tin, có lần bà bực mình nói:

- Ừ đấy! Mày xấu như con ma lem. Rồi làm gì được bây giờ?

Con bé coi câu nói dỗi của mẹ như một bản án mẹ giấu từ lâu. Nó uống thuốc ngủ tự tử. May mà nó sợ uống nhiều thuốc quá cái mặt chằn vằn, chết trông khiếp, nó chỉ uống 5 viên ganidan, anh thợ ảnh phát giác cứu kịp.

Huyến thường lại hiệu Quang Ký mua phim, tráng ảnh. Một hôm chàng tới lúc vắng khách, nghe được câu chuyện giữa mẹ con. Bà Quang Ký kéo đồng minh:

- Đấy chú Huyến coi. Mặt mày con bé như vậy mà nó cứ tự chê xấu.

Huyến lớn tuổi chưa có vợ, cũng chỉ vì cái tật nhát gái. Nói tới chuyện nhan sắc phái nữ, chàng đâm lúng túng, không dám nhìn cô bé, cũng chẳng dám nhìn bà mẹ, một bà góa quá mặn mòi, chỉ nói vu vơ:

- À, à, vậy hả?

- Đấy, mẹ thấy chưa? Ai cũng biết con xấu.

Thoa mếu máo nói, rồi vùng vằng vén mành chạy tọt vào nhà trong. Hai người lớn đứng ngây ra, ai trong lòng cũng trách người kia, nhưng

miệng lại tự trách mình:

- Khổ chưa! Tôi ăn nói vô ý vô tứ quá.

Lần sau chàng tới hiệu, kín đáo nhìn "cô bé xấu xí". Huyến đi lại tiệm ảnh này có dễ trên ba năm, thành như người thân, nhưng không để ý sự hiện diện của đứa con gái nhỏ của bà chủ. Bây giờ nói tới xấu đẹp, nhà nhiếp ảnh chân dung mới thử quan sát và "giật mình" ... Một nụ hoa vừa nở, kín đáo nhưng mãnh liệt, dưới làn da trắng hồng. Đặc biệt là đôi mắt to cực đẹp, tia nhìn như xót xa chiếu vào bản thân mà người được nhìn cảm thấy như được xót thương, chan chứa hòa ái trong lòng. Chỉ có mái tóc làm cho khuôn mặt cô tóp lại phía trên. Cô cài tới bốn năm cái kẹp tóc. Huyến "ngứa nghề", bàn với bà mẹ, rồi nói với cô bé:

- Mẹ cháu nói cháu đẹp. Cháu nói cháu xấu. Chú là người giữa, không biết bênh ai. Bây giờ chú nhờ cái máy ảnh nó làm trọng tài. Để cho chú chụp cho cháu dăm tấm ảnh, nhé.

- Để làm gì, chú?

- Để coi chơi vậy thôi. Xem cái máy ảnh nó nói sao.

- Xấu quá, chụp ra ảnh, coi xấu hổ chết.

Cô gái nào chả ưa chụp ảnh. Huống hồ con nhà ảnh, mà mấy năm nay Thoa chỉ chụp ảnh một lần làm thẻ học sinh. Cô bé đồng ý, chỉ chờ ngày thuận tiện cho cả hai chú cháu. Loay hoay xuýt nữa Huyến quên giao hẹn.

May mà chàng chợt nhớ ra đúng lúc sắp lên đường đi xa không biết đến bao giờ có dịp gặp lại.

Thoa theo chú Huyến ra ngoài trời. Huyến không muốn mượn phòng chụp trong hiệu, để khỏi mất lòng người thợ của cửa hiệu. Trong Vườn Bách thảo, Huyến bảo cô gái ngồi trên ghế dài ngắm nghía. Thoa biết bị ngắm, má ửng hồng, lơ đãng nhìn những tia nắng xuyên qua kẽ lá, vẫn ánh mắt thương mình mà xót xa tới cỏ hoa. Huyến chuẩn bị đồ nghề xong, tiến lại, tự tay gỡ mấy cái kẹp tóc trên đầu "người mẫu". Gỡ tới cái kẹp thứ tư, thì trước mặt chàng không còn là một người mẫu nữa, cũng không phải cô cháu gái, tay chàng bỗng nhiên run rẩy, vướng víu trong đám mây nuột nà, chàng nói trong hơi thở đứt quãng:

- Cháu tự gỡ nốt cái kẹp còn lại ra. Xổ tóc, rồi chải về phía sau.

Nàng vâng lời. Huyến bấm máy ngay từ lúc nàng bắt đầu xổ tóc và nghiêng vai chải, cho tới khi ngước mặt lên để tóc chảy xuống vai, và vòng tay cài bím.

- Xong.

- Chú chụp bao giờ vậy? Cháu đã chải tóc xong đâu nào?

Ánh mắt nàng thắc mắc, môi trề ra nghi ngờ. Huyến chụp vội hình đó, đóng máy ảnh lại nói:

- Chụp trong lúc cháu chải tóc. Chải xong thì không cần nữa.

- Nhanh thế!

- "Chụp" phải nhanh chứ.

Nàng cười khanh khách. Lần đầu tiên Huyến nghe tiếng cười trong trẻo đó.

- Chú làm như chụp chuồn chuồn, bươm bướm.

Huyến gom gói đồ nghề xong, ngồi xuống cạnh nàng:

- Gần như vậy. Hồi nhỏ, khi lần đầu tiên được cầm trong tay cái máy Roleiflex của ông chú, chú thấy cả bụi chuối xanh chui tọt vào tấm kính đục kẻ ô vuông, tầu lá đong đưa, chú chỉ mơ ước được làm nghề chụp ảnh. Hai chữ "chụp ảnh" nghe như một việc phù phép -"chụp" lấy cây chuối mà nhét vào cái hộp nhỏ.

- Chú làm nghề chụp ảnh là vì thích "chụp"?

Đến phiên Huyến cười lớn, và tự nghe chưa bao giờ mình cười tự nhiên như vậy:

- Đúng. Nhưng không phải chụp nguyên đối tượng hoặc biến dạng đối tượng như nhốt người vào cây đèn thần, mà chụp lấy cái rung động của chính lòng mình trên đối tượng.

Không biết nàng có hiểu lời Huyến không, nhưng im lặng như suy nghĩ. Nàng bào đôi guốc xuống khoảng đất lõm dưới chân cho lõm thêm, như đánh dấu chỗ ngồi, như tìm kiếm một ý tưởng, một kỷ niệm nào trong đó.

- Chú vui?

- Ngay lúc này, ở đây thì vui. Cả đời thì buồn vui lẫn lộn.

- Cháu chỉ có buồn.

- Sao vậy?

- Cháu không còn bố.

- Còn chú không có gia đình. Cháu, ít nhất còn mẹ.

- Mẹ cháu đẹp quá.

- Sao lạ thế? Có mẹ đẹp càng hãnh diện chứ. Mẹ cháu lại yêu cháu thế

- Mẹ chả chia cho cháu một tí đẹp.

Huyến phì cười:

- Yêu thương, vui buồn còn có thể "chia" được. Nhan sắc là trời cho, chia thế nào được?- Vì vậy cháu mới buồn.

- Nhưng chú cam đoan cháu rất đẹp. Huyến vỗ vào cái máy ảnh. Rồi cháu sẽ phải tin chú. Rồi mọi người sẽ thấy cháu đẹp.

Hôm sau tới giao phim, căn dặn và từ giã, Huyến lại buồn. Nỗi buồn tinh khôi làm cho chàng vui - rằng khi chia tay được ... buồn. Chàng thấy rõ Thoa cũng buồn.

Nhưng công tác bận rộn làm cho Huyến quên ngay đời sống thành thị, quên cô bé mặc cảm xấu xí. Thỉnh thoảng chàng mới thắc mắc không biết các tấm ảnh chàng chụp Thoa ra sao, và không biết bà Quang Ký có theo lời chàng dặn, chọn những tấm đẹp nhất phóng ra treo ngoài cửa kính và trong hiệu ảnh không.

Hiện tại giấc mơ lớn nhất của Huyến là chụp được Cụ. Làm sao mình cũng chụp được tấm ảnh như Vũ Năng An chụp Bác xắn quần móng lợn ngồi nói chuyện với bộ đội trong rừng Đoan Hùng? Cầu được ước thấy, do sự gởi gấm của một bà cô ruột, Huyến được anh Lê Văn Lương nâng đỡ và được xung vào đoàn nhiếp ảnh theo Bác đi kinh lý mặt trận Điện biên phủ. Người ta cất một khán đài có giăng bạt trên đồi. Hàng vạn con mắt hướng về khán đài hồi hộp chờ đợi Bác. Huyến đứng hàng đầu cùng với đoàn nhiếp ảnh. Chàng lăm lăm cầm sẵn máy ảnh chuẩn bị, căng thẳng tột độ.

- Không biết cái ống kính nhỏ bé của tôi có thu nổi hình ảnh vĩ đại của Bác không?

Một đồng nghiệp nghé tai Huyến nói nhỏ như vậy, khiến Huyến càng căng thẳng hơn. Lần đầu tiên Huyến thấy hai chữ "chụp ảnh" -dù theo nghĩa phù phép chàng hiểu thuở bé- cũng không "linh" nữa. Máy có thể "chụp" được người, vật, phong cảnh; không thể "chụp" được thần thánh. Bỗng Huyến đâm lo. Trong máy có phim chưa? Chàng không chắc. Không có gì chắc trong giờ phút thiêng liêng này. Nếu mở máy để kiểm soát bây giờ có thể hai "pô" đầu bị hỏng. Nếu không kiểm soát, có thể hỏng cả sự nghiệp, hỏng cả giấc mơ lớn nhất. Huyến không đắn đo thêm nữa, chàng ngồi xuống mở máy ra kiểm soát.

Đúng lúc đó, tiếng hô "Bác đến! Bác đến!" xôn xao, không phải từ phía khán đài, mà ở đàng sau. Bác thường đến đột xuất như vậy, ít khi Bác đến vào giờ giấc và nơi chốn ấn định trước. Đoàn nhiếp ảnh ồ xô về đàng sau. Một người đá vào máy ảnh của Huyến văng xuống đất. Túi đồ nghề cũng bị đạp lên. Khi chàng nhặt được đồ nghề, sửa lại máy móc, lếch thếch chạy về sau -bây giờ đã trở thành đằng trước-, thì trễ rồi. Bác đã ra hiệu cho bộ đội ngồi xuống. Thường khi Bác nói chuyện, Bác không thích người ta chụp ảnh lăng xăng, làm chia trí người nghe. Hôm nay cũng vậy, trước những nhà nhiếp ảnh thèm khát vớt vát thêm vài pô sau khi bác đã an tọa, Bác từ tốn dạy:

- Chụp Bác làm gì, quay máy ra mà chụp nhân dân.

Mọi người vỗ tay hoan nghênh lời nói thân tình của nhà đại cách

mạng. Chỉ có Huyến đứng trơ người ra tuyệt vọng, muốn khóc. Thế là bao nhiêu mộng ước trở thành mây khói. Huyến bẽn lẽn chĩa máy vào đám đông chụp vài tấm lấy lệ, tự an ủi là mình làm theo lời Bác -"chụp Bác làm gì, quay máy ra mà chụp nhân dân".

Sự đời không đơn giản như lời Bác nói. Trong cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật sau đó, bao nhiêu ảnh chàng chụp nhân dân, dân công, bộ đội, du kích bị loại ra hết. Chàng không được tham dự triển lãm. Huyến gặng hỏi Lương mãi, anh mới thở dài nói:

- Anh nể chị KL lắm, cũng khó mà đỡ cho chú được. Tại sao chú không chụp ảnh Bác?

- Tai nạn nghề nghiệp. Như anh biết, em bị người ta đá văng máy ảnh. Vả lại, anh em ai cũng chụp ảnh Bác rồi. Lỡ thiếu em, có hệ gì cơ chứ?

- Không hệ cho lãnh tụ, không hệ cho tổ chức, nhưng hệ cho chú, cho sự nghiệp của chú.

Nỗi lo lắng bắt đầu thấm, Huyến cầu cứu:

- Vậy em phải làm gì bây giờ?

- Chú viết bài tự kiểm.

Viết tự kiểm xong, Huyến trở lại sinh hoạt bình thường, tranh thủ quên tai nạn cũ, hướng về tương lai. Chàng tin tưởng cách mạng đã khoan hồng tha thứ. Chàng càng tin tưởng hơn khi có tên tham dự lớp học tập chính trị cho các văn nghệ sĩ. Lớp này được tổ chức sau khi Bác ký sắc lệnh ngày 15.3.1953 thành lập ngành nhiếp ảnh Việt Nam. Bác đích thân tới dạy về tính dân tộc và tính hiện thực trong ảnh Việt Nam. Huyến ghi lòng tạc dạ lời Bác nhắn nhủ riêng ngành nhiếp ảnh: "Phải hiểu nghề ảnh cũng là một loại ảnh nghệ thuật như những nghệ thuật khác, là phải phản ảnh chân thật cuộc sống của quân và dân ta".

Giữa lúc buồn phiền, Huyến nhận được niềm hạnh phúc bất ngờ - một gói đồ từ thành gởi ra, với lá thư Thoa viết:

"Chú Huyến kính mến,

Mẹ cháu bảo cháu viết thư thăm chú khỏe mạnh thì mẹ cháu mừng. Còn về phần gia đình cháu vẫn bình yên. Mẹ cháu bảo cháu khoe với chú việc này: mấy tấm ảnh chú chụp đẹp lắm. Mẹ đem treo trong tủ kính ngoài cửa một tấm, trong hiệu ba tấm to. Nhiều người thích quá, cứ đòi chụp kiểu cháu. Chú Hiển chụp không giống được như chú, nhưng người ta không thôi, cứ tuôn lại chụp, thành ra hiệu nhà cháu đông khách lắm. Bây giờ cháu đã tin lời chú, quên, tin lời cái máy ảnh của chú. Cháu cám ơn chú đã cho cháu khuôn mặt mới, cuộc đời mới. Chú còn nhớ không, ở vườn Bách Thảo chú nói yêu thương, buồn vui có thể chia

được, nhan sắc thì không. Bây giờ cháu còn biết rằng không phải chỉ yêu thương, buồn vui mới có thể chia sẻ được. Nhan sắc cũng chia được, hiến tặng được. Hay chỉ người nghệ sĩ mới có khả năng đó? Cháu không biết.

Mẹ cháu gởi biếu chú mấy cuộn phim và hộp thuốc kí-ninh, nhân tiện gởi chú coi tấm ảnh cháu do chú chụp. Phần cháu chỉ có tấm áo len.

Mong chú khỏe mạnh và mong ngày gặp chú.

Cháu của chú,

Thoa."

Huyến đặt hai tấm ảnh vào chiếc áo len, áp vào ngực bồi hồi nhìn đám mây xuôi về phương nam. Rồi vội vã giấu vào ba-lô, lắc đầu như cố xua đuổi một cái gì mà chàng chỉ mong cho nó tới, đừng đi.

Ngày tiếp thu Hà Nội là ngày hạnh phúc nhất đời Huyến, mộng chung, mộng riêng tròn đầy cả. Thoa đẹp như một mùa xuân rực rỡ. Chàng chỉ biết ngây ra mà ngắm, khiến Thoa bẽn lẽn:

- Ơ kìa! ...nhìn gì mà đứng ngây ra thế!

Huyến muốn điền vào chỗ trống của câu nói thiếu chủ từ một chữ thật hợp nghĩa, hợp tình.

Hạnh phúc càng làm cho Huyến hăng say hơn trong nghề nghiệp. Huyến chưa quên được chuyện chụp ảnh hụt lãnh tụ. Tấm ảnh vô hình đó càng ám ảnh đầu óc Huyến nhiều hơn khi chàng khám phá ra một điều quan trọng rằng lãnh tụ rất thích được chụp ảnh. Lần đó Cụ đi thăm Hội nghị thủy lợi Hải Hưng. Trước mắt đông đảo cán bộ và nhân dân, Cụ xắn quần lội phăng xuống nước. Mọi người đổ xô lại, xúm quanh chiêm ngưỡng người lãnh tụ bình dân. Cụ lội vài bước, muốn bước lên, nhưng nhìn quanh chưa thấy ai chụp ảnh, Cụ nhìn thấy người ta vây kín, vừa để chiêm ngưỡng Cụ, vừa để làm hàng rào ngăn đỉa cho Cụ. Biết vậy, nhưng mấy khi có cảnh độc đáo này, mà các tay chụp ảnh cứ đứng lóng ngóng trên bờ, Cụ hơi xẵng giọng:

- Các cô các chú đứng ra hai bên để các chú nhiếp ảnh làm việc chứ.

Mọi người vội vàng giạt ra, và các tay nhiếp ảnh lật đật nhào xuống nước chụp Cụ. Nhiều anh có thể đứng trên bờ chụp, cũng nhào xuống nước, văng cả bùn vào ống kính, hết chụp. Huyến chụp được nhiều tấm. Một trong các tấm ảnh này đã cứu vớt Huyến. Ảnh của chàng được chọn tham dự cuộc triển lãm nghệ thuật lần thứ tư do Ban Liên lạc nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức tại Hà Nội. Tuy vậy, đánh giá chung, cuộc triểm lãm này được coi là thất bại, nếu lấy phản ứng của Cụ mà đo lường. Bởi vì sau khi Cụ coi ảnh xong, ban tổ chức đưa sổ vàng xin Cụ ký, Cụ không ký mà lảng sang chuyện khác. Cụ kể kinh nghiệm làm ảnh của Cụ

như thế nào ở Paris, các cô các chú phải làm ảnh ra sao. Người ta lấy giấy bút ra ghi chép.

Cụ căn dặn các cô các chú đừng quên điều quan trọng nhất là tính chính trị quyết định tính thẩm mỹ của một tác phẩm nghệ thuật.

Cuối cùng thấy anh em mất tinh thần quá, Cụ vẫy anh Thế Lữ lại trình sổ vàng, và miễn cưỡng viết một câu:

"Các cô các chú phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa".

Huyến để ý trong cuộc triển lãm không có nhiều ảnh Cụ. Ban tổ chức đã đánh giá sai lời Cụ "Chụp Bác làm gì. Quay máy ảnh ra mà chụp nhân dân". Từ đó chàng hạ quyết tâm thế nào cũng phải chụp một tấm ảnh Cụ thật đẹp, thật độc đáo.

Dịp may bằng vàng đến với Huyến lần thứ ba. Đó là dịp Cụ đi thăm nạn nhân bão lụt ở Ninh Bình. Có điều kỳ lạ là liên tiếp nửa tháng trời mưa rơi tầm tã, nước lũ tuôn về lênh láng sông ngòi, đồng ruộng, bão tố hoành hành suốt ba ngày ba đêm. Vậy mà đúng ngày Cụ về thì bão ngưng, trời quang mây tạnh.

- Bác làm phép lạ!
- Bác là bình minh xua tan bóng tối!
- Bác là minh quân đem lại mưa thuận gió hòa.
- Bác thay giời làm mưa, cướp quyền tạo hóa làm nắng.

Những phát biểu như vậy, do cán bộ địa phương mớm cho nhân dân, đúng ra không hợp với nếp sống văn minh dân chủ, nhưng khi tới tai Cụ, Cụ chỉ mỉm cười thoải mái, không một lời trách móc. Huyến liền nảy ra một ý - chàng sẽ chụp một tấm ảnh nói lên lòng tôn sùng của nhân dân đối với Cụ, và uy quyền của Cụ đối với cả trời đất. Chàng chụp vài chục tấm ảnh gởi về báo Nhân Dân. Tờ báo chọn đăng trên trang nhất đúng tấm ảnh chàng ưng ý nhất. Ảnh chụp Cụ đứng giữa nạn nhân bão lụt, đang chỉ tay trên một mặt nước mênh mông như ra lệnh, xa xa một mái nhà trôi bồng bềnh. Chàng khéo léo lấy được luồng sáng rực rỡ hắt từ vai trái lên khuôn mặt phương phi của cha già dân tộc. Chàng cắt báo lấy tấm ảnh nhét túi, lâu lâu lại giở ra ngắm.

Huyến đang hí hửng vì thành quả vẻ vang thì anh Lương gọi lên, nghiêm giọng nói:

- Chú lại gây tai họa nữa rồi.

Huyến giật mình:

- Tai họa gì? Em không hiểu.

Lương làm vẻ kiên nhẫn:

- Tấm ảnh chú đăng trên báo Nhân Dân sai quan điểm.

Ba chữ "sai quan điểm" làm Huyến choáng váng, nhưng chàng không

hiểu cớ sự tại sao:

- Thưa anh, thế là thế nào?

Lương thò tay vào túi áo Huyến moi ra một tấm ảnh, như làm ảo thuật. Huyến đang ngơ ngác không hiểu tại sao Lương biết chàng cất tấm ảnh trong túi, thì Lương đã tinh quái:

- Biết ngay mà. Chú đắc ý vì tấm ảnh này lắm. Nhưng nhìn đây! Chú có thấy sự đối chỏi không?

- Dạ, em chỉ thấy sự đối chỏi giữa thiên nhiên khắc nghiệt và sự hiện diện nhân từ của Bác.

- Không phải sự đối chỏi đó, mà là sự đối chỏi giữa mặt Bác với mặt nhân dân đứng xung quanh.

- Em vẫn chưa hiểu.

- Bác mặt mày phương phi béo tốt, còn nhân dân mặt mày ai cũng ốm đói. Bác quần áo tươm tất đứng giữa nhân dân quần áo tả tơi. Chụp ảnh như vậy là mất quan điểm, phản tuyên truyền.

Tự ái nghề nghiệp nổi lên, Huyến quên sợ:

- Nhưng đó là hiện thực mà.

Lương quắc mắt lườm:

- Còn ngoan cố nữa. Tính hiện thực với tính chính trị, cái gì quan trọng hơn?

Huyến giả bài nhưng lòng bất phục:

- Tính chính trị ... Nhưng ...

- Nhưng gì?

- Việc Bác ưu ái thăm dân và đem ánh sáng hy vọng, chế ngự thiên nhiên cũng thuộc về tính chính trị. Em đã tranh thủ biểu hiện được cả tính chính trị lẫn tính hiện thực ...

Lương cắt ngang:

- Trên phê bình rằng chú chỉ biết lấy con mắt thịt, ống kính thủy tinh mà chụp. Thiếu con mắt chính trị. Có hiện thực, mà chưa phải là hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Huyến không kềm được sự ấm ức:

- Không nhẽ hiện thực xã hội là nói dối? Em chụp ảnh chứ có vẽ tranh đâu mà có thể bóp méo sự thật như ý muốn. Như anh biết, ánh sáng có thể thay đổi chiều sâu trên khuôn mặt, làm cho một người béo ra hay gầy đi một tí. Còn như làm cho mặt Bác gầy đi như nạn nhân bão lụt, thú thật, em chưa được học kỹ thuật đó. Còn quần áo, không nhẽ em phải trét bùn lên quần áo Bác cho lấm lem như nhân dân để chụp?

Lương không ngờ Huyến to gan như vậy, ông quát lên:

- Ê! Chú phản động hả? Chú dám trét bùn lên Bác hả?

Hai chữ "phản động" làm cơn nóng trong Huyến tiêu tan như lửa gặp nước. Huyến lạnh toát xương sống. Á khẩu. Lương, ngược lại, trở thành bình tĩnh tới lạnh lùng:

- Thôi, chú lên anh Thế Lữ mà ngoan cố. Khả năng bao che của tôi chỉ tới đây thôi.

Lương làm một cử chỉ xua đuổi. Huyến bước ra, bỗng quay lại:

- Vụ này người chọn ảnh trên tòa soạn có trách nhiệm chứ?

Lương cười khẩy:

- Người ấy "trách nhiệm" rồi. Chính Bác đích thân "trách" đấy.

Huyến than thầm "Thế thì chết thật rồi". Chàng lên Thế Lữ chỉ là để nhận lệnh thuyên chuyển. Chàng bị ghép tội phản tuyên truyền, một lỗi nặng nhất trong nghề thông tin tuyên truyền. Huyến thầm biết ơn Lương đã không báo cáo về phát ngôn "trét bùn". Nhưng liền sau đó lại mắc vào một lỗi, một tội tự trời. Khi ra khỏi cửa văn phòng Thế Lữ, Huyến lẩm bẩm:

- Thế thì cứ sắm sẵn nhiều bộ mặt nạ, cái béo, cái gầy, có phải tiện không?

Cái câu này lại lọt vào tai cô bí thư ngồi bên ngoài.

Ra khỏi trại học tập cải tạo Huyến ra điên. Ban ngày đi ăn mày và ngắm mây. Ban đêm về ngủ tại chân cầu.

Có điều lạ là trong bóng tối điên loạn của tâm trí, giấc mộng "chụp" vẫn đeo đuổi ông. Nhưng nó bị ác mộng "béo gầy" trì kéo. Thành ra ông đi lang thang ngoài đường, tay bắt ruồi, miệng nói:

- Tao "chụp" mày!

Nếu chụp trúng, ông vò nát con ruồi, nói:

- Tao cho mày gầy.

Đi qua bờ dậu nhà ai, ông ngắt một quả thầu dầu, bóp nát:

- Tao chụp mày. Rồi:

- Tao cho mày béo.

Xế trưa xin được miếng cơm, củ khoai, ông thường vào vườn Bách Thảo, ngồi trên cái ghế, chỗ có thanh gỗ gãy, đặt chân vào đúng khoảng lõm dưới đất. Ăn xong ông nằm dài ra ghế ngắm mây, nói lảm nhảm.

Một chiều chủ nhật, ông tới chỗ "của ông", đã có hai mẹ con ai ngồi trước. Ông lượn một vòng, tới trước mặt người mẹ hoạnh:

- Chỗ này của tôi.

Người thiếu phụ ngẩng mặt lên. Chính là Thoa. Nàng thảng thốt:

- Trời ơi! Có phải là anh ... chú Huyến đây không?

Ông không nhận ra nàng. Nhưng không biết có sợi dây linh cảm gì khiến Ông hòa hoãn ngồi xuống đầu ghế kia, và bắt đầu gạ chuyện thân mật:

- Chị cũng ra đây ngắm mây?

- Cháu đưa con đi hóng mát. Chú ra tù bao giờ? Chú khỏe không?

- Bao giờ chả khỏe. Mẹ con khỏe chứ?

- Cám ơn chú, khỏe ạ.

- Khỏe thì khỏe. Cứ ngắm mây là khỏe. Khỏe người, sáng mắt, sáng lòng.

Đứa bé sợ người lạ, nhảy vào lòng mẹ. Người thiếu phụ đưa tay vuốt tóc con, mân mê từng lọn tóc, mắt xa vắng mọng nước.

- Sao mẹ tháo kẹp tóc của con?

Nàng xới năm ngón tay vào tóc con, dịu dàng:

- Cho mát ... Cho sáng mắt ... sáng lòng.

Huyến reo vui như gặp người tri kỷ:

- Đúng lắm! Đúng lắm! Nhìn mây sáng mắt sáng lòng. Mây thiên hình vạn trạng, ta muốn nhìn ra cái gì cũng được. Không ai kiểm chế được mây bay. Không ai kiểm soát được ta nhìn thấy gì trong mây. Tôi đã nhìn mây bảy năm trong tù mà không ai kiểm soát được.

Hai người hàn huyên lâu lắm về những đám mây. Cho tới khi mây chiều kéo đầy trời, khó phân biệt hình thù, Thoa giắt con đứng lên. Trước khi về nàng nói:

- Mai chú ra đây sớm, ta nói chuyện tiếp về mây, nhé.

Sáng sớm hôm sau, đưa con vào vườn trẻ xong, Thoa vào vườn Bách Thảo. Huyến đã ngồi đó từ trước. Vẫn không có dấu hiệu gì ông nhận ra nàng, mặc dầu nàng giữ nguyên kiểu tóc như hôm chụp ảnh năm xưa, vẫn ngồi trên đầu ghế và đặt chân trên hai khoảng lõm dưới đất. Nàng mời Huyến ăn xôi. Ông ăn tự nhiên như một khất sĩ. Ăn xong ông vội vàng chỉ lên chân trời phía đông:

- Hãy nhìn đám mây kia! Đó là cảnh Sáng thế ký.

- Cháu không hiểu sáng thế ký là gì.

- Phải rồi, thời buổi này người ta không đọc những sách đó nữa. Đó là sách phản động, sách của Thiên chúa giáo. Đó là cuốn sách đầu tiên trong thánh kinh, nói về việc tạo dựng trời đất. Chị nhìn kia: Mặt trời ẩn sau chín tầng mây viền hào quang. Một dẻ quạt ánh sáng chói lọi xuyên hằng trăm cụm mây ngũ sắc, tỏa bình minh xuống trần gian ...

- Cháu thấy cảnh này gần như hằng ngày. Thật tôn nghiêm.

- Việc sáng tạo xảy ra hằng ngày.

Thoa thấy Huyến nói năng mạch lạc, nàng thăm dò:

- Chú ... anh Huyến, anh có nhận ra em không? Thoa đây.

Huyến ngơ ngác:

- Thoa nào nhỉ?

- Thoa mà anh đã sáng tạo, mà anh nhìn ra. Thoa mà anh đã biến xấu thành đẹp.

Huyến rùng mình:

- Chớ! chớ! Đừng biến cái xấu thành cái đẹp. Đừng biến cái đẹp thành cái xấu. Không ai làm được việc đó hết. Kể cả nghệ sĩ. Kể cả nghệ sĩ bị tù đầy, tra tấn.

Một vài bóng người khả nghi đi qua lại. Thoa nghĩ nên cáo từ người tù quản chế. Nàng nhét vào túi Huyến ít tiền, rồi đứng lên nói:

- Anh còn ôm giấc mộng thiếu thời chụp ảnh không?

- Còn chứ.

Thoa cấp cho Huyến một cái máy ảnh xoàng. Chụp xong ông đem lại rửa. Toàn là hình mây. Nhưng những tấm ảnh hỏng đen thui lại là những tấm ông nức nở khen đẹp và kể lể nội dung, bố cục tưởng tượng. Vì thế sau này bà Quang Ký và nàng Thoa chỉ đổi cho ông những hộp phim rỗng và khi ông trở lại lấy ảnh, giao toàn ảnh hỏng, trắng hoặc đen. Lần nào ông cũng say mê ngắm, ngả mũ cám ơn và nói:

- Chị cho khất nhá. Lần sau giả luôn thể.

Có gì đâu mà phải giả. Đó còn là dịp tốt hai mẹ con dúi cho ông những gói cơm nắm và chút tiền. Ông cứ đi lại như vậy gần năm trời. Bà Quang Ký không muốn lôi thôi với công an, nên làm bộ lạnh nhạt với Huyến. Còn Thoa nhiều khi không kềm lòng được.

Một tuần lễ mưa phùn phủ khăn tang trên thành phố Hà Nội. Mưa tạnh hai ngày mà Huyến không tới tiệm ảnh, Thoa ra vườn Bách Thảo tìm. Hơi nước còn ngập trong không gian và trên cỏ cây. Nàng ngồi trên chỗ cũ, nhích ra một chút, vì hai dấu chân đã thành hai vũng nước mưa. Nắng lên, thằng bé bán lạc rang tới. Nó cho nàng biết chú Huyến chết rồi. Chính nó ở bên cạnh khi chú chết ở chân cầu. Kể về những ngày cuối cùng của chú ra sao, xong nó hỏi:

- Chị quen chú Huyến, chị có biết tại sao chú Huyến bao giờ cũng quay một vòng trước khi ngồi?

Đang khóc đau đớn, Thoa nín bặt, tò mò:

- Chị không biết, em nói cho chị nghe đi.

- Chú nói chú bắt chước con chó khôn.

- Thế nào là chó khôn?

- Chó khôn quyện ba vòng mới nằm, để coi có nguy hiểm xung

mấy vần lục bát

thiên nga
ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯỢNG

tụng vơi mòn mấy tàng kinh
vẫn chưa thoát khỏi bể tình lao xao
thiên nga bay lạc phương nào
tiếng sầu vang dọng ngàn sao trên trời

trung niên
ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯỢNG

cái thời súng đạn gươm đao
tấm thân nam tử ra vào tỉnh bơ
bây giờ tuyết lạnh sương mờ
cái hồn viễn xứ vẫn mơ ngang tàng

quanh không. Chú cần an toàn khi chú ngồi ngắm mây.

- Thế khi đi ngủ chú có "quyện" quanh giường không?

- Chú không có giường. Em cũng không biết thường ngày chú ấy ngủ nghê ra sao. Chỉ biết lần cuối cùng khi em thấy chú ngất xỉu trong vườn Bách Thảo dưới nước mưa, em đưa chú về chân cầu, chú ấy vào thẳng ổ nằm xuống, nói:"Bây giờ tao không cần quyện nữa. Tao lượn trên mây". Rồi chú đi êm ái.

Kể xong, thằng bé lôi trong thùng đậu phọng ra cái máy ảnh:

- Chú bảo em đưa lại cho chị cái này.

Thoa nghẹn ngào nhận lấy cái máy ảnh. Nàng cẩn thận quay xem có phim trong máy không, thấy trục phim nhẹ tuột, nàng mở phòng tối ra xem, thấy một tấm ảnh vàng úa. Tấm ảnh nàng.

Nàng cố giấu tiếng nấc bằng cách nhìn xuống hai vũng nước dưới chân. Một giọt nước mắt rơi xuống, khua động đám mây.

Khoảng Trống Bâng Khuâng

Trần Doãn Nho

Chưa đầy nửa tháng sau khi đến vùng New England giá lạnh, Doãn đã tìm được việc làm, đúng như lời quảng cáo của cô bạn khi rủ rê chị sang đây. Rời vùng nắng ấm phương nam ra đi không làm chị mấy vui, nhưng chị muốn chứng tỏ cho Hùng, chồng chị, là chị không còn muốn dùng dằng nữa. Chị muốn chọn cái thực tế: chị và Hùng chia tay nhau. Để đứa con trai ở lại, chị dẫn theo đứa con gái đang còn học *high school*.

Ngày đầu tiên đi nhận việc, cô bạn chở chị đến hãng rồi đi làm. Cô bạn dặn:

- Có một số người Việt làm trong hãng. Tạm thời chưa có xe, tôi chở bà đi hàng ngày. Chiều , tôi có nhờ người chở bà về . Cuối tuần này, cố đi tìm xe mua rồi hẵng hay.

Vào làm thủ tục giấy tờ , chị đụng ngay một tay *supervisor* người Á Đông. Mặt mày láng bóng, thân hình cao lớn, điệu bộ bệ vệ. Tóc hớt cao. Đại Hàn, chị nghĩ thầm. Anh ta lặng lẽ đưa giấy tờ cho chị điền vào, rồi tiếp tục làm việc với cái máy *computer*. Xong xuôi, bằng một thứ tiếng Anh khá sành sõi, anh ta giải thích cho chị một số chính sánh của hãng về giờ giấc làm việc, lương bỗng, nghỉ phép...Anh ta nói vắn tắt, mắt không nhìn thẳng vào mặt chị, rồi chấm dứt bằng một câu hỏi đầy nguyên tắc:

Any question, please?.

No, chị đáp. Thì có gì đâu mà thắc mắc.

Sau đó, anh ta im lặng dẫn chị xuống khu vực làm việc, giới thiệu cho một thanh niên Việt nam, *group leader*, rồi đi ngay. Tay này trông bộ khó chơi, chị nghĩ. Cũng chẳng sao, mình đâu phải thứ lười nhác gì mà sợ.

Sau khi đã làm quen với công việc được giao, chị bắt đầu nghĩ về người đàn ông *supervisor*. Khuôn mặt anh ta cứ như níu kéo mãi ý nghĩ

của chị. Nó gợi cho chị về một cái gì rất mơ hồ, nhưng dai dẳng. Chị cố xua đuổi ra khỏi đầu óc để tập trung làm quen với công việc mới mẻ. Nhưng vô ích. Thỉnh thoảng, khi nghe tiếng bước chân đi vòng vòng của anh ta trong khu làm việc, chị liếc nhìn. Lạ thì thật lạ, mà quen thì cũng thật quen. Cảm giác lẫn lộn đó cứ thoắt biến thoắt hiện trong đầu óc chị. Cuối cùng, chị quả quyết: dứt khoát anh ta phải giống một ai đó trong số những người chị quen biết, có thể là quen thân.

Giờ giải lao, chị hỏi những người cùng làm thì được biết anh ta cũng là người Việt - Bruce Nguyen. Anh ta đến nhận việc ở đây chỉ chừng năm, sáu tháng. Đặc điểm của anh ta là: không bao giờ dùng tiếng Việt, kể cả đối với những công nhân không hề biết một tiếng Mỹ nào. Anh ta chỉ nói tiếng Anh, và khi cần, nhờ thông dịch. Có người ngờ rằng anh ta không biết nói tiếng Việt. Nhưng đa số cho là anh ta biết, nhưng không muốn nói. Mất gốc, đôi ba người thì thầm như vậy. Tuy thế, không ai ghét anh ta, vì anh ta cư xử rất công bằng, đôi lúc dễ dãi đối với công nhân. Anh ta không bao giờ la mắng to tiếng. Biết được gốc gác như thế, chị lại càng đoan chắc anh ta phải quen lắm. Lúc đầu chỉ là những thắc mắc bình thường. Dần dà, biến thành một ám ảnh. Chắc chắn là một cái gì đó trên khuôn mặt. Khi làm việc, trong khi thoăn thoắt đỡ những đoạn dây điện cắt ngang từ trong máy, chị tập trung đầu óc để nhớ. Chị điểm lại những người đàn ông chị đã gặp, đã quen. Những người chị có cảm tình cũng như chị ghét. Hóa ra việc lục lọi ký ức là một trò chơi thú vị. Lần lượt hết người này đến người khác hiện ra. Họ đến, họ đi. Họ cười, nói. Bạn có, người yêu có. Họ đi đâu, về đâu, trãi qua nhiều chặng thời gian khác nhau ? Mỗi người một đặc điểm, một tính cách. Mỗi người mang đến hay gây cho chị những cảm giác khác nhau. Có người thì nét điển hình nằm trong cử chỉ (một cái hươ tay chẳng hạn). Có người nét điển hình nằm ở trong câu nói, tiếng cười. Người thì ân cần tận tụy. Kẻ thì nghiêm nghị. Người thì chơn chất. Kẻ thì thì sỗ sàng, trắng trợn. Đàn ông, thứ sinh vật kỳ lạ, đã mang lại cho chị bao nhiêu thú vị, nhưng cũng không thiếu điều phiền hà. Họ nhìn ngắm, tán tỉnh, gạ gẫm, thư từ. Chị yêu một người, rồi một người nữa. Nhưng trước sau, chị thích mọi người đàn ông. Chị thích nhìn thấy sự tiếc rẽ trong mắt họ, thấy sự thèm muốn, khát khao, mê mẩn tràn đầy trên khuôn mặt họ. Chị thích nghe những lời khen của họ, dù đôi lúc, chúng chỉ toàn là những lời giả dối, sáo rỗng. Nhưng, dù gì đi nữa, khi mọi chuyện đã xong, mọi người đều dễ thương, tội nghiệp. Họ đều xứng đáng được chị nghĩ về, nhớ về bằng những ý nghĩ tốt đẹp. Chỉ trừ Hùng. Hùng là hiện tại. Hiện tại bất ưng. Quá khứ thì xa nên đẹp. Quá khứ chẳng hề làm phiền chị. Chúng lặng lẽ, tịch mịch, hồn nhiên, nằm sâu trong đáy

ký ức...Thích thì chị kéo nó lên, không thì vùi nó xuống. Chị tùy nghi. Tưởng là như thế, nhưng mà lạ, chị vẫn không tìm ra một vết tích gì về anh chàng *supervisor*.

Thì ra, ký ức là một đống hỗn tạp. Cái không muốn tìm, chúng tự dưng trồi lên: những Hải- tóc- quăn, những Hoàng, những Tùng-bủn-xỉn, Biên-thất-tình... cứ lù lù xuất hiện, dập mãi không được. Còn cái muốn tìm, chúng nhất định biến mất, y như thể chúng chẳng hề có mặt trong cuộc đời. Rồi bỗng đùng đùng , trong một lúc nào đó, chúng trào ra, ngập ngụa, như con nước mùa đê vỡ. Trào không kịp cản. Ấy thế, một hôm, vào giờ ăn trưa thường lệ, chị muốn gọi điện thoại cho đứa con, nhưng cái điện thoại trả tiền duy nhất trong hãng bị một anh chàng chiếm lấy, giữ chặt để nói chuyện . Chị đứng đợi hoài, sốt ruột vì giờ *lunch* sắp hết. Anh chàng *supervisor* bỗng từ đâu đó trong văn phòng xuất hiện, hỏi chị:

- *You need telephone* ?

- *Yes*.

Anh ta vẫy chị vào văn phòng, chỉ cái diện thoại gắn vào tường. Gọi xong, chị quay lại nhìn anh ta :

- Cám ơn.

Chị nói tiếng Việt.

- Không có gì.

Lần đầu tiên, chị nghe anh ta nói tiếng Việt và thấy anh ta cười. Chị đi ra cửa, nhưng chợt một tia sáng bỗng lóe lên trong ký ức mù tăm của chị. Chị đột ngột đứng lại, quay lui nhìn anh, gọi:

- Thảo, anh Thảo. Cám ơn anh.

- Không có gì.

Trả lời xong, anh ta cúi xuống đống giấy tờ trước mặt. Cái nhếch mép làm phần môi trên phía bên phải nhích lên khiến cái miệng như hơi méo đi một chút là của Thảo, chứ không thể của ai khác. Dấu tích nhỏ nhoi này đúng là một tia sáng xuyên vào tầng sâu xa nhất của ký ức, đánh thức dậy tất cả mọi điều tưởng như đã yên ngủ, tưởng như tan biến hẳn. Cái nhếch môi ấy, chao ôi, là dễ ghét ! Nó ngạo mạn, bất cần đời. Nó thách thức, mỉa mai. Nhưng chính cái nhếch môi ấy, chị nghĩ, lại đã là một phần đời của chị.

Thực ra, đâu phải chỉ là một cái nhếch môi!

Thuở đó, dễ chừng cũng đã gần ba mươi năm, một hôm, bỗng nhiên Doãn khám phá ra có một gia đình đến ở cạnh nhà, chênh chếch về phía

trái vuông cửa sổ phòng cô. Nói bỗng nhiên, vì chỉ đến buổi chiều hôm ấy, sau một giấc ngủ trưa hè mệt nỏi, cô thức dậy mở toang cửa sổ, chợt nghe tiếng dội nước ào ào phía bên kia hàng chè tàu. Cô nhìn sang và đỏ mặt vì nhìn thấy một thanh niên đang tắm. Thân hình cao lớn, khá lực lưỡng, với những bắp thịt rắn chắc đẫm nước dưới ánh nắng nồng. Cô vội khép cửa lại, băn khoăn tự hỏi anh chàng này từ đâu đến. Cô hỏi mẹ, mới hay có một gia đình đâu từ dưới quê lên xin che lều ở tạm để lánh bom đạn. Họ ở đó đã hai tuần rồi. Chỗ ở là góc của một ngôi đền đổ nát, từ lâu bỏ hoang, nơi mà thuở bé, cô vẫn thường ra chơi nhảy dây, lò cò, đuổi bắt với đám trẻ con hàng xóm. Cô tự nhủ: may mà mình đã lớn, chứ không thì tức biết mấy, vì bị mất chỗ chơi đùa.

Dần dà, cô biết gia đình đó có bốn người: một bà mẹ trung niên, lam lũ, và ba đứa con, hai trai một gái. Cái lều che tạm như một cái cây, lớn dần. Lúc đầu, chỉ đâu có vài miếng tôn che quanh, trên lợp ít tấm tranh. Chừng tháng sau, mở cửa nhìn sang, cô bỡ ngỡ khi nhìn thấy ở đó là một căn nhà tương đối đàng hoàng, có cửa ngõ, có mái. Cái cảnh nấu nướng, tắm rửa ở ngoài trời không còn nữa. Tất cả sinh hoạt biến đâu mất đằng sau ngôi nhà. Cũng từ đó, cô thấy mấy người con cắp sách đi học. Gia đình mới và ngôi nhà điềm nhiên hòa nhập vào trong cuộc sống thường ngày của xóm cô. Nói đúng hơn, không phải xóm cô, mà là xóm sau, nơi mà từ khi bắt đầu lớn, cô không hề đặt chân đến nữa. Chỉ cách có một hàng rào, mà cái xóm sau đó như thể là một thế giới khác, càng lúc càng xa lạ với cô, mặc dù hàng ngày cô vẫn nhìn ra lối đi, đám trẻ con nô đùa, những người lớn đi vô đi ra . Vẫn còn đó, bao nhiêu người cũ. Xóm sau nghèo hèn cùng với những cái tên nghe cũng hèn: chị Mận kẹo kéo, bà Dần mù, ông Bảy xích lô, chị Chắc bánh bèo, mụ Thu bún bò, thằng Vẻ sẹo...Bây giờ, với sự tham dự của gia đình mới, xóm sau lại có thêm tên: mụ Bầm mắm ruốc, con Mượn lùn. Nhà cô thuộc xóm trước, giàu có, bề thế. Ngay cái tên của cô, nghe cũng khác: Lai Doãn.

Một hôm, trên đường đi học về, gặp mưa giông, cô chạy vào trú mưa ở một góc phố và quen với Mượn, cô con gái của cái gia đình mới ngụ cư đó. Mượn trạc tuổi cô, nhưng học thua cô hai lớp ở trường bán công, vì ở nhà quê, chiến tranh làm việc học hành của Mượn bị gián đoạn. Qua trò chuyện, cô đâm ra có cảm tình với cô gái nhà nghèo này. Hai người thân nhau . Nhờ thế, cô có dịp trở lại xóm sau, ghé thăm nhà người bạn nghèo. Lần đầu tiên, khung cảnh một nhà nghèo làm cô khiếp đảm: nền nhà đất lổ chổ, lồi lõm, những chiếc ghế cáu bẩn, nhớp nhúa, bếp ám khói, giường ngủ thì là giường tre, ọp ẹp, ly chén thô tháp, chiếc mùng ngủ cáu bẩn, vá chằng vá đụp, ảng nước, gáo dừa.... Cô nghe mùi ruốc kho, mùi

đất, mùi tranh tre, mùi đồ ăn tanh tao, khó thở. Cô tự nhủ thôi đừng đến nữa, gặp nhau chơi đâu đó ngoài đường là được rồi.

Nhưng, cô lại đến, vì thấy Mượn vui tính. Một vài lần. Nhiều lần khác. Rồi hầu như ngày nào cũng đến. Có ngày vài lần. Lúc đầu, cô còn dùng lối cửa ngõ , phía trước nhà cô, đi vòng theo con hẽm nhỏ để đến nhà Mượn. Sau, để cho tiện và mau, cô trổ lối đi tắt ngang qua một khoảng hở trong hàng chìa tàu. Nếu thích, cô đi xuống nhà bếp, vạch lá, chui ngang là đến ngay cửa trước nhà Mượn. Ăn cơm nguội với nước mắm. Luộc khoai. Nấu chè. Đọc truyện. Làm bài. Học bài. Tâm sự. Hóa ra nhà nghèo có những thứ thú vị riêng. Đến một lúc , cô kinh ngạc nhận thấy cô đâm ra mê căn nhà của Mượn còn hơn nhà mình. Được ăn uống tự do. Được nghe những lời tán tụng quê mùa, nhưng chân thật của bà mẹ nghèo. Được cô bạn gái vui tính, ân cần, sẵn sàng chìu cô. Lại được có người anh của Mượn để hỏi han bài vở. Cô lại càng kinh ngạc hơn khi khám phá ra cô còn có một ước mơ kỳ quặc khác: ước mơ được nghèo như Mượn. Cô nói ý nghĩ đó với Mượn thì Mượn cười ngặt nghẽo:

- Doãn muốn mỉa mai mình chăng ? Có ai lại thích được nghèo. Còn cái gì đau đớn hơn cái nghèo đâu, Doãn? Mà lại, muốn giàu thì khó, chứ muốn nghèo thì quá dễ.

- Nào, bày cho mình đi. Làm sao để được nghèo?

- Thì...thì...Mượn lúng túng. Để mình suy nghĩ đã. Ờ, thì ..sao nhỉ?

- Thấy chưa, đâu có dễ. Nhiều lần, mình cũng suy nghĩ thử xem có cách gì để được nghèo, nhưng khó quá.

Đúng là cô có suy nghĩ về những cái cách để được nghèo. Thậm chí, đôi lúc, chuyện đó đi cả vào trong giấc mơ. Nhưng dường như cô không tìm hiểu tại sao cô lại cứ băn khoăn về chuyện đó như thế.

Một hôm, thứ bảy, như thường lệ, cô sang nhà Mượn chơi. Chuyện trò, làm bài, nấu ăn. Suốt buổi chiều. Khi trở về nhà, tự dưng, cô bâng khuâng. Một cảm giác rất mới lạ. Như thiếu thiếu một cái gì. Đứng trên phòng, nhiều lần cô mở cửa sổ nhìn vơ vẩn xuống nhà Mượn. Trời nhá nhem tối. Hàng chè tàu có những nhánh cao vươn lên. Căn nhà tranh buồn bã lẫn với những bức tường rêu phong của ngôi đền cũ. Đêm đó, cô khó ngủ. Hôm sau, cô lại sang nhà Mượn. Ở lại chơi lâu hơn. Khi về, cũng vậy, cô man mác buồn. Đầu nhưng nhức muốn đau. Cô mệt, không muốn ăn. Mẹ sờ đầu, hỏi cô có muốn đi khám bác sĩ không. Cô đáp là chẳng có gì.

Hôm sau nữa, cô định sang nhà Mượn, nhưng cô mở cửa sổ nhìn một hồi lâu, rồi chần chừ không muốn đi. Đến chiều, Mượn đứng bên kia gọi. Cô uể oải chui qua hàng rào. Mượn nấu chè khoai trộn đậu phụng đãi cô.

Cô ăn cầm chừng, nhìn quanh, hỏi:

- Bác đi chợ à ?

- Ừ, mẹ mình đi bán. Giờ này đâu đã về, Doãn biết mà.

- Còn thằng Tống đâu không thấy ?

- Câu cá sau hồ, có lẽ. Nó như con sóc, chẳng khi nào chịu ở yên một chỗ. Ngày nào cũng như ngày nào, không chịu ở nhà.

Cô bối rối, hồi hộp hỏi tiếp:

- Còn anh, anh gì... à anh Thảo, phải anh Thảo không, anh đi học nhỉ?

Mượn phá lên cười:

- Doãn độ này lẩm cẩm quá. Bữa nay nghỉ hè, làm gì mà đi học. Anh về làng học thi. Trời, về làng, hèn gì! Cô cố húp hết chén chè, nói giọng ra vẻ lơ là:

- Anh đi lâu vậy mà Mượn không nhớ à?

Mượn vỗ vai cô:

- Anh có việc của anh, mình có việc của mình. Mà lại, anh là anh chứ bồ bịch chi mà phải nhớ? À, mà có. Thiếu anh, mình cũng có hơi mệt với việc nhà. Nhưng không sao. Để cho anh học. Về làng học yên tĩnh hơn.

- Anh chịu khó nhỉ?

- Ừ, lên đây, anh học nhảy hai lớp đó, vì ở quê bị trễ hai năm.. Năm nay thi tú tài bán. Đêm đó về, cô tự thú với lòng mình: cô nhớ anh Thảo của Mượn. Thì ra lâu nay, cô thích đến chơi với Mượn chỉ vì cái anh chàng Thảo này. Cô tự hỏi: chẳng lẽ mình mà lại, mà lại....cái anh chàng Thảo đó. Đúng là cô phải ghét cái anh chàng nhà nghèo mà khó thương đó chứ! Gặp cô, thấy cô chào, anh ta chỉ gật đầu nói nhỏ "chào cô", rồi đi mất. Hỏi anh ta một bài toán khó, anh ta chỉ vẻ vội vàng, xong là đi ngay. Cô ở nhà trên, anh ta xuống nhà dưới. Cô ở trong bếp với Mượn, thì anh ta ra ngoài sân. Thỉnh thoảng, cô nhìn anh ta, nói một câu pha trò gì đó, anh ta chỉ cười nữa môi. Phần môi trên phía bên phải hơi nhếch lên, nhìn thấy ghét không chịu được. Nhiều lần, tức quá, cô ăn mặc thật đẹp, xuống nhà Mượn. Anh ta vẫn thế, nhìn cô chào qua loa rồi bỏ đi, không thèm ngắm nghía, không tỏ ra bối rối, không...gì cả. Thỉnh thoảng, cô dò hỏi Mượn xem anh ta có bình phẩm gì về cô không, Mượn cho biết anh ta chẳng nói gì cả. Qua lời Mượn, cô chỉ biết anh ta vừa đi làm vừa đi học. Học hành siêng năng, chăm chỉ. Ai kêu việc gì cũng đi làm: dạy kèm, phụ thợ nề, bốc vác... Anh chàng vắng mặt cả tháng trời. Mấy ngày đầu, cô chỉ hơi buồn buồn. Dần dà, cô nhớ. Rồi nhớ quay, nhớ quắt. Từ căn phòng, cô mở cửa nhìn xuống, qua hàng chè tàu, trông ngóng. Mượn gọi, cô chần chừ không muốn đi. Nhìn đâu, cô cũng thấy anh chàng Thảo. Đầu húi

cao, chiếc áo sơ mi trắng mỏng, sờn. Chiếc quần xanh nội hóa, bạc thếch. Chiếc xe đạp đàn ông, không có chắn bùn, để trơ ra hai bánh xe trông giống người ốm ở trần. Khi đi, dáng hơi khum về phía trước. Giọng nói ngắn , chắc nịch. Anh ta đi đi về về. Thỉnh thoảng cô thấy, thỉnh thoảng cô không thấy, nhưng biết chắc anh ta ở đâu đó, quanh cô. Cô yên trí vui chơi, học hành, ngủ ngáy. Giờ anh ta đi rồi, cô thấy mọi thứ trong đời trông chênh vênh, lấp lửng. Ngày, cô nghe chung quanh lao xao liếng xiếng như thể sắp có chuyện gì xảy ra. Đêm, cây cối, nhà cửa, ghế bàn lặng im thin thít, y như sợ hãi một ai.

Anh chàng trở lại. Nắng vỡ òa cùng với tiếng ve kêu ầm ĩ. Hàng chè tàu lớn thêm một đoạn. Xóm sau, người vô ra tấp nập. Đám trẻ con cũng túa ra đường rộn ràng chơi giỡn. Thảo về. Cô xuống Mượn chuyện trò ríu rít. Lại nấu chè. Chiên cơm. Luộc khoai. Làm bánh. Thảo vẫn thế, không biểu lộ một cái gì khác đối với cô. Nhưng bây giờ cô chẳng lấy đó làm phiền. Sao cũng được, miễn Thảo quanh quẩn ở đâu đó. Cô thích mọi thứ nơi anh ta. Dáng đi. Điệu nói. Thái độ nghiêm nghị, pha chút kiêu ngạo vô lý. Cái nhếch môi bất cần đời. Cái áo sờn. Cái quần cũ. Chiếc xe đạp vứt ngoài đường không ai thèm lấy. Cô yêu mến căn nhà tồi tàn này. Mùi đất. Mùi ẩm mốc. Ghế giường xọp xẹp, cáu bẩn. Chiếc mùng vá chằng vá đụp. Son quánh, chén đũa, ly tách rẻ tiền, cái sức, cái mẻ, cái móp. Những bữa ăn vô cùng đạm bạc: rau dền chấm nước ruốc, cơm nguội chan nước mắm ớt, cá cấn kho khô, canh bắp chuối, bánh canh bột lọc không tôm thịt...Cô thương bà mẹ tóc rối n mặt già trước tuổi, hai bàn tay cục mịch xắc chuối, quậy cám heo, rửa rau, giọng nói nhà quê chơn chất, khi nào cũng "cô cô tui tui" với cô. Mượn vui tính, chân thành. Thằng Tống ngoan ngoãn.

Và cô đâm phiền với cái sạch sẽ , ngăn nắp, phú quý của nhà cô. Cái nền nhà lót gạch hoa láng bóng trông vô duyên tệ. Tủ buýp phê với bao ly, tách, tượng, bình hoa, máy nghe nhạc, quạt trần trông thừa thải. Cô cũng không ưa những ông, những bà ăn mặc sang trọng , bạn bè của ba má thường đến nhà cô, rượu trà, nhậu nhẹt, cười đùa sảng khoái. Cô ghét đám bạn học của anh cô, chị cô và cả của cô. Cô cũng ghét luôn cái trò tặng quà, rủ đi cắm trại, đi xi nê, đi picnic...

Cô thích nghèo. Thích lạ lùng. Thích da diết. Thích hết thảy những gì mà cái nghèo sản sinh ra: sự chơn chất, bẩn thỉu, thiếu thốn. Thích Thảo. Vì sao ? Cô không rõ vì sao. Trong thâm tâm cô, cô ao ước một ngày vật đổi sao dời thế nào đó để cô có thể yêu Thảo thoải mái và lấy Thảo.

Hè năm đó, Thảo thi đậu tú tài bán. Cả nhà Mượn vui. Cô vui. Ngoài

cái vui vì thấy cái vui của gia đình Thảo, cô có một cái vui riêng khác: chiếc bằng tú tài nâng Thảo lên một bậc, khiến khoảng cách giữa hai gia đình thu hẹp lại, nhờ đó, biết đâu, ước mơ của cô có thể thực hiện được. Nhưng đùng một cái, gia đình Thảo ra đi. Đột ngột. Đi hẳn. Không thư, không từ, không liên lạc. Căn nhà và toàn bộ người trong gia đình Thảo biến mất y như chẳng hề có ở đó.

Cô bàng hoàng, ngã bệnh.

Đúng là Thảo của chị mấy chục năm về trước. Chính cái nhếch môi của anh đã nhắc chị nhớ lại những ngày tháng xa xưa đó, mà bao năm rồi, chị không hề nhớ. Chị yêu. Đó là một thứ tình yêu đầu đời, lặng lẽ và đơn giản, vô cùng đơn giản. Một tình yêu đơn phương, theo kiểu nói thời thượng hồi đó. Nếu Thảo còn ở đó, thì sao chẳng rõ. Thảo đi rồi, mọi thứ như tan vỡ , vụn vằn trong đời chị. Cô học trò Lai Doãn mười bảy tuổi mất phương hướng. Buồn. Chán. Đau đớn. Hụt hẫng. Chênh vênh. Dường như có cả năm trời sau, cô mới lai tỉnh.

Một hôm, chị có việc vào gặp Thảo để điều chỉnh chuyện lương bổng. Sau khi xong , chị đứng lại, ngập ngừng hỏi:

- Xin lỗi, nếu tôi nhớ không lầm thì ông là ông Thảo, anh của Mượn, ở kế nhà tôi hồi đó. Tôi là Lai Doãn.

Anh ta tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, nhìn chăm chị một lát, rồi nói:

- Lai Doãn. Cô Lai Doãn. Tôi nhớ.

Chị định hỏi thêm đôi điều nữa, nhưng anh ta đã cúi đầu xuống trên đống giấp tờ, tiếp tục làm việc. Chị bực mình, đi ra, lẩm bẩm: "cũng chẳng khác gì ngày xưa, cái anh chàng đễ ghét này". Từ đó, chị không có ý định hỏi thêm anh ta bất cứ điều gì nữa.

Chừng một tháng sau, chị nhận được một hộp nhỏ gửi qua đường bưu điện. Đó là một hộp giấy cứng, gói ghém cẩn thận. Mở hộp, một tấm thiệp kèm theo một lá thư ngắn rơi ra. Chữ viết nắn nót, tròn trịa. Chị đọc:

Cô Lai Doãn,

Đáng lẽ món quà này sẽ đến với cô vào ngày sinh nhật của cô nửa năm sau, ngày 18 tháng 9. Nhưng món quà này đã đợi cô quá lâu, đến những hai mươi sáu năm, sáu tháng và ba ngày, tính đến ngày hôm nay. Tôi nhận ra cô ngay khi cô vừa mới đến làm việc, dù có ít nhiều thay đổi. Đôi mắt cô, như ngày nào, dễ gì quên được! Gia đình tôi không còn ai. Bà già mất trước 1975. Mượn và đứa em út chết trên đường vượt biên. Tôi sang đây từ năm 1975.

Xin được hoàn lại cố chủ, như một gợi nhớ về những ngày xưa không

thể nào tìm lại được.

Chúc cô vui.

Phùng Tiến Thảo.

Đọc xong, chị ôm lấy ngực, cảm thấy ngộp thở. Chị run run mở hộp quà. Xé hết băng keo dán, chị sửng sốt khi thấy chẳng có gì ngoài một lô toàn những mảnh giấy học trò cũ rích, một số ảnh vàng ố, ít sợi tóc, và cuốn sổ ghi chép nhỏ. Chị vội vàng cầm ảnh lên xem. Thì ra là ảnh chị chụp hồi nhỏ: ảnh chụp riêng, ảnh chụp chung với Mượn. Còn những mảnh giấy thì đủ hình dáng: vuông có, tròn có, hình chữ nhật có, hình nhiều cạnh có... Chúng được cắt xén cẩn thận quanh những chữ ký, hoặc những hàng chữ mà chị viết bậy bạ cho vui khi ngồi trên bàn hay ngồi đâu đó ở nhà Thảo. Nhiều nhất là chữ ký. Ký ngang, ký dọc. Có những giòng chữ đại loại như: "đêm buồn", "những chiều vui", "chiều nắng đổ ngoài hiên", "trời, chè ngon quá", "có cái chi đây mà quên mất", "cái con khỉ", "tình chỉ đẹp khi còn dang dở"...Những hàng chữ viết nguệch ngoạc, vu vơ. Cũng có những trang giấy nháp làm toán đại số, hình học, mấy bài thơ học trò chị chép cho Mượn, cuốn sổ nhỏ ghi nhạc, thơ và nhữn g việc phải làm trong ngày, các ngày giỗ, ngày nghỉ học. Lục lọi hết thảy những thứ để trong hộp, chị có cảm giác như tất cả những vết tích gì mà chị để lại nhà Thảo đều được Thảo thu gom lại, cất giữ, không sót một thứ gì, kể cả những sợi tóc, hẳn là vương vải vô tình đâu đó trên trang giấy mà chị viết ngày nào.

Ôi, Thảo ! Chị kêu lên và nghe đôi mắt nhòe nhoẹt. Cả một thời mộng mị hiển hiện trở lại. Vuông cửa sổ, hàng chìa tàu, lối đi vào xóm, ngôi nhà tồi tàn với mùi đất, mùi ẩm mốc, và anh chàng Thảo đi vô đi ra, áo sờn, quần bạc. Mùi ruốc kho. Cơm chiên. Khoai luộc. Chè chuối. Và cái nghèo yêu dấu !

Tình yêu, phải tình yêu ! Chị bâng khuâng nhìn vào khoảng không và tự hỏi: có phải món quà này là lời tỏ tình kỳ lạ nhất mà chị nhận được vào cái tuổi mà tình yêu chỉ còn là một âm vang không còn mấy ý nghĩa. Thảo ơi, nếu Thảo biết được rằng, hồi đó, cô bé Lai Doãn mười bảy tuổi đã quay quắt như thế nào khi bỗng Thảo không còn ở đó nữa y như thể Thảo đã biến mất khỏi trần gian. Cô bé đau. Cô bé chết đứng chết ngồi bên vuông cửa sổ, khi nhìn qua hàng chè tàu, chỉ thấy bức tường gạch cũ rêu phong, cây bông sứ khẳng khiu, chơ vơ, buồn thảm. Cô bé nhớ mùi ruốc kho, mùi cám lợn, mùi chè khoai, nhớ chiếc bàn gỗ sần sùi với hai chiếc ghế đẩu mà có lần cô bé suýt bị rách quần khi ngồi xuống vì bị cái đinh sút ra ngoài, móc phải. Cô bé cứ ngồi bần thần ngắm mải cái khoảng trống nơi hàng rào mà cô bé chui qua chui về biết bao nhiêu lần. Thảo đi

rồi, cái khoảng trống dần dần bị bít lại vì những nhánh chè tàu đâm chìa ra. Có lần, cô bé tức, cô bé tìm cách bẻ hết chúng. Nhưng làm sao được, chỉ một thời gian ngắn sau, chúng mọc ra lại. Chúng vô tình, cô bé biết. Nhưng mỗi lần mở cửa sổ ra nhìn , cô bé cứ có cảm giác như chúng đồng lõa với Thảo, cố tình khép lại, khép hẳn đi của cô bé một đoạn đời. Cô bé đau lòng lắm, vì cô bé biết cô bé đã yêu. Cô bé ngã bệnh. Rồi cô bé lành. Tức quá, cô bé tìm cách quên. Và quên được. Hai mươi sáu năm (Thảo nhắc cô bé mới biết, đã hai mươi sáu năm). Thời gian quá dài, đủ để vùi chôn tất cả, sá gì những kỷ niệm mong manh thuở đầu đời.

Trong thoáng chốc, chị hóa thân thành cô bé Lai Doãn ngày nào. Chị khóc nhẹ, thẫn thờ nhìn ra. Phố xá. Xe cộ. Buyn- đinh. Hình dáng anh chàng *supervisor* nói tiếng Anh, mặt mày trắng trẻo, bệ vệ. Mọi thứ chung quanh đều giàu có, no đủ. Tìm đâu ra mái tranh, con đường hẽm, cây bông sứ, ngôi đền cũ, mùi... nghèo. Và tìm đâu ra hàng chìa tàu với cái khoảng trống bâng khuâng để chị chui qua chui về một thời điên mê mộng mị !❐

báo cũ

Trên mười ba năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng **bookrate** và **surface.**

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Không mặt mũi, không trú sở

Trong hồi ký, bản tiếng Anh nhan đề: Tương lai thuộc về Tự do (Free Press, 1991), Eduard Shevardnadze, vị cựu ngoại trưởng Nga đã đưa ra nhận xét: "Quyền lực của một nhà độc tài thì không mặt mũi, không trú sở. Đây là vấn đề liên can tới phương pháp, và phong cách." (A dictator's power has no face or domicile. It is a matter of methods and style.) Jack F. Matlock, Jr., cựu đại sứ Hoa kỳ tại Liên-xô trong bài điểm sách của ông trên *New York Review of Books* (NYR) Sept 25, 97 cho rằng, nhờ vậy mà ông đã hiểu điều mà mãi tới tháng Tám 1991, Gorbachev mới học được, khi những cộng sự tin cẩn toan tính tước đoạt mọi quyền lực của ông. Ngày 8 tháng Ba, 1990, trong khi tôi (Matlock) rời văn phòng vị ngoại trưởng Nga, sau một cuộc gặp gỡ riêng, ông làm tôi sững sờ khi nói: "Jack, tôi nói cho bạn hay điều này. Nếu chế độ độc tài ló mùi, là tôi từ chức. Tôi không muốn có mặt trong một chính quyền đầy máu ở tay." Đã làm việc với ông cả 5 năm, tôi biết đây là những lời thành thực. Tôi sững sờ, về điều hiển nhiên, như ông nghĩ, một cú đảo chính chống lại Gorbachev. Rồi thời gian qua đi, tôi nghĩ hay là ông báo động hoảng. Tới tháng Chạp, cùng năm, bất thình lình, ông tuyên bố từ chức: "Chế độ độc tài đang tới!"

Vào năm 1990, sự chống đối "the new thinking", trong chính sách ngoại giao, đã ăn tới đám lãnh đạo chóp bu của Đảng, cụ thể là ở hai "dụng cụ" chính của nó, là KGB, và quân đội. Gorbachev cố hoà hợp, còn vị ngoại trưởng mặt đối mặt, cho dù mất job. Tuy nhiên, việc rút lui của ông dễ dàng hơn, so với Gorbachev. Ông đã yên tâm: thành quả ông tạo nên không dễ gì xóa bỏ. Chính sách ngoại giao của Liên xô rõ ràng cho thấy muốn hòa giải với phương Tây, và Gorbachev chẳng lợi lộc gì,

nếu làm ngược lại. Khi từ chức, Shevardnadze đã đặt đạo đức lên trên hoài vọng, trong khi Gorbachev vẫn còn đang bận tâm với quyền lực.

Gorbachev mang Shevardnadze tới Moscow vào năm 1985, và yêu cầu ông hoạch định một chính sách ngoại giao, sao cho vượt được những áp lực đối ngoại, mà vẫn có cải tổ ở trong nước. Chính Shevardnadze đã thay đổi phong cách đối ngoại của Liên xô. Vào năm 1988, ông đã đi trước Gorbachev, khi nhận ra, việc đòi hỏi chấm dứt chiến tranh lạnh, như là phương Tây đề ra, không đi ngược quyền lợi Xô-viết, về việc cải tổ trong nước. Nếu là một vị ngoại trưởng trí tưởng tượng, sự can đảm ít ỏi hơn, chưa chắc chiến tranh lạnh đã chấm dứt nhanh như vậy. Nó chấm dứt như thế nào là do ông, nhờ ở ông.

Khó mà không so sánh những nhân vật như vậy. Gorbachev và Solzhenitsyn. Gorbachev và Shevardnadze. Cho tới khi từ chức, 12/90, "hoạn lộ" của cả hai song song. Cùng sinh trưởng gần biên giới đế quốc Xô-viết. Ông già Shevardnadze, giáo làng, "sáng giá" hơn Gorbachev, gốc bần cố nông. Cả hai gia đình, nội ngoại đều là nạn nhân của Stalin, những năm 1930. Cả hai "đành" chọn Đảng làm nơi tiến thân, và trở nên những khuôn mặt sáng giá, ở đảng bộ địa phương. Chỉ khác, Gorbachev là Nga, trong khi Shevardnadze, Georgian, nơi tiếng Nga là ngôn ngữ thứ nhì. Sở trường của Gorbachev là về canh nông, còn Shevardnagze, luật. Tuổi thơ của Gorbachev nặng nề hơn, do vùng ông ở bị Đức chiếm giữ, tiếp theo là nạn đói. Gorbachev sau đi Moscow học. Họ quen nhau và là bạn, ngay lần gặp gỡ thứ nhất, của Thành Đoàn (Komsomol), tại Moscow. Tới cuối thập niên 1970, cả hai đồng ý với nhau, ở một điều: "Nên thay đổi hệ thống CS. Không thể mãi như thế này". Với Shevardnadze, ông đã chứng kiến quân đội Xô-viết đàn áp bằng sắt và máu, một cuộc biểu tình ôn hòa của dân chúng tại Tbilisi, vào năm 1956. Khi làm Tổng Bí Thư Đảng CS Georgia, ông cũng phải đương đầu với nhiều vụ biểu tình, nhưng không bao giờ ra lệnh dùng bạo lực. Thay vì vậy, ông điều đình, và thường xoa dịu họ, bằng một "món quà", thí dụ như xây cất một đại học mới cho vùng Abkhzia. Không phải ông chưa từng bị chỉ trích: Shevardnadze đã trở nên "nổi tiếng", vì những vụ "bắn bỏ" những phần tử tội phạm, chợ đen khi là bộ trưởng nội vụ Georgia. Bản thân ông qua hồi ký, đã tỏ ra ân hận, không sớm có đủ can đảm đứng thẳng người, vì những nguyên tắc, lý tưởng mà ông theo đuổi. Trời sinh tính, ông than thở. Thật khó mà thay đổi cách hành xử. "Ngày nào, tôi cũng tự ép tôi, làm những điều mà cả sự nghiệp chính trị đã dạy tôi, đừng nên làm" Khi kêu tới Shevardnadze, Gorbachev đã quyết định, ông không muốn một Andrei Gromyko thứ hai nữa. Không cần một ông ngoại trưởng "Mr.

Nyet". Ông cũng không muốn có một vị ngoại trưởng kinh nghiệm, uy tín lấn lướt ông. Ngó ra xa, trước sự ngạc nhiên của mọi người, ông chọn người bạn cũ từ vùng Caucasus.

Phong cách đối ngoại của Xô-viết bỗng dưng thay đổi, cùng với Shevardnadze: nó trở nên "người" hơn. Lần gặp gỡ đầu tiên với ngoại trưởng Mỹ, Shultz, tại Helsinki, ông là một "mặc khải" trước phái đoàn Hoa-kỳ: Tới bàn họp với lịch trình của một businessman. Như một người quan tâm đến việc giải quyết vấn đề, thay vì "mặc kệ" (take-it-or-leave-it). Không như một tay ý thức hệ đóng khung. Khi ngoại trưởng Hoa-kỳ đặt vấn đề nhân quyền, Shevardnadze đã "quên" những câu trả lời truyền thống của thế giới CS, "Đừng dí mũi vào công chuyện nội bộ của chúng tôi", và hỏi lại: "Khi tới Mỹ, tôi có nên nói chuyện thất nghiệp và vấn đề da đen không ?"

Từ chức chừng một năm, trở lại job cũ một thời gian ngắn, rồi vào mùa Xuân năm 1992, Shevardnadze trở về quê hương, đối mặt với nhiệm vụ: chấm dứt cuộc nội chiến, xây dựng một quốc gia từ những điêu tàn. Khi ông trở về, ông là người độc nhất không có quân đội riêng, so với 4 "warlords". Họ bắt buộc phải mời ông, vì chẳng ai chịu ai. "Hắn ta khôn hơn tụi mình, và rất nguy hiểm". "Nhưng chúng ta đâu còn một chọn lựa khác?" Họ cần ông. Bởi vì chỉ có Shevardnadze mới mang đến cho Georgia một sự kính nể, từ phía quốc tế. Nhưng họ chẳng hề muốn, và thề sẽ không cho phép ông "thống trị" những vấn đề ở trong nước. Ông có trong tay, ba con chủ bài: Sự nể trọng của các nhà lãnh đạo nước ngoài. Sự chán ghét của dân chúng, trước đám lãnh đạo bất lực, giết người; và trên tất cả, tài năng chính trị của riêng ông. Shevardnadze được 96% phiếu, khi kinh tế Georgia đang trên bờ vực, mất vùng Abkhabia, với 200 ngàn tị nạn từ đó đổ về, hai đường xe lửa nối với Nga không hoạt động, lạm phát phi mã, trộm cướp. Vào năm 1994, chiến tranh gần như chấm dứt, nhưng kinh tế trì trệ, và nạn ám sát, thủ tiêu xảy ra hàng loạt. Shevardnadze suýt chết vào năm 1995, vì một trái bom. Sau vụ đó, trùm mật vụ chạy sang Nga, cho tới nay, nước bạn vẫn từ chối không cho dẫn độ.

Đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng cô lập quốc tế là một thành quả rất đáng kể. Nhưng hoàn cảnh lịch sử, và địa dư cho thấy, Nga là vấn đề nhức đầu nhất cho Georgia. Cho tới nay, dân chúng vẫn nghi ngờ ông bạn láng giềng chẳng mấy thực tâm, về vấn đề độc lập của họ, nhưng họ cũng hiểu rõ một điều, đất nước chỉ được "bình an", nếu liên hệ với ông bạn tốt đẹp. Nhà cầm quyền địa phương Russia đã giúp đỡ những người Abkhazian li khai, vào năm 1992, chống lại quân đội Georgia. Nhân

viên mật vụ Nga đã nhúng tay trong vụ mưu sát Shevardnadze. Cho đến nay vẫn là chính sách chia để trị của bá quyền Nga. Trong số ba khuôn mặt nổi cộm của thế kỷ chúng ta, Shevardnadze đã tránh được những khuyết điểm của Gorbachev và Yeltsin. Quyền năng của Gorbachev yếu dần, kể từ khi ông tránh né một cuộc bỏ phiếu trực tiếp đưa đến chức vị tổng thống. Shevardnadze, ngay từ đầu đặt vấn đề quyền năng từ một cuộc bỏ phiếu phổ thông, trực tiếp. Nhờ vậy ông có quyền năng độc lập, ngay khi còn là chủ tịch quốc hội. Yeltsin có quyền, nhờ mệnh lệnh trực tiếp, và đã từng cho xe tăng dẹp quốc hội. Shevardnadze đã từng "thổ lộ" với Matlock, không có sự trợ giúp của Hoa-kỳ vào mùa đông năm 1992-1993, Georgia đã không thể sống sót. Ông chỉ "buồn" một điều, ngoại trưởng Mỹ Baker đã gửi trợ giúp mà chẳng hỏi gì ông cả!

Shevardnadze có lẽ là khuôn mặt ngoại giao quan trọng độc nhất, của cựu-Xô viết, người đạt được những thành quả đáng kể mà cả hai phía đều trân trọng.

● Bếp lửa trong văn chương

"Nơi chốn không chết như con người, nhưng chúng tang thương dâu bể đến nỗi chẳng còn chi còn được giữ lại, về một thời nó đã là...", W. Trevor viết về miền thơ ấu của ông. Tôi chỉ muốn thêm vô: "... chẳng còn chi được giữ lại, cho một con người ngày xưa đã từng ở đó."

Tôi cũng có đọc một lời khuyên, nên viếng thăm nghĩa địa, mỗi lần ghé một thành phố. Buendia, trong Trăm Năm Cô Đơn, (Garcia Marquez), muốn bỏ Macondo, tìm một đất lành khác. Anh giải thích, "con người thuộc về nơi chốn, khi dưới đất có một người chết". Ursula, bà vợ dịu dàng, nhưng quyết liệt, "nếu cần một cái mả, tôi sẽ ra đó nằm." Còn nhớ một cụ già, khi nghe tin máy bay Mỹ oanh tạc miền Bắc, bà cụ giật mình, vậy là động mồ động mả, ông bà mình làm sao ngủ yên ?...

Sự không đọc "một số" tác giả, ở một vài người, theo tôi, có thể là do ngần ngại không dám gặp lại một số nhân vật, một vài nơi chốn quá thân thiết với họ. Hà-nội, thí dụ vậy. Như một nơi chốn. Như một nhân vật quá đỗi thân thương; Eurydice, chẳng hạn. Đó cũng là lý do, theo T. Tolstaya, khiến thi sĩ J. Brodsky không thể trở về: ông sợ những ngôi mộ bị đào bới, sợ quá khứ, kỷ niệm, những gì nhà thơ đã làm được, cho St. Petersburg của ông. Còn nhớ, cuốn truyện đầu tay, khi ra ngoài này, tôi "ngỡ ngàng" thấy được tái bản, "đau xót" khi đưa cho một người bạn coi, và khi anh ta trả lại, với lời trách nhẹ nhàng, đại khái, treo đầu dê, bán thịt chó. Ra ý, tên truyện, Những ngày ở Sài-gòn; chỉ thấy, Hà-nội. Đó là cuốn

sách sau cùng, thành phố được nhắc tới, "một thành phố của hương thơm và mặt trời ve vuốt". Một anh bạn làm nghề xuất bản, liền sau đó đã bị Phòng Kiểm Duyệt từ chối một tập truyện. Cũng không thể khác được, chiến tranh lúc đó đã trở nên ác liệt.

Khi Nguyễn Tuân than, "chúng ta" có ít trang sách về Hà-nội, tôi nghĩ, ông không muốn chấp nhận, "một số" trang sách viết về nó. Về một Liên, ở đâu đó trong Hà-nội, của Thanh Tâm Tuyền, (*Ung Thư, Mặt Trời Tìm Thấy*). Lại càng không thể chấp nhận một anh chàng Đại, trước khi bỏ Hà-nội ra "bưng", đã để lại một cái bầu cho một cô gái. "Nó là một thằng hèn! Tôi sẽ đập vào mặt nó!", nhân vật chính trong *Bếp Lửa* đã giận giữ, về người bạn của anh...

Có thể, Nguyễn Tuân không biết tới những trang sách đó, những tác giả đó. Cũng vậy, Lê Đạt chắc cũng chưa từng đọc, bản dịch bài thơ Hoàng Hạc Lâu, của Vũ Hoàng Chương.

Theo thi sĩ, và cũng còn là ông thầy Việt văn của người viết - năm học Đệ Nhị, trường Hồng Lạc, của thầy Đoàn Viết Lưu, khi còn là một căn hộ, ở đường Sương Nguyệt Ánh, Sàigòn - bài dịch của Tản Đà dùng vần bằng, thể thơ lục bát, cho nên không diễn đạt hết ý nghĩa "bất phục phản" - toàn "vần trắc" - trong nguyên bản. Bất phục phản! Nhân một cơn say, ông nổi hứng, dịch một lần nữa, tạo thế chân vạc cho bài thơ. Họ Vũ vốn là dân toán, ông vẫn bị ám ảnh bởi những hệ thống trục tọa độ, khi làm thơ. Nhưng cái tam giác của ông, vô tình làm tôi nhớ tới tam giác bếp núc của C. L. Strauss.

Văn minh nhân loại, theo C. L. Strauss, chỉ luẩn quẩn quanh xó bếp. Trước tiên là sống. Cái thuở loài người ăn uống như thú vật. Rồi chín, khi Prométhée ăn cắp giùm lửa. Chín là trạng thái trừ khử nước, trong sống. Cộng thêm nước, thành rữa, thúi. Đó là ba đỉnh cái kiềng ba chân của C. L. Strauss. Phiền một nỗi, trong khi nướng, thui... con người bỗng mê "khói", bởi vậy văn minh nhân loại cũng chỉ là một đường thẳng, đi từ mật ong, tới tàn thuốc. Thoạt kỳ thuỷ, ăn mật ong, "hỗn như gấu", tới khi hít khói thuốc, là tàn một chu kỳ văn hoá.

Bắt chước Vũ Hoàng Chương, C. L. Strauss, tôi cũng tưởng tượng ra một thế chân vạc của Hà-nội. Ở đây, không có nguyên bản, cứ coi như vậy. Chỉ có dịch bản. Một Hà-nội, của những người di cư, 1954. Một, của những người ra đi từ miền Bắc. Và một của những người tù cải tạo, chưa bao giờ biết tới Hà-nội, như của Nguyễn Chí Kham, trong lần ghé ngang, trên chuyến tầu trở về với gia đình. "Treo đầu dê, bán thịt chó". Quả thế thật. Khi viết "Những ngày ở Sài-gòn," là lúc tôi quá nhớ Hà-nội. Mới lớn, vừa mới kịp yêu mến cái cột đèn, cái Hồ Gươm, cái Tháp Rùa, đùng

một cái, phải bỏ hết. Vào Nam, cố biến nó thành hiện thực, qua hình ảnh một cô bé Hà-nội. Mối tình tan vỡ, chỉ vì người nghe kể, là một cô bé miền Nam: "Mai, để anh kể cho em nghe, về một thành phố thỉnh thoảng buổi sáng có sương mù...".

Hà-nội của Nguyễn Chí Kham khác hẳn. Cũng khác hẳn, Hà-nội của những người ra đi từ miền Bắc. Ga Hàng Cỏ của Nguyễn Chí Kham không có cảnh đưa tiễn những người đi vào Nam chiến đấu, và một cô gái, trong một truyện ngắn của Lê Minh Hà, ("Trăng Goá", Văn), chỉ ngửi thấy chỗ nào cũng sặc mùi nước đái, và đó là một trong những lý do khiến cô chấp nhận lời cầu hôn, của "thủ trưởng" đám bộ đội trẻ. Xin đừng nghĩ đến sự thô tục ở đây. Chỉ có mùi nước tiểu "quyến rũ" đó mới tương xứng với lưỡi bom, liếm đến đúng căn nhà của cô học trò thì dừng lại, như có hẹn với cô gái, tuy đã đi sơ tán, nhưng hôm đó phải trở về Hà-nội để lấy phần gạo. Như thể lưỡi hái B.52 đến lúc đó mới thở hắt ra hết hơi nóng của nó.

Sartre (*Situations, I*) nhắc tới "ý hướng tính", coi đây là tư tưởng cơ bản của hiện tượng luận: "Husserl đã tái tạo dựng (réinstaller) sự ghê rợn và sự quyến rũ vào trong những sự vật. Ông tái tạo thế giới của những nghệ sĩ và của những nhà tiên tri: Ghê sợ, thù nghịch, nguy hiểm trùng trùng, với những bến cảng, nơi trú ẩn của ân sủng và tình yêu." Tôi đã lầm, khi nghĩ, chẳng bao giờ người ta lại được đọc những trang sách tuyệt vời, về Hà-nội. Có thể là do một câu thơ và viễn ảnh khủng khiếp nó gây ra ở nơi tôi. "Chỉ thấy mưa sa trên nền cờ đỏ" (Trần Dần), câu thơ như một "Apocalypse now" không phải chỉ riêng cho Hà-nội. Làm sao mà thi sĩ lại nhìn thấy suốt cuộc chiến sau đó, không phải sự chiến thắng, mà là sự huỷ diệt một thành phố, và cùng với nó, biểu tượng của cả một dân tộc ?

Bạn hãy thử tưởng tượng Hà-nội, như một cuốn sách, một bài thơ, một văn miếu, và cơn thử thách của nó: lửa. Trong *Farenheit 451*, Ray Bradbury tưởng tượng, một Nhà Nước ra lệnh huỷ diệt mọi cuốn sách. Và một bà già đã chịu chết trong thư viện của bà, giữa những cuốn sách đang cháy. Người ta túa ra khắp nơi, để học thuộc lòng những cuốn sách bị huỷ diệt. Họ trở thành những cuốn sách sống. "Chỉ cần một kẻ ném lửa, tương tư, rồi bắt đầu đọc một cuốn sách, là sự ghê tởm, tính quái vật của Nhà nước lộ rõ." (*L'épreuve du feu*, M. Delon, Magazine littéraire 12/96). Ở đây, có một điều gì thật trớ trêu, của định mệnh: một cách nào đó, sự hung bạo của ngọn lửa, cũng "hung bạo" như "giấc mơ" của loài người, về một cuốn sách toàn thể, về một con người toàn thể. Nhân vật trong *Chùa Đàn* còn mơ tưởng một cuộc phần thư, chính thân xác của mình.

Nhưng thư viện và cơn thử thách của nó, lửa, với Hà-nội, chỉ mang tính "ẩn dụ". Với Sài-gòn, nó bắt nguồn từ cuộc hỏa thiêu thư viện đầu

tiên của nhân loại, thư viện Alexandrie. Người ta buộc tội ông tướng Ả rập Amrou Ben Al-As, người đã chiến thắng Ai cập vào năm 642, là thủ phạm. Ông tướng này đốt thư viện thành phố, sau khi "thăm dò" ý kiến Omar, người kế tục Mahomet. Ông này trả lời: "Nếu tất cả những cuốn sách đều hợp với (tinh thần) Coran, chúng vô dụng, phải đốt hết. Nếu không hợp, chúng nguy hiểm, phải đốt hết."

Sartre viết, Husserl không hề là một nhà hiện thực. Nhà thơ như Trần Dần, nhà văn như Lê Minh Hà, lại càng không. Đừng coi những dòng kể của bà về Hà-nội, là hiện thực chủ nghĩa, theo một nghĩa thô bạo nhất của nó. Vẫn Sartre, trong bài viết đã dẫn, "hiểu, là tự bùng vỡ về...", (Connaître, c'est "s'éclater vers"), và đó là ý nghĩa câu nói nổi tiếng của Husserl: Ý thức chỉ là ý thức về một điều gì (Toute conscience est conscience de quelque chose): y hệt như vết bom ngưng lại, vì biết rằng, có một người, sau này sẽ viết ra, điều này. Trong một truyện ngắn khác, của cùng tác giả, "bãi dâu xanh mênh mông, hoa muồng muồng vàng rực, đình tám mái sân đầy cứt chim..." như phô hết sự quyến rũ của chúng dưới bầu trời: máy bay Mỹ đánh phá khắp nơi.

Hà-nội của Nguyễn Chí Kham đi từ văn chương ra ngoài đời. Một Hà-nội của tưởng tượng, của mơ tưởng, hoang tưởng, không tưởng... Chỉ là những chi tiết, mọc lên từ hư không, dứt ra từ tưởng tượng. Anh tù cải tạo, tới Hà-nội, tần ngần, ngơ ngẩn, giấu biệt "căn cước" của mình, nhất là những ngày tù ghê rợn. Bố anh là quân nhân. Mẹ anh làm nghề nấu hàng cơm. Anh giúp mẹ đưa cơm tháng cho cô giáo. Rồi nhờ cô kèm thêm. Anh học trò ngày xưa, thành sĩ quan như bố, đi cải tạo, mang theo cùng với anh vầng trăng thơ ấu, chiếu vào hai mái đầu. Cô giáo trong Vầng Trăng Thơ Ấu Mãi mơ mộng về một cái chết của người chồng phi công. Anh mất tích, như một lần thất bại không thể mang trả bầu trời, những cơn mưa, những cánh rừng... cho người vợ ở nhà. Với Hà-nội của Nguyễn Chí Kham, chúng ta lại phải đương đầu với một hoàn cảnh trái ngược, tựa thể bầu trời Mùa Thu, chiếc áo trắng phất phơ bay trong gió, những chiếc lá bàng... toàn những tưởng tượng, trong tiểu thuyết, bỗng biến thành hiện thực. Cái cô học trò mà anh tù cải tạo gặp ở nhà ga, trên cùng chuyến tầu, như mang bóng dáng cô giáo, của cậu học trò ngày nào. Làm sao mà không chia xẻ với vầng trăng thơ ấu một kỷ niệm đẹp đẽ như vậy!

Vẫn là cái tam giác bếp núc: liệu chúng ta có thể nhìn ra, hiện tượng mất cân bằng "sinh thái", - sự phân phối nước - ở hai nhánh văn chương, tạo thành dòng văn học hải ngoại? Phạm Thị Hoài, trong bài viết về vị thủ lĩnh trong bóng tối, (*Văn Học*), có nhắc một câu của Trần Dần, tôi đợi

bọn trẻ chôn tôi. Bà cũng coi, văn chương phản kháng ở trong nước, hiểu theo một nghĩa nào đó, là Nhân Văn II. Người đọc vẫn chờ đợi Nhân Văn II đi hết lưỡi lửa của nó, chờ đợi bao nhiêu chua chát, cay đắng, bao nhiêu cái xấu, cái ác của nhân vật, hoàn cảnh, trong tác phẩm của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài... qua đi. Những trái núi, bờ đê, đập ngăn chặn Thái Bình Dương (M. Duras) phải được dẹp bỏ, hoặc trở nên dư thừa, khi những "cây non" như Lê Minh Hà vượt cao hơn, sẵn sàng đương đầu với sức nóng mặt trời. Thâm tâm những tác giả "đàn anh, đàn chị" kể trên vẫn hằng mong như vậy. Và đó là ý nghĩa "hoài bão" của Trần Dần. Trong hoàn cảnh đó, người tù Nguyễn Chí Kham thấy thật cần thiết, phải giấu biệt những khổ đau, (như một nạn nhân, của Hà-nội?), khi ghé thăm thành phố.

Con người là tổng số những kinh nghiệm về thời tiết (Faulkner). Tổng số những kinh nghiệm về khổ đau, anh có rồi. Về thời tiết, chỉ thiếu Hà-nội. Người tù đi qua cầu Long Biên, thò tay sờ lên thành cầu, như rụt rè hỏi thăm bao mùa nóng lạnh, bao dấu vết bom đạn. Anh đang trên đường vào Hà-nội, mang theo với anh tro than của những cuốn sách...

● Thông điệp của Anne Frank

Trong chương 9, và cũng là chương chót *Những Di chúc bị Phản bội*, Kundera bàn về một sự thô bạo trong thế giới văn chương: vấn đề cắt xén, vặn vẹo tác phẩm, ngay từ khi tác giả còn sống, và lẽ dĩ nhiên, càng trở nên thô bạo hơn, khi họ đã chết rồi. Ông kể chuyện, vào cuối đời, Stravinsky quyết định tự trình diễn, như một tay dương cầm, hay một nhạc trưởng, toàn bộ âm nhạc của ông. Và bị chế diễu thậm tệ: Khi Stravinsky trình diễn qua vai nhạc trưởng, ông ta khiếp đảm đến độ, mắt dán vào nốt nhạc, tuy đã thuộc lòng. Và tính giờ. Mọi nguồn vui rời bỏ ông! Kundera tự hỏi tại sao, và ông tìm được câu trả lời, khi nghiên cứu 146 bức thư, của Stravinsky gửi cho Ernest Ansermet (người chế diễu), khởi sự năm 1914: *My dear Ansernet, My dear fellow, My dear friend, Very dear, My dear Ernest,* rồi bất thình lình: Paris Oct 14, 1937, Rất vội, bạn thân của tôi. "Tuyệt đối không có bất cứ một lý do gì cắt xén 'Jeu de cartes' khi trình diễn... Cá nhân bạn cảm thấy một vài động tác hơi *boring*. Về chuyện đó, tôi chịu thua. Nhưng tôi thật sự ngỡ ngàng khi bạn cố thuyết phục tôi về vụ "cắt xén", tôi, người đã trình diễn nó tại Venice, và cũng đã cho bạn biết về sự hứng khởi của khán thính giả... Tôi thực sự không tin khán thính giả của bạn kém thông minh, so với ở Venice. Nghĩ rằng bạn có thiện ý, khi muốn "co dãn" để công chúng dễ hiểu hơn: Bạn, người đã

từng can đảm chơi một danh tác đầy rủi ro như Symphonies of Wind Instruments; khi khăng khăng cho rằng nó phải thành công, và công chúng thừa sức để thông cảm! Bởi vậy tôi không để cho bạn cắn xén "Jeu de cartes". Tôi nghĩ, tốt nhất đừng chơi nó gì hết, còn hơn là với sự dè dặt! Tôi không còn gì để thêm. Chấm hết! Ngày 15, tháng Mười, bạn trả lời: "Tôi chỉ xin bạn tha lỗi cho tôi, về một cắt xén nho nhỏ..." "I am sorry, nhưng không cho phép bạn về bất cứ một cắt xén nào trong Jeu de cartes... Bạn ơi, đây đâu phải nhà của bạn."

Samuel Beckett có lẽ vô địch, trong nỗ lực bảo vệ nghệ phẩm: ông theo dõi từng chi tiết, ngay cả khi tập dượt, và nhiều lần nhảy lên sàn tập, để tự tay điều khiển diễn viên. Rồi in cả một cuốn sách, những ghi chú trình diễn "Endgame." Bạn ông, và là nhà xuất bản đứng coi thiên hạ trình diễn, nếu cần đưa ra tòa, để bảo vệ tác phẩm, sau khi ông đã chết. Kafka gửi bản thảo *Hoá Thân* tới một tờ báo. Ông chủ, nhà văn Robert Musil, bằng lòng in, với điều kiện tác giả rút ngắn lại. (Buồn thật, hai thiên tài văn chương bàn chuyện in ấn, xuất bản tác phẩm văn học!). Trả lời của Kafka, cũng nguyên tắc, và cũng lạnh lùng như Stravinsky: Tôi chịu được chuyện bỏ vô thùng rác, nhưng không thể chịu nổi việc in, mà cắt xén, xẻ thịt nó! Ông không được may mắn như Stravinsky, hay Beckett. Và điều này một phần lớn, là do Max Brod, người theo "truyền thuyết", vì nhân loại, đã phản bội di chúc của Kafka. Theo Kundera, Max Brod tuy yêu bạn, cố gắng hiểu bạn, đưa bạn ra ánh sáng, tạo nên cả một môn học "Kafkology", nhưng chính ông là người xa lạ nhất với nghệ thuật của Kafka.

Thật dễ dàng khi không vâng lời một người đã chết. Càng dễ dàng hơn, khi người chết là một nạn nhân của Lò Thiêu Người, một cô bé, lại là con gái của một ông bố: trường hợp Anne Frank.

Nếu Anne Frank không mất tại trại tập trung vào năm 1945, cô ăn mừng lễ sinh nhật 68 tuổi vào tháng Sáu vừa qua. Và nếu cô không giữ tập nhật ký khác thường, qua đó, chúng ta có thể coi cô là một trong những nhà văn nổi tiếng của thế kỷ - cho dù vậy, số phận của cô cũng không quá sức bi đát, như là bây giờ, sau những khám phá mới nhất về cô. Cô sinh ra để là một nhà văn. Vào năm 13 tuổi, cô đã cảm thấy quyền năng này; tới 15, cô điều khiển được nó. Nếu cô được phép sống, thật dễ dàng khi tưởng tượng, biết bao nhiêu tiểu thuyết, khảo luận, từ cái nguồn giầu sang, từ ngòi bút lưu loát, chín mùi chữ nghĩa đó. Người ta cũng thấy được những tác phẩm chẳng bao giờ có được đó, sẽ gần gụi với Nadine Gordimer, Nobel văn chương, hơn là Francois Sagan. Cô bé la lên, vào mùa xuân năm 1944: "Ta muốn tiếp tục sống, ngay cả sau cái

chết của ta!" (I want to go on living even after my death!) Ở đây không phải là tình trạng hưng phấn thái quá của tuổi trẻ. Bằng trực giác cô đã nhận ra, sự lớn lao của nghệ thuật nghĩa là gì. Và cũng đã nhận ra sức mạnh văn chương nằm bên dưới bàn tay của cô, trong những trang nhật ký: một ghi nhận văn học về những cuộc sống hãi hùng trong hiểm họa thường nhật; một tài liệu nóng bỏng nhắm thẳng tới tương lai. Vào những tháng cuối cùng, cô miệt mài rũa gọt, thêm thắt, cắt xén một số đoạn, với hy vọng in nó sau chiến tranh. Cô gọi bản thảo của cô là *Het Achterhuis*, tiếng Đức, "căn nhà phía sau", nhưng thường được dịch là "căn nhà phụ bí mật", và không đúng như ý của cô, qua tác phẩm. Nó "liên can" đến lịch sử, tới thực tại, tới sự thực chết người. "Khi tôi viết", cô tâm sự, "tôi có thể rũ sạch mọi lo toan. Sự phiền muộn biến mất, tinh anh tôi sống lại!" Nhưng cô không thể rũ bỏ sự tù tội, sự huỷ diệt, của mình.

Anne Frank bị bắt và đưa vào trại tập trung cùng với chị và mẹ như hàng triệu con người. Tất cả bị huỷ diệt, qua một chương trình đã được tính toán để bảo đảm sự thoái hóa độc ác nhất, mới mẻ nhất, quỷ ma nhất của con người. Cô thuộc trong số được chỉ định để bị huỷ diệt, xóa sạch khỏi cuộc đời, không để lại mộ chí, không một ký hiệu, không một dấu vết, bất kể loại gì. Lỗi của cô - tội ác của cô, là người Do thái, và như vậy có bị xếp vào trong những kẻ không có quyền được hiện hữu, không còn là một vấn đề người, không được như một giống dân hạ cấp, ngay cả làm nô lệ cũng không luôn. Thoát bị đưa vô phòng hơi độc, cô chết vì bệnh ban đỏ (bệnh chấy rận), một tháng trước khi giải phóng.

Nhật ký, cho dù thế nào cũng không thể coi là câu chuyện của Anne Frank. Không nên gọi, một câu chuyện là một câu chuyện, nếu phần cuối bị mất. Và bởi vì phần cuối bị mất cho nên câu chuyện của Anne Frank trong vòng 50 năm, kể từ khi *Nhật Ký của một Cô Gái Trẻ* lần đầu tiên được in ra, đã bị vặn vẹo, cắn xét, chuyển hoá, dịch thuật, gia giảm, giả mạo, trẻ con hóa, ngây thơ hóa, Mỹ hoá, đồng nhất hóa, cảm tính hoá... và sự thực, đã bị chối bỏ, một cách thật thô lỗ. Trong số những người làm giả gồm có những nhà bi kịch, những ông giám đốc, những nhà dịch thuật, ông bố của Anne Frank, và ngay cả, công chúng, kể luôn cả những độc giả, những khán giả phim ảnh, kịch nghệ, trên toàn cõi địa cầu. Một tác-phẩm-kể-sự-thực thật sâu xa đã biến thành một dụng cụ để nói lên một phần sự thực, một phần sự thực. Gần như mọi bàn tay đụng vào tập nhật ký, với một thiện ý in nó ra, đều đã góp phần làm chuyện bậy, đảo ngược lịch sử.

Nhật ký được coi như một tài liệu về Lò Thiêu. Điều quan trọng cần

nói, là nó không phải như vậy. Người ta đã xóa sạch những chi tiết, những nhận xét "khủng khiếp" dưới con mắt của họ, về cái gọi là "vấn đề Do-thái".(Ai biết được, có thể tôn giáo của chúng tôi sẽ dậy cho thế giới, và tất cả những dân tộc ở trong đó, về điều tốt, và đó là lý do độc nhất để chúng tôi đau khổ... Thượng Đế đã không bỏ dân tộc chúng tôi. Qua bao nhiêu thế hệ Do thái phải đau khổ, nhưng thế hệ qua đi, họ vẫn tiếp tục sống, sự đau khổ chỉ làm họ mạnh thêm. *Nhật ký*). Người ta đã biến cô thành một món hàng dễ dùng, có thể dùng được. Anne Frank đã trở thành một công thức tiện tay, cho một sự tha thứ dễ dãi, biểu tượng của sự tiện lợi mang tính đạo đức, liên tục (Rosenfeld).

Nhà phê bình văn hóa Pháp Tzvetan Todorov giải thích: Tưởng niệm luôn luôn là thích nghi, đáp ứng, của ký ức cho hợp với nhu cầu ngày hôm nay (Commemoration is always the adaptation of memory to the needs of today). Một cách ngắn gọn, Lò Thiêu khủng khiếp quá, không thể nói được, nhưng con người vẫn tìm đủ mọi cách để "nuốt" nó: Tôi nhìn thấy thế giới đang từ từ biến thành man rợ, tôi nghe tiếng sấm tới gần, nó, một ngày nào sẽ huỷ diệt chúng tôi, Tôi cảm thấy sự đau khổ của hàng triệu triệu con người... Cùng lúc, tôi vẫn khăng khăng với những lý tưởng của tôi. Có lẽ ngày đó sẽ tới, cái ngày mà tôi có thể thực hiện chúng... Vào những buổi chiều, trời tối, tôi thường trông thấy những đoàn người vô tội, tốt kéo theo họ những đứa trẻ khóc lóc, bước hoài, bước hoài, theo lệnh của một dúm người. Những người này đánh đập, gần như té xuống. Không ai thoát khỏi. Người già, yếu, bệnh tật, trẻ em, đàn bà có bầu... tất cả trên con đường tới cái chết của họ. (Khi cô 13 tuổi, đã phải sống chui).

Nhật ký cũng ghi nhận, "trước nỗi phiền muộn lớn lao và sững sờ của chúng tôi, chủ nghĩa bài-Do thái tại Hòa-lan, cứ thế tăng lên mãi, cho dù Do-thái đã bị xua đuổi). Otto Frank, ông bố thú nhận, nhật ký của con gái ông làm cho ông cảm thấy "không hiểu được con tôi"; nhưng điều này không làm cho ông dừng tay, khi "tàn phá" nó trước khi in, và chấp thuận cho dựng kịch, bị giả mạo thêm một lần nữa. Vào năm 1991, 11 năm sau khi Anne mất, một bản nhật ký sau cùng (definitive) đã được xuất bản, với tất cả những câu đoạn ông bố gạt bỏ, nhưng hình ảnh một Anne Frank, như một nhà lý tưởng, ngây thơ vô tội đã không thể nào bôi xoá đi được. Nhưng nhờ bản sau cùng này, chúng ta mới biết được thiên tài bôi xóa, vặn vẹo của những ông trời "kiểm duyệt viên" (Sử dụng ngôn ngữ: Cần thiết phải ăn nói nhẹ nhàng ở mọi thời. Chỉ ngôn ngữ của những dân tộc văn minh là có thể được nói, do đó, không có tiếng Đức; đã bị sửa: Tất cả những ngôn ngữ văn minh.... nhưng nhẹ nhàng! "Chủ

nghĩa anh hùng trong chiến tranh hay khi đối diện với người Đức, sửa thành: chủ nghĩa anh hùng trong chiến tranh, hay khi đối diện sự áp bức!).

Gần như bản in nào cũng choàng cho nó những vòng hoa, đại khái "ca khúc của đời sống", "sự vui thích buốt nhói ở nơi tinh thần vô tận của con người". Có một sự chế diễu, trò hề ở đây. Một ca khúc cho đời? Nhật ký chưa hoàn tất, hoặc đã được hoàn tất bởi những nơi chốn khủng khiếp: Westerbork, địa ngục chuyển tiếp ở Holland, nơi những người Do thái Hòa-lan bị tống xuất từ đó; Auschwitz; hay bởi những ngọn gió tàn khốc của Bergen-Belsen. Chính tại đây, không phải tại "căn nhà phụ bí mật", những tội ác mà chúng ta gọi là Holocaust đã xảy ra. Ghi nhận của chúng ta là những cột con số, những danh sách tỉ mỉ những chuyến tống xuất qua những dòng chữ viết tay của những thủ thư đẹp trai; những cuốn sách chuyển hàng. Có thể Anne Frank đã được chuyển tới Auschwitz vào đêm 6 tháng 9, 1944, trong chuyến hàng một ngàn mười chín "Sucke" (mẩu). Trong đêm đó 549 người được đưa vào phòng hơi, có một người trong nhóm Frank, và tất cả trẻ em dưới 15. Anne lúc đó, 15, thoát, có lẽ để lao động. Từ 20 đến 28 tháng Mười, bị đưa vào phòng hơi độc hơn 6 ngàn người, chỉ trong vòng hai giờ, khi họ mới tới. Nhưng lực lượng Xô-viết đang hướng về Auschwitz, và vào tháng 11, đã có lệnh giấu diếm mọi chứng cớ về phòng hơi độc, và phá huỷ lò thiêu. Cả chục ngàn tù nhân bị tống ra ngoài trời, trong chuyến đi tử thần. Nhiều người bị bắn. Trong một chuyến di tản vào 28 tháng Mười, hoặc 2 tháng 11, Anne được chuyển đi Bergen-Belsen, chết một hay hai ngày sau đó. Vỡ tim, trơ xương, trần trụi dưới một đống rẻ rách. Đến với nhật ký mà bỏ qua những *Đêm*, của Elie Wiesel, hay *Những Kẻ Chết Đuối và Những Người Được Cứu Vớt*, của Primo Levi (chỉ nhắc tới hai chứng nhân), hay những cột con số, những chuyến hàng, những thuật ngữ như "mẩu"... thì đúng là tự cho phép mình được quyền ngây thơ một cách xấu xa, không thể tin được!

Những ngợi ca theo kiểu "bản chúc thư hoài hoài về tính cao cả không thể bị huỷ diệt của tinh thần nhân loại", "một nguồn không bao giờ cạn của can đảm và hứng khởi"... sự thực chỉ là những trò ru ngủ. Sự thành công, chiến thắng, của Bergen-Belsen, chính là nó đã thổi sạch, cái gọi là khả tính can đảm, nó cho thấy sự huỷ diệt dễ dàng của tinh thần nhân loại, và đây là bản di chúc "lâu dài" của nó. "Hier ist kein Warum", một lính gác ở Auschwitz đã cảnh cáo: ở đây không có "tại sao", không câu hỏi, không câu trả lời, chỉ là một mầu u tối của không-lý lẽ (unreason). Câu chuyện của Anne Frank, được kể lại, rất thực, là không cứu chuộc, không thể cứu chuộc. Và đó là "thông điệp" của Anne Frank.❐

Trao đổi ý kiến giữa văn hữu và bạn đọc

● Cóc kêu Trời.

Báo Văn Học số 138 tháng 10-1997 đã đăng bài Nguyễn Hưng Quốc trả lời bài "Cóc lại nhảy ra" của tôi đăng trên số trước. Bằng lời lẽ gay gắt, anh cho là tôi *"vì ác ý mà phê bình thiếu ngay thẳng"* về ba điểm:

1. Tôi viết: *"tình cờ bị liên lụy ngay từ đầu"* là: *"giả vờ ấm ớ để độc giả hiểu lầm..." "bằng cách viết nửa lấp lửng nửa khệnh khạng như thế anh cố tình làm ra vẻ một thứ đàn anh văn nghệ...Cái mà Đặng Tiến gọi là liên lụy từ đầu chỉ đơn giản là vai trò của một người chuyển thư..."*

Sự thật không phải vậy. Trong lối viết ngắn gọn, tôi không muốn nhắc lại *"liên lụy"* mà Đỗ Minh Tuấn đã nói rồi, trong bài "Khế ước..." trên báo Văn Nghệ mà các báo Văn Học, Văn Hoá bên Mỹ đã đăng lại. Nguyễn Hưng Quốc tranh luận mà không đọc kỹ đối phương. Đỗ Minh Tuấn, ở phần nhập đề, đã nhắc lại rằng trên báo Người Hà Nội, số 17-18/ 1995 anh đã *"chứng minh bài thơ Con Cóc là một bài thơ hay bậc nhất"* trong bài viết "Sự lễ độ của chữ nghĩa" *"trao đổi với nhà phê bình Đặng Tiến"*

Nay, để thỏa mãn tò mò của độc giả, theo yêu cầu Nguyễn Hưng Quốc, tôi xin nói rõ: trong bài báo, Đỗ Minh Tuấn đã phê phán một bài viết của tôi về Lê Đạt, đãi khái cho là tôi ngụy biện vì với phương pháp "truy tìm lịch sử chữ" thì chứng minh cái gì cũng được, bài thơ nào cũng hay, kể cả bài thơ Con Cóc. Và anh đã biểu diễn một "hư chiêu" để chứng minh (giả vờ) rằng Con Cóc là "một bài thơ hay bậc nhất" (1)

Năm sau, Đỗ Minh Tuấn sang Pháp chiếu phim. Chúng tôi gặp nhau ngày 12-10-1996 và trong câu chuyện, tôi có nhắc lại bài Con Cóc, có ba điều:

* Nếu bài thơ quả thật dở, không có giá trị nào hết, thì Tuấn đã không thể "giả vờ" chứng minh là nó hay (2). Anh tỏ vẻ tán thành.

* Sở dĩ mọi người cho rằng nó dở vì liên hệ đến chuyện tiếu lâm ba chàng đốt làm thơ. Đây là vấn đề *intertexte*. Tôi dùng chữ Pháp vì không biết tiếng Việt gọi là gì, thì Tuấn reo lên ba lần "liên văn bản, đúng".

* Tôi mách cho Tuấn biết là đã có người cho rằng bài thơ đó hay, là Nguyễn Ngọc Tuấn (bút danh lúc ấy của Nguyễn Hưng Quốc) trên báo Hợp Lưu. Đỗ Minh Tuấn hứa rằng sẽ tìm đọc và yêu cầu tôi viết những ý kiến về thơ Con Cóc thành bài, để rộng đường dư luận. Tôi có nhận lời.

Khi về nước, Đỗ Minh Tuấn đã đọc bài nọ, nhưng không phải trên báo Hợp Lưu, mà trong sách *"Thơ, v.v. và v.v."* và viết bài phê phán trên báo Văn Nghệ, rồi gửi cho tôi nhờ chuyển đến Nguyễn Hưng Quốc, có lẽ vì liên hệ đã kể.

Khi chuyển bài báo, dĩ nhiên là tôi phải kèm thư thăm hỏi. Và dĩ nhiên là tôi phải nồng hậu. Vì vậy mà Nguyễn Hưng Quốc cho rằng tôi đã "cầu thân" và trích đoạn thư riêng đem ra phê phán.

2. *"Điều thiếu ngay thẳng thứ hai là Đặng Tiến đã tóm tắt cả cuốn sách dày ngót 300 trang của tôi vào một câu ngắn ngủn..."*. Không đúng. Tôi chỉ đề cập đến bài báo của Nguyễn Hưng Quốc trên Văn Học, chứ không tóm tắt cuốn sách. Mà dù tôi có tóm tắt "rồi búng tay chê" thì cũng không thể nói là *"thiếu ngay thẳng"*

3. Cuối cùng Nguyễn Hưng Quốc kết tội tôi thiếu ngay thẳng khi *"cố tình viết nhập nhằng để người đọc hiểu nhầm là tôi tự khen..."*. Tôi không viết nhập nhằng, ngược lại còn nói rõ *"lời quảng cáo in ngay ở bìa sách"*. Đã là quảng cáo rồi thì ai nói cũng vậy thôi, quá đáng vẫn quá đáng. Còn Nguyễn Hưng Quốc có tự khen hay không, thì anh đã tự khẳng định điều đó, không cần đếntôi *"để người đọc hiểu nhầm"*.

Tuy nhiên, tôi nhận sai lầm của mình, là đánh giá sai hoàn cảnh và nhận định sai về quan hệ giữa người làm văn nghệ; Tôi nghĩ (sai) rằng câu chuyện thuần túy văn chương dừng lại ở bài thơ Con Cóc, nó hay hoặc dở ra sao. Do đó đã khẳng định (vụng) ngay từ đầu "Con Cóc là một bài thơ hay". Tòa soạn Văn Học, (có lẽ) thấy chỗ vụng, nên đã thêm dấu hỏi (?) để tránh cho tôi búa rìu của độc giả. Không ngờ, búa rìu lại đến từ

Nguyễn Hưng Quốc, người cho rằng tôi có *"ác ý"*, trong khi trên cơ bản, tôi bảo vệ quan điểm của anh: Con Cóc là thơ hay.

Nếu anh phê rằng tôi ngu thì tôi nhận ngay. Nhưng anh lại bảo tôi gian thì tôi không hiểu.

Tóm lại, đây là câu chuyện văn học, trên tờ Văn Học. Nhưng Nguyễn Hưng Quốc lại đi lên án tôi về mặt đạo đức: cầu thân, ác ý, không ngay thẳng và nóng mặt. Một phản ứng như thế nhất định phải tôn vinh cá nhân Nguyễn Hưng Quốc, nhưng e không làm vinh dự cho giới văn học hải ngoại. Và tôi cũng chỉ trả lời miễn cưỡng.

Đặng Tiến
Orléans, France, 12-10-97

(1) Đây theo tôi là lối viết vui, có tính cách thân tình. Nhưng cũng đã gây hiểu lầm, vào thời điểm mà Trần Mạnh Hảo phê phán tôi, cũng về Lê Đạt.

(2) Tôi vẫn giữ nguyên ý này, và càng ngày càng tin vào đó. Nếu bài thơ Con Cóc vô giá trị thì cuộc tranh luận đã không sôi nổi. Khi Bs Trần văn Tích (VN số 137) cho rằng Con Cóc là một *"bài thơ rất dở, một bài thơ chẳng có chút thi vị nào"* thì bình thường, nhưng khi cao hứng, ông thêm câu tiếng Pháp "un poème sans poésie" thì ông (vô tình) mở cho tôi một chân trời suy tưởng rất rộng. (Tôi nói thật, hoàn toàn không mỉa mai). Khi Đỗ Minh Tuấn (VH số 138) lưu ý bài Con Cóc kết thúc bằng "nhảy đi", một động tác *"ly tâm"*, tôi rất thán phục. Nhưng khi anh bảo là điều ấy trái với vô thức cộng đồng Việt Nam thì tôi lại hết hiểu chuyện Âu Cơ và Lạc Long Quân. Tóm lại, mình chỉ nên độc thoại...vớ vẩn.

● Trả lời thư e-mail của ông Le Tran ở Arlington TX

Cảm ơn ông đã gửi thư bằng e-mail góp ý về một số điểm trong bài viết của Bùi Vĩnh Phúc trên Văn Học số 138 tháng 10-1997. Tòa soạn Văn Học xin trao đổi cùng ông một số điểm như sau:

Câu ông hỏi, "Diễn dịch là hàm số của căn cước tính nơi mỗi người đọc", trong bài "Về mỹ học tiếp nhận và thuyết hồi ứng của người đọc" của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc, nguyên văn là *"Interpretation is a function of identity, specially, identity conceived as variations upon an identity theme* [lot the individual living it]" trong bài "Unity Identity Text Self" (Xem Norman Holland, PMLA 90 (1975): 813-22), đăng lại

trong Reader-Response Criticism: From Formalism to Post-Structuralism do Jane P. Tompkins biên tập (London: John Hopkins Press, 1980).

Về khái niệm và thuật ngữ "hệ hình", xin ông xem *A Postmodern Reader* do Joseph Natoli và Linda Hutcheon biên tập, phần index về từ "paradigm" (New York, State University of New York, 1993). Cũng nên xem thêm bài "The Resolution of Revolutions" của Thomas Kuhn, trích trong *The Structure of Scientific Revolutions*, bản in lần hai, trang 144-159 (University of Chicago Press, 1970. Ngoài ra, cũng nên tham khảo quyển *Lý luận và Phê bình Văn học* của Trần Đình Sử (Hà nội: nxb Hội Nhà Văn, 1996), đặc biệt ở hai bài "Đổi mới lý luận tức là hiện đại hóa lý luận" và "Thi pháp học hiện đại - khuynh hướng, hệ hình, thành tựu". "Hệ hình" (paradigm), nguyên là một khái niệm dùng trong ngôn ngữ học, được dùng để chỉ bảng biến đổi hình thái của từ trong các ngôn ngữ Ấn-Âu. Nó còn được người Trung Hoa dịch là "phạm thức" (Xem Trần Đình Sử, sách đã dẫn). Nhà khoa học Thomas Kuhn của Mỹ lần đầu tiên sử dụng nó trong tiểu luận đã dẫn ở trên để chỉ "hệ thống tất cả các quan niệm, lý thuyết, phương pháp, thiết bị mà cộng đồng các nhà khoa học sử dụng để đề xuất và giải quyết các vấn đề khoa học. Khi khả năng sử dụng của một hệ hình đã cạn kiệt thì tư duy khoa học tìm đến một hệ hình mới (dẫn theo TĐS). Theo Natoli và Linda Hutcheon trong sách đã dẫn ở trên, hệ hình" (paradigm), theo nghĩa mà Thomas Kuhn đã dùng, là một khái niệm có thể được dùng thay đổi với những khái niệm và thuật ngữ "mặt bằng" (plane) và "loại hình tri thức" (episteme).

Phần còn lại của lá thư của ông là những cảm nhận (perception) của riêng ông đối với các tác giả mà ông đã đề cập. Cảm ơn ông đã chia sẻ những ý kiến đó cho chúng tôi.

● Trả lời thư e-mail của ông Lương Thế Hải, Kent.

Chúng tôi có chuyển bài góp ý của ông cho Bà Thụy Khuê ở Paris, France. Bà Thụy Khuê và Tòa soạn Văn Học rất cảm ơn lá thư email góp ý quí giá ấy. Thụy Khuê công nhận chữ "hậu quả" bà dùng trong bài chưa được chính xác, đúng ra phải dùng "kết quả" hay "thành quả". Còn những khác biệt trong quan điểm giữa ông và Bà Thụy Khuê là tất nhiên, Vấn đề này hiện nay trong nước cũng đang bàn cãi, và chưa thấy một quan điểm nào đủ sức thuyết phục để được đa số xem là "chính thống". Dù sao, có đặt vấn đề, có trình bày vấn đề, có trao đổi và nhận ra những khác biệt, đã là một dấu hiệu đáng khích lệ.

Thư tín
Văn Học

● *Nhắn tin chung cho các bạn gửi ý kiến và bài qua e-mail:*

Do tiến bộ của khoa học truyền thông, việc gửi thư và bài qua e-mail đem tới nhiều tiện lợi cho tòa soạn Văn Học. Trong đa số trường hợp, Văn Học đã trả lời ngay cho quí bạn, cũng bằng e-mail, khỏi cần thông báo lần nữa trên mục hộp thư. Nhiều bài gửi bằng e-mail, nếu ghi kèm cách viết (Windows hay DOS, VNU, VNI, VPS...,saved as...) và gửi bằng attachment, tòa soạn có thể download và dùng ngay cho số báo đang làm. Có một số bạn không dùng attach, việc chuyển hệ có khó khăn hơn. Dù sao, nhờ e-mail Văn Học gặp được nhiều thuận lợi trong việc thực hiện tờ báo, tiết kiệm nhiều thì giờ và tài chánh. Xin gửi lời cảm ơn chung đến quí bạn.

Tuy nhiên, hình thức gửi e-mail cũng đặt ra một vấn đề mới. Trừ một số văn hữu cộng tác thường xuyên với Văn Học, một số khác gửi ý kiến bằng e-mail qua những địa chỉ miễn phí (free e-mail) nên trở thành vô danh, tòa soạn muốn liên lạc để thảo luận về nội dung một số ý kiến cũng không thể được, vì không biết quí danh, địa chỉ, số điện thoại. Trong khi theo thông lệ, *khi đăng tải bài vở lên Văn Học, tòa soạn cần biết rõ tác giả những bài ấy.* Vì vậy, từ nay nếu *gửi bài vở và ý kiến qua e-mail để đăng lên Văn Học*, xin quí bạn ghi rõ tên họ, địa chỉ và số điện thoại.

Những bài vở và ý kiến gửi qua e-mail, tòa soạn cũng giải quyết giống như bài vở gửi theo đường bưu điện thông thường (sau khi biết rõ tác giả), nghĩa là: chỉ liên lạc với tác giả khi quyết định đăng tải những bài ấy, để thảo luận về những điểm cần sửa chữa hoặc để tác giả khỏi gửi cho các báo khác. Sở dĩ tòa soạn phải nhắc lại một điều bình thường như thế, là do một số bạn đọc gửi bài qua e-mail, do sự nhanh chóng tiện lợi

của phương tiện thông tin này, liên tiếp gửi e-mail thúc giục tòa soạn cho biết có đăng hay không đăng bài nói trên.

Thông thường, nếu qua ba kỳ báo mà bạn đọc chưa thấy bài của mình đăng trên Văn Học, các bạn có thể gửi bài ấy cho báo khác. (Trừ trường hợp các văn hữu cộng tác thường xuyên với Văn Học, sự chậm trễ đăng bài do xếp đặt bài đăng trước sau theo thời gian tính, chứ không phải bài không được chọn đăng).

● *Ông Tô Hồng, Milpitas CA:* Chúng tôi đã nhận được bài giải minh nghi án văn học đề cập tới một bài thơ của PH. Vì nghi án này do tờ Làng Văn đưa ra, nên theo thiển ý, có lẽ ông nên gửi bài này cho Làng Văn.

● *Ông Đặng văn Nhâm, Đan Mạch:* "Thư ngỏ gửi toàn thể hội viên Văn bút Việt Nam Hải ngoại", nếu theo đúng nội dung lá thư của ông, đã gửi lầm địa chỉ, vì anh em trong tòa soạn Văn Học (vì nhiều lý do) đã rời Văn Bút từ lâu, không còn là hội viên nữa. Mà theo ý ông, không còn là hội viên nữa thì không được quyền "xía vô" chuyện Văn Bút. Vâng, từ lâu chúng tôi rất ngại, không dám xía vô chuyện Văn Bút, trừ một lần duy nhất than van chút xíu trước quyết định đáng buồn của Văn Bút Quốc Tế ở Edinburgh.

● *Nhà thơ Đặng thị Quế Phượng, Liège, Belgique:* Anh Châu văn Thọ đã chuyển tới Tòa soạn hai bài thơ ngắn của DTQP. Đã đăng trên số này. Xin cảm ơn lời khen của QP về tờ Văn Học.

● *Anh Nguyễn Nguyên Thanh, Berlin Germany:* Đã nhận được bài viết ngắn của anh qua e-mail. Truyện ngắn anh đề cập tới bạn đọc ngoài này không ai biết, nên bạn đọc không thể hiểu những gì anh nói tới. Cái khó hiện nay của các tạp chí là vậy. Bên đó bạn đọc Đông Âu biết nhiều về sinh hoạt báo chí trong nước, khác với đa số bạn đọc bên này.

● *Các bạn đọc Nguyễn Thụy Miên (Pháp), Trúc Hà (San Jose CA);* Quí vị đổi địa chỉ nhưng quên thông báo cho Tòa soạn, lại không lưu ý bưu điện chuyển thư đến địa chỉ mới, nên báo bị trả về. Nếu có dịp đọc được số báo này, xin quí vị liên lạc với Tòa soạn để điều chỉnh địa chỉ.

● *Lê thị Thấm Vân, Milpitas CA:* Hạn báo của Thấm Vân chưa hết đã nhận được tiền gia hạn mới. Xin cảm ơn sự quan tâm ủng hộ của Thấm Vân.

giới thiệu sách mới

CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, Nguyễn Minh Cần, Văn Nghệ xuất bản, 394 trang, giá $18MK.

Công Lý Đòi Hỏi là tập hợp những bài viết của Nguyễn Minh Cần đã được đăng rải rác trên các tạp chí trong nhiều năm qua ở Hoa Kỳ và Âu Châu.

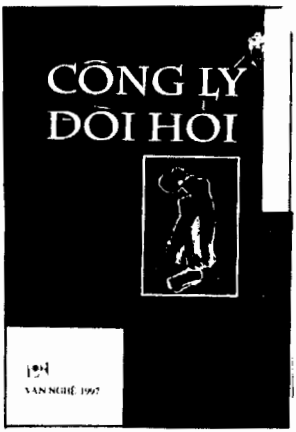

Tác giả Nguyễn Minh Cần tham gia kháng chiến đầu năm 1945, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1946, giữ chức ủy viên thường vụ thành ủy Huế. Từ năm 1951, hoạt động bí mật ở Hà Nội và từ tháng 10 năm 1954 đến năm 1962, giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban hành chánh thành phố Hà Nội, chủ nhiệm báo *Thủ Đô Hà Nội*. Năm 1962, ông theo học trường Đảng cao cấp thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tại Moscôva. Năm 1964, ông xin cư trú chính trị tại Liên Xô vì bất đồng ý kiến với đường lối lãnh đạo của đảng.

Đòi hỏi Công lý đặt trọng tâm vào hai biến cố lớn xảy ra ở miền Bắc: Vụ Nhân văn Giai Phẩm và vụ xét lại chống Đảng. Nguyễn Minh Cần cho người đọc thêm nhiều thông tin về các biện pháp áp bức, tù đày, hãm hại văn nghệ sĩ của đảng cộng sản và nhà nước Bắc Việt qua vụ Nhân Văn

Giai Phẩm. Riêng cái gọi là "vụ án xét lại Chống Đảng," tác giả đã cung cấp nhiều chi tiết đưa đến việc bắt bớ, tù đầy, quản thúc và hãm hại nhiều tiếng nói đòi hỏi công lý cho người dân. Tác giả còn làm nổi bật những thủ đoạn của tập đoàn Lê Duẩn-Lê Đức Thọ dùng chiêu bài cứu đảng để hãm hại những người không chịu tuân phục.

Sau cuốn hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên cũng do nhà Văn Nghệ xuất bản, *Đòi hỏi công lý* là một cuốn sách đáng đọc. Với lời văn trong sáng, ý tưởng mạch lạc, giọng văn bình thản và ôn tồn, Nguyễn Minh Cần thực sự đã cống hiến những thông tin hiếm quý cho việc tìm hiểu bản chất của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam.

Liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel/fax (714)527-5761.

TUYỂN TẬP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT LIÊN MẠNG, Tập 2, 9/1997, Phạm Chi Lan chủ biên, 360 trang, giá $10.00.

Đây là tuyển tập thứ hai do Phạm Chi Lan chủ biên, nhóm văn học nghệ thuật Sao Mai xuất bản và phát hành. Tuyển tập quy tụ những sáng tác thơ văn đã được phổ biến trên *internet*, dưới hình thức tạp chí văn học nghệ thuật liên mạng. Đây là một sáng kiến tận dụng kỹ thuật hiện đại nhằm phổ biến các sáng tác thơ văn viết bằng tiếng Việt đi khắp hoàn cầu. Theo lời chủ biên Phạm Chi Lan trong "thư văn học nghệ thuật" (trang 3), thì "diễn đàn văn học nghệ thuật trên mạng này (*vhnt@saomai.org*) được thành lập với chủ trương được làm một phương tiện cho những người yêu quý văn nghệ có cơ hội tìm đến với nhau, rất mong làm một bước đầu cho những người viết mới phổ biến, chia sẻ sáng tác, có cơ hội khai triển năng khiếu của mình và được độc giả đón nhận."

Tuyển tập chia làm năm phần. Phần Truyện Ngắn/Sáng tác gồm 19 truyện ngắn chọn lọc của nhiều cây bút mới sáng tác hoặc đã thành danh như Trần Hoài Thư, Phạm Chi Lan, Nguyễn Vy Khanh, Bùi Thanh Liêm, v.v. Phần Diễn đàn Văn Học tiếp theo là những bài điểm sách hoặc

nhận định về các vấn đề văn học, thi pháp. Ba bài phỏng vấn nhà thơ Hà Huyền Chi, nhà văn Nguyễn Mộng Giác và nhạc sĩ Từ Công Phụng, cùng với một vài nhạc bản chiếm phần kế tiếp. Riêng về Thơ, tuyển tập đã dành trọn 1/4 số trang (90), chưa kể đến khá nhiều những bài thơ chèn rải rác khắp nơi trong sách. Nhìn chung, đây là một nỗ lực đáng được ủng hộ của một nhóm người trẻ "yêu quý văn nghệ."

Liên lạc: Văn Học Nghệ Thuật E-Magazine, c/o Phạm Chi Lan, P.O. Box 452512, Garland, Texas 75045-2512.

LỖ TẤN VÀ TRUYỆN XƯA VIẾT LẠI, Nguyễn Vy Khanh giới thiệu và dịch, Xuân Thu xuất bản, 249 trang, bìa Diệp Chu Xê, giá $12.00.

Đây là tác phẩm thứ tư của Nguyễn Vy Khanh, viết về Lỗ Tấn và dịch những truyện ngắn của nhà văn nổi tiếng Trung Quốc từ nguyên bản *Cố Sự Tân Biên*. Tác giả dành hơn 50 trang sách viết về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của tác giả AQ mà đa số độc giả người Việt đã được biết đến qua bản dịch của Giản Chi vào thập niên 60.

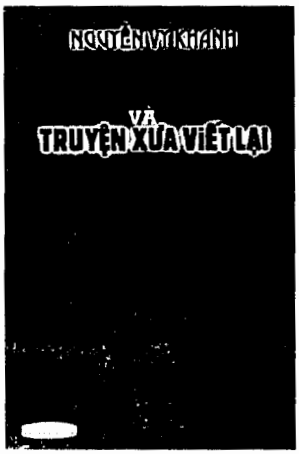

Nguyễn Vy Khanh cho người đọc một cái nhìn khá bao quát về cuộc đời của Lỗ Tấn. Ngoài những chi tiết về thân thế, tác giả còn tỉ mỉ phân tích những khuynh hướng văn học, quan niệm sáng tác, bút pháp của Lỗ Tấn.

Phần dịch thuật các truyện từ nguyên tác *Cố Sự Tân Biên* gồm tất cả 8 truyện ngắn. Mỗi truyện lại có thêm phần giới thiệu của dịch giả, giúp người đọc nắm bắt được ý chính của tác giả.

Dùng chuyện xưa để bàn việc đời nay, "Lỗ Tấn đã góp phần khởi xướng cho văn họcTrung hoa hiện đại một thể loại mới:*Thể kể truyện lịch sử*," theo lời Nguyễn Vy Khanh (tr. 51). Ông viết tiếp:

"Thật vậy, tám truyện chẳng khác gì những mảnh đời được tác giả trình bày với một nghệ thuật hiện thực và đặc thù đáng kể. Một giá trị khác của tập truyện, đó là đặc tính hiện đại của nó. Lỗ Tấn đã chứng tỏ ông chẳng bao giờ muốn trốn thoát thực tại để ngẫm nghĩ chuyện đời xưa, mà qua chuyện người xưa, ông muốn phê phán người và việc của thời đại ông." (tr. 51)

Liên lạc: Nhà Xuất bản Xuân Thu. P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720, hay Nguyễn Vy Khanh, 2024 Keller, St. Laurent, QC, Canada. H4K 1L4

DẪN NHẬP NGHIÊN CỨU TIẾNG VIỆT VÀ CHỮ QUỐC NGỮ, **Võ Long Tê, Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ/Định Hướng Tùng Thư xuất bản, Pháp quốc, 168 trang cọng thêm 18 trang phụ bản đánh số từ I đến XVIII.**

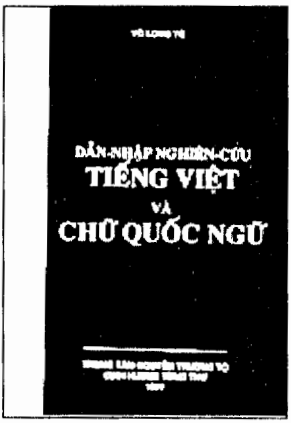

Đây là một tác phẩm nghiên cứu tiếng Việt và Chữ Quốc Ngữ, thoát thai từ những bài giảng của Giáo Sư Võ Long Tê, Khoá I Đại Học Hè Việt Nam Hải ngoại tổ chức năm 1996 tại Thụy Sĩ.

Như tên sách gợi ý, đây là phần *dẫn nhập*, cho nên tác giả chỉ trình bày một số vấn đề căn bản, tóm tắt các thời điểm của sự hình thành chữ Quốc Ngữ, và sự biến hoá của chữ viết như chúng ta sử dụng ngày nay qua các thời kỳ sử học và văn học. Đặc biệt, sự đóng góp của các vị cố đạo vào chữ viết và tiếng nói. Tác giả còn trích dẫn nhiều nghiên cứu đáng kể của các nhà ngữ học tiếng tăm như LM Lê Văn Lý, Cố Cả Léopold Cadière, LM. Đỗ Quang Chính, v.v.

Đặc điểm của cuốn sách có lẽ nằm ở phần tham khảo. Gần một nửa số trang dành cho Thư Mục tham khảo và được phân bố như sau: (A) Tiếng Việt và Chữ Việt, (B) Một số chuyên khảo các tiếng Tàu, Pháp và Anh, và (C) Một số chuyên luận ngôn ngữ học. Phần này sẽ giúp ích rất nhiều cho những ai muốn nghiên cứu thêm về ngữ học Việt Nam. Tuy nhiên, để cho việc tra cứu và truy cập tài liệu được dễ dàng hơn, thiết tưởng việc thành lập thư mục nên theo một quy ước phổ thông để đồng nhất trong cách trình bày và bảo đảm một số thông tin tối thiểu về ấn phẩm hay tài liệu được liệt kê.

Liên lạc : Định Hướng Tùng Thư, 13G de l'Ill, 67116 Reichstett, FRANCE.

NHO HỌC GIẢN DỊ, **Nhuệ Hồng, Định Hướng Tùng Thư xuất bản, 81 trang, giá $6.00**

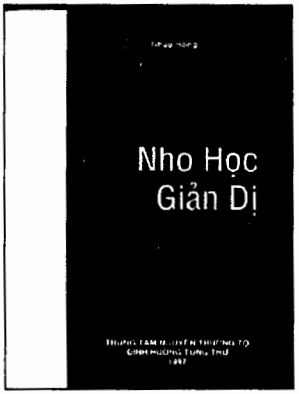

Ấn phẩm thứ hai Văn Học nhận được từ Định Hướng Tùng Thư là cuốn *Nho Học Giản Dị* của tác giả Nhuệ Hồng. Đây là một cuốn sách nhằm giải thích những vấn đề triết lý Nho giáo một cách giản dị, dễ hiểu. Tác giả tóm lược ý nghĩa các sách Đại Học, Luận Ngữ, Trung Dung, Kinh Thi, v.v. và giải thích các ý niệm Ngũ Hành, Âm dương, v.v. một cách ngắn gọn dễ hiểu. Tác giả đặc biệt chú trọng đến quan niệm trị dân, hành chính, giáo dục, tư pháp rút ra từ caác sách Tú Thư Ngủ Kinh để làm nổi bật cốt lõi của Nho giáo.

Liên lạc : Định Hướng Tùng Thư, 13G de l'Ill, 67116 Reichstett, FRANCE.

THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, **Tâm Diệu, Văn Nghệ xuất bản, 237 trang, giá $12.00.**

Vấn đề dinh dưỡng hiện nay là một đề tài được nhiều người chú ý, nhất là ở Hoa Kỳ. Qua những phúc trình y khoa và sinh học liên hệ đến dinh dưỡng và thực phẩm, người ta tìm ra những liên hệ mật thiết giữa việc tiêu dùng thực phẩm lấy từ động vật như thịt heo, thịt bò, thịt gà, v. v, với các chứng bệnh nan y hay hiểm nghèo, khó trị. Càng ngày người ta càng có khuynh hướng ít tiêu thụ thịt thà để kiểm soát lượng cholesterol và các chất béo ở trong máu, vốn là những nguyên do gây ra chứng truy tim và các cơn bệnh hiểm nghèo khác.Thay vào đó, người ta ăn nhiều

rau đậu hơn. Và để thuyết phục giới tiêu thụ về hiệu quả cũng như phẩm chất dinh dưỡng của rau đậu, nhiều sách báo, video đã được ấn hành để cổ võ cho việc dùng rau đậu thay thế các loại thịt trong thực phẩm của người Hoa Kỳ.

Thực Phẩm Rau Đậu qua Lăng kính Khoa học của Tâm Diệu nhằm phổ biến những kiến thức về giá trị dinh dưỡng của rau đậu đến cộng đồng người Việt. Tác giả dùng bằng chứng khoa học để giải thích cũng như giải đáp một số vấn đề mà có lẽ những ai "ăn chay" thường quan tâm:

- Tại sao lại ăn chay hay ăn thực phẩm rau đậu?
- Giá trị dinh dưỡng của các loại rau đậu.
- Rau đậu có cung cấp đủ nhiệt lượng cần thiết cho đời sống hàng ngày cũng như duy trì sức khoẻ, chống đỡ bệnh tật hay không? Liên lạc; Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301. Westminster, CA 92683.

"Và một khi thi nhân đã dốc cả xương thịt, máu huyết, vinh nhục...của đời mình vào thơ, mặc dù không biết sẽ dùng thơ ấy làm gì, gửi thơ ấy cho ai...thì tất nhiên sức thu hút của thơ Khoa Hữu phải mãnh liệt. Anh không cần, mà cũng không có thì giờ để tìm cách đổi mới câu cú, chữ viết. Anh cũng không đặt lên vai thơ những gánh nặng trần thế. Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài. Và không cần chờ lâu, thơ anh xuất hiện trên hầu hết những tạp chí văn chương quan trọng ở hải ngoại, nhiều nhất là trên Văn Học"

Phát hành vào cuối tháng 11

thơ khoa hữu

Trình bày bìa và các trang: Khánh Trường & Cao Xuân Huy
Lời giới thiệu của Nguyễn Mộng Giác.
Tạp chí Văn Học xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành
Dày 130 trang, in trang nhã, giá 10 Mỹ kim

Liên lạc Tạp chí Văn Học hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ

hộp thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Thế Hệ Bookstore (Falls Church VA), Lê thị Thấm Vân (Milpitas CA), Đỗ Tuấn Huy (Germany), Ly-Le Tran M.D. (Upper Montclair NJ), Lê Đức Long (Huntington Beach CA), Lâm Tú Anh (Issaquah WA), Library of University of Wisconsin, Trung Viet Bookstore (Montreal, Canada), Pham Dat (Westminster CA), Nguyễn Thụy Miên La Chapelle St Luc France, báo bị trả về), Nguyễn thị Xuân Hương (đổi địa chỉ), Hai V. Chu (Kingstowne VA), Đoàn Khoách (San Diego, CA), Thu Phạm (Garden Grove, CA đổi địa chỉ), Milpitas Community Library (Milpitas CA), Uyen Nghi Phan (Anaheim Hills CA), Nguyễn Quang Trúc (Cocoa FL), Thế Dũng (Berlin, Germany), Lê Đức Vi (Portland, OR), Nga Tran (Woodiville WA), Quang Nguyen (Fairfax VA), Lê Nguyễn (Huntsville AL), Nguyễn văn Tạ (Chester Hill NSW Australia, đổi địa chỉ), Trương Bình Minh (Marietta GA), Vietnamese Program Radio SBS Australia, Lan H. Nguyen (Seattle WA)

● Bài nhận được trong tháng:

"Người bên bờ khát vọng, Cỏ ru tình" gửi từ Alabama, "Hạ đi, Ta về" gửi từ Emporia KS, "Bên bờ Hạ Long " gửi từ Alief TX, "Đêm cong đèn đọc sủ xanh" gửi từ Garden Grove CA, "Sống chết ở thì quá khứ" gửi từ Titusville FL, "Tùy bút tháng Chín" gửi từ Orlando FL, "Những cọng thơ lục bát.."gửi từ Montréal Canada , "Con chim màu đỏ hót dưới trời mưa thưa" gửi từ Dallas TX, "Southeast Asia Archives Newsletter" gửi từ Irvine CA, "Giải minh nghi án van học..." gửi từ San Jose CA, "Thư ngỏ gửi hội viên VBVNHN" gửi từ Đan Mạch, "Lão Bân" gửi từ Netherlands, "Suy tưởng" gửi từ Orlando FL, "Lễ vật cung hiến Thượng đế" gửi từ Hawthorne CA, "Thời gian Thúy Kiều lưu lạc phong trần", "Phải chăng Nguyễn Du đã dùng lầm từ trong câu'Định ngày nạp thái vu quy'?", "Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương" gửi từ Dallas TX, "Đưa tay lên tóc" gửi từ Gauting Germany, "Khách quen" gửi từ Bakerfield CA, "Tế xưa" gửi từ Chester Hill NSW Australia, "Ba đoản khúc tự tình" gửi từ Huntsville AL, RMIT-Vietnam VN, "Tình" gửi từ Stanton CA, "Thu" gửi từ Fremont CA.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa

đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

Quí bạn gửi bài qua e-mail xin dùng attachment.

● **Cáo lỗi:**

Trên Văn Học số 138, trong bài "Nói chuyện với danh ca Minh Trang" của Nguyễn Phúc, do sơ suất của ban kỹ thuật đánh máy khi chuyển bài từ hệ VNI sang VNU, có trên mười lỗi chính tả (sau các chữ chính có thêm nhiều dấu vô nghĩa). Những chữ ấy bạn đọc có thể đoán theo ý câu mà đọc được cả, nhưng sơ suất này làm cho bài phỏng vấn bớt phần hoàn hảo cần thiết. Văn Học xin lỗi danh ca Minh Trang, anh Nguyễn Phúc cùng quí bạn đọc.

Hơn nữa, trong kỳ báo này, vì bận việc, nên anh Nguyễn Phúc không kịp hoàn tất bài phỏng vấn các văn nghệ sĩ và trí thức VN thuộc thế hệ bảy mươi, đành phải hoãn lại một kỳ.

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **12/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 12 năm 1997**.

ĐẶNG HIỀN

bài hai mươi

thơ

Giá 12 MK. Ngoài Mỹ thêm 2 MK
Liên lạc Nhà xuất bản Văn Hóa
2606 Main Street #112, Houston, TX 77002
Phone: 713-528-2606

Tìm đọc:

Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về

Lê Thị Thấm Vân

Tiểu luận - Anh Thư xuất bản

- Nhận xét nhạy bén, sắc sảo, và ngay thẳng.

Nhà phê bình văn học ***Đặng Tiến****, Pháp*

- Tác phẩm đã tạo ấn tượng mạnh nơi người đọc bởi sự thẳng thắn, lòng thiết tha với lối viết trẻ trung, giản dị và qua đó, người ta nhận ra được một điều: có một thế hệ đang trưởng thành, có một mầm sống đang vươn lên. Đó là niềm hãnh diện và hy vọng. *Tạp chí* ***Thơ****, Hoa Kỳ*

- Ngoài những nhận định về thực trạng Việt Nam, tác giả đề nghị nhìn về với một tâm thức mới, một quan niệm thích hợp để xây dựng một quốc gia Việt Nam dân chủ và phú cường thực sự. *Tạp chí* ***Làng văn****, Canada*

- Hình thức rất nhã và mới. Đấu tranh cho nữ quyền. Đánh giá lại những giá trị trong nhiều lãnh vực. Những ưu tư liên quan đến đất nước được thể hiện qua một văn phong vừa xúc cảm vừa thuyết phục.

Tạp chí ***Hợp Lưu****, Hoa Kỳ*

- ... mới mẻ, mạnh, vững vàng, trí tuệ và nhân bản.

Tạp chí ***Văn****, Hoa Kỳ.*

- Đặt lại nhiều vấn đề, những gì được coi là truyền thống, tập quán, xã hội, lịch sử, văn học từ ngàn xưa đến thời cận đại Việt Nam.

... là một tiểu luận đáng đọc, nó gợi ý rất táo bạo, rất tự nhiên, rất nhiệt tình, không thành kiến. *Tạp chí* ***Dân Chủ & Phát Triển****, Đức.*

- ***Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về*** là khối trĩu nặng tiêu biểu nhất được in ra ở hải ngoại từ trước tới nay. Khi đọc nó, người Việt ở hải ngoại dễ có cảm tưởng như đang soi vào gương. ***Minh Nguyệt****, Đài phát thanh Việt Ngữ, Úc*

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Trần Mạnh
P.O. Box 360923, Milpitas, CA 95035
Giá $8.00 mỹ kim

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

CĂN PHÒNG THAO THỨC

Tập truyện Trần Doãn Nho
Sách dày 179 trang, giá 10 Mỹ Kim.

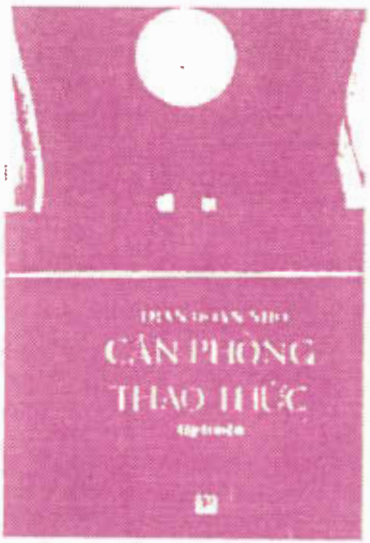

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- **ĐÊM GIỮA BAN NGÀY** (tái bản) *Vũ Thư Hiên* 28MK
- **THƯ GỬI BẠN TA, Tập III** *Bùi Bảo Trúc* 16MK
- **CHÂN TRẦN** tập truyện *Y Chi* 12MK
- **THẾ GIỚI HÒA ĐỒNG** *Chân Huyền* dịch 8MK
  Hội luận giữa Đức Đạt Lai Lạt Ma và 8 nhà tâm lý Hoa Kỳ
- **YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT** 8MK
  Tham luận *Đỗ Quý Toàn*
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN** 16MK
  (tái bản) *Nguyễn Hưng Quốc*
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** (tái bản) *Dương Thu Hương* 13MK
- **ĐƯỜNG MÂY TRÊN ĐẤT HOA** 13MK
  tự truyện *Hòa Thượng Hư Vân*
- **NỬA ĐỜI CÒN LẠI** hồi ký *Vương Hồng Sển* 18MK
- **CÒ ĐÙM** tập truyện *Doãn Quốc Sỹ* 8MK
- **THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC**
  Tâm Diệu 12MK
- **CÔNG LÝ ĐỜI HỎI** tiểu luận *Nguyễn Minh Cần* 18MK
- **LẦU XÉP, 7 chuyện, 8 truyện** *Võ Đình* 11MK

SÁCH PHÁT HÀNH

- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI** (tái bản) 9MK
  Giảng luận Kinh Duy Ma Cật *Minh Tâm*
- **CĂN PHÒNG THAO THỨC** tập truyện *Trần Doãn Nho* 10MK
- **CÒN ĐÓ BÓNG HÌNH** tập truyện *Song Thao* 8MK
- **NỬA ĐỜI NHÌN LẠI** (tái bản) *Tiêu Dao Bảo Cự* 18MK

* Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK cho sách giá 18MK, thêm 3MK cho sách trên 20MK. Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK
* Liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel/Fax: (714) 527-5761

Giá:$4.00